VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tranh luận về cách đọc thơ
trần văn tích ● nguyễn hưng quốc
phạm thị hoài ● đặng tiến

nói chuyện với nhạc sĩ lê trọng nguyễn
nguyễn phúc

những bước chân buồn quê hương
khoa hữu

chuyến xe
hoàng ngọc biên

truyện
nguyễn thị vinh ● lê minh hà ● kinh dương vương
phùng nguyễn ● hoài mỹ ● trương nhân

thơ
ngô nguyên dũng ● hoàng lộc ● lê thị thấm vân
trần hồng châu ● triều hoa đại
nguyễn thị thanh bình ● nguyệt thu

SỐ 137 ● THÁNG 9 NĂM 1997

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ

Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc

Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 137 ● tháng 9, 1997

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TRẦN VĂN TÍCH	3	đọc thơ
NGÔ NGUYÊN DŨNG	19	*đại dương đau nặng*
KHOA HỮU	20	*những bước chân buồn quê hương*
NGUYỄN HƯNG QUỐC	25	lại trả lời đỗ minh tuấn
LÊ THỊ THẤM VÂN	40	*di sản*
PHẠM THỊ HOÀI	43	trận con cóc
TRẦN HỒNG CHÂU	50	*dù trong dù đục*
ĐẶNG TIẾN	52	cóc lại nhảy ra
HOÀNG LỘC	54	*sâm thương một nỗi*
NGUYỄN THỊ VINH	55	tuổi thơ sớm mất
TRIỀU HOA ĐẠI	63	*núi đá xanh*
LÊ MINH HÀ	64	trên tay còn tuổi
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	69	*khúc hát nửa vời*
KINH DƯƠNG VƯƠNG	70	thằng điếm
PHÙNG NGUYỄN	77	bia ôm
HOÀI MỸ	83	bố
TRƯƠNG NHÂN	93	yêu
NGUYỆT THƯ	101	*vầng trăng giữa sách*
NGUYỄN PHÚC	102	nói chuyện với nhạc sĩ lê trọng nguyễn
HOÀNG NGỌC BIÊN	114	chuyến xe
NGUYỄN QUỐC TRỤ	134	tạp ghi
VĂN HỌC	150	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	156	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1997
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1997

Vì có hai cánh phải trái và hai mặt trước sau nên điện Chaillot có bốn mi nhà. Ở bốn mi nhà có bốn lời ký tái đều của Paul Valéry. Nhà thơ đã được yêu cầu soạn riêng cho điện Chaillot bốn lời ký tái đó. *Paul Valéry, Oeuvres, I.* của Bibliothèque de la Pléiade (NRF) cho biết là ngày 27.11.1935 Valéry được đề cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng Tổng kết Hợp tác Trí tuệ nhân dịp Hội chợ Quốc tế 1937 và Khánh thành điện Chaillot: On lui demande quatre inscriptions pour les frontons du Palais de Chaillot. Có lẽ vì thế nên không thấy ghi tên tác giả.

Là nhà thơ và nhà viết luận văn rất nổi tiếng ở toàn châu Âu vào hai thập niên 20 và 30, giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, Valéry sinh tại Sète năm 1871, mất tại Paris năm 1945. Bài thơ *Nghĩa địa bên biển cả* (Le cimetière marin) tả biển, tả sự biến động của biển và người, tả sống và chết, tả hư vô, tả ánh sáng, tả bóng tối qua những cảm giác và hình tượng khêu gợi mạnh mẽ [1] có đối tượng là bãi tha ma ở Sète, nơi thi nhân đang yên nghỉ cùng thân quyến. Valéry học luật nhưng cũng đi sâu nghiên cứu họa, toán, nhạc. Chính Valéry vẽ một bức tranh về le cimetière marin năm 1916 hiện được trưng bầy ở Bảo tàng viện Quốc gia Paris. Thuở sinh tiền, Valéry kết bạn với Pierre Louys, Mallarmé, Gide. Thoạt tiên theo trường phái tượng trưng, Valéry nghỉ viết trong hai mươi năm (1898-1917) để suy nghĩ. Năm 1917, 46 tuổi, Valéry hoạt động văn học lại và nổi tiếng. 1927 được bầu vào Viện Hàn lâm. Từ 1937, dạy thi nghệ ở Đại học (Collège de France). Từ 1924 đến 1934 rồi từ 1945 đến khi mất giữ chức Chủ tịch Văn Bút. Suốt thời gian Pháp bị Đức chiếm, nhà thơ tỏ ra rất có nhân phẩm. Được mời thuyết trình văn học ở khắp châu Âu: Anh, Bỉ, Ý, Đức, Áo, Thụy sĩ, Hoà lan, Thụy điển, Tây ban nha. Những chuyến thuyết trình đó mang tính chất công du: Valéry thường thường được các quốc trưởng, các hoàng đế đích thân tiếp đón. Chết được quốc táng.

Valéry đề cao trí tuệ và lý trí, chủ trương *poésie pure* hay đúng hơn, poésie absolue (thơ thuần túy, thơ tuyệt đối).[2] Mục đích thơ là dùng ngôn ngữ riêng của thơ - un langage dans le langage, *một ngôn ngữ trong ngôn ngữ* - nhưng không phải để phản ánh trực tiếp những tình cảm và xúc cảm mà để diễn tả tổng hợp những cái đó và cả tâm hồn, trí tuệ qua những bước đi của tư duy, phân tích diễn biến của tư duy trong sáng tạo. Thơ phải gây phản hưởng để đưa hồn thơ vào *vũ trụ thi ca* (univers poétique). Cho nên thơ Valéry rất súc tích, sử dụng vần điệu, thể loại, thủ pháp khó nhất, mài giũa từng chữ, tìm âm hưởng rất công phu, hình thức rất cổ điển, tạo cho thơ tác dụng "phù phép" đối với người đọc. Những tác phẩm nổi tiếng là *Buổi tối với ông Te-xtơ* (La soirée avec M.Teste), luận văn; Teste là một nhân vật tu luyện khắc kỷ để tìm ra qui luật của trí tuệ; nàng Pác-

cơ trẻ (La jeune Parque) tả nàng Parque là vị nữ thần tượng trưng cho giai đoạn thiếu thời của cuộc đời, tả một cách tượng trưng tình trạng ý thức dần dần thức tỉnh, tả *'sự thay đổi của một lương tri trong khoảng một đêm'* (le changement d'une conscience pendant la durée d'une nuit); Phù phép (Charmes), tập thơ có bài Le cimetière marin; *Ơ-pa-li-nôt hay nhà kiến trúc* (Eupalinos ou l'Architecte) luận văn đề cao sáng tác nghệ thuật có ý thức.

Đọc là đồng sáng tạo. Chúng ta từng nghe mẹ ru qua những câu thơ *Truyện Kiều*. Ở nhà trường, chúng ta học tác phẩm của Nguyễn Du. Ra đời, chúng ta có dịp đọc lại những câu thơ lục bát xưa cũ. Chúng ta hẳn đã thấy như G.Picon, là "nét đẹp của một tác phẩm không trao thân cho ta ngay một lần trong một tâm trạng hoan lạc luôn luôn tương tự. Tự nó, vẻ đẹp của tác phẩm giống như một địa phương mà chúng ta không ngừng khám phá. (...) Tác phẩm mà chúng ta ưa chuộng và chúng ta mỗi ngày mỗi hiểu rõ hơn giống như một người thương mà chúng ta biết chắc là sẽ không bị mất và mỗi ngày thì chúng ta mỗi yêu mến hơn để mỗi ngày mỗi nhìn rõ hơn và mỗi ngày mỗi biết rõ hơn. (...) Sống trong sự hiểu biết và tình yêu thương nghệ thuật thì không già mà cũng chẳng mất chẳng quên. Ở đây chúng ta am tường những vấn đề trong một khung thời gian không còn mang nghĩa bào mòn mà mang nghĩa khám phá; thời gian không còn là chia ly, mà là chiếm lĩnh (...)" [3]

Chúng ta "chiếm lĩnh" *Truyện Kiều*, chúng ta "khám phá" Nguyễn Du cùng với những tháng năm từng trải. Vốn liếng kiến thức, hành trang kinh nghiệm thu thập được giúp chúng ta mỗi ngày mỗi *đọc* Nguyễn Du theo từng cung cách khác nhau. Chúng ta đều cùng Nguyễn Du *hỗ tương sáng tạo Truyện Kiều*.

Quá trình sáng tạo nghệ thuật không dừng lại ở sự ra đời của tác phẩm mà chỉ được coi là đầy đủ, trọn vẹn khi có sự tham gia của giới thưởng ngoạn. Nhân vật kiến trúc sư Eupalinos của Valéry xây dựng được những đền đài hài hoà (*harmonieux*)[4] vì âm nhạc và kiến trúc vốn giống nhau: có những lâu đài câm (*muets*), có những lâu đài nói (*parlent*), có những lâu đài khác lại hát (*chantent*). Nhà thơ, nói như tám chữ của Lưu Hiệp trong *Văn tâm điêu long*, chương *Vật sắc*, là người *đĩ tiểu thuyết đa, tình mạo vô di*.[5] Mỗi bài thơ, do đó, có sức truyền cảm riêng biệt. Tín hiệu sinh học đánh đi, mỗi cấu trúc tiếp nhận trong cơ thể thu sóng mỗi cách. Thi ca cũng thế. Bài *Phong kiều dạ bạc* của Trương Kế mà không sách nào không nhắc đến, được hiểu theo nhiều cách. Phần đông chúng ta có lẽ thấy nó gợi lên một nỗi buồn mênh mang vô định; Paul Jacob gán

cho nó phong vị đạo học vốn là đặc tính của thi Trương Kế;[6] Georgette Jaeger lưu ý đến ngôi chùa Hàn san mà tên gọi trùng âm với danh tính vị cao tăng đời Đường, một thiền sư cự phách;[7] Rewi Alley chỉ dịch mà không phẩm bình nhưng văn bản dịch nói lên tấc nôi nhà thơ *troubled at heart* (xúc động tâm can);[8] Lại Lệ Tú cho rằng bài thơ *beschreibt eine Nachtstimmung auf der Reise nach Shuzhou*[9] (mô tả tâm trạng về đêm trong một chuyến đi Cô tô) v.v.. Vấn đề không phải là hiểu cách nào thì đúng nhất - Trương Kế có muốn và có cần thế đâu - mà đúng nhất là hiểu theo tất cả các cách có thể hiểu. Nhưng đương nhiên nói vậy không đồng nghĩa với ngụy biện, xuyên tạc khi bình thơ thẩm thơ. Thơ là để vịnh vật ngụ ý. Nếu không thế thì đã chẳng là thơ. Thơ phải có chất thơ. Và người đọc là người góp phần khám phá chất thơ. Một bức tranh, một bản nhạc, một cuốn truyện nếu không có chất thơ thì vẫn có thể được đọc, được nghe, được ngắm. Rubens không hề thi vị, mà Voltaire cũng thế. Có lẽ Bach, từ căn bản, cũng vậy, như Cézanne. Ở những lĩnh vực nghệ thuật khác, sức mạnh sáng tạo của tác giả và tính th iện mỹ của tác phẩm có thể khiến không cần đến chất thơ. Nhưng một bài thơ mà không thi vị thì đáng chết đến mấy lần.[10]

Thi sĩ trao cho thơ thi chất. Nhưng chính người đọc hoàn tất quá trình sáng tạo. Vì thế mà thơ chỉ đạt được trọn vẹn giá trị khi đọc lên, ngâm lên, bình lên. Bình lên trong không khí những buổi bình thơ tại Nhà Giám mà Phạm Đình Hổ đam mê ghi lại trong *Vũ trung tùy bút* hoặc trong sinh hoạt học đường quen thuộc giữa một tiên sinh Phạm Lập Trai và chư môn đệ khi bình phẩm *Đoạn trường tân thanh* mới chào đời. Để cho thơ là thơ, phải có thời điểm "mà chúng ta tự xem mình là công cụ của điều được viết, để cho âm thanh của chúng ta, thông minh của chúng ta và tất cả những phương tiện cảm xúc của chúng ta hoà nhập lại nhằm truyền sinh khí và tạo diện mạo tác động cho hành vi sáng tạo của tác giả"[11]. Như thế, *chính sự diễn tả bài thơ mới là bài thơ.*[12] Tất nhiên qua chủ trương duy mỹ như thế, Valéry đòi hỏi giới độc giả phải là những thành phần chọn lọc: *lecteur lettré et non superficiel* (độc giả có học và không nông cạn). Nhà thơ có quyền yêu sách như thế vì khi sáng tác một bài thơ, dù là một bài thơ ngắn, thi sĩ có thể đã phải bỏ ra hàng mấy năm để rồi người đọc chỉ tiếp thu trong vài phút nhưng trong mấy phút đó, người đọc chịu cú sốc của những phát hiện, của những đối chiếu, của những tia chớp biểu cảm góp nhặt qua nhiều tháng tìm tòi, chờ đợi, nhẫn nại và nôn nóng.[13] Cứ như nghe vang vọng từ rất xa trong không gian và thời gian lời ký hoài của một Hàn Dũ: *Nhị cú tam niên đắc*... Nhưng mặt khác, người đọc *lettré et non superficiel* cũng được người thơ rất mực quí trọng. Một bài thơ là

sự phân cát - *partition* - do tâm hồn và trí tuệ người đọc thực hiện. Một bản văn không bao giờ có một nghĩa chân chính (duy nhất) (*Il n'y a pas de vrai sens d'un texte*). Tác giả không có chút quyền hành nào, không được áp đặt bất cứ cách lý giải nào đối với tác phẩm. Tác giả đã viết, đã nói. Đến khi tác phẩm được viết, được nói ra mắt công chúng thường ngoạn thì nó trở thành một thiết bị mà mỗi người có toàn quyền sử dụng theo s ở thích và phương tiện cá nhân. Và người chế tạo thiết bị chưa chắc đã vận dụng thiết bị thành thạo hơn kẻ khác.[14]

Thi pháp vốn tự thân có xu hướng chấp nhận việc tiếp thu hiện thực theo suy nghĩ và tình cảm chủ quan của người sáng tác. Tình trạng nầy đương nhiên dẫn tới hệ quả là người đọc cũng bắt buộc phải và nhất định sẽ bắt sóng thi phẩm như một thực thể nghệ thuật theo cảm thụ và tâm cảnh chủ quan của mình. Nếu nhà thơ thấy *người buồn cảnh có vui đâu bao giờ* (*Truyện Kiều*, câu 1244) thì người đọc cũng *tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này* (*Cung oán*, câu 268). Cho nên một *texte* không bao giờ có một *vrai sens* mà phần thông tin ngoài văn bản tác phẩm mới là sản phẩm tất yếu của quá trình tiêu thụ, nó là một quá trình tái sản xuất mở rộng giá trị sáng tạo thi ca. Vương Sĩ Trinh bàn về thơ cho rằng *thi như thần long, kiến kỳ thủ bất kiến kỳ vĩ, hoặc vân trung lộ nhất trảo, nhất lân, an đắc toàn thể*.[15] Sự cảm nhận của mỗi người về nghệ thuật nói chung và về thơ ca nói riêng rất khác nhau. Điều kỳ diệu của thơ, sự thành công của thơ là xoá nhoà được ranh giới giữa người sá ng tác và người cảm thụ, đưa đến trạng huống người đọc khi đọc thơ như cảm thấy điều thơ muốn nói cũng chính là tâm sự của mình, cảm khái của mình. Ngôn ngữ khoa học định hướng cho người ta một cách hiểu duy nhất trong khi kết cấu ngữ pháp thi ca cho phép nhiều cách hiểu. Thơ chuyển tác giả (và cả độc giả) từ nhà sử học (hiểu theo nghĩa là người ghi nhận sự kiện Trương Kế dừng thuyền ở Cô tô một đêm trăng) thành nhà triết học (khi thi nhân có thể muốn tả và độc giả bỗng dưng cảm nhận mùi vị đạo, thiền). Phần liên tưởng mênh mông nầy chính là quyền lực thiêng liêng của người đọc, là vốn sống bén nhậy của hồn thơ. Tạo ra một khung không gian tâm tưởng và một đoạn thời gian tâm lý để đón mời người đọc thanh thản bước vào và thích thú sống qua là phương tiện thơ ưa sử dụng. Cho nên thơ hay thì thời đại nào, văn hoá nào cũng nồng nàn thưởng thức và nồng nhiệt khen ngợi. Phân tích hai câu trong bài *Tống hữu nhân* (Đưa tiễn bạn) của Lý Bạch *Phù vân du tử ý/ Lạc nhật cố nh ân tình* (Đám mây nổi là ý người đi xa/Ánh nắng tà là tình người bạn cũ), François Cheng cho rằng thiên nhiên không còn là một cảnh trí bên ngoài mà trở nên thành viên gắn bó của bi kịch.[16] Đã thế thì cứ hễ tiễn nhau ắt ai ai cũng thấy tương thông

cùng ngoại cảnh ly biệt, kể cả khi ngoại cảnh đó, một ngày nào đó, có thể là cảnh mà *Pathfinder* đang thu nhận mấy tuần nay.

Valéry đòi hỏi ở người đọc hai đức tính: *lettré* và *non superficiel*. Đọc một bài thơ, thích bài thơ đó qua âm điệu tiết tấu, ý nghĩa biểu cảm chỉ mới là giai đoạn nội tiếp trực quan. Nhiều bài thơ Đường được nhiều người Việt Nam ưa thích mặc dầu họ chỉ hiểu lõm bõm ý thơ. Nhưng tiếp thu thơ như thế tất nhiên chưa mang cho thơ sức sống tâm linh, chưa khiến cho thơ có hồn có phách. Để hoàn tất quá trình đồng sáng tạo, phải đặt bài thơ vào văn cảnh trực tiếp và gián tiếp. Khảo sát văn cảnh trực tiếp tức là xét xem bài thơ là thành phần của thi tập nào, đoạn thơ có xuất xứ từ sáng tác trường thiên nào. Khảo sát văn cảnh gián tiếp là tìm hiểu môi trường, hoàn cảnh, thời điểm, địa điểm v.v..nhà thơ sáng tác bài thơ. Nếu không làm được như vậy thì rất nhiều khi vẫn có thể hiểu được bài thơ tuy không hiểu sâu sắc nhưng cũng có đôi khi không hiểu ý thơ.

Bài *Thu phố ca* của Lý Bạch thường được nhiều tuyển tập thi ca chọn đăng.

白髮三千丈，　　緣愁似箇長。

不知明鏡裏，　　何處得秋霜。

Bạch phát tam thiên trượng,
Duyên sầu tự cá trường.
Bất tri minh kính lý,
Hà xứ đắc thu sương.

Thơ Đường, Tập II, Nhà Xuất bản Văn học, Hà nội, 1987, tr.114 dịch nghĩa như sau:

Bài ca Thu Phố
Tóc trắng ba nghìn trượng,
Theo mối sầu dài lê thê.
Chẳng hay trong gương sáng,
Còn chỗ nào để lọt sương thu?

Trần Trọng San trong *Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị*, Bắc Đẩu xuất bản, Canada, 1994, tr. 22 giảng là:"'Tóc bạc của mình nếu nối tiếp nhau thì dài đến ba ngàn trượng, mối sầu biệt ly cũng dài giống như vậy. Không biết rằng trong tấm gương sáng, tìm thấy được sương thu ở nơi nào."

Cả hai phần giảng nghĩa, tuy chuyển sát nghĩa của hai câu ba và bốn, vẫn khiến người đọc thơ băn khoăn. Tóc trắng dài theo mối sầu là tứ thơ thứ nhất. Gương sáng để lọt sương thu là tứ thơ thứ hai. Nhưng làm sao

bắc được cầu cho hai tứ thơ? Tại sao đương nói chuyện tóc bạc và dài vì buồn lại nhảy sang sương mùa thu đi vào gương soi? Những bản dịch thơ cũng không giải quyết được điều khó hiểu nầy.

Bản của Trúc Khê trong *Thơ Đường*, Tập II, tlđd:

Tóc trắng ba nghìn trượng,
Vì buồn, dài lạ sao!
Trong gương thật chẳng hiểu,
Sương thu vào lối nào.

Bản của Trần Trọng San, tlđd:

Tóc trắng ba ngàn trượng,
Sầu này dài bấy nhiêu.
Không biết trong gương sáng,
Được sương thu nơi nào.

Bản của Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản:

Lê thê mái tóc tựa bông,
Ly sầu dằng dặng cũng không ngắn nào.
Giật mình chẳng biết ra sao,
Sương thu lại lọt được vào trong gương.

Bản của Chi Điền:[17]

Ba nghìn trượng, tóc trắng dài,
Lê thê theo mối sầu hoài âm u.
Nhìn trong gương sáng như mù,
Biết đâu tìm lối sương thu lọt vào?!...

Các bản dịch sang ngoại ngữ cũng chẳng giúp hiểu rõ thêm ý tứ hai câu thơ cuối. Ví dụ hai bản của Paul Jacob trong *Li Bai Florilège* (Thi tuyển Lý Bạch), Gallimard, Paris, 1985, p.171:

Je connais mal mon miroir lumineux;
Où donc prit-il le givre de l'automne?
(Ta không biết rõ tấm gương sáng của ta,
Đã gom sương thu từ đâu vậy?)

và trong *Vacances du pouvoir* (Hưu hạ trong quyền lực), Gallimard, Paris, 1983, pp.59-60:

Je ne sais pas au miroir lumineux
D'où m'est venu tout ce givre d'automne.
(Ta không rõ khi nhìn tấm gương sáng
Từ đâu bao nhiêu sương thu đã đến cùng ta)

hoặc bản dịch của François Cheng (*L'écriture poétique chinoise*, Văn thể thi ca Trung hoa), Seuil, Paris, 1982, p.133:

Dans l'éclat du miroir, d'où viennent

Ces givres blancs, en automne?
(Trong ánh sáng của tấm gương, từ đâu
Mà những sương giá cứ mùa thu là ào ạt đến?)

Dầu sao, dùng *givres* ở số nhiều, bản dịch đã vạch được cho độc giả một đầu mối liên tưởng mơ hồ giữa hai liên cú. Phần mình, Paul Jacob không giải thích mối liên hệ giữa một bên là tấm gương sáng bắt hình sương thu và bên kia là mối sầu đua độ dài cùng làn tóc bạc.

Nói tóm lại, đọc các dịch giả và "giảng giả", thật khó thấy được sự liên tục của mạch văn, thật khó nhìn ra mối tương thông giữa tứ thơ trong bài thơ quen thuộc.

Lời giải nằm ở văn cảnh trực tiếp và văn cảnh gián tiếp. Bài *Thu phố ca* được các tài liệu giới thiệu với người đọc thật ra là một bài trong một chuỗi mười bảy bài ngũ ngôn, đặt chung dưới đầu đề *Thu phố ca. Toàn Đường thi* gọi là *Thu phố ca thập thất thủ*. Đây là một lối sáng tác không phổ biến lắm nhưng thỉnh thoảng vẫn gặp. Nguyễn Du chẳng hạn có *Thương ngô Trúc chi ca thập ngũ chương*. Theo sự tính toán có sức thuyết phục của Arthur Waley [18] thì Lý Bạch viết những bài *Thu phố ca* nầy vào khoảng thời điểm An Lộc Sơn làm loạn (755-756), lúc nhà thơ sinh sống ở Tuyên thành, tỉnh An huy. Thi nhân ngoạn cảnh hồ Thu phố và sáng tác mười bảy tiểu thi phẩm trong tâm trạng buồn thương nhớ tiếc những ngày huy hoàng tại kinh đô Trường an và sợ hãi thất vọng vì toàn Trung nguyên đang khói lửa. Bài *Thu phố ca* thứ nhất như sau:

Lưỡng mấn nhập Thu phố,
Nhất triêu táp kỷ suy.
Viên thanh thôi bạch phát,
Trường đoản tận thành ty.
(Đến Thu phố hai mép tóc mai
Bỗng một sớm tàn tạ.
Tiếng vượn thôi thúc đầu bạc,
Khiến sợi dài sợi ngắn đều như tơ)

Như thế thi sĩ đã nhắc đến mái đầu bạc trắng ngay từ khi khai bút. Cho nên tứ thơ *thu sương* ở câu chót bài *Thu phố ca* chúng ta đang phân tích phải gây liên hội đến búi tóc sớm mất màu xanh, như trong các câu thơ chữ Hán chữ Nôm: *Gian nan khổ hận phồn sương mấn* / Gian khổ uất hận khiến mái tóc thêm ngả màu sương (Đỗ Phủ, *Đăng cao*, Lên cao) *Trần mãn diện, Mấn như sương*/ Gương mặt đầy cát bụi, Tóc mai trắng như sương (Tô Đông Pha, bài *từ* điệu *Giang thành từ*); *Biên tóc mười phần chịu những sương* (Nguyễn Trãi, *Tự thán*); *Chàng Siêu mái tóc điểm sương* mới về (*Chinh phụ ngâm*, câu 104). Vả lại, *sương* trong thơ chữ Hán nhiều

khi được hiểu là *niên*, là *thu* ; ví dụ trong thơ Giả Đảo *Khách xá Tinh châu dĩ thập sương* / Làm khách trọ ở Tinh châu đã mười năm (*Độ Tang càn*, Qua sông Tang càn) hay trong thơ Lý Bạch *Ngọc diện dĩ thiên sương* / Mặt ngọc qua ngàn năm / Mặt như ngọc ngàn năm (*Cổ phong*, Cổ phong);hoặn trong khúc ngâm của người vợ lính, câu 163, *Nhớ chàng trải mấy sương sao. Từ điển Hán Việt* do Hầu Hàn Giang chủ biên định nghĩa *sương phát* là tóc sương, tóc trắng, tóc bạc phơ; còn theo *Từ điển Hán Việt hiện đại*, Nguyễn Kim Thản chủ biên thì *sương mấn* là mái tóc pha sương, tóc bạc trắng. Đào Duy Anh trong *Hán Việt từ điển* cũng giảng *sương mấn* là tóc trắng như sương, và "một năm gọi là *nhất sương*."

Do đó, có lẽ nên đọc *Thu phố ca* như sau:

Tóc bạc đã ba ngàn trượng,
Theo mối sầu mà lê thê.
Thật chẳng hiểu là do đâu,
Mà soi gương mái đầu toàn sương điểm.

Cũng có thể đọc hai câu sau thành:

Không rõ trong tấm gương sáng,
Năm tháng tự đâu dồn vào.

Và đâu đề trọn vẹn, chính xác lẽ ra phải là *Thu phố ca, thập ngũ thủ* (Bài Thu phố ca thứ mười lăm). Chính vì đọc thơ một cách *non superficiel* như vậy nên Rewi Alley[19] đã dịch rất thoát và rất gọn bài *Thu phố ca* sang Anh ngữ:

Looking into the mirror
I was surprised to see
my hair as grey
as the frosts of autumn
and as long as
my sorrows, hairs
put end to end making up
thirty thousand feet long.

Bởi vì nét cao diệu của tuyệt cú là ở ngôn ngữ bình dị giản đơn, bố cục ngắn gọn cô đọng nhưng ý vị lại sâu sắc man mác. Chỗ "đồng sáng tạo" ở Rewi Alley còn nằm ở điểm đọc *Thu phố ca thập ngũ thủ*, tác giả người Tân Tây lan đã không nệ vào thứ tự các câu thơ như mọi người. Ông lật ngược bài *Thu phố ca* lại mà đọc.

Hành vi xem đọc bao hàm phương diện phát giác song trùng và hỗ tương. Nguyễn Hưng Quốc trên *Văn học* số 134, khi trả lời Đỗ Minh Tuấn,

xem đó là thuyết "hồi âm của người đọc" (*reader-response criticism*). Anh nói rõ hơn ở một đoạn sau: Anh muốn 'mượn nó (bài thơ Con cóc) để chứng minh ý nghĩa của việc đọc, của người đọc, qua đó, đưa ra luận điểm cho thơ là cái gì đong đưa giữa văn bản và người đọc; ý nghĩa của thơ là sự tương tác giữa văn bản và người đọc chứ không phải là cái gì có sẵn, tự tại, nhất thành bất biến bên trong tác phẩm; bản chất của thơ là một cái gì 'trống' để người đọc có thể nhập cuộc, nhập vai, làm 'đồng tác giả' với tác giả (...)"

Từ đầu bài viết này đến đây, tôi đã theo gót Valéry để lập luận theo kiểu Nguyễn Hưng Quốc. Người đọc luôn luôn đòi hỏi. Đó là một thực tế tâm lý học. Chỉ khi nào chúng ta có một nhu cầu đặc biệt nào đó, chỉ khi nào chúng ta muốn việc đọc cung cấp cho chúng ta một điều cụ thể nào đó thì chúng ta mới đọc một cách thích thú. Thơ Cao Tần được hoan nghênh vì chúng ta ly hương. Ngược lại, ai từng về thăm quê cũ khi luống tuổi hẳn thấy tất cả tác động của bài thơ Hạ Tri Chương. Trong khi đó thì nếu vì học để đi thi mà phải tiêu thụ in extenso tất cả những tác phẩm của một tác giả thì thật không có gì ngán ngẩm bằng. Đọc vì nhu cầu thu góp tài liệu không phải là đọc. Sở dĩ như thế là do bản tính việc đọc - nhất là đọc thơ - vốn rất đặc biệt; âm nhạc, qua sự hài hoà cung thương; hội họa, qua sự pha trộn màu sắc; có thể tự thân mang cái đẹp ở một mức độ nhất định. Nhưng văn chương, vận dụng từ và ý, không thể là văn chương nếu đối tượng tiếp thu từ chối sắp xếp, kết hợp các mối liên hội giữa chữ, giữa tứ để cho chúng sống, để cho chúng gây được hiệu năng mỹ học.

Tuy nhiên thiết tưởng chẳng thể chủ trương người đọc có quyền đòi hỏi mọi điều ở mọi tác phẩm văn chương, dựa vào tác phẩm văn chương để thác ngôn bất cứ lập luận ngang ngược nào, để phác họa bất cứ mộng tưởng phiếm định nào. Suy nghĩ như vậy chỉ e sẽ rơi vào sai lầm của một thứ "chủ nghĩa ấn tượng" cực đoan. Suy nghĩ như thế chỉ ngại sẽ đưa đến chỗ ta nói về ta, ta chỉ nói về ta nhân nói về tác phẩm. Anatole France khi bảo "Je vais parler de moi à propos de Shakespeare, à propos de Racine, ou de Pascal, ou de Goethe. C'est une assez belle occasion."[20] thì ý vị mỉa mai chua chát của câu phát ngôn không phải là không rõ ràng, đậm nét. Tác phẩm không thể tạo nên bất kỳ phản hưởng nào, giữa tác phẩm và độc giả có sự cộng hưởng nhưng sự cộng hưởng luôn luôn có chừng mực. Có nhiều tiếng dội từ một bài thơ, có lắm họa âm của một thi phẩm nhưng không thể vì thế mà gán cho quá trình thẩm thơ quyền năng vô hạn và phạm vi vô biên. Người đọc khi hành xử quyền tái tạo, động tạo phải hiểu là quyền đó nằm ở lĩnh vực lựa chọn tiếng dội, phân giải họa âm. Hiểu như thế quyền đó vẫn đáp ứng thích đáng niềm mong muốn của người

đọc. Đẩy quan niệm thơ "là sự tương tác giữa văn bản và người đọc chứ không phải là cái gì có sẵn, tự tại, nhất thành bất biến bên trong tác phẩm" đi quá xa; ủy cho người đọc đặc quyền "nhập cuộc, nhập vai, làm 'đồng tác giả' với tác giả" một cách tuyệt đối; có thể vô hình trung hủy diệt khái niệm tuyệt phẩm, danh tác. Một ông A nào đó đọc *Truyện Kiều* dưới ánh sáng một bản hiến pháp văn học như thế có quyền sa đà chê bai dè bỉu Nguyễn Du. Quan niệm như Nguyễn Hưng Quốc - và cả như Valéry - là mượn cớ biện hộ cho sự tham gia tích cực của người đọc vào quá trình sáng tạo tác phẩm để từ khước sự hiện hữu của tác phẩm bất tử, của tác phẩm hoặc hoa lệ hoặc bổ ích hoặc cả hai. Quan niệm như thế sợ e thiếu phần khiêm cung nhũn nhặn. Khi một tác phẩm đã được chấp nhận là của bậc thầy thì người đọc có lẽ nên tỏ ra hiểu biết nhún nhường. Nếu nghĩ là mình có thể hợp tác cùng tác giả để đồng sáng tạo thì nên hợp tác một cách khiêm tốn. Có lẽ không nên theo Valéry mà đòi mặc nhiên cùng tác giả hợp tác, có lẽ chỉ nên tự giác xếp mình vào hàng ngũ những môn sinh.

Định lý đảo cũng cần được chứng minh. Không thể lạm dụng quyền năng đồng sáng tạo khi đọc thơ để xem một bài thơ đáng chết mấy lần theo lối nói của Georges Pompidou là một tuyệt phẩm.

Đỗ Minh Tuấn khen bài haiku của Basho về con ếch do Nhật Chiêu dịch

Ao cũ
Con ếch nhảy vào
Vang tiếng nước xao.

và đặc biệt tán dương hai chữ *cũ* và *vang*, qua đó chứng minh là bài haiku chỉ giống bài thơ Con cóc khi "nhìn hời hợt". Chỉ hai chữ *cũ*, chữ *vang* "mà đã nối liền nhà thơ và thế giới, những liên hệ còn mơ hồ và bất định nhưng hiển nhiên là những liên hệ văn hoá, tâm linh. Thế giới tự nó không có cũ, chẳng có vang, chỉ cũ và vang trong liên hệ văn hoá và con người". Nguyễn Hưng Quốc phản pháo, cho rằng đây là "một nhận định ngây thơ vì ít nhất ba lý do: một là, chữ 'cũ' và chữ 'vang' ấy chỉ xuất hiện trong bản dịch của Nhật Chiêu (...); giả dụ một dịch giả khác dùng một từ khác, chỉ tương tự chứ không phải là 'cũ' và 'vang' thì sao? thì bài thơ có còn sự 'hoà điệu' giữa con người và thế giới nữa hay không? Hai là, giả dụ nếu chúng ta mượn chữ 'cũ' và chữ 'vang' ấy gắn vào bài 'Con cóc' thì sao? Chẳng hạn, 'Cóc cũ trong hang / Cóc cũ nhảy vang...'; lúc ấy trong bài 'Con cóc' có sự 'hoà điệu' giữa con người và thế giới không? Ba là, nếu người đọc bài thơ ấy chỉ là một độc giả bình thường (...) thì riêng chữ 'cũ' và chữ 'vang' ấy có đủ gợi lên (...) ấn tượng về sự 'hoà

điệu' hay không?"

Nhìn chung và theo thiển kiến của tôi, lập luận của Nguyễn Hưng Quốc ít tính thuyết phục.

Trước hết, cho dù có tách rời bài thơ haiku của Basho ra khỏi mọi liên hệ văn cảnh trực tiếp và gián tiếp, cho dù có tiếp thu nó như một sáng tác văn học lẻ loi và qua một văn bản dịch thuật, chúng ta vẫn thấy được rằng nó có thi vị chứ không phải dở ẹt như bài Con cóc. Tất nhiên đây ít nhất cũng có đến hơn năm mươi phần trăm là do công lao và bản lĩnh của người dịch từ Nhật ngữ sang Việt văn. Để so sánh và cũng để chiều ý Nguyễn Hưng Quốc, tôi xin đan cử một bản dịch sang Việt ngữ khác, từng xuất hiện trên Văn học số 64, tháng 6.91:

Gần cây cầu cũ
âm thanh
con ếch nhảy vào nước

Bỏ qua chút sơ ý của người dịch đã chuyển nhầm *ao* thành *cầu*, chỉ tiếp thu bài thơ qua tứ thơ và ý thơ, chúng ta hẳn cũng thấy là bài dịch trên *Văn học* số 64 nếu có tín thì lại thiếu đạt và nhã; do đó phần nào làm giảm tác dụng thẩm mỹ của bài haiku nguyên tác, khiến nó không tạo được ấn tượng dù là mong manh về sự "hoà điệu" giữa con người và thiên nhiên.

Thứ nữa, có lẽ chúng ta nên hiểu rằng bài haiku Con ếch đã được Đỗ Minh Tuấn đọc trong tinh thần đáng gọi là đọc thơ, tức là đọc không "hời hợt". Như vậy, phải thưởng thức bài thơ trong bối cảnh sáng tác, phải biết hành trạng tác giả, phải hiểu tư tưởng chủ thể sáng tác. Nhà thơ là Tùng Vĩ Ba Tiêu Thiền sư, trước nhà có vườn chuối (chữ Hán *ba tiêu* là cây chuối), khi mất trên mộ trồng một cây chuối; nhà thơ chủ trương làm thơ với nội dung triết lý trữ tình phóng khoáng; nhà thơ cho rằng thơ cần nêu sự tương thông hài hoà giữa vũ trụ và con người v.v.. Trong nguyên tác của Ba Tiêu Thiền sư, *ao cũ* là *cổ trì*, *con ếch* là *oa*, động tác *nhảy* là *phi*, *tiếng nước* là *thủy âm*. Tài năng của người dịch qui vào sự sử dụng các từ Việt ngữ *vang* và nhất là *xao*. Và những từ đó cũng chỉ cung ứng được hiệu năng mỹ học thích ứng - nếu không muốn nói là tối ưu - khi chúng nằm trong bản dịch Nhật Chiêu. Bứt rễ chúng đi, bứng chúng trồng vào bài Con cóc, không ai đành đoạn làm vậy. Mỗi từ khi đứng riêng lẻ thường có một ý nghĩa chính được ghi trong các từ điển, tự điển. Nhưng khi được bố trí trong một đoạn văn, trong một câu thơ, tức là được đặt trong một mối liên hệ với các từ khác, thì hệ thống cấu trúc mới sẽ trang bị cho từ một giá trị riêng tây và từ liền có một ý nghĩa khác. Huống chi ngôn ngữ nghệ thuật vốn mang nặng cá tính hình tượng, vốn có nhiều sắc thái biểu cảm; chúng phần lớn là những khả biến ngoài ngôn ngữ. Chính vì vậy mới có

chuyện *thôi xao*. Chữ *khách* trong nhiều bài thơ Đường[21] hoàn toàn không giống mười bảy chữ *khách* Nguyễn Du dùng trong *Truyện Kiều*. Chữ *khách* của thơ Đường lắm khi chỉ là một hư tự nếu xét về chức năng hàm nghĩa; các nhà thơ dùng *khách* thay cho một đại từ nhân xưng trong khi các chữ *khách* của Tố Như đều là phổ thông danh từ. Trong bài *Xuân giang hoa nguyệt dạ* của Trương Nhược Hư có hai chữ *dạ*, bốn chữ *xuân*, bốn chữ *hoa*, mười bốn chữ *giang*, mười sáu chữ *nguyệt* (nếu tính cả đầu đề); tất cả là bốn mươi chữ trên tổng số hai trăm năm mươi hai chữ của toàn bài thơ. Thơ Đường buộc phải kiệm lời, thơ lại không ưa nhắc lại chữ; thế mà ở đây có sự trùng lặp cố ý. Những chữ *giang*, chữ *nguyệt* trong văn cảnh bài thơ Trương Nhược Hư làm sao còn có được cái thần, cái khí, cái sắc nguyên thủy khi đưa chúng vào một bài thơ khác? Ngay dáng đứng của chúng từ trong đề thơ đã báo trước tư cách thành tố thảo chương điện toán của chúng. Những chữ *dạ, xuân, hoa, giang, nguyệt* trở đi trở lại, vừa lúc nhất định và vào lúc nhất định đã đáp ứng nhu cầu trữ tình lại hoàn tất chức năng ngữ pháp.

Tôi còn muốn nêu thêm một khía cạnh đồng sáng tạo khi đọc thơ. Bài haiku của Ba Tiêu được dịch sang tiếng Pháp - kể cả qua một ngòi bút cự phách là Etiemble - không tạo dựng được tác dụng mỹ học bằng bản dịch của Nhật Chiêu (tất nhiên ở đây còn có vấn đề tương quan ngôn ngữ, văn hoá). Etiemble:[22]

Une vieille mare
Une raine en vol plongeant
Et le bruit de l'eau.

Dịch giả cũng đã khổ công dùng chữ Pháp xưa *raine* để tạo không khí cổ kính thay vì gọi là rainette, từ thông dụng; đồng thời nhờ hai chữ *en vol* đảm trách chức năng trạng từ thể cách nhằm cố gắng chuyển chữ *phi* trong nguyên tác Hoà-Hán. Cheng Win fun và Hervé Collet:[23]

le vieil étang
d'une grenouille qui plonge
le bruit dans l'eau

Nhưng cả hai bản dịch Pháp ngữ cùng có ưu điểm là về hình thức, đã tỏ ra trung thành với cấu trúc kinh điển của thể thơ haiku, mỗi bài chỉ có ba câu, bố trí thành 5+7+5 âm. Điều nầy các bản dịch chữ Việt không thực hiện được.

Nguyễn Hưng Quốc muốn biết rằng nếu người đọc bài haiku của Thiền sư Ba Tiêu là một độc giả bình thường thì liệu có thể có ấn tượng về sự hoà điệu hay không. Thật cũng khó định nghĩa thế nào là một độc giả bình thường, Chỉ e rằng một độc giả bình thường thì có lẽ không đọc

haiku. Hay có đọc thì cũng chỉ đọc một cách *superficiel*.

Nhưng cách đọc thơ của Đỗ Minh Tuấn cũng có điểm đáng bàn. Đầu tiên xin bàn đến nguyên tắc đầu tiên. "Nguyên tắc đầu tiên của nghiên cứu khoa học là sự xác định đối tượng nghiên cứu và phân loại, phân hệ, phân cấp để có cơ sở xác định phương pháp và công cụ tiếp cận". Đỗ Minh Tuấn nói đúng mà cũng không đúng.

Việc đề ra một thuật ngữ làm ranh giới để qui tụ trong đó tất cả những đối tượng cùng loại bao giờ cũng là một tiền đề căn bản không thể thiếu được trong việc phân loại khoa học. Vì thế Đỗ Minh Tuấn đúng. Nhưng Đỗ Minh Tuấn lại không đúng vì văn học không phải là khoa học. Do muốn mang những tiêu chuẩn của khoa học ứng dụng một cách có tính nguyên tắc vào văn học nên Đỗ Minh Tuấn không chịu để cho Nguyễn Hưng Quốc "nghiễm nhiên coi bài Con cóc là một bài thơ". Nếu không coi bài Con cóc là một bài thơ thì phải coi nó là cái gì? Nếu muốn phân loại, phân hệ, phân cấp bài Con cóc thì không phải là không phân loại, phân hệ, phân cấp được. Nhưng làm gì thì làm, bài Con cóc vẫn là một bài thơ. Tuy nhiên đó là một bài thơ rất dở, một bài thơ chẳng có chút thi vị nào, *un poème sans poésie*. Dẫu vậy, nó vẫn cứ là một bài thơ! Viết về nghệ thuật trữ tình của Nguyễn Du, Đỗ Minh Tuấn đưa ra ba tiêu chuẩn để phân loại, phân hệ, phân cấp nhân vật trữ tình và dựa vào ba tiêu chuẩn đó, gạt bỏ Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Hoạn Thư, Hồ Tôn Hiến; không cho những nhân vật nầy hưởng "qui chế" nhân vật trữ tình.[24] Cung cách lập luận như vậy có thể được chấp nhận. Nhưng Đỗ Minh Tuấn lấy "tiêu chí" nào để gạt bỏ bài Con cóc ra khỏi đội ngũ các bài thơ tiếng Việt? Sự phân loại trong khoa học - ví dụ trong động vật học, trong thực vật học - là dựa vào những tiêu chuẩn hình thái học, sinh thái học, tổ chức học, sinh học phân tử v.v..; trên cơ sở đó hình thành danh pháp nhị nguyên mà người chủ xướng là Linné; từ đó mỗi con vật, mỗi ngọn cỏ được xếp vào một giống, một loài, một họ v.v..nhất định. Nhưng rõ ràng là không thể dùng *nomenclature binominale* để đặt tên cho bài thơ Con cóc!

Hơn một lần, Đỗ Minh Tuấn tập thể hoá cung cách đọc thơ. Từ một cách đọc thơ rất riêng tây của một Nguyễn Hưng Quốc, Đỗ Minh Tuấn dường như đang e ngại rằng hiện có chủ trương "đem chuẩn mực văn hoá của cộng đồng nầy áp đặt cho cộng đồng khác". Chỉ có thể hiểu là cộng đồng trong nước và cộng đồng hải ngoại. Cộng đồng hải ngoại, trong cuộc sống trần tục vật lộn với ngoại nhân để mưu sinh, ngày ngày vẫn nhìn thấy những bức tranh *graffiti* vẽ trên vách công ốc. Tuy thế, cộng đồng hải ngoại, trong cuộc sống thăng hoa chẳng vì vậy mà không còn

bồi hồi khi liên tưởng đến tấc nôi Nguyễn Du làm quan bất đắc chí viết thơ lên vách công quán. Hẳn nhiên phải thành thật nhận - như Valéry - là khái niệm "cộng đồng hải ngoại" không qui tụ trọn vẹn mấy triệu đồng bào đang sống trên đất tạm dung.

Chung qui thì Nguyễn Hung Quốc cũng chỉ làm công việc nêu một ý kiến về một bài thơ. Ý kiến có thể lập dị, kỳ dị. Ý kiến có thể quá đáng, quá trớn. Nhưng dẫu sao thì cũng chỉ là một ý kiến cá nhân. Bàn về một ý kiến nên tránh thành kiến.❐

CHÚ THÍCH

(1) Ví dụ câu mở đầu *Ce toit tranquille, où marchent des colombes* (Trên mái lặng đàn bồ câu nhẹ bước). Ở các thành phố châu Âu, bồ câu được nuôi hàng đàn, thường bay đậu trên nóc các công thự. Nhưng với thơ Valéry thì 'mái lặng' là hình tượng biển cả yên sóng, đàn bồ câu là các cánh buồm trắng. *Colombe* lại là một từ thi vị. Hơn nữa, bài *Le cimetière marin* có lời đề từ nguyên văn tiếng Hy lạp mượn của Pindare đậm chất tư tưởng triết học.

(2) *Calepin d'un poète. Poésie pure* (Sổ tay thi sĩ. Thơ thuần túy). Nhà Xuất bản Gallimard. Paris.

(3) Gaétan Picon. La beauté d'une oeuvre ne se livre pas d'un seul coup, dans une extase toujours identique à elle-même. Elle est en elle comme un pays que nous n'aurons jamais fini d'explorer. (...) L'oeuvre que nous aimons et que nous apprenons toujours à mieux connaître est comme un être aimé dont nous serions assurés que nous ne le perdrons pas, et que nous pourrons l'aimer toujours davantage pour le voir et le posséder mieux chaque jour. (...) Vivre dans la connaissance et dans l'amour de l'art n'est pas vieillir, ni perdre ni oublier. Ici, nous possédons les choses dans un temps qui ne signifie plus usure, mais découverte, qui n'est plus séparation, mais possession.(L'écrivain et son ombre - Nhà văn và bóng ảnh)

(4) chữ *harmonieux* Valéry dùng với hàm nghĩa nhạc học.

(5) dùng ít nói nhiều mà tình cảm diện mạo không bỏ sót.

(6) P. Jacob. *Vacances du pouvoir. Poèmes des Tang* (Hưu hạ trong quyền lực. Thơ đời Đường). Gallimard (*nrf*). Paris. 1983. p.81.

(7) G. Jeager. *L'anthologie de trois cents poèmes de la dynastie des Tang* (Tuyển tập ba trăm bài thơ đời Đường). Société des éditions Culturelles Internationales. Beijing. 1987. p.200.

(8) R. Alley. *Selected poems of the Tang & Song Dynasties* (Thơ đời Đường và đời Tống tuyển chọn). Hai Feng Publishing Company. Kowloon. HK. 1987. p.59.

(9) Lại Lệ Tú. *Ausgewahlte Táng-Gedichte* (Đường thi tuyển túy). Trung ương đô thư xuất bản xã. Đài loan. 1988. S.80.

(10) Mais rien ne peut empêcher qu'un poème dénué de poésie soit plus que mort, intolérable. Georges Pompidou. *Anthologie de la poésie française* (Hợp

tuyển thi ca Pháp). Hachette. Classiques de poche. Paris. 1961. p.8.

(11) quand nous nous serons faits l'instrument de la chose écrite, de manière que notre voix, notre intelligence et tous les ressorts de notre sensibilité se soient composés pour donner vie et présence puissante à l'acte de création de l'auteur. (Valéry. *Études littéraires*. Luận văn văn học).

(12) c'est l'exécution du poème qui est le poème.

(13) Veuillez observer que la durée de composition d'un poème même très court pouvant absorber des années, l'action du poème sur un lecteur s'accomplira en quelques minutes. En quelques minutes, ce lecteur recevra le choc de trouvailles, de rapprochements, de lueurs d'expression, accumulés pendant des mois de recherche, d'attente, de patience et d'impatience. (Valéry. *Poésie et pensée abstraite*. Thi ca và tư duy trừu tượng).

(14) On n'y insistera jamais assez: *il n'y a pas de vrai sens d'un texte*. Pas d'autoriété de l'auteur. Quoi qu'il ait *voulu dire*, il a écrit ce qu'il a écrit. Une fois publié, un texte est comme un appareil dont chacun peut se servir à sa guise et selon ses moyens: il n'est pas sur que le constructeur en use mieux qu'un autre. (Au sujet du cimetière marin. Về bài thơ nghĩa địa bên biển cả).

(15) Thơ như rồng thần, thấy được đầu mà không thấy được đuôi, hoặc trong mây lộ ra cái móng, cái vẩy, làm sao thấy được cả toàn thể.

(16) La nature n'est pas décor extérieur mais partie prenante du drame. F.Cheng. *L'écriture poétique chinoise* (Văn thể thi ca Trung hoa). éditions du Seuil. Paris. 1982. p.43.

(17) Chi Điền Hoàng Duy Từ. *Đường thi tuyển dịch II*. Lý Bạch. Huntington Beach. California.1986.tr.148.

(18) A. Waley. *The poetry and career of Li Po* (Thi ca và sự nghiệp Lý Bạch). George Allen & Unwin. London. 3rd Edition. 1969.

(19) R. Alley. *Li Pai 200 selected poems* (200 bài thơ chọn lọc của Lý Bạch). Joint Publishing Co. Hongkong. 1981. p.130-131.

(20) Tôi sắp nói về tôi như đề cập đến Sây-kơ-xpia, đến Ra-xin, hay đến Pát-can, đến Gơ-thơ. Thật là một cơ hội bằng vàng. (*La vie littéraire*. Đời sống văn học).

(21) *Quyển liêm hoàn chiếu khách*, Đỗ Phủ, *Thập thất dạ đôi nguyệt; Bôi hồi cô khách chu*, Cao Thích, *Đông Bình lộ tác; Khách tứ tọa hà cùng*, Trần Tử Ngang, *Bạch Đế hoài cổ; Nam quan khách tứ thâm*, Lạc Tân Vương, *Tại ngục vịnh thiền; Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền*, Trương Kế, *Phong kiều dạ bạc* v.v..

(22) Maurice Coyaud. *Fourmis sans ombre. Le livre du haiku*. (Kiến không bóng. Sách về haiku). Phébus.Paris. 1978. p.52.

(23) Cheng Win fun & Hervé Collet. *Bashô, à Kyoto rêvant de Kyoto* (Ba Tiêu, ở Kyôtô mơ về Kyôtô). Moundarren. Millemont. 1991. p.10.

(24) Đỗ Minh Tuấn. *Nghệ thuật trữ tình của Nguyễn Du trong Truyện Kiều*. Nhà Xuất bản Văn hoá Thông tin. Hà nội. 1995. tr.19.

Đại dương đau nặng

NGÔ NGUYÊN DŨNG

có lần đại dương đau nặng
hồn lưu xứ nhớ về nhánh sông sinh quán
thủy triều lên xuống mệt nhoài
con nước cạn máu đắng

cát phơi mục xác dã tràng
ngơ ngác xóa dấu chân vô tâm
ó biển dành đoạn rời eo biển cũ
bỏ lại bầy cá voi già nua
quên rồi khúc ca mùa phối ngẫu
chỉ còn lũ ốc mượn hồn
vai thập tự ngu ngơ vác
vỗ rì rào bài sóng thánh kinh
lời ký thác leo lét ngọn thời gian
nến phúc âm nhỏ lệ ròng ròng
xuống trần gian thiên tai muôn chiều
đại dương khắc khoải chờ bão mang gió từ sa mạc xa
tay không kịp vuốt mắt
dã qua đời ghềnh san hô thanh xuân
vành khăn sô loang muối lệ
quấn sườn đá vôi mất tiếng cười
đêm loài rùa trở lại
chôn trứng vào huyệt ẩm quê nhà
lũ lượt vội vã
rồi không lời từ giã nhân gian
lẻ loi một mình trong đại dương đau nặng.

Những bước chân buồn quê hương

KHOA HŨU

Đà Lạt trăm năm

Ta về chân cỏ áo mây
Cây lăn dưới vực gió bay trên ngàn
Ta về sương sớm đợi tan
Lá trưa đứng bóng hoa vàng chiều hôm
Rừng xanh như mặt mất hồn
Mắt rêu đá thúc dặm mòn nằm nghe

Ta đưa linh cữu ta về
Tay ôm lưng núi môi kề ngực đêm.

Qua phố cổ Hội An

Gió Trường Sơn, biển Hội An
Cỏ chen chân nắng đá bàng hoàng mưa
Rừng Đông phương núi yểm bùa
Cánh chim thất lạc về, thưa, chút tình
Khói hương nào thủa chiến chinh
Bước chân nào thốt bắt bình qua đây
Mái phong rêu phố cổ bày
Giấc mơ gạch ngói còn say bốn mùa
Sử xanh, trăng chép bao giờ
Mở trang sách ước gấp hờ hồn mai
Áo hoa em tháp mây cài
Lớn lên, tự nỗi u hoài ngàn năm.

Ba trăm năm, Sài Gòn

Ta về, mây phố về chưa
Mắt trông chớp bể vai mưa dầu nguồn
Về như sương khói hoàng hôn
Lao dao cơn gió thức buồn trăm năm
Về, nghe dường dá ăn năn
Hàng cây sám hối nhà oan khuất người
Ba trăm năm Sài Gòn ơi
Bãi dâu cát lở dất bồi phù du
Về, ta một bóng thiên thu
Áo che trời rộng lòng như sông này
Môi đoạn tình uống chẳng khuây
Một ly cố quận rót đầy oán sâu
Về, bôi mặt nhọ tìm nhau
Hỏi trăng xưa, khuyết. Hỏi châu ngọc, chìm.

Mưa trong Đại Nội

Mưa, nghe từng giọt ngói tan
Thành xưa nền cũ bia hàng dá rêu
Mưa lăng tẩm, gió đồng liêu
Trắng mây hưng phế đó chiều phong ba
Mịt mù dâu biển quê nhà
Xanh xương dất mộ mềm da cỏ vàng
Mưa, như giọt lịch sử tan
Rêu phong thiên tử, lá vàng thú dân.

Gửi Buôn Mê Thuộc

Ta về vôi trắng gạch bia
Đường ngăn phố-thị nhà chia linh hồn
Ta về đỏ mắt hoàng hôn
Rừng thay áo trận núi chôn mộ người
Hồn hoang báo oán cừu đời
Đêm băng vết đạn sớm mài cơn đau
Đoạn đường biên ải về đâu
Bụi bay bạt vía rạp đầu cỏ cây
Ta về như nỗi oan này
Bóng ma vô định một ngày lại đi.

Nha Trang hạ

Ta về Nha Trang, phố
Nghe tiếng động ngàn năm
Cát vàng em, có nhớ
Con đã tràng thương tâm.

Ta về Nha Trang, gió
Xô xát lời ca dao
Tháp mấy tầng đá cổ
Mòn một cõi chiêm bao.

Về nghe đất nhẫn nhục
Lên hàng đương liễu này
Về nghe đá thốn thức
Trầm mình trong biển say.

Hạ mang từng vết phỏng
Như lửa giải oan đời
Vô hồn con sóng trắng
Tan tành nước viễn khơi.

Ta bạo hành thân thế
Em bạo hành dung nhan
Bãi dâu xanh hồn bể
Những mảnh tình chưa tan.

Ta về Nha Trang, nhớ
Lớp cỏ cũ tàn dâu
Dấu chân bày cát xóa
Sao tìm ta mai sau.

Ta về, ta dã khác
Biển dong sầu không dầy
Vai áo trời dã bạc
Lưng núi ngồi như ngây.

Sóng vỗ bờ luân khúc
Gió muôn trùng than van
Loài rong rêu hóa kiếp
Khói sương - mù Nha Trang.

Củ Chi, mùa thu lửa.

Mùa thu, mùa thu lửa
Sao hơi thở còn tanh
Nắm hoa vàng dưới cỏ
Tiếc thương chùm lá xanh.

Dải mây chiều dể tóc
Mười năm tang chế dây
Đất già di hôn ước
Em gầy thêm mấy vai.

Nón nghiêng che tình vội
Về đâu, áo hoàng hoa
Con đường thu phong gọi
Đôi mắt nào nhớ ta.

Củ Chi, ơi gạch ngói
Người lính cũ về thăm
Chiến trường xưa ngọn khói
Lòng ta bia đá câm.

Con kinh dài trí nhớ
Chiếc cầu qua lãng quên
Đêm gối đầu đất Sở
Mai thức về nước Yên.

Cởi chiến bào súng trận
Trải vầng trăng Xuân Thu
Câu thơ thiên cổ tận
Môi say uống oán thù.

Mặt bạn danh như thép
Mặt ta tiếng dạn rung
Tóc, râu thời ly biệt
Nắm tay hẹn tao phùng.

Cỏ may từng mảnh cỏ
Đắp lên ấm mộ hoang
Lá thêu vào nỗi nhớ
Cho mùa thu lá vàng.

Ta nhớ tình đồng đội
Chim nhớ núi bay về
Cây nhớ rừng - gió đội
Suốt mười năm, ai nghe.

Sài Gòn 1997.

Lại trả lời Đỗ Minh Tuấn

Nguyễn Hưng Quốc

Đọc bài 'Về cái bẫy văn hoá của Nguyễn Hưng Quốc' của Đỗ Minh Tuấn đăng trên *Văn Học* số 136 vừa qua, tôi có hai điều thất vọng. Thứ nhất, mặc dù được viết một cách hùng hồn, với tham vọng bác bỏ một số luận điểm về thơ của tôi, bài báo của Đỗ Minh Tuấn lại chứa đầy những ngộ nhận và mâu thuẫn, đến độ tôi ngờ là anh chưa đọc kỹ hoặc chưa hiểu rõ cả cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* lẫn bài 'Trả lời Đỗ Minh Tuấn' [1]. Thứ hai, anh vẫn cố tình đẩy cuộc tranh luận về một hướng rất xa thơ, rất xa những vấn đề chính tôi đặt ra trong cuốn 'Thơ, v.v... và v.v...' và cũng rất xa văn học nói chung, để mỗi lúc một lạc sâu vào lãnh địa văn hoá, lại là thứ văn hoá đã bị chính trị hoá, nơi dường như anh đang có ý đồ thay thế Trần Mạnh Hảo, quyết tâm giành cho được ngọn cờ đầu của phe chính thống, tuy nhiên, đó cũng là nơi dường như anh, nói theo chữ của Trần Đăng Khoa, còn "chập chờn bất định lắm" [2], do đó, quan niệm của anh không những bảo thủ, hẹp hòi mà đôi khi còn khá vớ vẩn.

Một cuộc đối thoại như thế dĩ nhiên là chả thú vị gì mấy. Tuy nhiên, tôi vẫn cố gắng viết bài trả lời này để, thứ nhất, giữ lời hứa với anh Nguyễn Mộng Giác, chủ bút tạp chí *Văn Học*, cái lời hứa viết bài trả lời tôi đã phun ra trong một lúc bốc đồng; thứ hai, để trình bày lần cuối cùng ý kiến của mình về những vấn đề liên quan đến bài thơ Con cóc; thứ ba, để đáp ứng lại thiện chí tranh luận của Đỗ Minh Tuấn, một đồng nghiệp ở xa, qua đó, góp phần tạo nên thói quen đối thoại nghiêm chỉnh giữa giới cầm bút trong và ngoài nước, vốn cho đến nay, thường chỉ viết về nhau, nhằm khen ngợi hay mạt sát nhau, nhưng rất hiếm khi thực sự công khai và thẳng thắn trao đổi ý kiến với nhau về các vấn đề liên quan đến học thuật hay chính trị; và cuối cùng, cũng mong góp phần khai quật một ít 'địa đạo

văn hoá', nơi mai phục của những Triệu-Tử-Long hiện đại, những kẻ quyết tỏ dạ trung trinh với chủ bằng cách khăng khăng bảo vệ cho được những ngôi-đền-thờ-thơ-dở.

Bài này tôi viết khá dài để sau này khỏi phải viết thêm nữa.

1. Đỗ Minh Tuấn hoàn toàn hiểu lầm ý của tôi:

Một lần, trong bài 'Đối thoại với hình nhân' in trong tập *Ngày văn học lên ngôi* mới xuất bản gần đây tại Hà Nội, Đỗ Minh Tuấn chế diễu một người phê phán anh như sau:

> "Trong tranh luận đối thoại về học thuật ở ta thường có tình trạng người phê phán rút tỉa vài ý kiến trong văn bản của người khác để vẽ lên một chân dung quan niệm theo tưởng tượng của mình rồi phê phán cái chân dung mình hình dung ra ấy. Thao tác này tương tự như việc đốt hình nộm hay bắn vào bia vẽ hình đối thủ. Nó có thể chứng tỏ trình độ xạ thủ bắn trúng điểm mười, nhưng hầu như chẳng đụng chạm gì tới bản thân đối tượng là các ý tưởng và quan niệm" [3].

Nhận định sắc sảo ấy không chừng cũng đúng cho trường hợp của chính Đỗ Minh Tuấn. Mặc dù tôi đã cố tình viết bài 'Trả lời Đỗ Minh Tuấn' một cách giản dị, chân phương, như một bài giảng trong lớp với những điểm một, hai, ba, bốn khá rạch ròi, để tránh những ngộ nhận đáng tiếc, nhưng hình như Đỗ Minh Tuấn đọc quá vội nên không nắm bắt được đúng ý của tôi. Trước khi khai hoả tấn công vào quan niệm của tôi về vai trò của người đọc, anh đã tóm tắt những ý chính trong bài viết ấy như sau:

> "Nguyễn Hưng Quốc cho rằng không chỉ riêng thơ Con cóc, mọi bài thơ đều trở thành thơ và thơ hay do cách đọc nào đó. Theo quan niệm này, người đọc là người có quyền hạn tối cao, sự đọc của anh ta không bị qui định bởi văn bản hay các điều kiện lịch sử văn hoá khác".

Sai. Chưa bao giờ tôi viết như thế cả. Trong bài 'Trả lời Đỗ Minh Tuấn', tôi chỉ khẳng định là

(i) mọi bài viết đều có thể được đọc như là thơ trước khi nó được chính thức xem là thơ hay không phải là thơ (xin lưu ý: tôi dùng cụm từ 'được đọc như là thơ', chứ không phải là 'đều trở thành thơ', tức là có không ít những bài viết mặc dù đã được đọc như là thơ nhưng vẫn không thành thơ, không được xem là thơ - tôi gọi đó là 'những bài thơ thất bại' hay 'những bài thơ thi hỏng');

(ii) người ta chỉ đọc thơ khi xem bài thơ mình đang đọc là thơ (chứ

không phải là một bài văn xuôi hay một bài vè nhằm quảng cáo hay tuyên truyền, cổ động cho cái gì, chẳng hạn) nghĩa là, trước hết, phải chấp nhận một số những quy ước về thể loại của thơ (như ý nghĩa của vần, nhịp, của ẩn dụ, hoán dụ, v.v...);

(iii) những cái chúng ta hay gọi là 'chất thơ' hay cái Đỗ Minh Tuấn gọi là 'sự hoà điệu giữa con người và thế giới' không nằm ở bản thân câu chữ hay ý đồ của người sáng tác mà chủ yếu là ở trong cách cảm nhận của người đọc; và

(iv) người đọc có quyền diễn dịch thơ theo kinh nghiệm và cách cảm nhận riêng của mình, tuy nhiên, sự diễn dịch ấy có sức thuyết phục hay không lại là chuyện khác.

Nghĩa là, nói cách khác, tôi chỉ nhấn mạnh việc đọc như là một trong những yếu tố quan trọng và thiết yếu của hoạt động văn học chứ không hề tuyệt đối hoá nó, qua đó, cô lập hoá người đọc, xem người đọc như một thứ thượng đế toàn quyền và toàn năng như Đỗ Minh Tuấn ngộ nhận. Bởi vậy tôi mới cho là

(i) không phải ai cũng có thể cảm được bài Con ếch của Basho; và

(ii) ngay cả Đỗ Minh Tuấn cũng khó mà hiểu được chất thơ bàng bạc ẩn tàng trong bài thơ Con ếch nếu không được trang bị những kiến thức tối thiểu về Basho, về thơ thiền và đặc biệt là thơ haiku của Nhật Bản, nghĩa là, tôi muốn nêu lên những điều kiện văn hoá trong việc tiếp nhận văn học. Trong bài 'Trả lời Đỗ Minh Tuấn', tôi không khai triển nhận định này vì tôi không muốn lặp lại —và thật ra cũng không có khả năng lặp lại một cách vắn tắt trong giới hạn một bài báo ngắn —những gì tôi đã trình bày khá kỹ trong cuốn *Thơ, v.v... và v.v...*, đặc biệt là ở chương 5, 'Từ sự tương tác giữa người đọc và văn bản đến vấn đề phê bình thơ', trong đó, tôi đã chứng minh mối quan hệ tế nhị và phức tạp giữa người đọc với văn bản và với những yếu tố đằng sau văn bản như tác giả, ngôn ngữ, bối cảnh văn học và văn hoá nói chung. Tôi cũng vạch rõ ra là đằng sau người đọc là những quan điểm và tâm thế nhất định, những yếu tố vừa góp phần định hướng cách nhìn, cách đọc lại vừa góp phần giới hạn sự tự do diễn dịch tác phẩm văn học của họ. Có thể tóm tắt luận điểm chính của tôi trong chương này vào câu: trong sự tương tác giữa người đọc và bài thơ, "bài thơ không phải là một tồn tại khách quan tuyệt đối, đồng thời người đọc cũng không có tự do tuyệt đối" (tr. 92).

Cho nên, mặc dù Đỗ Minh Tuấn viết bài 'Về cái bẫy văn hoá của Nguyễn Hưng Quốc' với ý đồ bác bỏ các ý kiến của tôi "về vai trò của

việc đọc nói chung", anh chỉ loay hoay cãi cọ với cái hình nộm do anh dựng lên hơn là thực sự đối thoại với tôi. Trong cuộc cãi cọ tưởng tượng ấy, nhiều khi anh hay vay mượn tư tưởng của tôi để phê phán những tư tưởng mà anh gán cho tôi, chẳng hạn, sau khi liều lĩnh nối kết quan niệm của tôi với quan niệm văn học của J.P. Sartre, F. R. Leavis và R. Barthes —những người, về quan điểm văn học, rất xa nhau, thậm chí đối lập nhau—, anh viết: "Lịch sử nghiên cứu về tiếp nhận văn học đã vượt qua các quan niệm này để đi tới ý thức về quan hệ đối thoại giữa nhà phê bình và tác phẩm văn học." Cái Đỗ Minh Tuấn gọi là "quan hệ đối thoại" chính là khái niệm "tương tác" xuất hiện khá nhiều trong cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* Hay những ý kiến về tính định hướng trong tác phẩm cũng như việc mời gọi người đọc tham gia vào quá trình sáng tạo, v.v... mà anh nêu ra để "chỉ giáo" tôi đều đã được tôi bàn qua, có khi khá kỹ trong tác phẩm của mình.

2. Cãi để...cãi.

Đọc cuốn *Ngày văn học lên ngôi* của Đỗ Minh Tuấn, tôi mới phát hiện ra một điều là anh rất khoái tranh biện. Ít nhất cũng một phần ba cuốn sách là những bài anh tranh biện với người này người nọ. Tính ham tranh biện ấy nhiều khi dẫn đến việc cãi lấy được. Rõ nhất là trong bài 'Về cái bẫy văn hoá của Nguyễn Hưng Quốc', ở đó, có nhiều điểm rõ ràng là anh đồng ý với tôi, vậy mà anh vẫn cố cãi vung lên, bằng một giọng thật hùng hồn.

Ví dụ, ngay sau đoạn văn vừa dẫn ở trên, đoạn văn trong đó Đỗ Minh Tuấn tóm tắt hoàn toàn sai ý của tôi, anh viết tiếp:

> "Thế nhưng, cũng trong bài viết này, Nguyễn Hưng Quốc lại khẳng định rằng tôi cảm nhận được cái chất thơ bàng bạc trong bài Con ếch là do đã có tri thức về Basho, về thơ thiền và thơ haiku nhờ đọc cuốn 'Basho và thơ haiku' của Nhật Chiêu xuất bản 1994 tại Việt Nam. Sự khẳng định này (cũng như sự khẳng định là tôi chưa có điều kiện đọc các lý luận về tiếp nhận văn học của phương Tây) hơi buồn cười vì thực ra là tôi chưa biết có cuốn sách của Nhật Chiêu về thơ Basho mà chỉ đọc bản dịch của ông trong một tài liệu khác ấn hành ở Mỹ".

Mục đích của đoạn văn này là nhằm chứng minh

(i) tôi tự mâu thuẫn với chính mình; và

(ii) tôi hồ đồ khi nhận xét về anh.

Mục đích thứ nhất của anh không thành công vì, như tôi đã trình bày ở trên, sự mâu thuẫn ấy chỉ do anh tưởng tượng ra khi xuyên tạc ý nghĩ của

tôi mà thôi. Để đạt được mục đích thứ hai, anh phải dùng biện pháp không mấy lương thiện là đánh tráo đối tượng. Chỉ cần để ý một chút, ai cũng có thể dễ dàng nhận thấy nội dung chính của điều tôi khẳng định, trong cả văn mạch của nó, là (a) sở dĩ Đỗ Minh Tuấn cảm nhận được bài thơ Con ếch là nhờ anh đã có sẵn một số tri thức về Basho, về thơ thiền và thơ haiku. Còn việc (b) những tri thức ấy đến từ đâu chỉ là ý phụ, như một chi tiết bổ túc. Thế nhưng, khi bình luận, anh lại lờ đi ý chính (a) mà chỉ tập trung vào ý phụ (b), một ý, thành thật mà nói, giả dụ có nhầm thì cũng chẳng ảnh hưởng gì đến lập luận tổng quát của tôi cả. Tuy thế, anh cũng không dám cả quyết là tôi nhầm. Vì, mặc dù nói là không hề biết cuốn *Basho và thơ haiku* của Nhật Chiêu, anh cũng phải thừa nhận là đã đọc bản dịch ấy của Nhật Chiêu trong một tài liệu khác ấn hành tại Mỹ. Khổ, anh cũng không nói rõ đó là tài liệu gì [4]. Cho nên tôi đoán (lại đoán!) là nếu đó không phải là bài 'Tìm hiểu thơ haiku Nhật Bản' in trên *Hợp Lưu* số 23 (1995) —vốn in lại bài đã đăng trên tạp chí *Sông Hương* tại Huế số 21 (1986) —thì cũng là một bài nào đó trích từ cuốn *Basho và thơ haiku*, bởi vì Nhật Chiêu viết rất ít, cho đến nay hầu như chỉ tập trung vào đề tài thơ haiku và Basho mà thôi [5]. Cho nên đọc một chương rời hay đọc cả cuốn sách thì thực chất vấn đề chả có gì khác nhau cả. Vậy mà anh vẫn cãi. Giống như người bị buộc tội là đập cửa kính vào nhà người ta ăn trộm đã kháng án bằng lý lẽ là mình chỉ chui vào ngạch tường chứ không hề đập cửa kính bao giờ.

Một điểm khác, cũng trong đoạn văn vừa dẫn, liên quan đến việc tôi đoán (chứ không phải là khẳng định) là chắc anh ít có dịp theo dõi ý kiến của giới phê bình và lý luận văn học Tây phương về vấn đề tiếp nhận văn học, về thuyết 'hồi âm của người đọc', Đỗ Minh Tuấn không trả lời thẳng nhưng một cách khéo léo đã cố dẫn ra thật nhiều tên tuổi ngoại quốc để chứng minh là anh có đọc, có biết rõ các lý thuyết ấy. Đó là một cố gắng phi thường nhưng theo tôi lại là một sự cố gắng không mấy cần thiết vì không ai có quyền chê trách anh về chuyện không đọc Roland Barthes hay Harold Bloom hay bất cứ một lý thuyết gia văn học nào khác. Tuy nhiên, người ta lại có thể chê trách anh về thái độ ngây thơ là, với một nhúm kiến thức *second-hand* và ít ỏi có lẽ thu lượm chủ yếu từ bài tổng thuật ngắn ngủi và khá sơ sài 'Tiếp nhận - bình diện mới của lý luận văn học' của Trần Đình Sử [6], anh lại cả gan hù doạ người đọc và đánh phủ đầu tôi bằng những lời khẳng định hùng hồn là tôi chỉ biết người này mà không biết người kia trong giới phê bình và lý luận văn học Tây phương. Sự liều lĩnh ấy bắt anh phải trả một giá khá đắt: chỉ mới nêu lên năm bảy tên tuổi ngoại quốc mà anh đã vấp phải năm bảy sai lầm nghiêm trọng,

như liệt kê cả tên của Mikhail Bakhtin vào danh sách những nhà nghiên cứu tiếp nhận văn học, dù trong di sản lý luận văn học đồ sộ của Bakhtin không có một phần nào đáng kể về sự đọc hay vai trò của người đọc cả, [7] như gán cho F. R. Leavis (mà anh viết nhầm là F. Lavis), một nhà phê bình người Anh cực kỳ nhạy cảm nhưng thường bị xem là khá 'cổ điển' vì hay nhấn mạnh vào các giá trị đạo lý và chủ trương đề cao trực giác thẩm mỹ hơn là các khía cạnh có tính lý thuyết và phương pháp luận, cái 'quan niệm coi phê bình là sự sáng tạo ra nhà văn'; hay gán cho Jean Paul Sartre, người từng tuyên bố là đằng sau mỗi kỹ thuật sáng tác là một siêu hình học của tác giả và cũng là người, qua các công trình nghiên cứu về tiểu sử của Baudelaire, Genet, Flaubert và Mallarmé, có tham vọng tìm cách tổng hợp chủ nghĩa Mác và phân tâm học của Freud, cái quan niệm cho là 'tác giả đã chết' của Roland Barthes cũng như của các nhà cấu trúc luận và hình thức luận nói chung, những kẻ chỉ muốn xem văn bản (text), chứ không phải tác giả, là toàn bộ đối tượng của phê bình và nghiên cứu văn học. Nói Roland Barthes "tuyên bố rằng tác giả đã chết" là đúng, nhưng khi Đỗ Minh Tuấn phóng bút tán thêm là Roland Barthes "coi văn bản chỉ là ngòi nổ của trí tưởng tượng, không tính đến nội dung văn hoá tương đối ổn định đằng sau những biến hình vô tận của ngôn ngữ và hình tượng trong thơ ca" thì anh lại sai, chứng tỏ anh chưa biết gì về Roland Barthes. Trong cuốn *S/Z*, khi phân tích tỉ mỉ thiên truyện vừa 'Sarrasine' của Balzac, Roland Barthes đã phát hiện ra tác phẩm ấy — cũng như hầu hết các tác phẩm văn học khác -—dựa trên nhiều mã (code); mỗi mã gắn liền với một truyền thống văn hoá khác nhau, giúp người đọc cảm nhận được ý nghĩa cũng như chức năng của các chi tiết và hình tượng được sử dụng trong tác phẩm [8]. Trong cuốn *Image, Music, Text*, Roland Barthes đi xa hơn, cho là "văn bản không phải là những dòng chữ chuyên chở một ý nghĩa mang tính 'thần học' duy nhất (kiểu 'thông điệp' của tác giả, người đóng vai thượng đế trong tác phẩm của mình) mà là một không gian đa chiều, nơi kết hợp vô số những bản văn khác nhau đan quyện vào nhau và không cái nào là độc sáng cả. Văn bản là một tấm vải đan bằng những trích dẫn rút ra từ cơ man các trung tâm văn hoá khác nhau." [9]

Ngoài ra, nhận định "'Sự hồi âm của người đọc' chính là sự hồi âm của lịch sử, của cộng đồng tiếp nhận và truyền thống văn hoá chi phối sự đọc của anh ta" cũng là một nhận định vội vã và liều lĩnh bởi vì, chỉ trong một câu ngắn ấy, anh đã vấp phải ít nhất ba điểm sai: một là, anh lẫn lộn giữa thuyết tiếp nhận (reception theory) vốn gắn liền với một số tên tuổi tại đại học Kontstanz của Đức, chủ yếu nhấn mạnh vào mối quan hệ giữa văn học và lịch sử chính trị, xã hội và thuyết 'hồi âm của người đọc'

(reader-response criticism) vốn gắn liền với các nhà phê bình Anh Mỹ, chủ yếu nhấn mạnh vào những phản ứng của người đọc khi tiếp xúc với văn bản; hai là, anh không biết trong cái gọi là 'Sự hồi âm của người đọc' có nhiều khuynh hướng phức tạp, đa dạng và tế nhị, từ phân tâm học đến hiện tượng luận, cấu trúc luận, hậu cấu trúc luận, phê bình nữ quyền, v.v... mỗi khuynh hướng nhấn mạnh vào một yếu tố khác nhau trong việc đọc, chứ không chỉ đơn giản gói gọn trong những phản ứng có tính chính trị hay văn hoá; và ba là anh quan niệm người đọc như một tập thể, một cộng đồng (người Việt Nam / người Ấn Độ, v.v... với lịch sử và truyền thống văn hoá riêng), trong khi trên thực tế đó chỉ là một cá nhân cụ thể. Do đó, cách so sánh những 'hồi âm' khác nhau giữa người Ấn Độ và người Việt Nam khi nhìn cái tai lợn chỉ là một sự đơn giản hoá vấn đề đến cùng cực, bởi vì nếu có một triệu người Việt Nam cùng nhìn cái tai lợn thì sao? Chả lẽ phản ứng của họ đều giống nhau hết? Chẳng lẽ 70 triệu người Việt Nam đọc một bài thơ tiếng Việt nào đó đều hiểu như nhau, cảm như nhau, đánh giá như nhau? Ngay cả một người, đọc cùng một bài thơ, trong những thời điểm khác nhau, còn có những phản ứng khác nhau nữa là...

Việc cãi lấy được của Đỗ Minh Tuấn còn có thể thấy ở chỗ khác: để trả lời sự thách thức của tôi là anh phải chứng minh được bài thơ Con cóc không phải là thơ trước khi đi đến kết luận là tôi đã sai về phương pháp luận khi dùng bài viết ấy làm cơ sở cho việc phân tích thi pháp thơ, anh đã hùng dũng tuyên bố sự thách thức ấy chỉ là một vấn đề nguỵ tạo bởi vì "nó đụng chạm đến vấn đề sự tồn tại hiển nhiên của các tiên đề văn hoá phát lộ từ tâm thức văn hoá Việt Nam [...] Đòi chứng minh thơ Con cóc không phải là thơ chẳng khác nào đòi người ta tự túm tóc mình để nhấc mình lên". Nói cách khác, giản dị hơn, theo Đỗ Minh Tuấn, không thể chứng minh bài Con cóc không phải là thơ bởi vì nó vốn đã bị người Việt Nam từ xưa đến nay không xem là thơ. Đó chỉ là một quan niệm hàm hồ và nguy hiểm vì nó lạm dụng khái niệm 'tiên đề văn hoá', mưu toan biến mọi định kiến xã hội, mọi thói quen trong nếp nghĩ của quần chúng thành những 'tiên đề văn hoá'. Lý luận theo kiểu ấy, chúng ta sẽ có vô số 'tư tưởng' quái đản, chẳng hạn: Qua bao nhiêu đời, cha ông chúng ta vẫn nói: "Đàn ông chớ kể Phan Trần / Đàn bà chớ kể Thuý Vân Thuý Kiều". Câu nói ấy đã thành ca dao, nghĩa là đã nhập vào 'vô thức tập thể', nghĩa là, nói theo Đỗ Minh Tuấn, đã trở thành 'tiên đề văn hoá' mà chúng ta phải chấp nhận, bởi vậy mọi nỗ lực chứng minh tính nhân đạo cao đẹp của Truyện Kiều chỉ là điều nhảm nhí? Cả hàng mấy thế kỷ, cha ông chúng ta rẻ rúng chữ Nôm, văn Nôm, coi 'nôm na không bằng cha mách

qué' (một câu nói đã trở thành tục ngữ trong dân gian, phổ biến không kém gì câu thành ngữ 'thơ con cóc'): vậy đó cũng là một 'tiên đề văn hoá' không thể chứng minh và phản bác được? Cả hàng ngàn năm, cha ông chúng ta quan niệm 'một trăm đứa con gái không bằng hòn dái đứa con trai': đó là một 'tiên đề văn hoá' không thể chứng minh và cũng không thể đảo ngược được? Bài thơ mở đầu bằng câu 'Nam quốc sơn hà Nam đế cư' tương truyền của Lý Thường Kiệt lâu nay tồn tại trong 'tâm thức văn hoá Việt Nam' như một bài 'thơ thần', thơ của thần; như vậy, quan điểm coi bài thơ ấy như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của Việt Nam chỉ là một cách 'cãi lại vô thức cộng đồng' nhảm nhí của những kẻ nhiều sự chăng? Đẩy kiểu suy nghĩ ấy đến cùng, một mặt, chúng ta sẽ gặp thuyết bất khả tri, vì đụng cái gì cũng có thể bị coi là một 'tiên đề văn hoá' không thể chứng minh được; mặt khác, chúng ta lại rất dễ đối diện với nguy cơ bị lợi dụng khi có một kẻ nào đó muốn biện chính cho một sự tồn tại ngang trái đã kéo dài trên đất nước, bởi vì nói như Harold Bloom, trong cuốn *A Map of Misreading*, "một chuyện đồn nhảm kéo dài đến lúc nào đó sẽ thành một huyền thoại" [10]; khi gọi ''huyền thoại' ấy là một 'tiên đề văn hoá' bất khả chứng minh, chúng ta đã vô tình hợp thức hoá và hợp pháp hoá cái chuyện đồn nhảm ban đầu ấy. Thực tình, tôi không muốn bàn đến chính trị chút nào cả, tuy nhiên, theo đà lý luận của Đỗ Minh Tuấn, tôi không thể không liên tưởng đến một ví dụ khác, chẳng hạn: suốt mấy chục năm nay, người ta đã xem ông Hồ Chí Minh như một vị 'cha già dân tộc', một 'nhà yêu nước vĩ đại'; đó là 'tiên đề văn hoá', bởi vậy, không thể đặt ra vấn đề xét lại công hay tội của ông trong lịch sử Việt Nam được ư? Cuối cùng, nếu việc bài thơ Con cóc không phải là thơ là một 'tiên đề văn hoá' thật thì chẳng lẽ Đỗ Minh Tuấn lại tự mâu thuẫn với chính anh khi anh hì hục viết phần 'Tư cách thơ ca' trong bài 'Khế ước văn hoá trong bài thơ Con cóc' để đối chiếu nó với bài thơ Con ếch của Basho hầu đi đến kết luận là nó không phải là thơ?

Đỗ Minh Tuấn hay nhắc đến chữ 'văn hoá', nhưng tôi ngờ là cách hiểu của anh về chữ 'văn hoá' còn khá mơ hồ. Dường như anh lẫn lộn những khái niệm mang ý nghĩa rất xa nhau như 'thói quen', 'vô thức cộng đồng' và 'bản sắc văn hoá' hay 'văn hoá' nói chung. Bởi vậy, anh mới xuyên tạc quan niệm xem mọi nỗ lực sáng tạo như một cách 'cãi' lại vô thức cộng đồng, xuất phát từ cảm giác bất ổn đối với truyền thống và là hình thức 'gây hấn với thói quen' của tôi thành sự "đồng nhất cái bản sắc với cái cũ, đồng nhất cái ngoại lai với cái mới". Hơn nữa, dường như anh cũng lẫn lộn cả khái niệm ý nghĩa văn hoá và ý nghĩa thẩm mỹ: theo anh, bài thơ Con cóc không thể nào hay được bởi vì nó là biểu tượng của cái

dở, trong khi, trên nguyên tắc, sự kiện bài thơ Con cóc được xem là biểu tượng của cái dở (ý nghĩa văn hoá) không hề loại trừ khả năng là nó hay (ý nghĩa thẩm mỹ), nếu không muốn nói là vì nó hay, cho nên nó mới có khả năng trở thành một biểu tượng. Cũng vậy, Thị Nở trở thành biểu tượng của cái xấu nói chung (ý nghĩa văn hoá) không phải là vì chị xấu (một thực tế) mà là vì bức chân dung của chị được Nam Cao khắc hoạ đẹp và sắc sảo (ý nghĩa thẩm mỹ). Tôi chưa bao giờ có ý định lố bịch là đưa Thị Nở lên ngôi hoa hậu. Tôi chỉ muốn chứng minh một điều đơn giản và dễ hiểu là: bức chân dung của chị là một bức chân dung đẹp. Thế thôi. Cách chứng minh của tôi có thể sai nhưng chắc chắn là không hề mâu thuẫn hay 'lệch kênh', 'sai tọa độ'.

Người tự mâu thuẫn ở đây không chừng lại là Đỗ Minh Tuấn. Mặc dù anh khăng khăng cho bài thơ Con cóc nhất định phải dở theo đúng 'khế ước văn hoá' của Việt Nam nhưng cách phân tích của anh thì dường như hé lộ một điều ngược lại. Anh viết:

> "Con cóc trong hang 'nhảy ra' gợi một sự hiện diện sỗ sàng, con cóc 'ngồi đấy' gợi một sự lì lợm thách thức, con cóc 'nhảy đi' gợi một sự hướng ngoại, ly tâm, mất gốc không có hậu, khác với con ếch 'nhảy vào ao cũ' trong thơ Basho [...] Đọc bằng tâm thức văn hoá phương Đông thì có thể cảm nhận hai chữ 'nhảy đi' [...] là tín hiệu về sự lệch nhịp với thần linh. Theo cảm quan văn hoá Phương Đông thì thần thánh là không địa chỉ, 'thần vô phương' (Kinh Dịch). [...] Trong các truyện cổ tích, thần tiên bao giờ cũng biến đi từ nguyên dạng thần tiên, không bao giờ biến đi trong dạng lốt trá hình. Vậy là trong tâm thức người Việt, con cóc với tư cách là hình thức hiện diện của các lực lượng siêu nhiên mang nguồn hy vọng cứu tinh phải là con cóc nhảy về hang, con ếch nhảy vào ao cũ. Con cóc nhảy đi là một đối cực của niềm hy vọng sâu thẳm đó, nó không gợi về thần linh mà ngược lại nó gợi về sự lẩn tránh, sự đào ngũ, sự bỏ rơi, sự ly thân của con người".

Từ đó, anh đi đến kết luận:

> "Theo mỹ học hoàn hình của Gestal cả ba động tác, ba tư thế đó [nhảy ra, ngồi đó, và nhảy đi, NHQ chú] tổ hợp lại thành một chỉnh hợp văn hoá dị biệt với văn hoá Việt ở cả hành vi và cách diễn đạt hành vi. Điều thú vị là, cái dở của hành vi bị sát nhập vào cái dở của cách diễn đạt tạo nên một hiệu ứng cộng hưởng về thẩm mỹ khiến người Việt Nam từ trong vô thức cộng đồng cảm nhận được cùng một lúc cái nhâng nháo, vô tích sự của con cóc và sự diễn đạt sỗ sàng huych toẹt của ngôn từ".

Qua hai đoạn văn trích trên của Đỗ Minh Tuấn, chúng ta có thể thấy

được hai điều: một là, bài thơ Con cóc, với 6 câu và 24 từ cực kỳ giản dị, qua sự phân tích của Đỗ Minh Tuấn, bỗng mang một ý nghĩa tinh tế, thể hiện "sự lẩn tránh, sự đào ngũ, sự bỏ rơi, sự ly thân của con người"; hai là, với một ý nghĩa tinh tế như thế, theo sự khẳng định của Đỗ Minh Tuấn, bài thơ đã gây nên 'một hiệu ứng cộng hưởng về thẩm mỹ' sâu rộng trong cả một dân tộc. Chúng ta không thể không đặt câu hỏi: Trong lịch sử văn học Việt Nam, có được bao nhiêu bài thơ có được một ý nghĩa sâu thẳm và một sức cộng hưởng lớn lao như thế? Nếu có được một ý nghĩa như thế, một sức cộng hưởng đến như thế mà vẫn bị coi là dở, vậy thế nào mới là hay, là lớn?

Cho nên, ngay cả khi Đỗ Minh Tuấn còn ngần ngại không muốn hay không dám dùng chữ 'hay' để gán cho bài thơ Con cóc thì ít nhất, qua cách phân tích của anh, người ta cũng không thể tiếp tục an nhiên cho đó là một bài thơ nhảm nhí, ngớ ngẩn, một bài thơ dở được nữa. Nếu không, các khái niệm 'hay', 'dở' sẽ trở thành vô nghĩa hết.

3. Đỗ Minh Tuấn sợ...ma:

Như vậy, mặc dù cách nói khác nhau, mức độ tự giác cũng khác nhau, nhận định của Đỗ Minh Tuấn và của tôi về bài thơ Con cóc thật ra không khác nhau mấy.

Không những không khác, Đỗ Minh Tuấn còn đề cao và khuếch đại ý nghĩa và giá trị của bài thơ Con cóc hơn cả tôi nữa. Trong khi người Việt Nam xưa nay chỉ xem bài thơ Con cóc là một chuyện tiếu lâm tầm phào như bao nhiêu chuyện tiếu lâm tầm phào khác, tôi chỉ xem nó là (i) một bài thơ hay nhất trong những bài thơ miêu tả cái dở, cái kém nghệ thuật và kém thẩm mỹ, (ii) một bài thơ hay (chứ không phải là hay nhất) nói về cái nhàm, cái nhảm, cái quẩn quanh, bế tắc và vô nghĩa của kiếp người, và, trên hết, là (iii) một cái cớ, một cái bệ để xây dựng trên đó một lý thuyết về thơ, còn Đỗ Minh Tuấn thì lại cho nó gánh một sứ mạng nặng nề là hiện thân của một 'khế ước văn hoá', là biểu trưng của văn hoá Việt Nam, hơn nữa, còn là bản sắc của nền văn hoá ấy. Do đó, anh đã xem việc bảo vệ nguyên nghĩa và nguyên trạng của bài thơ Con cóc như là một cách 'bảo tồn bản sắc'. Làm ngược lại là 'xâm lược', là 'nô dịch', là 'diệt tộc'. Theo cách nói của anh, người ta có thể hình dung ngôi đền văn hoá Việt Nam có hai bức tượng lớn, song song, đối xứng với nhau: tượng ông Thiện là Truyện Kiều, tượng ông Ác là bài thơ Con cóc. Cách nói ấy gợi nhớ đến Phạm Quỳnh, người, trong thập niên 20, đã từng tuyên bố: "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn". Bây giờ có vẻ như Đỗ Minh

Tuấn cũng muốn chủ trương là thơ Con cóc còn (là bài thơ dở) thì văn hoá của ta còn (bản sắc).

Phóng đại ý nghĩa của bài thơ Con cóc, anh cũng phóng đại cả ý nghĩa của cuốn *Thơ, v.v... và v.v...*của tôi. Viết cuốn sách ấy, tôi chỉ nhắm đến việc trình bày một lý thuyết mới về thơ, hay dùng một từ khá thời thượng tại Việt Nam hiện nay, về thi pháp học. Đơn giản chỉ có thế. Và tôi cũng chỉ mong người đọc đọc trong tinh thần như thế. Oái oăm thay, dưới mắt Đỗ Minh Tuấn, cuốn sách ấy tự dưng lại trở thành một 'dự án' văn hoá mà tôi mưu toan "áp đặt vào đời sống dân tộc," một 'dự án' có thể "mở ra một vùng đất Hứa cho tương lai văn hoá dân tộc" mà cũng có thể xoá sạch sành sanh những 'chuẩn mực', những 'bản sắc' vốn đã định hình và ổn định từ cả hàng ngàn năm nay, hay ít nhất cũng "gây ra một rạn nứt chia cắt ý thức và tâm thức độc giả, làm bối rối hoang mang và lệch hướng trong ý thức về chiến lược phát triển văn hoá Việt Nam". Kể ra, đó cũng là một cách khen ngợi, không chừng là cách khen ngợi nồng nhiệt nhất mà tôi được nhận một cách công khai từ một người cầm bút trong nước. Tuy nhiên, nghe lời 'khen ngợi' ấy, tôi chỉ thấy hãi, mỗi lần nghĩ đến chuyện về Việt Nam thăm nhà và tìm kiếm tài liệu nghiên cứu, lại thấy phập phồng, ngài ngại, lo lo.

Tâm lý của Đỗ Minh Tuấn là tâm lý của những người sợ ma: chỉ cần một bóng lá lung lay cũng đủ làm cho anh liên tưởng đến hình thù những con quái vật khổng lồ; chỉ cần một tiếng gió rì rào cũng khiến anh liên tưởng đến những bước chân rầm rập của một bầy quỉ dữ; và... chỉ cần một cuốn sách bàn về thơ hiền lành cũng đủ gợi lên trong trí tưởng tượng phong phú của anh hình ảnh của những cái 'bẫy' văn hoá ghê gớm có thể, nói như Đỗ Minh Tuấn, làm 'đổi chuẩn văn hóa', hay nói như Trần Thanh Đạm là đảo chánh các giá trị cũ, "biến tà thành chánh, biến nguỵ thành chân" [11].

Tâm lý của Đỗ Minh Tuấn có lẽ cũng là tâm lý chung của khá đông người, nhất là những người ngay ngáy lo bảo vệ thế 'ổn định chính trị' tại Việt Nam hiện nay. Nếu theo dõi đều đặn sách báo trong nước, chúng ta dễ nhận thấy là từ đầu thập niên 90 đến nay, những chữ như 'văn hoá', 'văn hoá Việt', hay 'văn hoá phương Đông' xuất hiện tràn lan, ê hề, gần như lạm phát. Chúng được dùng như những ngọn cờ thay thế cho ngọn cờ mác xít đã tả tơi trong giai đoạn tan rã của chủ nghĩa cộng sản đồng thời cũng là giai đoạn phải mở cửa tiếp xúc với phương Tây và hoà nhập vào cộng đồng nhân loại. Có thể nói, nếu chủ nghĩa cộng sản là một thứ chủ nghĩa duy khoa học (scienticism) ốm o thì chủ nghĩa hậu cộng sản [12], ở

một khía cạnh nào đó và với một mức độ nào đó, là một biến dạng què quặt của chủ nghĩa duy văn hoá (culturalism). Nếu trước đây, những người cộng sản nhân danh tinh thần khoa học của Tây phương mà họ cho tất cả tinh tuý đều nằm trong chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để đả kích kịch liệt tinh thần lạc hậu trì trệ của Đông phương, tập trung ở nền nông nghiệp và chế độ phong kiến kéo dài hàng ngàn năm, thì hiện nay họ lại nhân danh nền văn hoá phương Đông để gầm ghè với sức mạnh kinh tế và khoa học kỹ thuật áp đảo của phương Tây. Nếu trước đây họ là những nhà khoa học viễn tưởng mơ mộng đến việc mở ra những kỷ nguyên mới cho nhân loại thì sau này họ lại biến thành những nhà khảo cổ học chuyên phục chế từng mẫu cổ vật vừa khai quật được để vênh vang kiêu hãnh là trên mảnh đất họ đang đứng đã một thời từng là quê hương của loài... khủng long. Nếu trước đây những chữ được dùng nhiều nhất, một cách kiêu hãnh nhất là những chữ 'quy luật', 'tiến bộ', 'hiện đại' hay 'văn minh', thì hiện nay, đó lại là những chữ như 'phương Đông', 'truyền thống', 'bản sắc' hay 'văn hoá' nói chung.

Đỗ Minh Tuấn không thoát khỏi bầu khí quyển chính trị chung ấy. Có điều, dù sao, không thể phủ nhận là trong số những người cầm bút đang tự nguyện lao lên tuyến đầu của mặt trận văn hoá do đảng Cộng sản lãnh đạo hiện nay, Đỗ Minh Tuấn là người thông minh, tài hoa và lương thiện hơn cả. Anh hùng biện, đôi khi nguỵ biện, nhưng không ác khẩu, và ít nhất đối với bản thân tôi và cuốn *Thơ, v.v... và v.v...*, rõ ràng là anh không có ác ý. Anh không đi đến cùng cuộc chiến đấu giành giựt ngôi vị chính thống. Anh không tung ra những ngón đòn chụp mũ và vu khống quen thuộc như tác giả bài 'Phản phê bình, phản thơ, phản...' đăng trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* số ra ngày 1.3.1997 [12]. Anh cũng không hung hãn kêu gọi thành lập trận tuyến để chống lại cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* như Đỗ Ngọc Yên trên báo *Văn Nghệ Trẻ* số 50 gần đây [13]. Anh chỉ đưa ra một đề nghị ôn hòa và hiền hòa là... xóa luôn cả ván bài: "hãy coi sự đọc lại bài thơ Con cóc chỉ là một cuộc mượn đất triển lãm về thi pháp. Sau khi lý thuyết về thi pháp đã được quảng bá, hãy trả lại bài thơ Con cóc về đúng vị trí của nó là khế ước văn hoá về cái dở của Thơ, là phản mẫu của Thơ Việt Nam".

Nghĩa là, nói cách khác, bất kể lý thuyết về thơ của tôi đúng sai như thế nào anh cũng ô-kê tuốt miễn là tôi đừng đụng đến bài thơ Con cóc, đừng bứng nó ra khỏi cái bệ thờ của nó lâu nay.

Ừ, thì xoá. Nếu Đỗ Minh Tuấn tinh ý một chút, hẳn anh đã thấy là tôi tự động xoá bài từ lâu, trước cả anh nữa, khi, ở mấy trang cuối cùng của cuốn *Thơ, v.v... và v.v...*, thú nhận là mình đã phần nào 'ăn gian' khi phân

tích bài thơ ấy [14]. Hơn nữa, như tôi đã phát biểu đây đó, vài lần rồi, mặc dù tôi thành thực nghĩ và tin thơ Con cóc là một bài thơ hay, tôi chả tha thiết gì với việc bảo vệ thế đứng của bài thơ ấy bởi vì một tác phẩm hay, thực sự hay, chẳng cần ai bảo vệ cả: nó đứng một mình, tồn tại một mình, một mình thách thức với tất cả những thiên kiến và định kiến bất công của người đời.

Tuy nhiên, chúng ta không thể không thắc mắc: tại sao Đỗ Minh Tuấn, mặc dù đã cảm nhận được cái hay, cái lớn của bài thơ Con cóc một cách sâu sắc như anh đã phân tích trong đoạn văn tôi dẫn ở trên mà lại cứ khăng khăng đòi đẩy nó về lại vị trí cũ, cái vị trí hẩm hiu dành cho một bài thơ ngớ ngẩn, vô nghĩa, vô vị và vô duyên như thế? Tại sao anh lại bảo vệ 'ngôi đền thờ thơ dở' một cách quyết liệt đến thế?

Tôi ít quan tâm đến chính trị, nhưng nghe đề nghị xoá bài của Đỗ Minh Tuấn, dù ngu ngơ đến mấy, tôi cũng không thể không liên tưởng đến những người cầm quyền tại Việt Nam hiện nay, có lẽ họ cũng chỉ muốn đề nghị với dân chúng một giải pháp ôn hoà và hiền hoà như thế, đại khái: về lý thuyết muốn nói gì thì nói, phân tâm học, hiện sinh, cấu trúc / hậu cấu trúc, hiện đại / hậu hiện đại, thực dân / hậu thực dân, mác-xít / hậu mác -xít, cái gì cũng được tất, miễn là đừng đòi thay đổi cái gì trong bảng giá trị hiện có, đừng đòi khiêng ai ra khỏi lăng và đừng đòi ghế cho ai ngồi.

Đại khái thế. ❐

Chú thích

1. Đăng trên tạp chí *Văn Học* số 134 (6.1997), tr. 24-29.
2. Xem bài 'Bức thư ngỏ gửi bác Đỗ Minh Tuấn' của Trần Đăng Khoa, *Văn Nghệ* (Hà Nội) số 29, ra ngày 19.7.1997, tr. 3.
3. Đỗ Minh Tuấn (ghi là 1996, nhưng thật ra là in năm 1997), *Ngày văn học lên ngôi*, nxb Văn Học, Hà Nội, tr. 213.
4. Biết bao giờ những người cầm bút tại Việt Nam mới tập được thói quen chú thích xuất xứ các tài liệu họ dùng một cách cẩn thận như cái điều mà ở các nước Tây phương, người ta đòi hỏi tất cả mọi sinh viên đều làm khi mới bước chân vào đại học, như một dấu hiệu đầu tiên của phương pháp nghiên cứu và sự lương thiện trí thức?
5. Lý do trước đây tôi phỏng đoán (và cho đến bây giờ vẫn còn tin) là Đỗ Minh Tuấn dùng tài liệu từ cuốn *Basho và thơ haiku* là vì, trong các bài báo in trước đó, chẳng hạn bài 'Tìm hiểu thơ haiku Nhật Bản' trên *Sông Hương* số 21 (1986), sau in lại trên *Hợp Lưu*, bản dịch bài Con ếch hơi khác hẳn với bản in trong cuốn *Basho và thơ haiku* — và cũng là bản Đỗ Minh Tuấn dùng. Bản

dịch cũ là:

Xưa cũ một bờ ao
Con ếch tung mình xuống
Và vang tiếng nước xao

6. Đỗ Minh Tuấn không ghi chú thích, và có lẽ anh sẽ lại cãi là anh 'không hề biết' bài 'Tiếp nhận - Bình diện mới của lý luận văn học' in trong cuốn *Lý luận và phê bình văn học* của Trần Đình Sử (nxb Hội nhà văn, Hà Nội, 1996, tr. 124-144) tuy nhiên, lần này, anh để lại khá nhiều dấu vết của sự vay mượn: Trần Đình Sử nhắc đến "thuyết chú giải học của Gadamer (1960) cho rằng sự cắt nghĩa nào đối với tác phẩm cũng bị qui định bởi một kiểu lí giải có trước như là điều kiện lịch sử của nó," đến H. R. Jauss (1967) với chủ trương "sự tiếp nhận của truyền thống văn hoá này đối với tác phẩm của một truyền thống văn hoá khác..." (tr. 136-7); Đỗ Minh Tuấn cũng nhắc đến "thuyết chú giải học của Gadamer (1960)... cho rằng sự đọc bị qui định bởi một kiểu lý giải có trước như là toạ độ lịch sử văn hoá của nó", và quan niệm về tiếp nhận văn học của "H.R. Jauss (1967) cho rằng sự tiếp nhận một tác phẩm cụ thể còn là sự tiếp nhận của một truyền thống văn hoá đối với các tác phẩm mang một truyền thống văn hoá khác" (*Văn Học*, 136, tr. 15). Trần Đình Sử gắn liền tên tuổi của J.P. Sartre và R. Barthes lại với nhau trong một quan niệm chung (tr. 135); Đỗ Minh Tuấn cũng cho ông Sartre kề vai ông Barthes, như là hai đồng tác giả của câu "tác giả đã chết" (*Văn Học*, 136, tr. 16), v.v...
7. Về mối quan hệ giữa M.Bakhtin và tiếp nhận văn học, có thể xem bài 'Bakhtin and the reader' của David Shepherd, in trong tập *Bakhtin and Cultural Theory* do Ken Hirschkop và David Shepherd biên tập, Manchester University Press, Manchester, 1989, tr. 91-108.
8. Cuốn *S/Z* bằng tiếng Pháp do Editions du Seuil xuất bản tại Paris năm 1970; bản dịch tiếng Anh của Richard Millers được nhà Hill and Wang tái bản lần thứ 14 tại New York vào năm 1987.
9. Barthes, R. (1977), *Image, Music, Text*, Stephen Heath dịch ra tiếng Anh, Hill and Wang, New York, tr. 146.
10. Bloom, H. (1975), *A Map of Misreading*, Oxford University Press xuất bản tại New York, tr. 26.
11. Trần Thanh Đạm (1997), 'Phản phê bình, phản thơ, phản...', đăng trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* số ra ngày 1.3.1997. Đó là một bài viết khá dài đầy những luận điệu kiểu: "Tuy vênh vang nói rằng thơ là 'tự thân,tự tại', phê bình thơ cũng thế, 'không dính đến chính trị', song quyển sách [*Thơ, v.v... và v.v...*] lại sặc mùi chính trị chống Tổ quốc, dân tộc, lại tìm cách lén lút tuồn về Việt Nam làm một thứ tài liệu chiến tranh tâm lý, lại còn mượn đài BBC, đài VOA làm loa để xướng lên" [...] "Thực tế cách phê bình của Nguyễn Hưng Quốc—lối phê bình ngụy biện, đảo ngược chân lý, đạo lý, mỹ lý, lối phê bình thơ định biến Thị Nở thành hoa hậu, biến Trần ích Tắc thành Trần Hưng Đạo, biến Lê Chiêu Thống thành Nguyễn Huệ, biến tà thành chánh, biến ngụy thành chân. Không phải là một trò ngụy biện vô thưởng vô phạt về mỹ học mà là một trò

phản phúc về chính trị" [...]. "Quả vậy, đó là mục tiêu thực sự của NHQ và những kẻ tán tụng anh ta. Không ngụy biện thì làm sao biện minh cho cái thân phận hiện tại của mình được?", v.v... và v.v...

12. Chủ nghĩa cộng sản, với tư cách là một hệ thống quyền lực, vẫn còn là một hiện thực và một 'hiện tại' ở Việt Nam, tuy nhiên, với tư cách là một ý thức hệ thì đã bị phá sản hoàn toàn. Khái niệm 'chủ nghĩa hậu cộng sản' tôi dùng là để chỉ sự kiện thứ hai.
13. Trong bài 'Cần trung thực và nghiêm túc khi bước vào học thuật - trao đổi với Văn Chinh' đăng trên báo *Văn Nghệ Trẻ* số 50 (1997) tại Hà Nội, Đỗ Ngọc Yên viết: "Việc Nguyễn Hưng Quốc khen bài thơ Con Cóc là hay và phủ nhận giá trị Truyện Kiều và thơ Đồ Chiểu chẳng qua là ông ta muốn làm kẻ đốt đền kiểu Eroxtrat trong học thuật ở ngoài biên ải. Lẽ ra tất cả những người cầm bút ở trong nước đều phải có tiếng nói bằng học thuật nghiêm túc để đấu tranh chống lại những quan điểm học thuật sai trái trên. Đây là cuộc đấu tranh tư tưởng trong lãnh vực học thuật và văn nghệ mà bất cứ ai có trách nhiệm với Tổ quốc và nhân dân, với sự bảo lưu truyền thống văn hoá dân tộc cũng không thể làm ngơ được. Vậy mà Văn Chinh cố tình tung hô, ngợi ca một cách tuỳ tiện quan niệm của Nguyễn Hưng Quốc về bài thơ Con Cóc và cho đó là 'có tinh thần khai thác tôn vinh các giá trị cổ điển của dân tộc.'"(Bài của Văn Chinh bị Đỗ Ngọc Yên nhắc ở trên là bài 'Những sai biệt long trọng và lấp lánh' đăng trên *Văn Nghệ Trẻ* số 42).
14. *Thơ, v.v... và v.v...*, Văn Nghệ xuất bản tại California, 1996, tr. 263-4.

báo cũ

Trên mười hai năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

*** Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

*** Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

*** Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130&131, 132, 133, 134, 135, 136.

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng **bookrate** và **surface**.

Di sản

LÊ THỊ THẤM VÂN

Kính tặng Giáo sư Nguyễn Khắc Kham

những trang giấy mỏng như da
khung kính mờ, đục như màng
mắt người
sắp,
sắp loãng tan...

mùi giấy
ủ
thời gian

dãy sách
chồng kín
thời gian

nằm dài trên thảm
tìm kiếm từng lời nói của thời gian đã xóa sạch

mở hộp thơ
đều đặn ngày-tuần-tháng-năm
tập giấy đẫm mùi mực copy
đâu đó ngoài ngõ
bỗng chạnh lòng

"nữ sĩ"
ngẩn ngơ lòng

nghĩ đến đôi bàn tay run run
da sậm
mắt sương
giọng vọng...
còn đó hay đã mất đêm qua?

truyền suy nghĩ
truyền tư tưởng
truyền giấc mộng
cho nhau

truyền đi sản
của nhau
truyền màu mạ non
ánh sáng cuối xuân
hiu hắt
lịm dần

California đầu hè cuối đông giữa mùa lá rụng
tiếng mưa lộp độp chen tiếng cười nói rộn ràng:
"Bãi Cháy-Chùa Hương-Cầu Nước-Vịnh Hạ Long..."
nuốt tuột âm thanh
vội vã giật lui thời gian-không gian

truyền cho nhau
niềm tin

truyền cho nhau
sức sống
vét cạn
truyền hết cho nhau

nỗi tuyệt vọng
âu lo nhọc nhằn bất an dọa dầy
tủi nhục oan khiên

truyền cho nhau
trống rỗng
phũ phàng
tội nghiệp

truyền cho nhau
máu lửa
hận thù

truyền cho nhau
phỉnh lừa
hèn yếu
bất lực

dua xuống kinh nghiệm, yêu thương,
độ lượng, tâm thành
dâng lên niềm tin, thiết tha, chân thành,
nỗ lực, ước muốn

giọt nước mưa cũng là giọt nước mắt
rửa sạch
ngàn năm trước
gửi ngàn năm sau.

Đám mây bạc
trắng
vừa bay ngang
đỉnh đầu.

Trận con cóc

Phạm Thị Hoài

Tôi thấy một con cóc lên đánh trống ở cửa trời, để hỏi cho mình một chỗ trên chiếu thơ. Chiếu thơ nước Việt tưởng không hẹp mà sao bí chỗ, đến nỗi mỗi tấc cắm vằn là một sinh tử, giữ chiếu thành ra trọng đại như giữ nước vậy. Đỗ Minh Tuấn đánh trận con cóc này khác nào Lý Thường Kiệt kéo quân đi phạt Tống, cũng lấy chuẩn ở một cái *khế ước* như thể đấy là *thiên thư*, cũng vì *độc lập tự do không gì quý hơn* của non sông giống nòi Việt.

Thế trận này đương nhiên là thế chính nghĩa. Một dân tộc, một nền văn hoá nhè đầu con cóc mà gõ ra bằng được những cái họa cỡ cực đại như *diệt tộc, nô dịch, xâm lăng*... Đỗ Minh Tuấn đã kiêng dẫn Đảng Bác Marx Engels, lại tuyệt đối không dùng búa rìu của công nông và cách mạng. Nợ nần của lớp trước ông có vẻ không gánh hộ, song nhẹ nhất là chứng hoang tưởng cũng hành hạ ông và khiến ông hành hạ người khác, giống hệt những người đi trước vậy. Chứng này có nằm trong máu dân Việt, có di truyền, có thuộc vốn liếng dân tộc không? Rằng có thì chẳng khó dẫn chứng xuôi, rằng không cũng dễ dẫn chứng ngược. Tạng người Việt -tôi xin dùng chữ này để lược bớt cái vô tích sự của những thuật ngữ còn luẩn quẩn vướng chân nhau: *ý thức/vô thức/ nhận thức/cảm thức/cảm quan/tâm thức/ tâm thể/ký ức/bản sắc cộng đồng/dân tộc/văn hoá*...- nếu có, thì dường như lộ ra rõ nhất ở cái *xuôi cũng được ngược cũng xong* đó mà thôi.

Thật không thể bảo dân Việt hay sợ bóng sợ gió. Tây Tàu còn không sợ, Nhật chẳng ngán, Mỹ đuổi thẳng về nước Mỹ, làm sao có chuyện sợ ma! Rất nhiều nhà văn ở Việt Nam thường giấu thật kỹ một mẩu chữ hơi

nhọn trong mấy chục vạn chữ nhẫn thín tròn xoe, rồi nín thở chờ cho thiên hạ tìm. Sự hồi hộp run rẩy của họ có thể sánh với động đất toàn thế giới. Bảo họ hèn chẳng được, vì họ đang tự hùng. ít nhất từ nửa thế kỷ qua ở nước ta mọi tương quan từ sơ đẳng trở đi hoặc là biến mất, hoặc là được sắp đặt lại theo những thước đo dùng riêng cho người nước ta. Cái bé thành to, cái to thành khổng lồ, cái thực sự khổng lồ lại tiêu tan, cả một xứ sở vốn khiêm nhường bỗng đeo kính lúp vào mà hoành tráng và khuếch đại thế nào thì cũng thường xuyên lên cơn nhược tiểu tự ngót như thế. Sống mãi trong những nghịch lí, rồi lại nghịch lí của nghịch lí của nghịch lí..., vô tận, thậm chí người ta chẳng buồn cả nguỵ biện nữa. Phê bình văn nghệ ở Việt Nam chẳng còn cách nào hơn là lang thang mò trong những tương quan giả tưởng. Nó làm những chuyện ngược đời một cách bình thản. Nó đong bát phở nhỏ nhẻ ngày nào của Nguyễn Tuân bằng chậu mậu dịch. Nó treo cả bộ trường thiên tiểu thuyết lên sợi tóc. Cách giết gà bằng dao mổ trâu khiến những tay đồ tể đầy sát khí mà như hề. Cách dùng thìa múc cạn nước biển Đông khiến đám lao công đẫm tinh thần phục vụ mà như làm biếng. Thế không phải do mất trí, mà có lẽ ngược lại, là những cách tỉnh táo để sống còn.Việc đem khẩu đại bác của *khế ước văn hoá* ra bắn một con cóc không hề điên hay nực cười như người đứng ngoài sáng sủa nhận xét, rõ ràng là người bắn không ghê tay mà người nghe cũng không ghê tai, thậm chí lấy làm sướng tai. Trước nghịch lý xập xí xập ngầu thì lý hay vô lý khôn dại như nhau. Hôm nay là bệnh sợ cóc làm cách mạng, ngày mai biết đâu cũng họ Đỗ lại gõ mõ cho làng văn tôn cóc lên Thành Hoàng. Như vậy hoang tưởng, hay quáng gà, hay tự kỷ ám thị và tương tự chỉ là ống xả, là những chứng nhẹ trong bệnh mất thực tại, mất định hướng, mất tương quan nói chung. Khi mất điểm tựa có thật thì người ta bám vào những thứ *tưởng là thật* kỳ quặc nhất. Cả một xã hội tha hồ duy tâm duy ý chí trên lưng một chủ nghĩa duy vật đã khuất là như vậy. Văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa đúng ra phải được gọi là văn học phi hiện thực ảo/hoang tưởng chủ nghĩa mới chính danh. Trong trận văn hoá của hư cấu kiểu Đỗ Minh Tuấn này nhất định phải có giặc, càng nguy hiểm càng tốt, cũng như hơn bốn mươi năm trước trong trận cải cách ruộng đất, làng nào cũng phải moi ra chừng ấy cường hào địa chủ, nếu không đủ kẻ thù thì cách mạng còn căn cớ gì!

Một khái niệm như *khế ước văn hoá* cách đây không lâu chắc chắn bị *đề cương văn hoá, cương lĩnh văn hoá* đuổi ra khỏi tiếng Việt. Cũng như vậy, những *khắc khoải văn hoá, run rẩy tâm linh, chủ thể tán loạn, cô đơn, nghệ sĩ ký thác nhân tính và mặc khải, niềm cô tịch u huyền, vô thức*

cộng đồng, bàng bạc của linh hồn, đền thờ âm tính, vùng đất hứa... mà Đỗ Minh Tuấn dùng rất cuống, như sợ ngày mai chẳng kịp, mới mười hai năm trước còn là hàng chợ đen, không có trong từ vựng xã hội chủ nghĩa cấp phát theo tem phiếu. Nếu từ ngữ là thành phần của văn hoá, và quy cách dùng từ ngữ cũng thuộc về *khế ước văn hoá*, thì bản thân Đỗ Minh Tuấn đã là một bằng chứng sống, rằng *khế ước* ấy đổi thay xoành xoạch. Năm Ất Sửu còn như thế, năm Đinh Sửu này là như thế, chính ông cũng chẳng dám chắc năm Kỷ Sửu tiếng Việt của ông sẽ được phép tải những của cải gì của dân tộc và những gì có thể lại phải lén chôn. *Sách trời* lật từ trang ướt sang trang khô như thế nào chỉ có *trời* biết. Cái *Khế ước văn hoá* của dân Việt mưa nắng thất thường âu cũng là thiên cơ. Quả nhiên vẽ ma quỷ dễ hơn chó ngựa. Vẽ một cái *khế ước* biến hoá khôn lường chẳng ai biết mặt dễ hơn vẽ một cái *khế ước* thiên hạ đã nhẵn mặt là Hiến Pháp nước CHXHCN Việt Nam.

Như thể lấy tư cách một người Việt nói với người Việt, Đỗ Minh Tuấn thấy không cần thiết phải cho biết *dân tộc Việt* ấy gồm những ai, *bản sắc đã hình thành trong một lịch sử mấy ngàn năm* là bản sắc gì, *mã số của vô thức cộng đồng* cụ thể là mã gì, *bản chất của văn hoá Việt Nam* nằm ở chỗ nào, nhất là làm thế nào biết được người nào *sống ở nước ngoài mà mang văn hoá Việt*, và người nào *sống ở trong nước mà mang văn hoá ngoại lai*. Cứ ngầm hiểu với nhau là được, vì cũng theo ông, người Việt *dị ứng với cách nói huỵch toẹt thiếu độ tế nhị*. Điều này khiến tôi nhớ một chuyện tếu: khi được phổ biến rằng, lịch sử một lần nữa đặt vào tay chúng ta trách nhiệm nặng nề là như thế như thế, một nông dân đã ngơ ngác yêu cầu cán bộ cho biết lịch sử là thằng nào mà toàn giao việc nặng cho ta vậy. Hiểu ngầm quả là cách hiểu cực kỳ tế nhị, tiếc rằng lịch sử của chúng ta cho đến giờ phút này, chính là thằng cha lịch sử trong chuyện kể trên, lịch sử của bốn, ba, hoặc ít nhất là hai ngàn năm hiểu ngầm dài dằng dặc lại chẳng thèm tế nhị chút nào. Hay bao nhiêu tế nhị rót vào văn hoá của thơ rồi, mặc kệ cho sỗ sàng trơ trẽn làm thịt văn hoá không vần của cuộc sống? Người hôi thì hay bôi những phẩm chất thơm nức. Tuy vẽ chân dung dân tộc Việt rất sơ sài, nhưng động tác Đỗ Minh Tuấn rảy lọ nước hoa của tế nhị lên dân tộc ấy đã tiết lộ đáng kể. Có lẽ mũi người đọc cũng nên ngầm ngửi ra một mùi gì.

Tại sao nhất định phải khoanh vùng, chỗ này là văn hoá Việt, chỗ kia văn hoá ngoại nhân và tại sao một con cóc nhảy một cái là rũ bỏ một *quốc tịch* thành ra người lạ, thậm chí thành kẻ thù với cố hương? Đỗ Minh Tuấn

đã làm hết sức mình để trả lời, chung quy ông thấy cần thiết phải bảo vệ độc lập tự do của văn hoá dân tộc, chia người theo *quốc tịch văn hoá* cho dễ quản lý việc xuất nhập cảnh hơn. Xét rằng, Việt Nam hai mươi hai năm sau giới nghiêm của chiến tranh nóng, và sau gần một thập kỷ chấm dứt chiến tranh lạnh, vẫn cấm công dân nước mình tự do ra vào nước mình, thì có thể thông cảm trong ngoặc với chính sách văn hoá của họ Đỗ. Song lãnh thổ bất khả xâm phạm của một nước được bản đồ quy định cụ thể. Ta hãy xem Đỗ Minh Tuấn vẽ bản đồ văn hoá nước Việt như thế nào.

Dẫn chứng cụ thể đầu tiên được đưa ra là hai ông Thiện Ác *ở chùa của người Việt*. Ở đây tôi bỏ qua sơ hở trong lập luận về giả thuyết đảo ngược Ác Thiện, làm người đọc mỉm cười về sự rối trí của luận lý, là tự sút bóng vào gôn nhà vậy. Cũng xin nhắc nhẹ rằng hai ông hộ pháp này tên đầy đủ là Khuyến Thiện và Trừng Ác, hiểu như vậy chứ không hiểu ngầm hay hiểu tắt thì không mất thì giờ *diễn dịch* về *ân oán* hay *quy ước* ngược xuôi. Song quan trọng hơn, ta bỗng thấy nếu theo chỉ dẫn về Thiện Ác của Đỗ Minh Tuấn, thì chùa của người Việt ít nhất phải mở sang đến Tây Tạng là một mặt, mặt khác văn hoá Việt "hiện thân" qua hai ông này lại phải dừng ngay ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ của người Việt Kinh. Ít nhất mười lăm thế kỷ Chàm và một phần Phù Nam-ChânLạp-Ăng Co từ Hoành Sơn xuống đến cực nam soi vào gương ấy không thấy mình hiện lên. Thảm cảnh miền Nam con ghẻ của Việt Nam từ ấy mà ra có lẽ. Năm chục sắc dân thiểu số khác cũng chẳng biết tìm mình ở đâu trong chùa của người Việt. Dùng phép khái quát của Đỗ Minh Tuấn thì họ tuy sống trên lãnh thổ Việt mà mang *quốc tịch văn hoá* khác, và đức Đà Lai Lạt Ma đang mang *quốc tịch văn hoá* Việt đi lưu đày.

Những tôn giáo lớn và tất cả các hệ tư tưởng cũng như các mô hình xã hội quan trọng nhất ở Việt Nam cho đến nay tiếc rằng đều là sản phẩm ngoại quốc, được Việt hoá tùy mức độ. Ta lại có thể thông cảm trong ngoặc rằng nước Việt không thể trả Phật về Ấn Độ, trả Khổng Mạnh về Tàu, trả Marx về Đức, trả Lenin về nước Nga được, bởi lẽ các vị ấy sau khi sinh sống ở nước ta thì chẳng còn giống chính mình, hơn nữa họ đã kiêu hãnh nhận làm công dân thế giới. Song một sự cẩn trọng và sòng phẳng tối thiểu phải có. Nếu không, sẽ thành chuyện kiểu Lỗ Tấn: ông kể rằng một người Trung Quốc hăng hái cổ vũ cho cách tân, trách một người Trung Quốc khác sao còn đóng bộ khăn áo cổ hủ. Người cổ hủ hỏi lại người cách tân rằng đang mặc quần áo gì. Người cách tân đáp: quần áo ngoại quốc, khi đó là Âu phục. Người cổ hủ bảo: tôi cũng đang mặc quần

áo ngoại quốc, mà người đó quả thật ăn mặc lối Mãn Châu của triều Mãn Thanh. Chuyện này, kể theo lối Việt Nam cuối chứ không phải đầu thế kỷ hai mươi, phải đổi vai: một người Việt thích phụ nữ mặc áo dài Lemur trách một người Việt mê váy đầm là vọng ngoại! Ai cũng biết đàn bà trước Minh Mạng mặc *quần không đáy*. Cũng như vậy, trước khi tuyên bố về *mỹ cảm mỹ quan* của người Việt qua những cuộc *thi hoa hậu* kiểu Việt, Đỗ Minh Tuấn ít nhất nên giải thích, cớ sao điểm răng đen hạt nhãn đã biến mất, và có *hiền lành trung hậu* thế nào mà không đạt tới chiều cao mét bảy và nhún nhảy trong bộ đồ tắm thì không ăn giải gì. Đúng kiểu Văn Lang thì thay vì bộ đồ ấy phải xăm lên mình hình thủy quái. Chậm nhất là đến giữa thế kỷ này, không còn bất cứ thứ gì ở nước Việt có thể khai rõ lai lịch Việt nữa. Rất nhiều lần gạch ngoại quốc và biết bao sắc tộc Đông Nam Á chồng lên nhau, may lắm thì được gắn lại bằng keo hồ Việt Kinh. Song một lâu đài nguyên vẹn kiểu như vậy cũng chẳng còn. Cả ngoại nhân và dân nước Việt cùng thi nhau phá. Bốn thế kỷ văn hoá Đại Việt I tan vụn trong hai chục năm Minh đô hộ. Lại bốn thế kỷ văn hoá Đại Việt II nát nhừ trong tương tàn. Những gì còn sót khâu vào mảnh Đại Nam chưa được trăm năm thì giông bão của thế kỷ này lại xé ra rồi, mà ngọn sóng vĩ đại của cách mạng vô sản thậm chí cuốn phăng cả những tàn tích cuối cùng. Một hành động như thắp nén hương trên bàn thờ tổ tiên từng bị coi là phong kiến phản động, thì truyền thống quả là đã tắt, chẳng được mỏng như khói hương. Tôi không dám bảo bản đồ văn hoá Việt đã mất, song ít nhất nó đã nhoè và rách tới mức khó mà cứu được cả. Nếu văn hoá Việt có hồn, thì không thể đưa ra một hình nộm bảo nó nhập vào. May ra ta nhặt nhạnh được mảnh xác nào của nó thì chụm lại mà hy vọng nó đậu xuống đấy một lát. Nếu có một cái *khế ước văn hoá* của dân tộc Việt thì may ra đấy là những mảnh gương vụn. Ta chỉ có thể thử đặt chúng cạnh nhau chứ không ghép nổi, cố soi vào rạn nứt ngổn ngang xem mình hiện lên dưới bộ dạng nào, và hiểu rằng gương vỡ không bao giờ lại lành. Tấm gương của Đỗ Minh Tuấn là thứ ngự sẵn trên tường, để thưa rằng không ai đẹp được dường như Ta.

Nhưng cái Ta rành rành trong gương ấy cứ thỉnh thoảng lại nhoà đi một cách đầy sách lược. Đang hăng hái đánh dấu tỉ mỉ cương vực văn hoá Việt, Đỗ Minh Tuấn lại mở vòng com-pa khoanh tuốt cả cái gọi là *văn hoá phương đông* vơ vào mình. (Để một lúc khác thấy trong cái *phương đông* bao la đó có thể có giặc lại co chạy về địa phận Việt.) Ai đã từng ăn xúp tế độ có thể khổ sở nhận ra rằng, *phương đông* đáng tiếc đã từ lâu là cái thùng khổng lồ của lòng từ bi kia, mỗi bát múc ra giống trăm ngàn

bát, và chẳng có gì để mà nhằn, dẫu là xương chuột. Chẳng trách được nhiều người Việt xa nước cứ gửi hoài tâm tình về một địa chỉ khống: địa chỉ *phương đông*, mà hồi âm vẫn mịt mù. Ở Việt Nam không đầy một giáp trước, Kinh Dịch mấy chục năm là kinh cấm. Mới đây, trong một công trình khoa học được nhà nước phê duyệt, bỗng nhiên Âm Dương Ngũ Hành, Hà Đồ Lạc Thư, Dịch, và cả Lão Tử Khổng Tử nữa đều xuất xứ ở Bách Việt tức Việt tức Việt Nam. Như thế làm sao không hoang mang, biết nước mình lúc nào nằm ở *phương đông* hay lúc nào bị quăng đi phương khác? Phải chăng khi cần thì rước ngoại nhân vào, phương nào cũng hảo, khi không thì trở mặt? Bản thân Đỗ Minh Tuấn kéo cờ Việt đi đánh trận văn hoá này, trớ trêu thay cũng dùng rặt cố vấn ngoại quốc. Ông không trích dẫn một nhà tư tưởng, một lý thuyết gia, một tác giả Việt nào hết. Có lẽ văn hoá Việt thiếu hẳn mục lập thuyết. Hay bụt chùa nhà bỗng nhiên không thiêng. Hay bắn ngoại xâm bằng đạn ngoại quốc là thượng sách. Nếu văn hoá Việt trọng cách ăn ở *có hậu* như ông nhấn mạnh và tôi cũng muốn tin như vậy, thì thói bạc bẽo này ở văn hoá nào?

Hẳn là Đỗ Minh Tuấn cũng lần hồi qua ngày giữa những tráo trở, cũng vất vả với những biên giới tùy tiện, nên có vẻ như người chết đuối vớ được chiếc cọc nào cũng hô lên là cọc Mã Viện và chống vào đó mà đi trảy kinh văn hoá Việt Nam. Sự cẩu thả nhiệt tình của ông khi ngợi ca thần linh Việt có thể khiến các vị này điên tiết hơn là nghe báng bổ. Lẽ ra ông nên theo gương Khổng Tử, kính họ mà chớ sáp lại gần tỏ tình thân vô lối. Song nửa thế kỷ cơm vô sản nhịn thần kiêng món tâm linh, nay dọn nhằm bất cứ thứ gì cũng chẳng lo có người sành bóc mẽ. Hơn nữa, người còn trói rồi cởi rồi lại trói được, huống gì thần. Để phong chứng chỉ di tích lịch sử văn hoá dân tộc cho cái gọi là *đền thờ Thần Thơ Dở*, tức *Thơ Con Cóc*, Đỗ Minh Tuấn vịn vào cái *lôgíc văn hoá siêu việt, độc đáo có một không hai của văn hoá Việt Nam* trong những đền miếu thờ *âm tính*(!). Ở đây tôi lại bỏ qua việc ông dùng khái niệm lung tung, điều tra hồ sơ thần linh lẫn lộn, hiểu biết lịch sử hình thành và phát triển tín ngưỡng, tôn giáo của nhân loại rất nghiệp dư và mơ hồ. Chỉ xin thắc mắc, đã thích khái quát lấy được như thế, sao thần gắp phân của làng Cổ Nhuế Hà Đông chuyên làm nghề ấy chưa được cử làm đại sứ văn hoá Việt Nam đi truyền bá cái *siêu việt* của dân tộc?

Dân tộc nếu không phải là một cái gì rất phiếm, thì cớ sao những mục đích khác nhau nhất đều núp tốt vào đấy? Kể từ khi nước Đức Quốc Xã nhấc tinh thần dân tộc Đức lên trên đầu những tinh thần khác thì nhân loại

đã ngại dùng liều thuốc dân tộc độc nhiều hơn lành, song con bệnh Việt Nam chắc là theo sách lấy độc trị độc. *Văn hoá* lại càng phiếm, như gió, lùa vào đâu cũng gọi là gió. Nhưng *khế ước* phải cụ thể. Nếu nhất định phải đút nút những chiếc túi gió nào đó, xin Đỗ Minh Tuấn đề *huỵch toẹt* lên đấy là túi khế ước của nước CHXHCN Việt Nam mà thôi. Như thế không có gì để bàn thêm nữa. Thế gian này còn đủ gió cho những ai đã kịp chui ra ngoài.

Trở về với con cóc. Tôi đã cố gắng nhấc nó ra khỏi một ma trận, để cuộc chiến khổng lồ vì những lý tưởng kếch xù không nghiền nó thành bột cóc, trước khi nó kịp gặp một ông trời luôn đi vắng, để hỏi cho mình một chỗ trên chiếu thơ. Một vài kẻ nhỏ nhoi nào đó trong đám dân Việt chúng ta cũng từng liên tục lạc như thế vào bao cuộc chiến rầm rộ chính nghĩa của những người hùng lạ hoắc, và thân tàn ma dại mà không kịp hiểu ra nông nỗi gì. Còn lại, vụ kiện trời thơ của con cóc ấy tôi không dám phân giải. Đời này đã lộn nhiều phen ngoạn mục từ trái qua phải, đã đi bằng đầu, đã đổi trước xuống sau, thốt đưa kẻ dưới lên làm bề trên, thì Thơ Con Cóc lên ngồi chiếu trên cũng là một cái thú, chí ít nó đã thử xáo động một trật tự cũ buồn tênh. Tôi tin rằng nếu được kiện nó sẽ không ngồi lỳ ra đấy, mà sẽ nhảy nữa, ra ngoài chiếu thơ, ra ngoài những lý thuyết, nhảy đi đâu chẳng biết, nhưng không thể nhảy về ngồi đáy giếng nữa.❐

NGUYỄN HƯNG QUỐC

VĂN HỌC VIỆT NAM

DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN

(Tái bản lần thứ nhất)

Bìa Khánh Trường. Giá 16MK.

VĂN NGHỆ xuất bản.

Dù trong dù đục

TRẦN HỒNG CHÂU

công cha
gặp nghĩa mẹ
trong vòm không gian túi càn khôn
bừng nở
dỏ rừng san hô
bừng nở hoa dăng
hội ngàn sao!

âm dương vân vũ
từng dợt, từng dợt
hôn mê
điểm sáng linh thần
lớn lên theo thủy triều dâng...

chào vũ trụ con người
dất trần gian thân ái!

cho ta hôn
dóa hôn đầu đời
lên băng trinh
lớp lớp phù sa
mê đắm!

đù trong đù đục
"đường thế đồ gót rỗ khi khu"
nước mắt, nụ cười
ta vẫn vui đi
bờ ngực căng như cờ thất tinh
miền tuổi ngọc
chân vững như Yên tử sơn
gốc đại thụ quê hương
trục kình thiên quê hương
mây trắng ngàn năm...

đời ngọt lịm sữa lúa-ba-giăng
ba tuần trăng tỏ
chào vũ trụ con người
đất trần gian thân ái!

Cóc lại nhảy ra

Đặng Tiến

Về cuộc tranh luận trên *Văn Học*, số 134, tháng 6.1997 chung quanh bài thơ "Con Cóc" giữa hai bạn Đỗ Minh Tuấn (Hà Nội) và Nguyễn Hưng Quốc (Úc), tôi tình cờ bị liên lụy ngay từ đầu, nên có đôi lời góp ý:

1. Bài thơ "Con Cóc" là một bài thơ hay?

Tôi có lời hứa với hai bạn là sẽ viết về thi pháp trong thơ "Con Cóc", nhưng chưa kịp làm thì hai bạn đã to tiếng. Tuy nhiên, lỡ hứa thì sẽ làm, khi âm thanh và cuồng nộ sẽ lắng xuống.

2. Nguyễn Hưng Quốc đã linh cảm được thi tính của bài thơ và diễn đạt nhiều cảm xúc đáng quý. Tuy vậy, trong tư thế nghiên cứu và trong tham vọng đưa ra một "lý thuyết văn học" (!) tác giả chưa chứng minh được bài thơ hay ở chỗ nào, nên chưa thuyết phục được những bạn đọc thiện chí, còn những người phản ứng bằng thành kiến thì khỏi nói.

3. Lý do đầu tiên (có lẽ) là Nguyễn Hưng Quốc vẫn xem bài thơ như một công cụ diễn đạt cái gì đó - mà bạn đã biểu hiện lại rất hùng hồn, thay vì xem tác phẩm như một cái đẹp tự tại, tự lấy mình làm cứu cánh. Đây là cơ bản về phương pháp. Nói khác đi, bạn vẫn nhảy ra nhảy vào trong những giới hạn mà bạn vẫn thường chê trách nơi kẻ khác.

Khi Nguyễn Hưng Quốc đề xướng những nội dung trong tiềm năng bài thơ, bằng một mớ chữ nghĩa bay bướm, có phần thời thượng, thì người đọc thấy tài hoa, sức tưởng tượng của tác giả mà không thấy giá trị nội tại của bài thơ. Thậm chí, còn tác dụng ngược: tác phẩm, nếu quả thực là hay, thì hà tất người phê bình phải hùng biện?

4. Lý do tiếp theo, như Nguyễn Hưng Quốc đã thừa nhận, là anh đã sử dụng bài thơ như một cái cớ để lập thuyết. Thuyết ấy là: văn bản chủ yếu là thơ, không mang một ý nghĩa *"tự tại, nhất thành, bất biến"* mà có thể có nhiều nghĩa khác nhau, tùy theo cách hiểu của người đọc, những *"đồng tác giả với tác giả"*. Quan điểm này không có gì là lý thuyết, cũng không

mới. Gần đây thôi, cũng trên tạp chí *Văn Học*—không phải là cơ quan nghiên cứu chuyên môn—số Xuân 1997, Võ Thu Tịnh—không phải là "giáo chủ của thi đạo (chữ của Đỗ Kh., tạp chí *Thơ*, số 10, 1997)—đã viết: "Thật ra, một thi phẩm không bao giờ có một nghĩa đơn độc mà thường có nhiều ngụ ý ẩn dụ khác nhau" (trang 57); và một người đọc trung bình có thể tự tìm ra năm bảy ví dụ để minh họa.

5. Từ đó, người đọc ngạc nhiên trước những chữ nghĩa lớn lao mà Nguyễn Hưng Quốc đưa ra, ví dụ lời quảng cáo in ngay ở trang bìa sau sách *"Thơ, v.v... và v.v..."* (Văn Nghệ 1996): "Lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam, có một lý thuyết mới về thơ mang tính cách sáng tạo". Đây có lẽ là lý do làm Đỗ Minh Tuấn phẫn nộ và đưa ra vấn đề *Khế ước Văn hóa*—cũng lại lãng xẹc. Rồi hai vị to tiếng, như chuyện người điếc đi câu. Cuộc chơi mất vui!

6. Từ chỗ bất bình, Đỗ Minh Tuấn đã viết bài phê phán. Nhưng có lẽ vì vội (hay lười), anh đã chọn con đường ngắn nhất: thay vì phân tích cuốn sách, anh chỉ đánh vào...con cóc. Đánh như thế thì *ta nhất định thắng, địch nhất định thua!* Đỗ Minh Tuấn lại là kẻ khôn ngoan, biết rằng thắng lợi kiểu ấy sẽ không vẻ vang, bèn đổi chiến trường, chuyển sang mặt trận *khế ước văn hóa*.

7. Một khi đã đổi chiến trường, thì phải đổi chiến thuật và vũ khí. Đỗ Minh Tuấn sử dụng trọng pháo, rả vào đối phương không biết bao nhiêu tạc đạn: *"quốc tịch văn hóa mới...nước ngoài đào tạo...xâm lăng văn hóa...diệt tộc về văn hóa...áp đặt và vong bản..."* Đã dùng đến hỏa tiễn thì phải bắn ra...nước ngoài, chớ chả nhẽ lại bắn vào...con cóc? Oanh tạc đã nư rồi, chàng lại phải tự mình thu dọn chiến trường, bằng tất cả khối *"đam mê truyền đời, rớm máu và oan khuất"*. Trong kho tàng cổ tích Việt Nam, cụ Đổng Chi hồi sinh sẽ thêm vào chuyện Con Cóc Rớm Máu...

8. Giải thích như vậy, phần nào cũng để trả lời Nguyễn Hưng Quốc. Trong bài đáp lễ, anh đã đặt nghi vấn, ngoài phần chiến thuật bút chiến...các câu hỏi của Nguyễn Hưng Quốc có thể thành thật. Việc gì mà Đỗ Minh Tuấn, bình thường uyển chuyển và cởi mở, tự dưng hung hăng? Dĩ nhiên là Nguyễn Hưng Quốc phản pháo, gọi đối phương là *"chỉ điểm, tự ti, kỳ thị"*. Không đúng. Nếu muốn chỉ điểm, thì Đỗ Minh Tuấn viết cách khác. Anh có nhiều khuyết tật, trừ...tự ti. Cũng không kỳ thị.

9. Bình thường, tôi không tham dự vào những cuộc tranh luận, ít luận nhiều tranh. Lần này, phần văn học có dính líu đến tôi, hai bạn cùng tên Tuấn (tên thật Nguyễn Hưng Quốc là Nguyễn Ngọc Tuấn - chú thích của *Văn Học*) lại là chỗ tình thân, tôi mới ngỏ lời. Đại khái là cóc mở miệng.

Đằng sau chuyện văn học, dĩ nhiên là có những ám ảnh chính trị mà

Sâm thương một nỗi
HOÀNG LỘC

sáng dậy anh thường nhìn phương đông
khi quê nhà đang ở đầu hôm
anh với em, hai trời một nỗi
như vì sao có tên sâm - thương

để em hoài lặng nhìn phương tây
khi sao hôm buồn rơi dấu ngày
là lúc quê người anh thức sớm
cũng nghe lòng buồn lên sao mai

phải khác thời mà sao đổi tên
phải hai trời mà anh nhớ em
có khi góc bể và chân núi
nhờ một vì sao đã nối liền

em phía hoàng hôn anh bình minh
hai bìa trái đất gió chênh vênh
một sao lấp lánh đôi bờ lệ
từng sớm hôm soi một chữ tình.

tôi không đề cập, vì không phải là chuyện mình. Mà cũng không vui vẻ gì. Hai bạn đều là những bậc tuổi trẻ tài cao, tôi mong sẽ tạo được nhiều cuộc vui, tao nhã và bổ ích.❐

Orléans 7.8.1997.

Bài viết "Khế ước văn hóa trong bài thơ 'Con Cóc' " của Đỗ Minh Tuấn nguyên đăng trên báo *Văn Nghệ* (Hà Nội) ngày 1.3.1997. Từ ấy, đã có nhiều bài trao đổi trên báo *Văn Nghệ Trẻ*, có người bênh thơ "Con Cóc" trên số 42 và 47. Cuộc trao đổi đang tiếp tục.

Tuổi thơ sớm mất

Nguyễn Thị Vinh

Cuối cùng, Hiền cũng đã lo xong giấy tờ đi Thái Lan, công việc chót lọt nhờ sự bảo trợ của một đài phát thanh ở Na Uy, cho chương trình "đi thăm" các trẻ em Việt Nam mồ côi, hiện đang sống trong trại tỵ nạn Phanat Nikhom, đoàn đi thăm gồm ba người. Cô Karen Solvei, một nhà hoạt động xã hội người Na Uy, làm trưởng đoàn, Ngọc Thuận nữ thông dịch viên và Hiền, nhà báo không chuyên nghiệp, có chân trong hội Hồng Thập Tự địa phương. Mặc dù có giấy giới thiệu của cơ quan Tỵ Nạn và đài phát thanh Na Uy, tòa đại sứ Thái tại Oslo vẫn tỏ ra dè dặt trong việc đóng dấu nhập cảnh đất Thái. Ở đây, họ không nói hẳn ra là họ không muốn người Việt Nam, đi thăm những người Việt Nam khác tại xứ sở của họ. Mặt khác, họ lại cũng không muốn để các cơ quan truyền thông Na Uy nhìn nước Thái như một quốc gia thiếu tự do.

May mắn, vào phút chót, Hiền nhờ một bà bạn người Thái Lan, chủ cửa hàng bán đồ lưu niệm ở một thành phố miền tây Na Uy, đứng ra liên lạc trực tiếp với tòa đại sứ Thái, công việc vì thế mới chóng xong. Thay vì phải chờ đợi giấy phép của Bộ nội vụ Thái mất hai tháng, đoàn của Hiền chỉ mất hai tuần. Karen Solvein không hiểu nổi cách làm việc "đi cửa sau" của mấy người châu Á., nhưng cô rất hài lòng, chuẩn bị cho chuyến đi thật chu đáo.

Cô hy vọng các tài liệu thu thập được tại trại tỵ nạn, giúp cô điều chỉnh lại luận án, môn tâm lý xã hội, mà cô sẽ đệ trình vào năm tới. Ngọc Thuận đã ba mươi sáu tuổi, chưa lập gia đình, rất khó tính, dường như cô ta không thích trẻ con. Nhưng mời một nam thông dịch đi theo đoàn, gồm hai phụ nữ, Hiền thấy không tiện, nên cả Karen Solvein lẫn Hiền đành phải chọn Ngọc Thuận.

Tới Bangkok, đoàn thăm viếng nghỉ ngơi nửa ngày, chờ thuê xe riêng để đi hơn trăm cây số nữa mới đến Phanat Nikhom, vùng tỵ nạn của

người Việt. Đang ở Na Uy, một nơi vào mùa thu, các cây lá đều đổi màu, sang tới xứ nhiệt đới, cũng giữa mùa thu, cây cối vẫn xanh tốt, Karen ngạc nhiên, thích thú, Cô nói với Ngọc Thuận:

- Ở đây có lẽ quanh năm là mùa xuân, Việt Nam hẳn cũng giống vậy?

Ngọc Thuận đang bực bội vì chuyến đi mệt nhọc và cũng do nhiều thứ cô không thích, nên cô trả lời giọng nhấm nhẳn:

- Ở đâu thì cũng có các mùa thay đổi chứ, Việt nam cũng vậy.

Hiền nhìn ra ngoài xe, chỉ cho mọi người thấy một vùng rộng lớn, những dãy nhà lụp xụp, nom xa như chao đảo trong hơi nóng dưới nắng mặt trời chói chang. Karen vẫn nói như reo: "Không ngờ lại được đi nghỉ hè vào mùa thu". Trong lúc Karen trả tiền xe và hẹn ngày cho người tài xế Thái trở lại đón ba người về Bangkok, Ngọc Thuận bảo Hiền:

- Mồ côi gì đâu, ở đây là trại "các trẻ em không thân nhân" đi cùng. Không thân nhân đi cùng đâu có nghĩa là mồ côi... Biết bao nhiêu trại khác ở Phi, ở Mã, có trẻ em mồ côi thật thì không đi thăm...

Hiền gần như phải thuyết phục Thuận:

- Nhưng chúng vẫn là trẻ em người Việt, đang thật sự sống không cha mẹ, không thân nhân, ở trong trại tỵ nạn. Biết đâu chuyến đi này chẳng đem đến cho chúng ta điều hiểu biết, hữu ích nào đó...

Ngọc Thuận im lặng. Hiền nghĩ trong con người này phải có một tâm sự u uẩn, không bình thường. Nhưng sao cô ta không từ chối chuyến đi, đâu có ai ép được. Karen Solvei thật hạnh phúc, cô sinh ra và lớn lên tại Na Uy, một xứ sở mà chiến tranh chỉ còn nằm trong trí nhớ của những người già. Cô không thấy cái kinh khủng của thời chiến cùng những nỗi đau đớn của nó kéo dài tới cả trong thời hậu chiến.

Hiền có bốn anh chị em, nay chỉ còn hai người, Hiền và một cậu em, hiện ở Úc. Người anh trai mất trong trại tù cải tạo, người em gái mất tích trong chuyến vượt biển. Sau ba năm ở Na Uy, Hiền nhận được một chân dạy tiếng mẹ đẻ, với đồng lương tương đối. Thân nhân cũng không còn ai để Hiền phải lo giúp đỡ. Tuân, cậu em ở Úc, đã có học bổng và mùa hè đi làm thêm, nên Hiền cũng chẳng phải lo phụ giúp cho cậu ta.

Trong chuyến đi này, Hiền có mua nhiều đồ chơi, sách hình bằng tiếng Anh có cả tiếng Việt cho các em bé Việt Nam trong trại. Lúc này, Karen đã sắp đặt xong mọi việc lặt vặt. Hiền thấy cô ta đang cùng đi với một cô gái tóc vàng và một bà Sơ người Việt. Cả ba cùng nói, cười vui vẻ, đi lại chỗ Ngọc Thuận và Hiền. Bà Sơ giới tự giới thiệu, rất cởi mở:

- Tôi là Anne Phượng, trước làm việc tại bệnh viện Saint Paul Sài Gòn cũ, mới qua đây được tám tháng...

Bà sửa lại nếp áo và nói tiếp:

- Còn đây là chị Messana, người Mỹ, người điều hành tổng quát của trại "Unaccompanied Minors Center", rất tốt với các em, các cháu Việt Nam...

Sau đó mọi người tự giới thiệu, trong không khí tựa như đã quen biết nhau từ lâu. Hiền để ý thấy Ngọc Thuận tỏ ra thân thiện với bà Sơ, cách nói chuyện của bà như truyền cho người nghe một tình cảm tin cậy và thân gần.

Karen đề nghị chia ra làm hai nhóm làm việc, nhóm thứ nhất gồm Ngọc Thuận, Messana và Karen. Nhóm thứ hai gồm bà Sơ Anne Phượng, Hiền và thầy Khôi một thầy giáo của các em trong trại. Tháng tới, thầy Khôi được đi định cư tại Pháp do con của thầy xin đoàn tụ. Trước 75 thầy dạy Anh Văn tại Cần Thơ, tính thầy ít nói, có vẻ trầm buồn.

Mỗi nhóm đều có phương tiện như nhau, máy quay phim, máy chụp hình và máy ghi âm. Chủ đề chung là tìm hiểu về đời sống tinh thần cũng như vật chất của các em ở trong trại. Mọi người đều vui vẻ, lúc chia tay, cùng chúc nhau: "May mắn!"

Sơ Anne hỏi Hiền:

- Chúng tôi đã được biết mục đích viếng thăm của đoàn, riêng cô Hiền, còn trẻ, lại chưa lập gia đình mà cũng nghĩ tới những trẻ em mồ côi ở đây, tôi thật mến cô.

Hiền khiêm nhượng:

- So với công việc của sơ hiện nay, chuyện em đi thăm chẳng đáng gì...

- Chúng tôi rất cần các hội đoàn từ thiện và báo chí từ các nơi đến đây, tiếng nói của quý vị sẽ giúp cho nhiều người hiểu được nỗi khốn khó của các trẻ em tỵ nạn và bao khó khăn của chúng tôi, những người điều hành trại. Trước kia, mọi việc tương đối dễ dàng, phần việc của trại, lo gìn giữ sức khỏe, dạy các em học, tổ chức những cuộc vui... Chờ ngày các em, lần lượt, đi định cư ở nước thứ ba.

Vào tới sân một khu trong trại, Hiền hỏi bà Sơ:

- Sơ ạ, em nghe nói là nhiều nước không muốn nhận các trẻ em tỵ nạn nữa, có đúng không?.

- Như đã nói, trước kia họ nhận nhiều, nhất là Mỹ. Nhưng nay cả Mỹ cũng nghi ngờ, các em không mồ côi, nhưng cha mẹ các em cho đi vượt biên một mình, để sau đó tới được nước nào sẽ bảo lãnh cả nhà...

Thầy khôi cũng cho biết:

- Họ nghi ngờ do câu hỏi đặt ra, vẫn chưa có câu trả lời. Bằng cách nào mà một em mồ côi có phương tiện đi vượt biển..

Hiền cắn môi, góp ý:

- Kể cũng khó.

Bà Sơ bảo:

- Nếu là con lai, họ chấp thuận ngay, nhưng bây giờ nghe nói ở bên Phi, người ta cũng thanh lọc, phỏng vấn những người nuôi trẻ lai. Chỉ vì một số người mình, ở trong nước, đã xem con lai như một món hàng trao đổi, mua đi bán lại. Người nuôi chúng thì không được đi, người có tiền bỏ ra mua chúng thì đi được..

Buổi trưa, trong giờ các em nghỉ, nhóm của Hiền vào căn nhà sau văn phòng điều hành của cô Messana, tại đây có bán món ăn, cà phê, nước ngọt. Hiền có ý tìm gặp nhóm Karen, nhưng không thấy. Bà Sơ đoán được ý Hiền, nói:

- Khu bên kia đang tập hát, chuẩn bị cho đêm văn nghệ vào tuần tới, nên có thể nhóm cô Karen đang phỏng vấn các em... Thôi, thầy Khôi và cô Hiền cũng phải ăn trưa đi chứ, không đói chết!

Thầy Khôi bảo:

- Ở đây chỉ có bánh mì và cơm chiên, cô Hiền dùng tạm, cơm hay bánh mì? Còn sơ, tôi biết sơ không ăn ở quán xá, nhưng sơ uống đỡ nước cam, hay sữa?.

- Cảm ơn thầy, thầy cho tôi một ly nước cam.

Hiền tiếp:

- Còn tôi, thầy cho một đĩa cơm chiên. Nhưng để tôi cùng đi lấy với thầy.

Khi thầy Khôi trở lại, họ vừa ăn, uống vừa tiếp tục câu chuyện. Hiền hỏi:

- Các em ở đây có bị phỏng vấn không, thầy Khôi?

- Tránh sao khỏi, anh Jack Price, người phụ trách hồ sơ tỵ nạn, cho biết nhân viên INS của Mỹ, tức cơ quan di trú và nhập tịch, phỏng vấn khá khắt khe với các em.

Bà Sơ cũng nói:

- Người lớn mà hỏi chuyện trẻ con với ý văn vẹo thì chúng làm sao mà trả lời được.

Thầy Khôi thở dài:

Khổ nỗi, nếu họ dễ dãi, qua Mỹ, chiếu theo luật, các em vị thành niên lại được phép bảo lãnh cha mẹ, anh chị em... Vì vậy họ nghĩ là họ bị lừa, người mình đã lừa họ. Có lần Jack đã nói như vậy.

Bà Sơ nhẹ nhàng tiếp:

- Mỹ và các quốc gia đệ tam, lúc này rất lơ là trong việc nhận người. Phần đông, họ cho rằng nếu các em có hồi hương trở lại Việt Nam, sẽ

không bị nhà cầm quyền cộng sản xét xử và trừng phạt, như đối với những người tuổi trên mười bảy.

Thầy Khôi còn nói:

- Mặt khác, nhiều người tỵ nạn Việt cũng đã về du lịch hoặc thăm quê nhà, khiến dư luận các quốc gia, từng nhận người tỵ nạn, rất khó chịu. Họ tẩy chay âm thầm bằng cách từ từ giải thể các chương trình đón người tỵ nạn vì... kinh tế. Cái khó là người mình không biết bảo nhau. Chiến tranh lâu dài quá, người ta quen thu vén cho riêng mình, quen bị khủng bố mới sợ, hơn là tự giác...

Dứt lời, thầy Khôi nhẹ thở dài. Qua câu chuyện trao đổi lúc ở ngoài sân, Hiền được biết thầy Khôi đi học tập cải tạo 5 năm, khi trở về thì vợ thầy đã có chồng khác... Hai đứa con của thầy phải về bên nội, sống qua ngày. Sau đó, thầy gửi được cậu con lớn đi vượt biên cùng với gia đình người bạn. Giờ nó đang ở Pháp, đã lo xin được cho thầy qua đoàn tụ, vào tháng sau. Đứa nhỏ vẫn còn ở Việt Nam với ông bà nội.

Buổi chiều, trong cuộc gặp gỡ các em tỵ nạn Việt, Hiền ghi âm tiếng nói của các em và chụp được nhiều hình ảnh đặc biệt. Qua cuộc tiếp xúc này, Hiền thấy phần lớn các em rất thông minh, nhưng cô cũng buồn, vì sự thông minh ấy nói lên một điều hiển nhiên: Các em mất tuổi thơ. Cùng lứa tuổi với chúng, trẻ em ở Na Uy còn rất ngây thơ, song lại là sự ngây thơ cần thiết, như cần thời gian cho một con người phát triển nhân cách vững chắc. Cái khôn của một số trẻ em Việt, từ trong nước đi ra, dưới cái nhìn giáo dục, Hiền lo sợ, tương lai của các em rồi sẽ ra sao. Khi tuổi còn thơ, các em đã phải lao đầu vào trong cuộc hành trình liều mạng. Nếu may mắn thoát được, lại bị giam mình trong trại với cách sống tạm bợ, hết sức bấp bênh. Một số trong các em còn phải học thuộc lòng các câu nói dối, để nếu qua thanh lọc, khi sang Mỹ, chiếu theo luật các em lại xin bảo lãnh cha mẹ, họ cho như thế họ đã bị các em lừa! Nhưng theo Hiền, tại sao phải lừa, lừa để làm gì, thì lại không được đặt thành vấn đề. Bởi vì, cho dù các em không chứng minh được rằng mình đã bị bức hại, nhưng cha mẹ các em bị bức hại, gia đình tan tác, các em không có cơm ăn, áo mặc, không được đi học, thử hỏi có gọi là bức hại được không?

Đến gần bé Hồng Liên, mười hai tuổi, mắt to đen lay láy, Hiền hỏi về ăn uống trong trại, em đã trả lời:

- Cơm nhiều lắm cô à nhưng đồ ăn ít lắm cô à.

- Hồng Liên có bà con nào ở Mỹ hay Canada không?

- Không cô à. Nhưng bạn cháu có bà con ở Úc, gửi tiền cho nó mua bánh, nó cũng cho cháu ăn ké. Còn đồ chơi thì nó không chia cho cháu...

Bà Sơ hỏi:

- Không chia, nhưng nó có cho con chơi chung không?

- Khi nào hai đứa không cãi lộn thì nó mới cho chơi...

Hiền bật cười:

- Thì cháu đừng thèm cãi lộn với nó nữa!

Cạnh đấy, Hiền thấy một em gái khác tên là Cúc, mười lăm tuổi, khuôn mặt em trắng xanh, đôi mắt buồn bã. Nhìn em, Hiền có cảm tưởng đây là một thiếu phụ, sau những đau khổ chồng chất, thân hình thu nhỏ lại. Hiền hỏi:

- Quần áo trại phát cho các em, mặc có đủ không?

Phải mấy phút, em mới lí nhí trả lời:

- Thưa bà, đủ.

- Em đừng gọi tôi là bà. Cứ gọi là chị Hiền. Ngoài những khó khăn chung của trại, em có điều khó khăn riêng thì cứ cho biết, may ra tôi có thể giúp được chút nào chăng. Tỷ dụ như các em gái ở đây, thuộc lứa tuổi em, có bị ai gây phiền gì không?

Em Cúc không trả lời chỉ lắc đầu, ánh mắt sợ hãi, dụt dè nhìn quanh. Bà Sơ ghé vào tai Hiền nói nhỏ: "Trường hợp em này tôi sẽ cho cô biết sau, em có dấu hiệu của người mắc bệnh tâm thần, khủng hoảng". Một tốp các em trai vừa tới phòng sinh hoạt, các em ùa vào mang theo không khí ồn ào, vui nhộn. Hiền nghĩ "phải hỏi một em nào có vẻ bạo dạn nhất, cho công việc được trôi chảy đã, rồi mới qua những em khác, vốn không quen nói chuyện với người lạ".

Quả nhiên Đạt, một trong những em ngổ ngáo nhất, đã cho biết nhiều chuyện:

- Hàng mấy chục phái đoàn tây, ta đủ loại tới đây hỏi đủ chuyện tụi em rồi, mà tụi em vẫn cứ phải ở trong trại mãi, giống như là ở tù ấy. Không biết ngày nào mới được ra khỏi đây... Toàn là hàng rào và những dãy nhà lá lụp xụp, cô thuộc phái đoàn nào?

- Chúng tôi ở Na Uy nhưng không phải là các nhân viên đến nhận người tỵ nạn...

- Thế thì đến đây làm gì?

- Đến thăm các em, xem các em có gặp khó khăn nào, sẽ kêu gọi người giúp đỡ. Em bao nhiêu tuổi?

- Mười bốn!

- Em ở trong trại từ bao lâu?

- Từ năm lên tám, sáu năm rồi!

Đạt còn cho biết đời sống ở trong trại cách nay hai năm còn khá, bây giờ mỗi lúc mỗi thiếu thốn, cơm thì dư thừa nhưng thức ăn, như Hồng Liên cho biết, thiếu nhiều. Những em ăn khỏe như em Đạt, ăn phần thức

ăn của mình với cơm xong, ngồi chờ vét phần thức ăn của những bạn ăn yếu, bỏ lại, rồi ăn tiếp. May, chưa có "nạn đầu gấu, đại bàng trấn lột", kẻ mạnh bắt các kẻ yếu phải nạp thức ăn trước. Phần khác, cũng nhờ có các nhân viên người ngoại quốc cùng hiện diện trong giờ ăn. Nhưng sự bắt nạt, cá lớn nuốt cá bé thì ít, nhiều, ở đâu cũng có. Thầy Khôi còn cho biết, mới tháng trước đây, ba em trai ở lứa tuổi mười sáu, mười bảy đã phải ra tòa về một tội hình sự. Hiền ngạc nhiên:

- Tòa xử trẻ vị thành niên à?

- Theo luật Thái, trẻ em trên mười lăm tuổi, không còn là vị thành niên nữa. Sắp tới, em nào ở trại này mà bước vào tuổi mười sáu, sẽ qua ở chung trại giành cho người lớn. Không còn là thiếu niên nữa...

- Chết!

Hiền buột miệng thốt lên như thế, em Đạt hỏi:

- Chị nói "chết" gì vậy?

Hiền lắc đầu, cười:

- Thói quen thôi, y như kêu "trời ơi" ấy mà!

Em Thuần 13 tuổi, vẻ bạo dạn, nhanh nhẹn, cách nói lễ độ, đã cho biết:

- Phần đông chúng cháu không có đồ chơi, quà bánh gì hết, nếu không có người nhà, họ hàng ở nước ngoài. Cô hỏi về chuyện ăn ngủ à... Chúng cháu ngủ có mùng, mền và chiếu trên các xạp tre hay gỗ thông, ban ngày phải dựng lên để lấy chỗ chơi đùa. Phần ăn sáng chỉ đáng giá 1 "bath"...

Hiền vội hỏi:

- Em có biết một mỹ-kim ăn bao nhiêu "bath" không?

Em thuần lắc đầu. Bà Sơ liền đỡ lời:

- Một mỹ-kim ăn 25 bath, tiền Thái cũng có giá lắm.

Em Thuần kể tiếp:

- Hồi mới tới đây, cháu nhớ nhà lắm. Sau cũng quen dần. Nhưng bữa nào đau, nằm một chỗ, lại nhớ nhà.

Phần đông các em đều nói: "Ban ngày có bạn chơi đùa không sao, nhưng tối, đến giờ đi ngủ lại nhớ nhà, nhớ ba má lắm".... Năm tháng trôi qua, những gì mà thân nhân dặn các em phải khai báo là "không cha mẹ" chẳng còn là điều cần thiết đối với các em. Thường ở tuổi mười lăm, trở lên con người đã biết suy nghĩ riêng, các em không biết phải xin đi tiếp hay xin trở về, không ai trong trại hướng dẫn các em cách ổn định đời sống tinh thần. Những em ở trại trên ba năm bắt đầu biết lo sợ.

Hai tuần lễ làm việc tại trại "Unaccompanied Minors Center" ở Phanat Nikhom qua mau, đây là một trường hợp đặc biệt, bộ Nội Vụ Thái

có cảm tình với nước Na Uy, một trong những quốc gia giúp đỡ nhiều chương trình viện trợ từ thiện cho Thái, nên đoàn của Karen Solvei được hưởng mọi sự dễ dãi.

Ngồi trong phòng đợi tại sân bay Bangkok, nhớ đến câu chuyện mà sơ Anne đã kể cho Hiền nghe về em Cúc. Em thật sự mồ côi cha, năm 1983 ba em bị chết khi đi làm "nghĩa vụ quốc tế" ở Kampuchea, lúc đó em mới ba tuổi, mẹ em hàng ngày phải ra chợ quét dọn, gánh, vác thuê cho các chủ sạp từ sáng đến tối, vẫn không đủ cơm ăn, áo mặc cho hai mẹ con. Năm 1992, gặp dịp may hết sức tình cờ, bà cố gắng đánh liều đẩy em đi vượt biên một mình, mong thoát được, em sẽ bảo lãnh cho bà.

Em ở trại được gần ba năm rồi, qua nhiều lần thanh lọc, em vẫn không đủ tiêu chuẩn được đi định cư. Phần em, nói dối không khéo, lại cứ nhớ thương mẹ khóc lóc hoài. Người ta đã định ngày tháng cho em hồi hương. Đùng một cái, được tin mẹ em chết vì một tai nạn lao động. Người ta cho em thanh lọc lại, em được đi Mỹ chỉ còn đợi ngày của chuyến bay.

Điều đó lúc này cũng chẳng giúp em vui hơn, vì mục đích của em đã mất rồi, em đâu còn mẹ để lo bảo lãnh. Em lại mắc bịnh ngây ngây, dại dại như thế, nếu có ở Mỹ, thì đời sống của em sẽ ra sao!

Mải nghĩ về chuyện em Cúc, tự dưng nước mắt Hiền lặng lẽ ứa ra từ lúc nào mà không tự biết. Trong khi Karen tỏ ra sung sướng với một "núi" các tài liệu, phim ảnh, thì Ngọc Thuận cũng vui vẻ rút ra tấm giấy cô khoe có tin vui, cần phải báo cho Hiền và Karen biết:

- Tôi đã ký giấy bảo lãnh cho một em gái tám tuổi, với tư cách nhận em làm con nuôi...

Cả Hiền lẫn Karen cùng lộ vẻ sung sướng lẫn ngạc nhiên. Ngọc Thuận kể tiếp:

- Sơ Anne Phượng nói đúng, tôi có đau khổ cách mấy cũng không làm sống lại được hai đứa em của tôi, chết trên đường chạy từ Đà Lạt ra Nha Trang, hồi tháng 3 năm 1975. Thầy Khôi, một người theo đạo Phật, cũng bảo: "Không chỉ có một mình cô hay một mình gia đình tôi đau khổ".

Đoàn thăm viếng của Karen trở về Na Uy yên ổn, mùa thu vẫn còn đấy, trên đường về nhà, ngồi trong taxi, nhìn ra cây cối hai bên đường, vàng một màu vàng trái chín xen lẫn những lá phong đỏ rực màu son tươi, in trên nền trời xanh dịu. Sao Hiền lại thấy trong lòng mình bất an. Hoàn cảnh của em Cúc, mới mười lăm tuổi đời, đã bị đau thương làm loạn trí, và hình ảnh của bé Quyên, một em gái sáu tuổi, ôm trái bầu khô, có gắn tóc và vẽ mặt, giả làm búp bê. Ôi những em thơ Việt Nam. Tuổi thơ của các em đã trôi theo vận nước, các em thơ đã mất tuổi thơ....!□

Núi đá xanh

TRIỀU HOA ĐẠI

trà sớm trên núi xanh
cánh trà oan oan khổ
mây theo gió. Rơi, bay
bạn bè xuôi mấy ngả

trà tối. Núi đá xanh
khói bay quanh muôn nẻo
hồn du du phương nào
vỗ về vừng trăng khuyết

trà xanh cánh sương mỏng
lấp ló. Gió, mây rừng
mưa điểm trắng tóc ai
thổi thu sang dã nhạt

ngày tàn, đêm tàn nốt
uống trà nước mắt rơi
loanh quanh miệng chén cạn
có khỏa lấp dời sau

cất tiếng hỏi mãng phu
xa rừng. xa núi non
gánh củi sầu mưa nắng
rơi rắc ánh chiều hôm

hồn ta về đâu nhỉ
trí ta ở phương nào
lửa nhục thân cháy hết
hương trà bay nơi nao?

nghiêng ly tưởng bạn cũ
khuất, lấp cánh trà xanh
núi xanh chim bay mỏi
xa như những thác ghềnh

Trên tay còn tuổi

Lê Minh Hà

Chạy tuột cả guốc mà rồi tôi vẫn phải bật ra trường ngoại thành. Vậy cũng là tốt. Còn hơn bắt cả nhà dựng giường lấy chỗ chăn trẻ như cái Ngọc năm trên. Nó tóc tém, guốc mười một phân, nói năng thì như anh Mới băm thịt gà, bảo "Thôi ở nhà! Vì tương lai con của mẹ tao, làm sao lo được tương lai con thiên hạ!" Vậy mà lúc làm cô nuôi dạy hổ tại gia, hiền lành hẳn. Chỉ đến tối đóng bộ vào đi học ngoại ngữ mới thấy nó lại là nó.

Ngọc đạp xe theo tôi lên trường nộp quyết định phân công công tác. Vừa đi vừa về bảy chục cây, tóc tai dựng ngược. Lúc về tới Hà Nội, phố đã lên đèn. Vào quán cà phê, hai đứa nhìn nhau: "Y như hồi xưa đi tham quan ấy nhỉ! Xa Hà Nội có mỗi một ngày, về cứ có cảm giác nhà quê đập mũi vào cổng tỉnh." Uống hết tách, Ngọc đứng lên giục tôi về. Lúc lấy xe đạp, Ngọc tự dưng thở dài, rồi tự dưng lại cáu: "Mày đi dạy thế cũng tốt. Dù sao thì cũng là cái nghề được học. Nhưng mà liệu cái thần hồn. Có mỗi mống người yêu đó đừng để sảy!"

Duyên tại người phận tại trời. Cứ đi đã. Lẵng nhẵng mãi cũng hết một niên khóa. May cho tôi. Trường xa nhưng vẫn thuộc về Hà Nội, Hà Nội can, nên vẫn có thể theo xe đi về hàng ngày, không phải ở lại tới cuối tuần. Bến tôi đi là bến gốc. Bến đến cũng áp bến gốc. Nên kiểu gì cũng có thể thu xếp được một chỗ ngồi. Đi được bốn tháng thì tôi tập được thói quen xe chạy tới bến thứ hai là ngủ. Đầu va cốm cốp vào cửa kính, vào tay vịn... Kệ. Ngủ đã. Không tập được thói quen này thì tôi chắc phải bỏ nghề. Xe chạy tuyến này là Carosa, nhập từ xứ rét nào chẳng biết, thời sinh viên bọn tôi gọi là xe Chaôicha, toàn cửa kính là cửa kính bí như một cái hầm. Lên xe thì đủ thứ mùi. Mùi mồ hôi. Mùi những bãi nôn lưu cữu. Mùi thuốc lá. Vào những hôm mưa phùn thì còn mùi quần áo của đủ hạng người lê la ở đủ các nơi. Sợ nhất là mùi phân gà trộn mùi tỏi tươi cộng mùi hoa huệ của mấy bà buôn chuyến. Lần nào xuống xe tôi cũng phải tuột

dép ngồi luôn ở vỉa hè để định lại thần trí.

Người yêu tôi thương lắm. Nên rất chiều tôi. Tôi bảo đừng đi đón em, xe về không đúng giờ, chờ khổ, lại dặn bảy giờ tối tới trình diện, bảo gì nghe răm rắp. Mấy bà chị đi cùng một tuyến xe thương cảm: "Chẳng bao giờ thấy người yêu Quỳnh Anh đi đón!" Tôi cười tươi hơn hớn: "Y theo lệnh em đấy!" Bụng chửi thầm: "Các bà mà nhìn thấy thì giềm chắc bỏ nhau luôn!"

Là tại vì đấng người yêu của tôi rất đẹp trai. Hôi đầu mới biết nhau, tôi không nghĩ bọn tôi sẽ là cái gì của nhau nên phát biểu rất thành khẩn: "Gã này giống cái bánh rán nóng nhân mặn quá!" Bọn con gái ngó tôi cười suýt sặc. Bọn con trai thì im lặng nhìn nhau. Bình thường có diện kiến cậu chàng đẹp trai nào, tôi thường khen là giống cái Mifa, giống cái Eska (1) đập hộp. Hết. Các cậu vô can cười sung sướng. Gã bị khen thì nhăn mặt và sau đó lịch sự hiếm thấy với tôi.

Tôi hình dung đương kim người yêu chờ mình ở bến xe mà sợ. Mặt mũi bắt nắng đỏ gay gắt. Kính chễm chệ trên mũi, nếu bỏ ra lau thì người ta sẽ nhìn thấy hai vòng trắng lốp bao quanh mắt. Tay xách túi vải bạt chỉ nên dùng đi chợ. Chân xỏ đôi dép chỉ đáng đem hiến cho mấy bà "Ai lông vịt dép nhựa can nhựa hỏng bán đơ...i....i". Nó vốn được đặt ở bậc tam cấp sau nhà tôi để ra chỗ chuồng gà công nghiệp cho mấy con gà ăn. Lúc quyết định nhận công tác, tôi đem kỳ cọ cẩn thận và đặt ra cửa trước. Nói chung là bộ dạng tôi lúc bò trên xe xuống trông rất kỳ cục. Không ra dáng sinh viên. Dĩ nhiên. Bây giờ là lúc tôi nhìn mấy chị ranh sinh viên cùng đi một tuyến xe bằng một góc mắt. Không ra dáng mấy mẹ buôn chuyến. Điều này chẳng có gì đáng tự hào. Dân buôn chuyến có tiền ăn quà vặt dọc đường nhanh như thụi. Càng là một cái gì xa lạ với khái niệm giáo viên trung học, trong Nam ngày xưa còn được tâng là giáo sư đấy. Đi đi về về khổ như thế nhưng tôi vẫn không thể nào ép mình ở lại trường đến cuối tuần mới về. Phần vì lời cảnh tỉnh của Ngọc. Phần vì không sao chịu nổi cảnh xa Hà Nội. Tôi có cảm giác chỉ cần sống qua mấy chiều phố huyện như thế là tôi sẽ biến thành mấy chị hiếm chồng cùng trường ngay. Các chị dạy ở xa tít mù tắp đâu bây giờ mới xoay được về trường gọi là gần nhà. Buổi chiều tắt nắng các chị đặt một xoong cơm nhỏ lên bếp dầu, cơm cạn vặn bếp nhỏ ra tưới rau. Có xôn xao chăng chỉ có mỗi mùa làm bột sắn dây vào cữ giêng hai. Bà nào cũng làm. Làm đêm làm ngày. Mua sắn. Mài sắn. Lọc sắn. Phơi sắn. Đó là kế hoạch ba hàng năm của họ. Bán cho chị em khắp trường. Cuối tuần thủng thỉnh chờ chuyến xe chiều vãn khách xách một bao về nhà ở Hà Nội, vừa bán vừa biếu. Chẳng hiểu có khi nào

họ mang làm quà cho con của một cựu tình nhân nào đó không? Sống thế, thà tìm cái chùa nào còn được nhận người đầu Phật mà tu quách! Tròn đạo trọn đời.

Tôi phải về Hà Nội hàng ngày. Để tối tối đạp xe đến trường ngoại ngữ. Học gì đâu. Lớp ngoại ngữ ban đêm là nơi người ta tập cho nhau hát bài "Từng đôi chim bay đi tiếng ca rộn ràng". (2) Chỉ cốt để thấy mình vẫn đang sống.

Tan lớp ngoại ngữ thì bọn tôi đi chơi. Không có nhiều chỗ chơi ở một thành phố nhỏ như Hà Nội. Quán cà phê mờ mờ ảo ảo không phải là nơi tôi thích, không thích thay cho cả ví tiền của anh. Ghế đá công viên, bờ hồ ban đêm đố đôi tình nhân "nghiêm" nào kiếm ra. Mà chỗ đó cũng mờ ảo nốt. Không thích hợp với bọn cộng lại có những tám mắt mười điop như bọn tôi. Thành thử cứ đạp xe lang thang hết phố này đến phố khác. Mỏi chân thì về. Dọc đường về dừng xe trước cửa trường Đại học Việt Nam cũ. Tôi thích chỗ này. Phố Lê Thánh Tông nằm rất hiền. Vỉa hè rất rộng. Bậc thang rất cao. Nhìn thẳng ra phố Lý Thường Kiệt. Xế bên trái là Thông tấn xã Việt Nam lúc nào cũng rào rào tiếng máy. Ngồi đây thì không sợ trấn lột. Đêm đầy ắp gió. Tán lá thật dày, thật cao, để lộ một khoảng trời chi chít sao. Tôi thích ngồi bậc dưới, lọt thỏm trong lòng anh, nghe tiếng lá lao rao, nhìn sao, hạnh phúc thấy mình bé bỏng. Và lạ lùng: Người dưng mà sao có cảm giác hiểu nhau đến thế.

Những mùa hè nối mùa hè. Bọn tôi vẫn chưa cưới. Người yêu tôi bảo: "Bọn mình cưới thì em nên nghỉ, Đi dạy thế này cực nhọc quá. Mà lương có làm được gì đâu!" Tôi ngồi nghe, lặng yên, gật. Nhưng cứ lần lữa không chịu cưới ngay. Đi làm thì thế. Nhưng bỏ việc... Làm gì cho hết ngày? Dù sao vẫn phải sống để hy vọng chứ. Tôi hy vọng chuyển được về nội thành. Dạy cấp một cũng được, dù rằng tôi ác cảm với chương trình cải cách chính tả đang được phổ cập cho bọn trẻ con. Dạy ở trường sáng hay chiều. Kèm thêm cho vài ba đứa đầu đậu phụ bố mẹ lắm tiền. Cũng bằng đẩy xe bò lên dốc. Và sẽ vẫn thiếu trước hụt sau. Sẽ vẫn phải về kèo nèo mẹ. Nhưng còn hơn làm nội trợ không lương cho chồng và lo đẻ.

Trường tôi lại thay một lứa giáo viên. Mấy bà chị cùng đi ô tô đã xoay được về nội thành. Bà đi dạy bà chuyển nghề. Một bà chị trong đám hiếm người yêu vừa nhận lời ông trưởng phòng nông nghiệp huyện góa vợ ba con. Bà này vậy là thành người phố huyện cả đời rồi. Mùa thu lắm bão. Tôi đi sớm về muộn. Xe phải đổi đường liên tục vì nước ngập. Ở trường,

học trò nhao nhác chờ thầy cô đến chậm. Thầy trò mặt mũi nhợt nhạt vì mưa, ống quần cả thầy lẫn trò sau ba tiết học vẫn không khô, dính sát vào bắp chân rất khó chịu. Phòng học mù mịt hơi nước. Tôi ngồi đóng đinh bên bàn giáo viên không dám đứng dậy, hỏi bâng quơ: "Nhà các em kịp gặt hết không?" Cả lớp nhao nhao "Kịp cô ạ" "Không kịp cô ạ". Thằng Thạch ngồi bàn đầu bé như cái kẹo mút dở thở dài: "Làng em hôm kia có đứa chết. Anh em nó đi gặt lúa ngập. Dây điện đứt. Toàn phải thế. Nhà em hôm qua đi vớt lúa về tưởng phải cảm hết cả." Con bé Hoàn to như con voi mi-ni hơn bạn cùng lớp hai tuổi bật khóc: "Nhà em gặt sớm làm đất trồng tỏi cho ngoại thương sớm. Trồng xong thì bão. Mất hết vốn rồi." Chẳng biết tiếng đứa nào: "Còn tiền cũng không mua đâu ra giống tỏi bây giờ".

Tôi nhìn cả lũ học trò. Nghĩ mất mùa, sang năm lớp mười hai thế nào cũng có đứa bỏ học. Cái Hoàn lớn đùng năm nay đã mười tám sẽ đi lấy chồng theo lệnh bố mẹ. Rồi sẽ đi buôn. Con gái phố huyện này đảm lắm. Buôn đủ thứ. Mật mía. Tỏi. Dưa lê. Thịt chó. Hoa huệ... Ra bến xe thấy trò huỳnh huỵch xếp hàng, chào rất to: "Cô hết tiết rồi cô? Cô chờ em khuân nốt đống này. Để em giữ ghế cho thầy cô. Lên xe sớm nhọc lắm". Bao giờ cũng thấy một đứa nào đó áo hớt vạt trước. Hỏi thăm, trò cười ngây ngô, hớn hở: "Em một cháu rồi cô ạ".

Buổi tối tôi lại đi cùng người yêu. Bọn tôi thôi không hẹn nhau ở trung tâm ngoại ngữ nữa. Gặp nhau sớm hơn và chia tay về ngủ cũng sớm hơn. Sau cơn bão, cây cối xơ xác. Ban đêm nhìn càng xơ xác. Trời vần vũ mây trắng. Thoáng một vệt sao rơi. Kể chuyện ở trường, người yêu tôi cười: "Em vẫn đọc Hà Nội Mới hàng ngày đấy chứ? "Giá sinh hoạt đứng ở mức cao". Nhưng cũng không còn thế nữa đâu. Ừ thì nhà quê mất mùa. Em xót mấy đứa học trò. Xót luôn mình nhân thể. Mới chỉ thấy đồn tăng bù giá vào lương, ở chợ giá đã lên đùng đùng. Bão chưa tan, giá lại lên. Chị Hải anh chiều nay kể gạo lên mấy giá rồi. Rau cũng đắt lên rồi..."

... Tôi không tiếc rẻ cái nghề đã kì cạch học và hành bao năm nữa. Cũng không hi vọng nữa. Tôi bỏ trường. Không chia tay với học sinh. Không liên hoan với đồng nghiệp. Gửi một cái đơn xin thôi việc lên Ban Giám hiệu và chờ nhận về "một cục"(3). Rồi xong. Nhưng đấy là sau khi người yêu tôi lấy vợ. Vợ anh trẻ hơn tôi, là bác sỹ mới ra trường, về làm phòng y tế ở bộ anh. Ông bố cô ta là giáo sư, trước cùng khoa với chị gái anh, từ ngày chuyển sang làm vụ trưởng vụ...đi nước ngoài như đi chợ. Hôm anh cưới, tôi đến đúng giờ ghi trong thiếp mời, thấy cô dâu tươi tắn và trong trắng quá.

Bây giờ, tôi mùa hè thì móc thuê. Mùa đông dệt len. Và đảm trách toàn bộ bầy gà công nghiệp. Có lần mấy đứa bọn tôi rủ nhau mở quán giải khát ở nhà Hà. Địa thế đẹp. Phòng rộng. Bàn cãi mấy buổi trưa vì cái tên của quán. Quán Hà, viết trên bảng hiệu bỏ dấu thành Quan Ha, nghe khá là Hồng Công Đài Loan và có vẻ gợi. Mà sao vắng khách. Cả lũ bỏ một đống tiền để ốp tường bằng gỗ, mua bàn ghế cốc tách chanh đường cà phê bánh ngọt định kinh doanh theo kiểu Profi, rồi ra sức tiêu thụ hàng của chính mình, cuối mùa chia nhau nốt những thứ không ăn được uống được. Đang ngồi giữa một đống chân bàn chân ghế dựng ngược thì em Hà đèo bồ đi đâu về đâm sầm cái Dream vào tấm biển vừa hạ xuống. Tuấn cười: "Các bà mở quán mà không có tươi mát thì ma nó vào". Bồ Tuấn lườm người yêu. Tôi nhìn, tự dưng đau cả bụng. Thằng em vô tư: "Chứ gì nữa. Đêm hôm nọ mưa, anh về, thấy các chị ấy để đèn nê ông sáng tưng bừng nhìn chẳng khác gì phòng hội nghị cấp bộ lúc... phát phong bì xong rồi ấy." Bọn tôi cười ầm. Hà cáu. Rồi cũng cười. Nghĩ thằng em thế mà khéo, không nói là trông các chị chẳng tươi mát tý nào. Lại nhớ có lần con em tôi vừa vào đại học bảo "Các bà giống hệt mấy quả thối (4). Rơi vào đầu ai người đó chết. Mà giẫm phải cũng chết. Đốt lên thì thiên hạ chạy". Cười hết cơn, Hà nghiêm nghị: "Mày cũng dẻo mỏ đấy. Nhưng mới chỉ nhìn thấy hiện tượng. Chưa nắm bắt được bản chất vấn đề". Mẹ Hà lễ mễ xách cái làn nhựa đựng đầy rau cỏ từ chợ về, nhìn đống chân ghế dựng ngược, lẩm bẩm: "Vào hàng mấy chị thì thiên hạ ế chỏng vó!" Hà lảu bảu mẹ buồn cười nhỉ. Bọn tôi lại cười. Vừa cười vừa ngạc nhiên sao mình cứ cười.

... Tôi lại đi học ngoại ngữ ban đêm. Ngày xưa tôi học tiếng Nga. Bây giờ tôi học tiếng Anh. Tôi sắp đến tuổi học vào chậm ra nhanh. Nhưng tôi học chăm chỉ. Xung quanh tôi là rất nhiều người trẻ tuổi. Xung quanh tôi từng đôi chim bay đi.❐

Chú thích:

1: Mifa, Eska: những loại xe đạp một thời rất được chuộng ở Hà Nội do Đông Đức cũ và Tiệp cũ sản xuất.

2: Lời bài hát "Bài ca hy vọng" của Văn Ký.

3: Một cục: Từ thông dụng trong thời kỳ giảm biên chế, ngay cả hiện nay, chỉ số tiền nhà nước thanh toán một lần thay chế độ hưu trí cho những người thôi việc, được tính căn cứ vào thời gian làm việc. Làm bao nhiêu năm thì được nhận lại ngần ấy tháng lương.

4: Quả của một loài cây được trồng lấy bóng mát ở Hà Nội, có nhiều ở vườn Bách Thảo cũ, hay được trẻ con lấy về đốt nghịch, đốt lên có mùi thối khó chịu.

Khúc hát nửa vời

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Đừng bắt tôi hát bài ca ấy
Tiếng kêu của loài ve tuyệt vọng
Một mùa hè ở cuối chân mây
Những cánh chim dại bàng cũng vừa biệt khúc
Cùng biển động
Những phím đàn rưng rưng khóc
Trong tơ chiều
Ôi ngày qua rất vội những mỹ miều
Thanh xuân.

Đừng nhắc tôi về một dấu chân
Hồn tôi se lại từng hạt cát
Chiếc vỏ ốc đẹp nhất
Đã lỡ chôn cất
Dưới lòng đại dương
Tôi cũng dã lỡ
Bọt trắng cùng giấc mơ sóng

Đừng sầu giùm tôi những bông hoa rụng
Vườn ký ức
Những hàng cây mùa đông
Thơm biếc nụ xuân hồng
Lũ ong ngày cũ vẫn không về hút nhụy
Gió tròn môi nẻo gió
Mây qua cầu nẻo mây
Lá bay...bay...bay
Khuất giữa chiều hôm mấy đường viễn mộng

Đừng bắt tôi hát bài ca ấy
Nhạc đời đã tắt
Suối cạn trong khu rừng già
Phím chùng tơ đây
Đêm ai về
Thẹn thùng với trăng
Khuyết một câu thề.

Thằng điếm

Kinh Dương Vương

Đám tù chúng tôi chịu đói, khát suốt một ngày đêm, gần như lả đi, nên khi em bé vừa mang tiền đi khỏi, lòng chúng tôi rộn lên niềm vui như sắp được đi dự "party" nhưng đồng thời sự chờ đợi cũng căng thẳng ngay những giây phút đầu. Một niềm vui quá độ khiến nhiều người trong chúng tôi làm những cử chỉ lố bịch. Họ nói những câu vô nghĩa rời rạc. Họ chọc ghẹo nhau như những đứa trẻ không kìm hãm được khơi bộc lộ niềm vui bằng cách la hét hay nhảy múa, khi được người lớn hứa cho quà. Nếu xét hoàn cảnh thực tế thì niềm vui đó vô cùng thảm hại. Chúng tôi là những đào binh ngoài mặt trận bị bắt đưa về quân lao giam chờ ngày ra tòa lãnh án lao công chiến trường. Từng cặp, tay bị còng dính lại với nhau, chen chúc trong căn phòng nồng nực hơi người đã lâu chưa được tắm, đang đói khát, vậy mà chỉ vừa mới nhận được một lời hứa, có thể là suông thôi, chúng tôi đã quên hết cảnh ngộ bi thảm hiện tại. Chúng tôi vui vì đang thưởng thức trong tưởng tượng hương vị của những goài quà nhỏ em bé sắp mang về: bành mì kẹp thịt, xôi nếp đậu xanh, bánh vao nóng, những điếu thuốc lá thơm... Trong tưởng tượng phong phú đến sinh ra ảo giác, từng gói xôi, ổ bánh mì, từng cái bánh bao hiện ra rõ ràng trước mắt, tưởng chừng giơ tay ra là nắm bắt được ngay, làm cho nước miếng ứa ra đầy miệng, không kịp nuốt.

Em bé đúng là một thiên sứ đã đến cứu vớt chúng tôi trong một hoàn cảnh khắc khe. Nhưng rồi em bé đi mãi, không thấy trở lại. Thời gian của những người đói chờ cơm vời vợi trong từng giây phút, đối với chúng tôi phải nhân lên nhiều lần.

Một giờ. Rồi hai giờ trôi qua!

Đến một lúc, không dây dưa, ranh giới mỏng manh giữa hy vọng và tuyệt vọng đã bị xóa, một cách tàn nhẫn. Vẻ ngời sáng trong mắt họ tắt phụt. Nước miếng đang dồn dập tiết ra trong miệng ngưng lại, quánh đặc,

trở nên đắng chát, khô khốc như miệng người chết khát. Một tì nh cảm nào đó trong họ vừa đổ vỡ. Những gói xôi, ổ bánh mì trở thành than đen. Aùnh sáng bao quanh em bé biến mất, đôi cánh trắng rụng xuống.

"Đ.M.! Gặp điếm rồi anh em ơi!"

Cuối cùng một người la lên bằng giọng của tử tội trước khi nhận những viên đạn vào người. Lập tức ý nghĩ đó được mọi người chia xẻ.

Những câu chửi rủa tục tằn, độc địa, như vòi nước mở, phun ra.

"Đ.M.! Tưởng gặp Phật ai ngờ gặp điếm!"

"Cái mặt trông hiền lành vậy mà bất lương!"

"Đ.M.! Gặp lại nó tao vặn cổ. Đồ ranh con!"

"Thôi bớt giận đi mấy cha nội. Mọi thằng điếm bề ngoài đều có vẻ hiền lành cả. Đó là chuyện thường, đâu có lạ lùng gì. Tại mấy cha nội đói bụng quá đâm quạu đó thôi".

"Sao không la làng? Đ.M.! Muốn giật thì giật mẹ nó đi cho rồi, còn bày đặt ra trò lương thiện làm đéo gì!"

"À! Bỗng dưng làm sao cha đưa tiền cho nó được. Một thằng điếm cao tay trước hết phải biết tạo lòng tin. Khi cha đã tin nó hoàn toàn rồi, giao phó linh hồn cho nó rồi, thì nó mới chơi cha một vố sát ván chứ!"

"Trời! Trời! " Nhiều cái miệng kêu lên.

"Quỉ thần ơi! Thằng điếm lỏi tì. Mới nứt mắt ra đã vậy, nói gì bọn có sỏi đầu!"

Họ đua nhau kể lại những trường hợp tương tự. Dĩ nhiên chuyện nào cũng đưa đến kết luận chung là họ bị lừa, kẻ mất tiền, người mất của.

Một người, có lẽ vẫn còn nhớ cử chỉ khả ái của thaìng nhỏ, nhưng trong tình cảnh ấy khiến anh ta phải đi đến một kết luận chua chát:

"Thằng nhỏ thuộc loại điếm chảy, chứ chẳng phải vừa. Nó muốn gạt phải vừa. Nó muốn gạt tụi mình một vố nặng nên mới bày ra trò trả lại cái kiếng râm."

Một vài người cười, giọng chế nhạo nhận xét chính xác rẻ tiền đó.

"Chứ không à?" Anh ta tức tối, la to lên.

"Nó làm ra vẻ lương thiện khi trả lại cái kính mát để lấy lòng tin chúng ta, dễ bề móc túi. Chứ cáikính đáng giá vài trăm bạc, lấy cũng chưa đã, chơi cả vạn sướng hơn!"

"Này mấy ông! Mấy ông đừng có ồn ào một cách trẻ con như vậy."

Mọi người nhìn lại gã thanh niên mặt còn rất trẻ, nhưng đôi môi thâm xì vì thuốc lá, mắt và da mặt vàng bệnh sốt rừng, vốn ít nói, không ai để ý.

"Đó là chuyện nhỏ nhặt thôi. Tôi kể chuyện lưà phỉnh kinh khủng này cho nghe. Hồi tôi mới trốn lính, bị bắt lần đầu, vào tù giam ở phòng gọi là OB3. Trong phòng toàn là bọn tù con so cả, thằng nào cũng ngờ

nghệch như nghé non mới rời mẹ. Thấy gì, nghe gì cũng sợ xanh mặt lại.

Sáng hôm đầu tiên, vừa thức dậy, đang còn chờ đợi những biến cố mới thì bỗng nghe một giọng dõng dạc vang lên, làm cả phòng giật mình.

"OB3 chú ý! OB3 chú ý!"

Đang chộn rộn, chúng tôi im phắt ngay. Nhìn về phía cái lỗ vuông nhỏ ở cánh cửa sắt vừa được mở ra, thấy một đôi mắt.

"Tất cả đứng lên!"

Chúng tôi tuân lệnh răm rắp.

"Nghiêm!"

Một vài giây trôi qua. Chúng tôi chờ đợi.

"Tất cả cởi quần ra."

Chúng tôi vừa sợ, vừa ngờ ngàng trước mệnh lệnh kỳ quặc đó, người này nhìn người kia chờ đợi, dò phản ứng nhau. Rồi một vài người tuân lệnh.

"Nhanh lên!" Giọng nói bên ngoài lại vang lên, oai vệ.

Tất cả chúng tôi cởi quần. Và... phải nói thế nào đây. Người đó bắt chúng tôi chơi trò "chị năm".

"Bắt đầu! Năm, mười, mười lăm..." gã đếm.

Trong khi chúng tôi thi hành lệnh thì gương mặt sau lỗ vuông biến mất, cái cửa sập xuống. Rồi tiếng chân chạy hối hả và một tràng cười sảng khoái vang lên.

Về sau chúng tôi được đám tù cũ cho biết thủ phạm trò chơi quái ác đó là một đứa trẻ khoảng mười hai tuổi, ở khu dành cho trẻ em phạm pháp. Nó chuyên chơi trò đó với những tù mới vô phòng OB3.

Trong thoáng chốc, dường như hình ảnh thằng bé điếm vừa cuỗm tiền lu mờ đi. Những tiếng cười hì hì, hà hà một cách khoái trá nổi lên khắp phòng.

"Nhưng đâu có mất tiền." Giọng ai đó vang lên.

"Còn sướng nữa!"

"Mấy ông chỉ mới bị lừa tiền, là vật chất. Còn chúng tôi bị đánh cắp tinh thần, mà chỉ bằng một mệnh lệnh cưỡng bức giả hiệu quái đản! Điều đó không quan trọng hơn sao?"

"Chà! Đến nước này mà mày còn nói triết lý."

"Thôi bỏ qua đi mấy ông nội! Đã già đầu mà để cho một thằng qủi nhỏ gạt thì cũng đáng đời rồi, còn tức tối chi nữa!"

"Phải! Phải!" Vài người tán đồng. "Bề gì nó cũng có công cho bọn mình uống một bụng nước lạnh no nê. Xứng công lắm rồi. Đời này ai làm việc không công."

"Xứng mẹ gì! Mua mấy lon nước lạnh mà hơn vạn bạc à?"

Chuyện thế này. Lần ấy, toán quân phạm đào ngũ chúng tôi dự trù được đưa từ nơi bị bắt về trại giam bằng máy bay, chỉ trong buổi sáng đến nơi. Một vài người từng trải cho biết, sau khi dừng lại làm thủ tục ở trại trung chuyển chúng tôi được đưa về trại giam và được nuôi cơm trưa ở đó. Nhưng cuối cùng máy bay không đến và chúng tôi được đưa đi đường bộ. Lúc đến nơi, trời đã tối. Chúng tôi chịu đói khát suốt ngày hôm đó. Chúng tôi xin được nuôi ăn, nhưng bị từ chối. Việc nuôi ăn không phải là nhiệm vụ của trạm trung chuyển. Họ chỉ được lệnh giam giữ và giải giao qua trại giam nên họ lùa nhốt chúng tôi lại là hết nhiệm vụ. Một vài người cố nài nỉ đều bị mắng. Chúng tôi ráng ngồi, nhắm mắt, chờ đêm qua với cổ khát và bao tử trống rỗng. Phòng giam chật như nêm, tay bị còng từng hai người một, lỡ đứng lỡ ngồi nên chẳng ai ngủ được. Có lẽ giấc ngũ không chịu đến vì chúng tôi bị cơn đói khát hành hạ. Chúng tôi chỉ chống mắt chờ đêm chóng qua để sáng ra, mong kiếm được chút gì cho vào miệng nhai.

Thời gian trôi thật chậm, nhưng cuối cùng buổi sáng cũng đến. Phòng giam tạm được xây cạnh lề con đường dẫn vào đồn, chung quanh rào hai lớp kẽm gai. Qua những lỗ vuông nhỏ của cánh cửa sắt, chùng tôi nhìn được cuộc đời tự do bên ngoài: giòng xe cộ, người đi lại tấp nập buổi sáng. Tiếng thành phố cũng vang đến bên tai chúng tôi. Chúng tôi nghe rõ mồn một tiếng rao hàng, quà vặt. Hì nh ảnh những đĩa xôi lạp xưởng, bánh mì xíu mại, bánh bao nhân thịt, những ly sữa đậu nành bốc khói... mà lời rao thông báo khiến bao tử chúng tôi cồn cào, quặn thắt. Người này ao ước được đớp một tô phở tái gầu đặc biệt hai trứng gà với bao nhiêu rau quế, ngò gai, chanh, ớt, nước béo vàng ngậy. Aên xong nốc một ly cà phê sữa đá tổ bố. Người khác muốn ngốn ngấu hai ba đĩa cơm tấm bì, uống một chai bia ướp lạnh đông đá. Người khác nữa mong nuốt gọn năm, sáu cái bánh bao nhân thịt hai trứng cút, uống liền hai ly sô đa chanh đường. Nhưng đó chỉ là ước mơ thôi. Từ ước mơ đến thực tế là một khoảng cách hầu như vô tận. Một vài người chịu không nổi, năn nỉ những người qua đường giúp đỡ, nhưng chỉ nhận được những tia mắt dửng dưng, lắc đầu, thảng hoặc một nụ cười nhạt rồi cắm cúi đi thẳng.

Giữa khi trong chúng tôi có một vài người sắp kiệt sức thì một em bé hiện đến. Đó là một em bé trai khoảng mười một, mười hai tuổi, từ ngoài cổng đồn đi vào. Chúng tôi đoán nó là học sinh cấp hai ở một trường phổ thông nào đó. Thân thể nó nhỏ nhắn, tóc hớt cao, gương mặt tròn trỉnh, sáng láng. Nó mặt áo sơ mi trắng đã cũ, nhưng được giữ gìn sạch sẽ. Chiếc quần sọc xanh đậm đồng phục của học sinh đã bạc màu. Tất cả chúng tôi

chú mục nhìn nó như một hiện tượng, dò xét. Dường như có chủ trương từ trước, nên ngay khi bước qua tấm vĩ sắt chắn ngang cổng đôn mắt nó đã hướng thẳng về phía chúng tôi. Mốt chút nắng buổi sáng lọt xuống từ những lá thông cao, chiếu sáng mái tóc và một bên gò má. Rất nhanh, mắt nó liếc nhìn vào cửa văn phòng làm việc lúc ấy hãy còn đóng kín. Cử chỉ khả nghi đó của nó gợi óc tò mò, chúng tôi hồi hộp theo dõi. Rồi nó xăm xăm đi thẳng về phiá phòng tạm giam. Đến nơi, ngồi thụp ngay xuống, kề mặt sát rào kẽm gai, nói vừa đủ nghe:

"Các chú cần gì, cháu xin giúp."

Mắt nó lại liếc về phiá văn phòng. Chúng tôi bàng hoàng trước hạnh phúc bất ngờ nên mất cảnh giác. Nó vội nói thêm:

"Chú nào cần nước rửa mặt, xúc miệng?"

Tức thì hàng chục cánh tay cùng đưa ra một lượt qua lỗ vuông của rào kẽm gai. Nào lon gô ca nhựa, ly nhựa, bình đông...

"Các chú để từ từ. Nó nói. Mỗi lần cháu chỉ có thể mang bốn lon thôi. Những chú khác lần sau. Lần lượt rồi chú nào cũng có cả."

Nó lấy bốn lon gô chạy nhanh ra phía sau, một lúc trở lại với bốn lon nước đầy, lấy bốn lon khác đi. Cứ thế nó đi lại nhiều lần. Chúng tôi chẳng kịp rửa mặt xúc miệng gì ráo, ai cũng vội lo uống một bụng đầy. Lần chót nó trở về đưa ra một cái kiếng mát:

"Của chú nào bỏ quên trong lon gô, cháu xin trả."

Người chủ nhận lại đồ của mình với lòng biết ơn.

"Bây giờ chú nào cần mua thức ăn sáng không?"

Chúng tôi lại lao nhao, như gà chuồng buổi sáng thấy chủ bưng thóc ra. Kẻ nhờ mua thứ này, người nhờ mua thứ khác. Gặp một trở ngại là chúng tôi không có tiền lẻ để đưa đúng số tiền phải trả. Nó nói:

"Các chú có tiền gì cứ đưa tiền đó. Mua xong đem về cháu sẽ thối lại."

Một vài người cẩn thận không muốn đưa số tiền ít ỏi duy nhất cho nó, nhưng nếu không thì không thể giải quyết được. Cuối cùng đành phải theo giải pháp của nó, đưa cả tiền lẻ lẫn tiền chẵn, giấy hai, ba chục, năm trăm, một ngàn. Nó cầm một nắm tiền khoảng hơn một vạn, cẩn thận đút vào túi, hẹn một giờ sẽ trở lại rồi thong thả đi ra cổng.

Nó đi mất hút!

Khi gã nhân viên áp tải đến điểm danh buổi sáng, chúng tôi đưa câu chuyện ra thưa. Mỗi người mỗi câu, chúng tôi mô tả tỉ mỉ, hình dáng thằng điếm lỏi, y phục, ngôn ngữ, để nhờ gã điều tra. Chúng tôi nghĩ rằng thằng điếm nhãi ranh đó có vẻ rất quen thuộc đường đi nước bước và

không phải đây là lần đầu tiên nó hành sự. Tất cả đám tù nào qua đây đều bị nó chơi, nên chúng tôi muốn làm cho ra lẽ để tránh cho những người cùng cảnh ngộ sau này. Nhưng hỏi mãi vẫn không ai có thể truy ra thằng quỉ nhỏ đó, kể cả những người ở lâu tại đồn nầy. Họ quả quyết rằng một chuyện như vậy chưa từng xảy ra tại đây.

Chúng tôi hậm hực. Không được ăn và mất tiền đã đành, nhưng tức vì đã bị một thằng điếm ranh con, mới nứt mắt gạt.

Điểm danh xong, trong khi chờ gã nhân viên điều xe, vài người còn nuôi chút hy vọng, nhìn ra cổng đồn coi thằng điếm có trở lại không, nhưng hoài công. Cơn tức giận của họ vừa nguôi đi bỗng nổi lên. Họ lại chửi rủa nó một cách thậm tệ.

Đúng lúc đó, thằng nhỏ xuất hiện, cùng với một thằng khác trạc tuổi nó.

"Nó đó! Nó đó! Thằng điếm! Thằng điếm!"

Chúng tôi la toáng lên.

"Bắt thằng điếm! Bắt thằng điếm!"

Chúng tôi gần như náo loạn, vài người đứng lên, định rời hàng.

Gã nhân viên vội chạy ra, thét chúng tôi im lặng rồi nhìn ra cổng đồn.

"Tôi đã nghi, đúng mà.

Gã nói rồi đi nhanh về phía hai đứa nhỏ. Tiếng gã từ ngoài cổng vọng vào:

"Lại cũng mày nữa hả, Nhân? Ai khiến tụi bay xiá vào chuyện người khác. Mặc xác chúng nó có được không?"

Đứa bé đến với chúng tôi lúc đầu nhìn gã nhân viên. Aùnh mắt nó van lơn nhưng không thiếu cương quyết. Nó nắm tay gã, rồi nhìn về phiá chúng tôi:

"Họ đang đói, chú à." Nó nhìn gã nhân viên không chớp.

Gã ngần ngừ rồi quay nhìn đám tù nhân:

"Thôi hai đứa làm gì thì làm đi, mau mau lên. Nảy giờ họ trông tụi bay lắm đó. Lần sau..."

Gã bỏ lửng câu nói, bước đi.

Hai đứa nhỏ chạy nhanh ra ngoài cổng. Chúng tôi sững sờ nhìn hai thân hình mảnh mai đang khệ nệ vác hai bao giấy căng phồng tiến thoăn thoắt về phía chúng tôi. Đến nơi, chúng đặt hai bao giấy xuống, ngẩng lên thở lấy hơi, nét mặt nhuốm mệt nhưng tươi tắn. Công việc phân phát được tiến hành tức thì.

"Mau mau lên!" Vừa làm chúng vừa giục nhau. "Mấy chú sắp đi rồi!"

Hai đứa có vẻ quen việc, nhanh nhẹn lấy quà trong bao ra trao cho từng người:

"Chú nào gởi mua bánh bao?"

"Đây!" Một người giơ tay ra.

"Chú cầm lấy. Bánh bao tám chục đồng một cái, mua hai cái trăm sáu, còn lại của chú bao nhiêu?"

"Ba trăm tư, lúc nãy tui đưa tờ năm trăm."

"Tiền còn lại của chú đây. Chú nào gởi mua bánh mì xíu mại?"

"Tui!"

"Đây, bánh mì của chú. Hai trăm đồng một ổ. Còn lại của chú tám trăm. Lúc nảy chú đưa tờ một ngàn rách góc, cháu còn nhớ!"

"Xôi đậu của ai?"

"Thuốc lá, sửa đậu nành của ai?"

Nhiều cánh tay giơ lên...

Theo lối phân phát rành rẽ đó, hai đứa hoàn tất công việc chẳng mấy chốc.

Xong việc, thằng nhỏ đến lúc đầu, giọng bình thản, nói với chúng tôi:

"Hai cháu xin chúc mấy chú đi gặp nhiều may mắn, mạnh khoẻ." Giọng nó như đang trả bài trước mặt thầy giáo, hơi ngập ngừng nhưng rõ ràng. "Cháu xin lỗi đã để các chú chờ hơi lâu. Vì phải mua nhiều thứ, một mình cháu mang không hết, phải về rủ thêm bạn. Hai cháu xin chào và từ biệt các chú."

Nói xong, trong một dáng điệu như bỏ mặt chúng tôi, hai đứa quàng vai nhau đi ra, nhảy theo nhịp chân sáo. Đến cổng, một đứa quay trở lại, túm hai bao giấy không, cuộn tròn, nói:

"Để mai mốt cháu dùng lại cho mấy chú khác."

Nó chạy nhanh ra theo bạn.

Nắng đã lên cao chan hoà cả cảnh vật. Nắng dọi sáng hai thân hình mảnh mai của các em vừa khuất sau cổng đồn.

Nắng cũng dọi sáng tâm hồn chúng tôi.

Chúng tôi cầm gói quà nhìn theo các em, mất hết cảm giác đói khát. Chìm trong một nỗi bàng hoàng, chúng tôi nhớ ra chưa ai nói với các em lời cảm ơn.

Gã nhân viên trở ra, mở cửa phòng, hối thúc:

"Lên xe! Lên xe đi! Mau lên!"❐

Bia ôm

Phùng Nguyễn

Căn phòng nằm ở từng thứ ba. Những chiếc ghế nệm dài bọc vải nhựa màu đen đặt dọc ba phía vách tường bao lấy chiếc bàn dài la liệt ly thủy tinh, khăn lạnh, và gạt tàn thuốc. Phía vách tường còn lại, đối diện cửa ra vào là chiếc TV và giàn máy Karaoke hiện đại. Đám người cùng ngồi với hắn từ buổi trưa ở cái tiệm ăn đặc sản phía bên kia Kinh Tàu Hũ bây giờ đều có mặt trong phòng, bận rộn ca hát, hút thuốc, uống bia, hoặc sờ mó mấy cô gái non choẹt đang ôm họ chặt cứng như thể họ có thể sổng ra chạy bất cứ lúc nào! Hắn cảm thấy ngạt thở vì mùi son phấn, khói thuốc, tiếng hát âm điệu be bét, tiếng cười tán thưởng gượng gạo, tiếng máy lạnh gầm gừ... Hắn đứng dậy, len qua khoảng cách chật chội giữa chiếc bàn dài và dãy ghế bọc nệm đầy giò cẳng đàn ông đàn bà, miệng lắp bắp lời xin lỗi, tung cửa bước ra ngoài.

Không khí bên ngoài nóng và ẩm. Con đường phía dưới ướt mem. Một cơn mưa rào mùa Hè vừa đi qua thành phố mà hắn chẳng hay biết gì hết. Hắn nhoài người ra ngoài lan can, cố níu lấy một cành me đẫm nước mưa. Lúc hắn buông tay ra, cành me văng ngược về vị trí cũ, những giọt nước li ti bắn vào mặt hắn mát lạnh. Có tiếng hỏi cất lên từ phía sau:

"Anh mắc tiểu hả? Trong phòng có toa-lét mà!"

"Ô không, anh chỉ muốn ra ngoài một chút..."

Hắn ngập ngừng ở cuối câu, đầu óc lùng sục dữ dội cái tên của cô gái được cô quản lý trẻ măng "gả" cho hắn ngay từ lúc cả bọn bước vào căn phòng ở lầu ba.

"Sao vậy ông xã? Mỹ Ngọc không làm ông xã vui hả?"

Cô gái đến gần, vòng tay ôm eo lưng hắn nũng nịu. "À, Mỹ Ngọc!" hắn thở phào, đó là tên cô gái.

"Không có đâu," hắn từ tốn trả lời, "tại trong đó ngộp quá!"

"Anh mới đến đây lần đầu?"

"Ờ, lần đầu."

"Hèn chi em thấy anh lạ ghê! Mấy anh kia thì tới đây hoài."

Ngưng một chút, Mỹ Ngọc hỏi tiếp:

"Anh Việt kiều phải không?"

Hắn cảm thấy bực bực trong người. Hắn thấy mình có khác gì mấy người cùng đi với hắn đâu! Trông vẻ ngoài còn tệ hơn họ là đằng khác! Mấy người đó, kể cả thằng em họ của hắn, ai cũng ăn mặc bảnh bao, da dẻ hồng hào, điện thoại di động bỏ trong cặp da hoặc trong túi quần liên tục kêu reng reng... Chỉ có mỗi mình hắn là không có điện thoại di động. Có lẽ vì vậy chăng?

"Phải đó. Mà sao biết?" Hắn hỏi cộc lốc.

"Tại thấy anh hút thuốc gì lạ quá đó."

Hắn bật cười, nghĩ thầm thì ra là vậy. Hôm về hắn mang theo một cây thuốc, hút gần hết, còn chưa biết chạy mua ở đâu. Hắn nhận ra ở đây ba số năm và Dunhill là thông dụng nhất. Chắc rồi cũng phải hút ba số năm thôi, hắn tự nhủ.

"Anh về làm ăn hả?" Cô gái lại hỏi.

"Làm ăn gì đâu! Về thăm nhà mà! Bộ anh giống ... Tàu Đài Loan hả?"

"Đâu có. Tại thấy anh đi với mấy anh cán bộ đó. Họ tới đây giao tế hoài hà."

Tối hôm qua thằng em họ gọi điện thoại dặn hắn đừng đi đâu. "Sáng mai em đến đưa anh đi chơi." "Đi đâu?" "Thì mai rồi tính. Bộ anh có hẹn sao?" Hắn có hẹn hò gì đâu! Về được vài hôm, những nơi cần đến đã đến, những người cần gặp đã gặp. Thời gian còn lại không còn đủ cho một chuyến du ngoạn ra hồn, hắn bỏ luôn ý định đi chơi xa như đã dự định. Hắn nghĩ mình lẻ mẻ như ông già! Mà cũng già thực rồi chứ còn gì nữa!

Buổi trưa thằng em họ đến đón, đưa đến một quán ăn kín đáo nằm ở phía bên kia Kinh Tàu Hũ. Thằng này ngày xưa hiền khô mà bây giờ coi bộ rành ăn chơi quá mạng, mấy cái quán đặc sản trong hốc kẹt như vầy mà nó cũng tìm ra. Có một nhóm bạn của thằng em đã đến từ trước, đang ngồi quanh chiếc bàn tròn phủ vải trắng nhấm nháp bia Tiger và thảo luận sôi nổi về những món ăn nên gọi cho hôm nay. Chừng mươi phút sau thì hắn hiểu ra đây là những người bạn đồng sự ở cơ quan của thằng em họ. Họ còn trẻ, ăn mặc chững chạc, và đầy tự tin. Đây là thành phần lãnh

đạo của một địa phương lớn ở ngoại thành. Hắn được đón tiếp vào bàn niềm nở vừa phải. Chẳng ai tỏ vẻ hiếu kỳ về cái mác Việt Kiều của hắn, ngoại trừ một lần anh chàng ngồi kế bên săm soi gói Benson & Hedges màu xanh lá cây và hỏi xin một điếu hút chơi.

Bữa ăn gồm toàn những món lạ hoắc hắn chưa từng được ăn bao giờ, và đắt khủng khiếp. Đám hầu bàn người gốc Hoa lượn tới lượn lui như chong chóng, mắt chầm chập vào ly bia sủi bọt của hắn chực rót thêm. Đám thực khách ăn uống hoặc hăng hái hoặc uể oải, miệng la hét vào chiếc máy điện thoại di động, nói về những công việc vô cùng xa lạ với hắn. Thằng em họ chắc ngại hắn cảm thấy lạc lõng, cứ quay qua hỏi những câu không đâu vào đâu để cho hắn trả lời, cũng không đâu vào đâu! Khi món cá chình hầm thuốc bắc, sáng chế của anh chàng thủ trưởng trẻ măng, nằm thừa mứa trên chiếc bàn tròn bây giờ trông rất bừa bộn, bữa ăn chấm dứt. Hắn giành trả tiền, thằng em họ gạt đi bảo để cho tài vụ nó lo rồi kéo hắn xuống dưới đường, móc túi lấy điện thoại di động ra gọi mấy chiếc taxi. "Bây giờ mình đi bia ôm," nó tuyên bố tỉnh queo.

Hắn vung tay liệng mạnh mẩu tàn thuốc xuống bãi đất nhỏ vuông vức nằm ở góc đường cạnh căn nhà bốn tầng. Hình như chủ nhà đã cho dọn dẹp khoảnh đất này để xây cất gì đó thì phải. Mỹ Ngọc lên tiếng với vẻ thán phục:

"Cái mặt bằng đó bây giờ mắc lắm. Chỗ đó mà xây lên làm tiệm uốn tóc thì hết xẩy đó ông xã!!!"

Cô kéo tay hắn đi trở vào căn phòng lúc nãy, nói tiếp:

"Em mà có đủ tiền em mua cái mặt bằng đó liền tay!"

Căn phòng lúc hắn trở vào trông bừa bãi dễ sợ. Từng cặp từng cặp dính chặt vào nhau trên mấy chiếc ghế bọc da màu đen cười giỡn, ca hát, ăn uống. Hắn len lỏi trở về chỗ của mình, nâng ly bia mát lạnh uống tì tì, thỉnh thoảng đưa tay mân mê cặp vú nhỏ mềm nhũn của Mỹ Ngọc. Cô gái lúc này đã nhảy tót lên đùi của hắn ngồi gọn bân! Xua tay từ chối cái microphone thằng em họ đưa qua, hắn rù rì vào tai cô gái, hỏi han đủ thứ chuyện. Mỹ Ngọc mười tám tuổi, học xong lớp Bảy ở nhà phụ mẹ bán rau cải. Cô làm nghề bán bia ôm được hơn một năm, đang để dành tiền để sang lại một tiệm uốn tóc.

"Bao giờ thì em mới có đủ tiền để sang tiệm?"

"Chắc cũng mấy năm nữa ông xã ơi. Mặt bằng bây giờ mắc quá!" Mỹ Ngọc than thở.

"Làm gì khác không được sao mà phải mở tiệm uốn tóc?"

"Làm gì bây giờ ông xã? Bán cà phê thì tới lúc đó em ... già rồi, khách nào thèm tới uống?"

"Già?" Hắn ngơ ngẩn hỏi.

"Thấy chị Tuyết Nga chưa? Chỉ hai mươi bốn rồi đó, không làm được nữa may nhờ chủ thương cho chỉ quản lý tụi em đó!"

"Hai mươi bốn!!!" Hắn lẩm bẩm, thì ra cô gái sắc sảo mặc chiếc áo đỏ chói đó mới hai mươi bốn tuổi....

Lúc cả bọn kéo nhau ra về, hắn không còn quan tâm đến việc trả tiền nữa. Đã bảo có tài vụ lo rồi mà!

Hắn trở lại quán Cây Đào hai ngày sau cùng với một người bạn. Thằng này ngày xưa nghèo mạt rệp, bây giờ làm giám đốc một xưởng may xuất khẩu gì đó ở Biên Hòa. Hai thằng dắt nhau đi ăn cơm niêu ở Tú Xương, mấy miếng đất nung màu gạch non vãng tứ tung khi đám hầu bàn đập vỡ cái niêu đất còn mới tinh lấy ra miếng cơm cháy vàng lườm thơm ngạt mũi. "Mình đi bia ôm!" Thằng bạn nói lúc hai đứa rời quán ăn. "Lại bia ôm?" Hắn cằn nhằn. "Giờ này không bia ôm thì đi đâu?" Thằng bạn tỉnh queo! Hắn thấy thằng bạn mình sao lạ quá đi, chẳng giống hồi đó chút nào! Trông nó chẳng khác gì thằng em họ mình với đám bạn đồng sự của nó, hắn nghĩ. Chắc nó cũng thấy mình khác đi nhiều lắm, hắn nghĩ tiếp. Bỗng dưng hắn nhớ đĩa lòng heo lõng chõng mấy miếng gan miếng huyết và xị rượu thuốc cay nồng ở mấy cái quán cóc dọc chợ Tân Định hai đứa vẫn thường la cà ngày xưa!

Hắn ngồi trong căn phòng nhỏ ở lầu bốn nhẩn nha lột mấy trái vải ngọt lịm bỏ vào miệng nhai chóp chép, quan sát thằng bạn đang làm ăn ầm ĩ ở chiếc ghế bên kia. Cô gái còn rất trẻ, trạc tuổi Mỹ Ngọc, và nhất định cũng như Mỹ Ngọc, cô có cái tên đẹp như tên ca sĩ, cặp vú nhỏ mềm nhũn, và âm hộ thì nhàu nát. Không biết cô này thích làm gì sau khi giải nghệ, hắn lẩn thẩn tự hỏi. "Kêu đại em nào cho rồi, ở đây thiếu gì cô xuất sắc," thằng bạn đề nghị. "Tao đợi Mỹ Ngọc," hắn trả lời cụt lủn. Lúc nãy cô quản lý cho biết Mỹ Ngọc đang bận khách, nếu hắn có thể chờ khoảng nửa tiếng thì cô sẽ tiếp hắn. Thì chờ vậy, có gấp gáp gì đâu! "Mới về mà đã kết em rồi à?" Thằng bạn hỏi vẻ trêu chọc. Hắn cười cười, không trả lời.

Mỹ Ngọc nhận ra hắn ngay, nhờ vào gói thuốc màu xanh lá cây hắn vất trên chiếc bàn nhỏ. Cô bước đến ôm hắn hôn chùn chụt, mùi Hennessy

nồng nặc.

"Em uống rượu mạnh hả?" Hắn hỏi.

"Vậy thôi đừng uống nữa nghe?" Hắn tiếp.

Mỹ Ngọc tỉnh bơ khui bia lốp bốp, cụng lon với hắn và thằng bạn.

"Em quen rồi, ông xã. Với lại em phải uống với khách mà!"

"Không uống là bị phạt đó mấy anh ơi!" Cô gái ở trong lòng thằng bạn tiếp lời.

Luật gì mà kỳ cục, hắn lầm bầm.

Hắn có hơi thất vọng. Mỹ Ngọc không có vẻ hào hứng cho lắm khi được hỏi về cái tiệm uốn tóc tương lai của cô. Đã vậy, cứ liên tục khui bia cụng hắn và thằng bạn côm cốp. Thằng bạn cười ha hả, uống cạn ly rồi thò tay qua bàn gỡ gạc tùm lum trên người Mỹ Ngọc. Cô gái trong lòng thằng bạn la oai oái làm như đang ghen tuông ghê gớm! Hắn tham dự vào trò chơi một cách uể oải. Không chơi thì làm cái con mẹ gì bây giờ!!!

Cuộc vui chấm dứt có hơi đột ngột. Tự dưng Mỹ Ngọc than nhức đầu. Hắn cằn nhằn một cách xót xa, đã biểu đừng có uống mà không nghe. Cô nhăn nhó ôm đầu chúi vào lòng hắn rên rỉ, em đau quá anh ơi! Hắn luống cuống xoa bóp hai bên màng tang của cô, miệng hỏi thấy đỡ không. Mỹ Ngọc nằm yên được một lúc, chợt vùng ngồi dậy, nắm tay phải thu lại đánh mạnh vào đỉnh đầu mình như để xua đuổi cơn đau khủng khiếp đang hoành hành. Rồi cô bật khóc nức nở, con đau quá mẹ ơi!!! Đến lúc Mỹ Ngọc cong mình dộng đầu thình thình vào vách tường sau lưng, thằng bạn tung cửa chạy đi kêu cô quản lý trẻ tuổi Hắn kéo Mỹ Ngọc sát vào người, giữ chặt đầu cô vào ngực mình không cho nhúc nhích, một tay móc túi lấy ra nắm tiền đưa cho cô quản ly, miệng lắp bắp, cô chịu khó đưa Mỹ Ngọc đi nhà thương ngay đi. Thằng bạn giật mớ tiền từ tay cô quản ly áo đỏ, tách ra làm hai, bảo,"Cái này là tiền bia, cái này để lo cho Mỹ Ngọc. Phần em để anh tính."

"Đù mẹ, không vui gì hết!" Thằng bạn cằn nhằn lúc hai đứa đi dọc cái lan can hắn và Mỹ Ngọc có lần đứng nhìn cái "mặt bằng" mơ ước của cô hai hôm trước. Hình như người ta sắp xây một cái gì đó trên khoảnh đất trống đó thì phải. Hắn thấy chồng gạch ống màu đỏ và mấy bao xi măng sắp ngay ngắn dọc vách tường của ngôi quán. "Thôi mày đưa tao về ngủ sớm, mai ghé uống cà phê. Cứ đặc sản với bia ôm hoài, tao mệt." Hắn nói với giọng mệt mỏi thực sự

Hai người chưa ra về ngay. Chuyện xảy ra thực bất ngờ! Tiếng chân người chạy rầm rập, và tiếng hô hoán vang lên lúc thằng bạn dắt xe ra cổng. "Có người nhảy lầu!!!" Có người nhảy lầu? Hắn hấp tấp chạy băng qua cái sân nhỏ, hướng về phía khoảnh đất trống. Có mấy người trong quán đã có mặt ở đó. Một người đang cúi mình trên thân hình bất động của Mỹ Ngọc khóc rưng rức. Cô nằm nghiêng, mắt mở hé, giòng máu đỏ bầm ứa ra từ một khóe miệng. Hắn quỳ xuống cạnh Mỹ Ngọc, đưa tay vén mớ tóc đen nhánh xõa rũ rượi. Máu cũng đang ứa ra từ lỗ tai Mỹ Ngọc. "Cô ấy chết ngay tức khắc lúc chạm đất," hắn nói với gã thanh niên đang khóc rưng rức ở phía bên kia cái xác bất động của cô. Hắn hy vọng mình đã nói đúng. Có người kéo hắn đứng dậy. "Thôi anh hai đi về ngay đi. Chút nữa công an kéo đến phiền phức. Để tụi này lo công chuyện," người đó bảo hắn.

Hắn rời thành phố hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau đó, lòng phân vân về khả năng của một lần trở lại trong tương lai. Trên chuyến bay dài dằng dặc về lại đất Mỹ, hắn ngủ gà gật và có những giấc mơ lộn xộn. Trong một giấc mơ như thế, hắn thấy mình trở lại quán Cây Đào. Một tiệm uốn tóc đẹp đẽ, khang trang mọc lên cạnh quán, ở ngay cái nơi những giòng máu đỏ bầm từ tai miệng Mỹ Ngọc đã chảy ra và thấm vào đất. Hắn không nhớ được tên của tiệm uốn tóc, nhưng nhứt định không phải là "Mỹ Ngọc." Mà hắn cũng không cố nhớ ra. Ở cái thành phố mà hắn đang rời đi, còn rất nhiều cô gái trẻ măng với cái tên đẹp như tên ca sĩ, đôi vú nhỏ mềm nhũn, và âm hộ thì nhàu nát! Có khi họ cũng mong được làm chủ một tiệm uốn tóc.❐

Đã phát hành khắp nơi:
sóng trôi
tập truyện ngắn độc đáo của Ngự Thuyết
Nhà văn được bạn đọc yêu mến trên Văn Học
Thanh Văn xuất bản. Sách dày 240 trang. Giá 12 Mỹ kim.
Liên lạc Nhà xuất bản và Phát hành Văn Nghệ
PO Box 2301 Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Bố

Hoài Mỹ

Cứ nghĩ cảnh bố thân già đơn độc nơi quê nhà, tôi lại càng đau lòng xót dạ. Bởi vậy bố vừa đúng tuổi tiêu chuẩn, tôi lập tức nộp đơn xin bảo lãnh theo diện đoàn tụ gia đình mà luật pháp Na uy đã qui định: Cha hoặc mẹ góa bụa, trên 60 tuổi và không người nuôi dưỡng.

Bố con tôi ở vào một trong những trường hợp vốn được ưu tiên đãi ngộ. Hơn nữa tôi lại đã có sẵn nhà cửa, công ăn việc làm. Do đó điều còn lại duy nhất của tôi là sửa soạn tinh thần để đón bố.

Ngày xưa mẹ tôi, sau ba lần hữu sinh vô dưỡng, đã đành lòng bỏ bố con tôi lại trần thế mà về...trời, lúc tôi vừa tròn 10 tuổi. Kể từ ngày đó bố đã anh dũng chấp nhận thân phận gà trống nuôi con. Việc một người đàn bà góa chồng quyết thủ tiết nuôi con kể ra cũng... thường thôi ở xứ An nam ta, nhưng nếu một người đàn ông góa vợ mà nhất định không tục huyền vì con mình, hẳn phải là một sự phi thường, đáng nể. Đó chính là trường hợp của bố tôi vậy. Tuy nhiên đứng vững được như thế không phải dễ, bố đã phải đấu tranh không ngừng với chính bản thân và với cả ngoại cảnh nữa. Bố còn trẻ lại tướng tá coi ngon lành, làm sao tránh khỏi những cuộc giương đông kích tây của...đàn bà. Chẳng lạ khi bố con tôi thường xuyên được chăm sóc kỹ, đều chi được bà này đưa cho niêu cá kho để anh Hai nếm thử, bà kia đem đến tô canh chua để anh Hai...húp chơi, bà nọ rinh lại dĩa sườn nướng để anh Hai lai rai ba sợi. Đó là chưa kể những bàn tay thỉnh thoảng lại dúi bạo vào túi tôi những đồng bạc cắc đồng thời kèm theo một sứ điệp: Con về nói dì hỏi thăm ba và mời ba qua nhà chơi. Tuy nhiên bố tôi lúc nào cũng đề cao cảnh giác, giữ vững lập trường: Không bước đi bước nữa! Lý do mà bố vẫn tuyên bố với... tôi nghe thật đơn giản: Bố không tin tưởng các bà mẹ ghẻ!

Ấy cũng nhờ đức hy sinh của bố mà tôi được ăn học đàng hoàng, lớn lên trong sự chăm sóc và tình thương dạt dào của người cha. Trường hợp của bố mới đúng trăm phần trăm câu công cha như núi Thái sơn. Phận làm con, đương nhiên tôi phải cảm động và tâm niệm rằng mình cũng phải giữ HIẾU với bố dù ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Sau ngày miền Nam thất thủ, thấy tôi tới trường thì ít mà mần mò nơi 'thủy lợi' thì nhiều, bố lắc đầu, thở dài. Bố âm thầm tìm đường cho tôi vượt biên. Khi đã chắc ăn, bố bán nhà trên thành phố lấy tiền mua vàng nộp cho chủ ghe rồi khăn gói về quê làm ruộng. Tôi chỉ được biết toàn bộ kế hoạch của bố vào phút chót, không còn thời giờ phản ứng. Trước lúc chia tay bố thì thầm như thể trối trăn: Ra đi mà xây dựng tương lai! Trong những giờ phút lênh đênh trên đại dương tôi đã tự thề sống thì thực hiện lời bố cho bằng được, chết thì đem theo xuống...biển.

Khi nhóm tôi được tàu Na uy vớt, biết chắc đã sống sót, tôi tiếc vô cùng đã không có bố bên cạnh. Ở trong trại tị nạn tôi càng nhớ bố da diết. Trong một lúc cảm khái về tình phụ tử tôi đã nhờ một thằng bạn xâm vào bắp tay dòng chữ Xa quê hương - thương cha già.

Đến Na uy định cư, nhớ lời bố dặn dò trước lúc ra đi, tôi khởi sự ngay việc học. Ngoài ra tôi không quên việc liên lạc thư từ đều đặn với bố. Trong thư tôi tự...tặng cho mình sớm hơn thời hạn ra trường bằng cấp này hay chức vụ nọ và kèm theo một vài tấm hình mà khi chụp tôi đã khéo dàn cảnh trước. Quả tình tôi không có ý khoe khoang hay phỉnh gạt mà mục đích chỉ muốn bố được vui, được an tâm mà sống. Nếu bố có được giây phút nào hãnh diện về sự...thành công quá chỉ tiêu của thằng con ở nước ngoài khi đem ảnh đi khoe bà con lối xóm thì, theo tôi nghĩ, cũng chẳng chết...thằng Na uy nào khiến lương tâm phải rúc rỉa!

Thỉnh thoảng dành dụm được ít tiền tôi lại mua quà đóng thùng gửi về biếu bố. Nhờ tí tiền cơm đó mà bố đã sống qua ngày đoạn tháng, nhất là giải quyết đẹp được nhiều vấn đề khẩn trương nơi phường, quận. Ấy cũng theo đường lối, kế hoạch đó mà hồ sơ xin xuất cảnh của bố đã 'chạy' lẹ hơn thông lệ.

Ngày đón bố ở phi trường, tôi khóc như thuở xưa con gái vẫn nức nở trước lúc về nhà chồng. Tôi coi thiên hạ như pha, khóc cho sướng cái đã, vì đâu ngờ bố con tôi có ngày tái ngộ thế này. Sau mười mấy năm xa cách! Bố tôi cũng chớp chớp cặp mắt đã rụng hết lông mi, rơm rớm giọt lệ. Tôi không ngờ bố thay đổi nhiều quá; tóc râu bạc sạch, răng rụng gần hết, da dẻ nhăn nheo như thể chỉ dính hờ trên bộ xương. Thương bố tôi lại

càng khóc hơn nữa.

Trong đêm tâm sự, bố bảo vì tình phụ tử, vì thương tôi côi cút nơi đất khách quê người nên bố mới phải cắn răng (dù bố đã...móm) bỏ lại xóm làng mà qua với tôi. Một điều an ủi cho bố là trước khi ra đi, bố đã được nhà nước chấp thuận có điều kiện cho bốc mộ mẹ rồi đem theo hũ tro hài cốt của mẹ. Bố bảo thế là mẹ mày lúc nào cũng ở cạnh bố! Bố chung tình đến thế thì thôi. Chắc ở trên trời, linh hồn mẹ tôi hẳn...sung sướng bội phần. Về phương diện thủy chung duy nhất, tôi thua bố xa.

Để đánh dấu ngày đoàn tụ, cách riêng để bố có bạn nơi xứ người, tôi tổ chức một bữa tiệc mà thành phần chủ lực thực khách gồm toàn các bác lớn tuổi. Tôi tình nguyện đóng vai chiêu đãi, thấy đĩa nào gần sạch thì tiếp tế thêm mồi, ly nào sắp cạn lại sốt sắng 'châm' đầy chất men, lâu lâu lại khích lệ tinh thần: Mời bác sơi! hoặc: Dzô chứ bác!

Sau khi nghe bố kể chuyện đổi mới ở Việt nam, các bác cũng thi đua tường thuật những 'kinh nghiệm xương máu' của thuở ban đầu đặt chân đến xứ 'sáu tháng mùa đông' này. Bác Thoại nói với bố:

- Ông Hai nên sửa soạn tinh thần học tiếng Na uy đi là vừa. Nó khó gì đâu!

Bố lộ vẻ khiêm nhượng:

-Tôi một chữ cắn làm đôi thì học với hành gì được. Vả lại cũng gần đất xa trời rồi, sống được bao lâu nữa để nói tiếng người ta mà bảo học.

Nhưng các bác khác đều xác nhận mình lúc đầu cũng nghĩ như thế, tuy nhiên không ổn. Bác Bổn, người có lẽ lớn tuổi hơn cả, giải thích:

-Ngoại kiều nào đến đây dù muốn hay không, hoặc ở tuổi nào hay trình độ nào cũng phải học xong 590 giờ tiếng Na uy. Chính phủ coi đây là sự đãi ngộ bất khả từ chối.

Rồi bác hạ giọng nói như thể muốn khích lệ bố:

-Thật ra tuổi anh em mình mà còn phải cắp sách đến trường kể ra cũng...khôi hài đấy, học trước quên sau. Nhưng thây kệ, ông Hai, mình đi học đây không phải để biết tiếng hầu...cãi nhau với Na uy, nhưng mình nhắm vào hai điều lợi cụ thể khác, thứ nhất, tới lớp gặp người đồng hương nói dăm ba câu chuyện ba láp với nhau còn hơn nằm chèo kheo ở nhà; thứ hai để hàng tháng mình được cấp thẻ xe buýt miễn phí, có cái 'cẳng' mà đi đây đi đó, khỏi phiền con cháu phải lái xe đưa đón.

Bố nâng ly, gật gù rồi nói:

-Các ông anh chắc giờ nói tiếng Na uy giỏi lắm rồi chứ gì?

Các bác đều phá lên cười. Bác Nhơn tiếp lời:

-Phải, giỏi! Giỏi đến... mỏi cả tay mỗi lần đụng trận. Học mấy khóa

rồi mà cuối cùng chỉ nhớ có ja là có, nei là không, takk là cám ơn hay cùng lắm god dag để chào. Chữ thày lại trả thày, nước mẹ gì.

Bác Tiệp hạ đũa xuống bàn, búng tay:

-Tôi dám cá ông Hai đây thể nào cũng lại học cô Kari 'Đụng'.

Bố nhướng cặp mắt đã bắt đầu đổi sang màu đỏ:

-Cô ấy là người Việt hả?

-Không, người Noọc. 'Đụng' đây là...đụng đâu học đó. Cô này chuyên về lớp già, dạy theo lối truyền khẩu, không cần theo sách vở, gặp gì dạy nấy.

Bác Tráng chen vào:

-Ấy cũng vì vậy mà lớp già chúng tôi phải một bữa tá hỏa tam tinh. Ông Hai biết hôm đó chúng tôi học gì không?

Dĩ nhiên làm sao bố biết được nên lắc đầu rồi lắng tai nghe bác kia phán:

-Học núm vú!

Không riêng gì bố mà cả bàn tiệc lập tức nín thinh.

-Tôi nói thiệt mà. Bữa đó cô Kari không kiếm được người giữ trẻ, đành đem đứa con theo đến trường. Chắc hồi hôm con khóc, không soạn bài được nên cô áp dụng lối...'đụng' theo thói quen. Đầu tiên cô đưa núm vú...cao su dạy cả lớp đọc, rồi khi thay tã cho con, cô lại bắt cả lớp học về tã con nít, sau đó cô bế đưa thằng bé lên, chỉ mắt, mũi, tay chân và cả...cái ấy của nó mà dạy chúng tôi học tiếng.

Bác Tú cười cười:

-May cho các cụ đấy.

-May sao?

-Cô lấy của đứa con ra dạy còn đỡ, chứ lấy...của cô thì...phiền quá!

Tiếng cười đồng loạt phá lên. Tôi ngồi ở xa cũng không tự chế nổi, phải há miệng...cười thầm. À thì ra không riêng gì bọn trẻ, các cụ rượu vào cũng biết tiếu lâm lắm chứ. Tuổi già có chút 'hoa lá cành', thấy dễ thương làm sao!

Bác Bổn phát biểu tiếp:

-Đúng là khôi hài! Các ông bà lớn tuổi vậy, ai cũng đã có cháu nội, cháu ngoại cả đàn mà phải học về núm vú với tã lót! Tôi thấy người Na uy dạy tiếng không thực tế. Lớp tôi tuần rồi chứ đâu, bữa trước học tên các món ăn cao lương mỹ vị, hôm sau học về cao tổ họ hàng. Ông thày hỏi hiểu không, cả lớp mình tôi giơ tay nói hiểu, hiểu hết. Tan giờ, ai cũng than bài khó, rắc rối rồi nhờ tôi giảng lại bằng tiếng Việt. Tôi bảo tôi cũng có hiểu mẹ gì đâu! Mấy người đó ngạc nhiên: 'Sao ở trong lớp, ông thầy mới giảng, bác đã bảo hiểu hết trơn trọi?'. Lúc đó tôi mới trả lời: 'Mình

già rồi, sắp xuống lỗ nay mai, mắc mớ chi phải học tên các ông cao tổ, cố nội! Món ăn thì có bao giờ mình sài mấy thứ cao lương đâu. Nói đại hiểu rồi để ông thày thông qua lẹ, dạy bài khác thực tế hơn. Tôi nói vậy đúng không nào?

Mọi người đồng thanh: Xin nhất trí với bác!

Trong số các bác thực khách chỉ có bác Hiệu ngồi bên tay trái bố là có việc làm, thành thử bác có đủ tư cách để thuyết minh về cái sự 'lao động là vinh quang' ở xứ người:

-Làm việc ở ngoại quốc nó khác với ở Việt nam mình. Nhiều sáng thức dậy, tôi chỉ muốn nằm luôn. Người như đau nặng, xương cốt lỏng lẻo cả ra, tôi thấy làm biếng dễ sợ. Ấy thế mà khi tới sở, đụng vào việc, mình lại làm như trâu! Lời các cụ xưa nói 'khôn nhà dại chợ' sao mà đúng ghê!

Tức thì câu chuyện lại được chuyển về chủ đề 'tại sao sáng dậy lại...mệt ?' Vô tình cụ bà được nhắc đến như một thứ 'đích danh thủ phạm' khiến bác vừa kể kinh nghiệm bản thân phải đỏ mặt, ngượng ngùng y như một chàng trai mới lớn lần đầu được cầm tay con nhỏ bồ.

Sau khi tiệc tàn, tôi lái xe đưa từng bác về tận nhà. Ai cũng nói: Lâu lắm mới được một bữa ngoắc cần câu. Vui dễ tè! Tuy nhiên phải nói thẳng rằng bố mới là người phấn khởi nhất để rồi sau ngày đó bố có những bạn hiền để lui tới tâm sự.

Tôi đã thấy đa số các cụ ra nước ngoài, phần không có việc làm, phần không hiểu ngôn ngữ, lại sợ lạnh lẽo nên tối ngày tử thủ trong nhà, cuối cùng thấy cuộc sống ở ngoại quốc nhạt nhẽo như nước ốc; hoặc khi thấy con cháu, đứa đi làm, đứa đi học, không còn ai ở nhà quấn quít bên mình, các cụ lại hận đời đen bạc, trách móc con cháu bất hiếu. Lấy kinh nghiệm đó, tôi kiếm các việc lặt vặt cho bố làm để bố có dịp hoạt động chân tay. Nào tôi mua hoa về cho bố trồng, kiếm hạt giống rau thơm cho bố ươm. Nào tôi nhờ bố sơn cho bức tường, sửa lại chân ghế gẫy. Cơm nước, áo quần tôi để bố độc quyền...quản lý. Căn nhà của tôi nhờ có bàn tay điệu nghệ của bố mó vào, nhìn mát mắt hẳn ra, khác một trời một vực với thời tôi sống một mình.

Thấy bố vui là tôi mừng. Tôi chẳng ngại chuyện để bố làm việc này, chuyện nọ là một hình thức bắt ép bố. Quả thật là điều 'nhàn cư vi bất...tiện' nếu để các đấng cao niên nhưng còn sức khỏe sáng tối chỉ ăn no lại nằm hoặc ngày ngày hết thơ thẩn đi ra lại thẫn thờ đi vào, hoặc coi hết những bộ phim chưởng này lại tới các bộ kiếm hiệp khác.

Tôi cũng cám ơn trời đã cho bố tôi một cái tâm đại lượng, một đầu óc hiểu biết. Bố năng hoạt động và phần nhiều tự nghĩ ra các việc làm linh

kỉnh. Chỉ trừ những gì dính dáng đến ngôn ngữ địa phương bố mới chào thua, còn thì khi phải đi đây đi đó, bố tự túc tự cường. Cũng xong!

Cứ cách một ngày bố lại một lần cắp sách tới trường học tiếng Na uy. Bố bảo quả thật nghe cô giáo giảng y như vịt nghe sấm, nhưng được cái vui là được gặp các bác ấy! Ngoài ra bố còn tham gia hầu như mọi hội đoàn của người Việt hiện có ở địa phương này, nào hội lão niên, hội tương tế, nào hội bảo vệ văn hóa và cả hội...cứu quốc nữa! Mục đích cũng chỉ để có dịp gặp gỡ những người cùng tuổi để nói với nhau dăm ba câu tâm tình.

Bố luôn luôn vui vẻ, yêu đời. Đối với bố, cái gì cũng 'xà và' nên tinh thần bố thoải mái thôi. Bố thường nói cứ coi như đời bố đã 'poanh phi nan' rồi, không có lý do gì để phải than thân trách phận, còn lại ngày tháng nào, bố muốn sống cho con cho cháu, can chi đâu!

Tôi hiểu chữ 'sống cho' của bố. Ý bố muốn nói sự hiện diện của bố bên cạnh con cháu là một yếu tố gây niềm hạnh phúc và ngược lại, bố cũng ao ước được thấy con cháu sướng vui. Bố tuy ít học nhưng hiểu đời, không hề đòi con cháu phải làm cái này, cái nọ cho mình. Bố quan niệm chữ Hiếu linh động lắm cơ nên tôi dễ thở. Có lần bố nói: Không phải chỉ buộc con cái giữ hiếu với cha mẹ, nhưng chính cha mẹ cũng có trách nhiệm phải chu toàn đối với con cái. Tôi chịu nhất câu sau này của bố, coi như khuôn vàng thước ngọc để mai mốt áp dụng với con cái mình: Cứ yêu thương, thông cảm, đại lượng với con thì e gì con nó không có hiếu với mình!

Nhiều lúc nhớ lại những bài học trong bộ Nhị Thập Tứ Hiếu tôi không khỏi giật mình. Tiếng ông thày già như còn vang như lệnh vỡ bên tai: Mãy trò học các gương hiếu thảo đó rồi về ráng mà bắt chước thực hành theo! Hồi nhỏ học đến nhân vật Tàu nào trong tập cổ thư đó tôi lại phục sát đất: Nào Diễm Tử dám giả hươu con để lẻn dưới bụng hươu cái mà vắt sữa đem về cho mẹ mình uống. Nào Quách Cự liều chôn con ruột mình để nhường phần cơm cho mẹ. Nào Ngô Mãnh mới tám tuổi đầu đã biết can đảm khỏa thân cho muỗi đốt mình thay vì hút máu cha mẹ. Nào Vương Tường chịu phơi thây ở bờ sông lạnh giá để chụp cá tươi về cho mẹ ghẻ sơi!...

Thầy giáo truyền cho đám học trò còn hôi mùi sữa chúng tôi phải 'ráng mà bắt chước' - thì riêng cá nhân tôi, tôi cũng...ráng đấy, nhưng may mắn cho tôi vô cùng tận, bố mẹ tôi mà nếu cũng 'ráng bắt chước' các đấng cha mẹ Tàu trong Nhị Thập Tứ Hiếu thì...tiêu tôi rồi còn gì! Mẹ tôi thuở sinh thời thuộc loại liễu yếu đào tơ dù rằng bà xuất thân từ dòng dõi

lao động nặng, thường xuyên trong tình trạng sáng xúc dầu Nhị Thiên Đường, trưa thoa dầu Con Hổ, tối lại cạo gió xồn xột. Ấy vậy mà mẹ tôi không hề than thở, chẳng đòi uống sữa bò, sữa dê gì cả. Nói ví dụ, mẹ tôi mà giở chứng, muốn nếm sữa cọp thì thử hỏi làm sao tôi có thể tàng hình vào sở thú mà bóp vú cọp lấy sữa? Ngay như tấm gương dễ nhất (?) là bắt chước Ngô Mãnh chịu cho muỗi đốt không xua để chúng không bay sang tấn công thân xác cha mẹ, tôi cũng không thành công nổi, không phải vì chỗ gia đình tôi ở thiếu muỗi, nhưng tối nào cũng vậy, tôi chưa kịp chợp mắt, mẹ đã đắp mền cho tôi, chặn mùng kỹ lưỡng không để con muỗi nhỏ nào xâm lăng làn da non của tôi. Trong các bữa cơm, tôi chỉ thấy bố mẹ nhường cho tôi miếng thịt nạc, khúc cá ngon, còn những xương xẩu, rau mắm...thì bố mẹ xí lấy về phần mình. Hôm nào tôi ăn thêm được một chén cơm hoặc chịu 'thanh toán đẹp' các thức ăn mẹ làm, tôi thấy mẹ vui ra mặt.

Kể từ khi có trí khôn, hiểu biết chút đỉnh, tôi nghiệm được rằng tấm gương mà tôi phải noi theo chính là bố mẹ mình! Tôi quan niệm hiếu mà phi nhân bản, nhân vị, nhân phẩm, nhân quyền thì không phải là 'Đạo', trái lại chỉ là hình thức 'ngụy' mà thôi!

Nay bố tôi đã già, vốn lại nhiều năm cô độc, đương nhiên bố không tránh khỏi những giây phút...chạnh lòng hoặc những khó khăn này nọ. Thế mà chẳng bao giờ thấy bố than thân trách phận hay nhân danh chữ hiếu buộc tôi phải giữ điều này, thực hiện việc kia. Tôi lại thử đặt thí dụ, nếu vì sợ bố buồn, tôi bắt chước Lão Lai 70 tuổi, đầu tóc bạc phơ, mắt mờ răng rụng, mặc áo sặc sỡ rồi nhảy múa đồng thời giả đò ngã như con nít cho bố nhìn thấy mà...cười, hẳn là tôi làm không nổi. Có hiếu thì tôi cũng tự cảm thấy mình có tí chút rồi đấy, nhưng tôi không có máu tếu của các tay hề thượng thặng. Ngược lại, chắc chắn bố cũng không đòi tôi phải làm Lão Lai múa áo, nhưng chỉ muốn tôi an vui, may mắn, hạnh phúc...là bố sung sướng tung trời lở đất rồi!

Một hôm đi làm về, tôi bắt gặp bố đang đứng thẫn người nhìn cảnh mưa rơi ngoài khung cửa sổ. Tôi tiến lại gần:

-Bố buồn hả?

Bố lắc nhẹ đầu, nhưng tôi vẫn...bắt mạch:

-Chắc bố nhớ Việt nam?

Bố chỉ cười cười, nói lảng chuyện khác:

-Sáng có việc lên phố, nhân tiện ghé tiệm ông Cát, thấy mớ tôm càng tươi, tao mua về tẩm bột chiên bơ.

Tôi hớn hở:

-Tuyệt!

-Trong khi mày rửa mặt, tao vặn lò cho nóng lại.

Tôi vừa đi vào phòng tắm vừa nói vọng ra:

-Khui chai Hennessy, nha bố. Có mồi ngon lại trời mưa thế này, uống rượu chắc đã, bố nhỉ.

-Tao cũng đang tính như vậy.

Thế là bố con tôi lại...tâm đầu ý hiệp. Đĩa tôm tẩm bột chiên vàng bốc mùi thơm phức. Bố và tôi ngồi nhâm nhi và nói chuyện đời. Chợt bố nhìn tôi hơi kỹ, hỏi nhỏ:

-Mày biết hồi nãy tại sao bố đứng...nhìn trời mưa không?

-Bố mơ mộng!

Bố nâng ly rượu, uống ực rồi nói tiếp:

-Bố nhớ...mẹ mày!

Đến lượt tôi xúc động. Tôi nâng ly rượu, uống ực, cười mỉm chi, đùa:

-Con thấy bố có...hiếu với mẹ ghê! Mẹ mất đã hơn hai chục năm rồi, thế mà bố vẫn nhớ mẹ mùi mẫn.

Giọng bố ngùi ngùi:

-Chỉ khi nào bố nhắm mắt xuôi tay, may ra lúc đó bố mới...quên được.

-Con hỏi thật bố điều này nhá. Tỉ dụ, nếu mẹ mất khi bố còn trẻ mà ở ngoại quốc với cái không khí lạnh lẽo như thế này, liệu bố có tục huyền không?

-Nếu bố nói 'không', ắt mày có quyền nghi ngờ, nhưng nếu bố nói 'có', hẳn mày cũng thấy thường thôi, phải không nào? Nhưng này, bố cũng thẳng thắn trả lời câu hỏi của mày: Chỉ mẹ mày mới duy nhất xứng đáng là...người tình lý tưởng của bố!

Một tay tôi nắm lấy bàn tay nổi đầy gân của bố, tay kia nâng ly rượu:

-Con chịu bố quá! Dzô bố!

Lúc sau bố nói; giọng bỗng chùng hẳn xuống:

-Tính đến hôm nay bố qua Na uy vậy là được bốn năm, bảy tháng rồi đấy.

Tôi chẳng chút nghĩ ngợi, vui vẻ tiếp lời:

-Thời gian đi lẹ quá, bố nhỉ.

Ngược lại, bố thoáng lộ vẻ đăm chiêu, nói như thể để một mình mình nghe:

-Bố thấy thế là...quá đủ rồi.

Tôi ngước nhìn bố, không hiểu rõ bố định nói gì. Bố chậm rãi tiếp:

-Nhân bữa nay...vui, bố cho mày biết luôn một quyết định của bố. Bố sẽ về Việt nam sống!... Mày để yên bố nói hết đã. Thật ra thì bố đã suy

tính từ lâu rồi, giờ tiện thể nói ra, chứ không phải do ngẫu hứng hay bởi 'rượu nói' đâu nhá... Chắc mày còn nhớ ngày nào, bố nói vì thương mày côi cút bố mới qua đây đoàn tụ. Sau một thời gian, bố thấy mày vững vàng và đã trưởng thành trong xã hội này. Bố an tâm.

Tôi nghe giọng mình hình như cũng đã lạc hẳn đi:

-Bố nói vậy chứ... có bố bên cạnh vẫn hơn.

-Mày phải sống cuộc đời riêng của mày, con ạ. Đa cảm đôi khi cũng không tốt đâu. Vả lại, bố cũng đã thấy...nhớ Việt nam lắm rồi. Càng ở lâu nước ngoài, bố càng nghiệm ra rằng không nơi nào bằng chính quê cha đất tổ của mình.

-Nhưng Na uy cũng xứng đáng để nhận làm quê hương thứ hai chứ.

-Bố đồng ý. Quả đúng xứ này...hết sẩy. Dân bản xứ vốn có từ tâm, thương từ cây cỏ đến côn trùng thú vật, nói chi đến con người. Không ai bị bỏ đói. Đốt đuốc cũng chẳng tìm ra hành khất. Hơn nữa mọi người đều được đối xử bình đẳng trước pháp luật. Thái tử chạy xe quá tốc độ ấn định bị cảnh sát chặn lại, vẫn lãnh giấy phạt. Tổng trưởng, dân biểu vi phạm luật lệ giao thông, bị thu bằng lái là chuyện thường. Thủ tướng cũng vác khay, đứng xếp hàng chờ tới lượt mình mua phần ăn trưa. Nói chung, bố thấy cuộc sống ở xứ này tuy bên ngoài trầm lặng thật đấy, có lẽ do thời tiết lạnh lẽo lại nhiều núi, lắm rừng, nhưng được cái không xô bồ, náo nhiệt quá độ. Tóm lại, theo bố nghĩ đây là đất sống lý tưởng. Tuy nhiên bố là một thứ cây đã được trồng lâu năm ở quê nhà, đã quen đất, quen nước và phong thổ trên phần đất mình lớn lên, không dễ gì thay đổi được đâu.

-Nhưng con thấy bố thích nghi cũng...ngon lành lắm chứ.

-Đó là bề ngoài thôi. Dĩ nhiên bố đã phải cố gắng lắm đấy, mà sự cố gắng kéo dài mãi dễ làm cho người ta mệt mỏi cả thể chất lẫn tâm thần. Con còn trẻ lại ăn học từ nhỏ ở đây, thành thử việc hội nhập với môi trường bao giờ cũng dễ dàng và tự nhiên hơn. Tuổi bố, các cụ xưa nói đã tới lúc như lá rụng về cội, nước trở về nguồn. Bố thèm nắng ở quê nhà, thèm được ba hoa với những người cùng tuổi bằng tiếng mẹ đẻ, thèm được bước ra khỏi nhà lúc nào và đi đâu thì đi, và nhất là thèm mai này khi ông bà gọi, được gửi thân xác vào chính nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Tôi cũng trở nên trầm ngâm:

-Con...hiểu bố.

-Thế là tốt. Mai này hồi hương, bố sẽ đem mẹ mày về theo. Nơi nào có bố, tất phải có mẹ mày và ngược lại.

Hai môi tôi mím lại để ngăn cơn xúc động. Bố cũng lặng thinh. Có lẽ thấy bầu khí bỗng nghiêm trọng, bố nhìn tôi, gật gù đầu, đổi giọng vui vẻ:

-Này, bố thấy mày cũng đã...lớn bộn rồi, nếu mày đã nhắm đám nào,

nói bố nghe, bố thừa sức lo cho mày trước khi trở về Việt nam.

Tôi hiểu ngay ý bố, nhưng vẫn làm bộ...ngây thơ:

-...nhắm gì bố?

Bố bật cười:

-Đừng lấy vải thưa che mắt thánh! Bố đi guốc trong bụng mày, con ạ.

Tôi đành cười trừ, nhấp nhấp ly rượu:

-Thì...tùy bố quyết định.

-Tùy sao được, ngày xưa nếu mày đòi lấy vợ sớm, tao cũng chẳng chỉ tay kiểu cha mẹ đặt đâu con ngồi đó, huống hồ ngày nay. Vả lại, mày lấy vợ chứ đâu phải bố mà...tùy bố. Vấn đề chính là mày phải tự chọn lấy người vợ nào hợp với mày.

-Vâng! Nhưng...bố cạn ly này đã rồi con phát biểu.

ực. Cả hai bố con tôi cùng cạn ly một lượt, cùng 'à' một tiếng ra chiều khoái khẩu. Sau đó tôi xoa hai bàn tay vào nhau, thổ lộ:

-Bố à, dĩ nhiên con sẽ lấy vợ, nhưng thưa thật với bố, chỉ khi nào con tìm được một người con gái có những đức tính như mẹ, con mới cưới để sau này con cũng được trở thành một người chồng lý tưởng như bố.

Tôi thấy đôi mắt của bố chớp chớp - đôi mắt này tuy đang đỏ như son chung quanh viền vì men rượu, nhưng nếu còn lông mi như ngày xưa hẳn là đẹp lắm - đàn bà, con gái đừng hòng qua mặt bố! Ở nơi bố có một điểm yếu, ấy là mỗi khi bố xúc động điều gì, mắt bố lại chớp chớp.

Tôi cầm ly rượu lên, đưa trước mặt:

-Bố, con thương bố nhất đời!

Mắt bố chớp li lịa.

Ngoài trời, những giọt mưa thu vẫn thánh thót rơi.

Hoài Mỹ
(để nhớ ngày đoạn tang bố -97)

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

ĐỨC PHẬT GIỮA CHÚNG TA
TRẦN NGỌC NINH

VĂN NGHỆ xuất bản. Giá 10MK. Ngoài Mỹ 12MK

Yêu

Trương Nhân

When I fall in love, it will be forever or
I'll never fall in love (1)

Nàng úp mặt vào tấm khăn giấy màu hồng, khóc nức lên. Chàng quăng điếu thuốc hút dở xuống sàn, cáu kỉnh dí mũi giầy lên trên, rồi đi lại giàn stereo, tắt máy. Không quay lại, chàng cũng biết cặp mắt đẫm lệ của nàng đang dán vào sau lưng mình, đầy trách móc. Chàng đã từng mê say cặp mắt nàng bao nhiêu. Đôi mí lót lẫn vào khoé mắt khi nàng ngẩng lên, hàng mi dài cong cong, đôi con ngươi đen ươn ướt dễ khổ lụy như nàng thường lo sợ. Ngày mai, ngày mốt, lúc đã bình tĩnh lại, nàng sẽ ngắm mình trong gương buổi sáng như thường lệ, nhớ đến chàng và ngậm ngùi nghĩ đôi mắt ướt lại thêm một lần nữa mang bất hạnh cho nàng. Chắc nàng sẽ oán hận chàng khá lâu. Nhưng chàng biết làm sao hơn ? Chàng chưa bao giờ chủ tâm lừa dối hay phụ bạc nàng. Chàng biết nàng yêu chàng và tin tưởng chàng rất nhiều, cho nên ngay đến lúc chàng đã ngã lòng mơ tưởng đến đôi môi đầy mòng mọng của Lan, chàng vẫn ngần ngừ không muốn nói thẳng với nàng. Thế mà nàng lại bảo chàng thiếu thành thật, trăng hoa, và nhiều chữ khó nghe khác. Chàng tránh mặt thì nàng đến tận nhà kiếm chàng, rồi cứ ngồi đó mà khóc, lúc tỉ tê, lúc than vãn, lúc vật vã. Nàng hẳn biết không có thằng đàn ông nào không sợ nước mắt của phụ nữ, nhưng mà, nàng có biết trong cái sợ có thêm cái chán ghét, đánh bạt đi chút thương hại, nếu có ? Vẻ quyến rũ duy nhất là đôi mắt nàng giờ chắc đã sưng đỏ, chàng không muốn nhìn đến nữa, vì còn muốn giữ lại một hình ảnh đẹp về nàng. Những đường nét méo mó dị dạng kia, nàng mang bày trước mắt chàng làm gì, khi tình đã nhạt và lòng

say đắm đã phai ?

Cảm thấy nàng đến bên cạnh, chàng xoay mình về phía nàng, vẫn tránh nhìn nàng, chờ đợi những lời cay đắng. Chàng chận kịp bàn tay nàng đang định mở máy nghe tiếp bản nhạc. Mặt chàng nhăn lại, khổ sở:

- Em nghe làm gì ? rồi lại khóc ...

chỉ làm khổ nhau thêm, chàng định nói thế, nhưng nàng đã ngắt lời:

- Em phải nghe chứ ? để nhớ lại anh hứa hẹn như thế nào ? anh quên rồi phải không ? forever, nhớ chưa ? forever ...

Nàng lại nấc lên trong tấm khăn giấy hồng đã ướt nhão nhoẹt. Chàng gừ gừ một tiếng gì đó không rõ trong cổ họng, bỏ đi đến cửa sổ. Trước sân, mưa đã tạnh, tàng lá cây xanh uốn mình trong cơn gió, giũ xuống những hạt mưa sót lại. Không biết màn bi kịch này còn kéo dài bao lâu, chàng tự hỏi. Chàng thấy đói bụng, thèm đi ra ngoài kiếm ly cafe nóng. Sau lưng chàng, tiếng khóc của nàng vọng đến. Chàng thở dài, buồn rầu lẫn bực bội. Nàng trẻ con quá đi. Đây đâu phải là lần đầu nàng có chuyện tình cảm đổ vỡ ? Đến tuổi nàng, nàng đã phải biết đâu có gì là vĩnh viễn, nhất là tình yêu ? Cuốn băng chàng cặm cụi ngồi thâu cho nàng trong hơi men ái tình, mang cùng để tựa với bài hát mở đầu "When I fall in love." Nàng cảm động lắm, và trong căn phòng này, khi giọng người ca sĩ vang lên thật ấm, nàng yên lặng để chàng hôn lên đôi mắt đen ươn ướt. Bài hát, với chàng là một thổ lộ tình cảm, trở thành lời hứa hẹn đối với nàng. Chàng liếc mắt về phía nàng. Mái tóc rũ xuống vai nàng, rung rung theo nhịp thở vội. Lãng mạn quá như nàng, khổ vì tình nhiều là phải.

- Em ...

Chàng ngập ngừng gọi, rồi không biết nói gì hơn. Chàng dốt an ủi lắm, vả lại những gì nói được chàng đã nói cả rồi, từ hôm qua, tuần trước. Đàn bà thích nghe nhai đi nhai lại, chàng biết, nhưng chàng chỉ có thể hăng hái làm thế trong thời gian săn đuổi. Còn bây giờ, chàng không hứng thú, mỏi mệt vì những lời than oán, và bồn chồn muốn giũ bỏ những vướng vít còn sót lại để lao mình vào cuộc tình mới.

- Đáng lẽ em phải nhận ra trước, anh là người hay thay đổi. Anh kể anh có nhiều mối tình, nhưng anh bảo chỉ yêu em nhất...

Chàng rút một điếu thuốc, châm lửa. Bao tử chàng cồn lên phản đối khi hơi thuốc thấm vào. Dư vị tình yêu chua loè nhạt thếch như hơi acid dội lên từ bụng. Chàng rít thêm hơi thuốc, chợt nghĩ đến món quà sẽ mua tặng Lan vào ngày lễ tình yêu.

In a restless world like this is
love is ended before it's begun
and so many moonlight kisses

seem to cool in the warmth of the sun (1)

Đôi mắt cô gái mở lớn. Từ góc độ thật gần, chàng có thể thấy đôi đồng tử căng nở ra nhìn chàng, lòng trắng xanh xanh, lờ mờ hàng mi lúc nàng chớp vội mắt. Từ sau bữa ăn tối, từ lúc nàng mở tấm gương nhỏ tô lại son, đôi môi khêu gợi bóng nhẫy màu tím của nàng làm chàng không còn nghĩ chuyện gì khác được. Chàng sốt ruột muốn đi về sớm, nghĩ cách tấn công nàng trên xe, toan tính "bắt" cho được nụ hôn từ giã trước cửa. Nàng, không hiểu vô tình hay khiêu khích, nói chuyện không dứt, mặc chàng trả lời nhát gừng. Khi nàng cười, khoé miệng nàng dãn ra thành một vệt tím xốn xang. Khi nàng ngưng nói hay tư lự, lằn chẻ sâu giữa môi dưới của nàng trũng xuống chút bóng tối gợi cảm. Nỗi khao khát bám lấy chàng như con bạch tuộc, phút từng phút siết chặt lại thêm. Gần ngạt thở, chàng bắt buộc phải dùng cái mẹo cũ kỹ : hỏi nàng có muốn ăn tráng miệng hay uống thêm cafe. Nàng hơi nhíu đôi mày thanh thanh thu vén kỹ lưỡng, nhìn xuống mặt đồng hồ. Lan phải đi về thôi, nàng nói. Đi khuya quá ba má sẽ lo. Chàng đứng lên lập tức, giúp nàng choàng áo lạnh, môi mỉm nụ cười đắc thắng. Thường khi chàng đã kiếm cớ nán lại, rủ rê nàng đi chỗ khác la cà uống café nghe nhạc, hoặc mỉa mai nghĩ thầm tán mấy cô con nhà lành khổ thật, cứ bị nàng đem ông bà via ra ám quẻ.

Trong xe, mùi nước hoa loại unisex của Calvin Klein nhè nhẹ thoảng qua từ mái tóc nàng. Khi cởi áo choàng, nàng vặn người đến trước, kề gần khuôn mặt nàng vào chàng trong một thoáng ngắn ngủi. Trong ánh đèn neon trắng nhợt nhạt, da nàng xanh hơn và màu môi tím thẫm lại như vết bầm. Chàng nhớ đến những phim ma cà rồng, chợt nghĩ bây giờ chàng đã hiểu tại sao người ta có thể đê mê trong nụ hôn uống máu đó. Cần cổ cao của nàng ngước lên, làn da mịn căng lên theo đường cong chiếc cằm, đôi môi mở hé như người tình trong giờ dâng hiến. Chàng nhìn sững, như bị thôi miên. Đến lúc chàng định quàng tay ôm nàng thì chiếc áo khoác đã được ném gọn ở băng sau, và những ngón tay ấm của nàng đặt hờ trên cánh tay chàng, giục: Đi, anh.

Chàng cố tập trung vào chuyện lái xe, nhìn kính chiếu hậu, kính hai bên, và không nhìn nàng. Nhưng mùi nước hoa vương vất cùng với đôi môi trong trí tưởng quyện vào nhau không kém phần mê hoặc. Mỗi lần màu tím ướt át phóng lớn lên trong đầu chàng, chàng nhấn ga thêm chút nữa. Ngồi bên cạnh, nàng cười khẽ, giọng cười khao khao. Chàng nghĩ đếm hàm răng trắng ngà giữa đôi môi, và lẳng lặng nhấn ga.

Nhà ông bà via của nàng đã tắt đèn, tuy lúc này các hộp đêm mới bắt đầu nhận khách. Như bao lần khác, chàng tự hỏi làm sao chàng có thể

thuyết phục nàng ở lại với chàng qua đêm sau này, nếu nàng tiếp tục sống với ba má ? Họ gặp nhau mấy tháng nay trong tình trạng "giữ kẽ", chàng chưa được cầm đến tay nàng nữa, nhưng chàng thích mơ tưởng đến tương lai, vì chàng hy vọng tương lai sẽ mang lại cho chàng nhiều hơn là những cái nhìn bỏng cháy chàng để lại trên đôi môi và đôi vai trần của nàng. Đêm nay, chàng quyết định tương lai đã đến, mù quáng vì mê say, vì thái độ bông đùa loáng thoáng chút lơi lả của nàng. Chàng bước theo nàng vào tận cửa. Nàng dùng chìa khoá mở cửa, rồi, vẫn để cửa đóng, xoay người lại về phía chàng, chuẩn bị một lời từ giã. Đó là lúc chàng tiến sát bên nàng, hai tay chặn lên cửa, quây nàng trong vòng tay chàng.

Nàng đã như con mèo vờn chuột suốt buổi tối, và bây giờ chàng ngắm nghía, với chút đắc thắng rất nam tính, nỗi sợ hãi lẩn khuất trong đáy mắt nàng. Có thể vì nàng chưa bao giờ thấy sự ham muốn sỗ sàng đến thế trong đôi mắt chàng. Tia nhìn chàng trợt xuống sống mũi nàng, giữa lằn nhân trung sâu dẫn đến đôi môi nàng, một bên khoé miệng run run lo lắng (hay chờ đợi ?). Chàng muốn đặt tay sau lưng nàng, kéo nàng lại gần mình, thật sát cho thân hình nàng nhập vào thân hình mình, và hôn nàng, chậm rãi, từ những sợi tóc mai mềm bên tai nàng lần theo gò má ửng lên màu hồng đậm, như ngọn lửa chạy theo dây ngòi đến lớp thuốc súng cuộn tròn trong thân chiếc pháo. Không cưỡng được, chàng nghiêng người đến trước, tham lam tìm đôi môi nàng, đúng lúc nàng quay mặt đi, tay đẩy mạnh vào ngực chàng. Chàng lùi lại một bước, và nàng, nhanh nhẹn như con mèo, lọt người qua khung cửa tay nàng vừa mở ra. Trong ánh sáng mập mờ hắt vào căn phòng, hình như mắt nàng có nụ cười láu lỉnh của con chuột sau khi chạy tọt xuống kẽ hang giương mắt diễu gã mèo lơ ngơ đứng ngó. Chàng xông đến, nhưng cánh cửa đã xập lại. Giọng nàng êm ái thì thầm từ sau mặt gỗ : ngủ ngon. Mộng đẹp. Chàng thoáng nghe giọng cười khao khao.

Vuốt lại mái tóc, chàng nén một câu chửi thề muốn bật ra khỏi miệng. Trong không gian yên lắng, mùi nước hoa của nàng vẫn còn phảng phất. Hơi lạnh ẩm ẩm của đêm giúp chàng tỉnh táo lại. Chàng xoay nhìn cánh cửa, hẹn thầm lần sau. Nhất định lần sau.

When I give my heart it will be completely
or, I'll never give my heart (1)

Nàng đưa tấm thực đơn cho cô hầu bàn, mắt vẫn nhìn chàng. Nàng muốn thấy những ngón tay chàng nán lại trên mặt tấm thực đơn, như thể nó đang là cánh tay tròn lẳn của cô gái ngoại quốc. Nàng muốn thấy tia

mắt mơn trớn của chàng vờn trên khuôn mặt cô ta, đôi mắt hạt dẻ và màu môi đỏ thắm. Cẩn thận để không trở thành bất nhã, chàng kéo tia mắt về với nàng, tuy nàng chắc chàng muốn nhìn theo dáng đi uyển chuyển của cô ta len lách giữa các dãy bàn.

Nàng cáo lỗi đi vào restroom. Sau lưng nàng, chàng đang thả mắt đi tìm những thực khách xinh đẹp trong tiệm ăn, nàng đoán thế. Trong phòng restroom, nàng tô lại chút phấn. Tấm gương chiếu sáng trả hình ảnh của nàng về kèm theo sự khen nịnh lộ liễu của loại kính chế tạo khéo léo để làm tăng ảo tưởng về sắc đẹp. Nàng có xinh không ? Chắc có, vì chàng vẫn thì thầm vào tai nàng như thế mỗi tối đi chơi về họ chia tay nhau trước cửa nhà nàng. Chàng có yêu nàng không ? Chắc có, vì chàng vẫn nhìn nàng bằng cặp mắt say đắm, mê mải thường làm trái tim của nàng chao đi mất một nhịp, phất phơ trong lồng ngực nàng như cánh bướm trong một ngày nắng ấm. Thế nhưng chàng vẫn để tia nhìn lang thang đi mọi nơi. Đôi lần nàng nghĩ : chàng yêu cái Đẹp đấy thôi. Đôi lần nàng thấy ngọn lửa ghen tức phả vào mặt mình hơi thở nóng hổi. Đôi lần nàng muốn hỏi chàng tình yêu của chàng có bao phần thật bao phần giả dối, rồi tự cười mình vớ vẩn. Chuyện ấy tự nàng phải quyết định chứ.

Đôi mắt nàng nhìn nàng trong gương, hơi nheo lại. Nàng bao lần nhớ lại để phân tích mổ xẻ từng cử chỉ, lời nói của chàng mỗi lần gặp mặt để phán định tình yêu của chàng, nhưng nàng ngần ngừ không biết rõ. Ngay trong những phút nồng nàn nhất của mối quan hệ, lúc trái tim nàng lảo đảo muốn ngã vào đôi tay chờ đón của chàng, hình ảnh chàng và ánh mắt chiêm ngưỡng vuốt ve dáng dấp một người phụ nữ khác như mũi kim lạnh buốt xuyên thấu qua thần trí mơ hồ của nàng, đẩy nàng trở về vị trí lửng lơ, "làm khó dễ" theo câu nói nửa đùa cợt nửa trách móc của chàng.

Một người đàn bà đẩy cánh cửa màu hồng, bước vào. Giật mình, nàng cầm chiếc ví nhỏ đính kim tuyến lấp lánh, lướt qua bà ta đi ra. Tuy vội vã, nàng vẫn thấy đôi mắt tò mò của bà ta từ vai xuống tận gót chân nàng. Hôm nay là sinh nhật của chàng, và nàng biết chàng thích thấy nàng ăn diện rực rỡ, để chàng có thể thích thú thấy những tia nhìn của những người khác đổ vào nàng khi họ bước vào tiệm. Tóc bới cao, áo dạ hội màu tím lộ đôi vai trần, vòng cổ đá tím đính kim cương, đôi giày màu tím rắc kim nhũ, ngay cả quầng mắt và đôi môi cũng màu tím, nàng biết nàng sẽ thu hút sự chú ý. Nàng đi qua những dãy bàn, môi phớt nụ cười thoáng qua ơ thờ. Nàng đã tốn bao công trình để chuẩn bị cho tối nay, để làm đẹp lòng chàng. Như vậy, chắc hẳn nàng đã yêu chàng ?

Chàng đón nàng bằng nụ cười thoả mãn. Tia nhìn của chàng nóng

bỏng trên đôi vai nàng như một nụ hôn thầm lén. Cẩn thận ngồi xuống ghế để khỏi làm nhàu áo, cẩn thận mỉm nụ cười tươi thắm để cho chàng biết nàng có thấy vẻ chiêm ngưỡng của chàng, nàng bỗng nhận ra cường độ của đôi mắt chàng không đủ hâm nóng sự dửng dưng trong lòng nàng hôm nay. Có thể nàng đang bận rộn với những ý nghĩ trong đầu, không có hứng lãng mạn. Có thể sau những ngày tranh đua với những cô gái khác, nàng cảm thấy nàng đã thắng, và nàng đã mất sự chăm chú say sưa trong cuộc săn đuổi. Nhưng, tại sao cái vui cuồng nhiệt đắc thắng không đến ? Nàng tỉ mỉ nhìn lọn tóc rũ xuống một bên đỏm dáng của chàng, đôi cánh mũi nở tham lam, đôi môi mỏng cười cợt. Nàng đã lao vào trò chơi, dành giật cho được món quà treo trên cao, nhưng hình như nàng say trò chơi chứ không ham thích món quà cho lắm. Bây giờ, món quà đong đưa trước những ngón tay nàng, và nàng thoáng ngập ngừng, không rõ mình có nên đoạt lấy hay đi tìm trò chơi khác.

Những ngón tay chàng với qua trên mặt bàn, vờn nhẹ trên những ngón tay nàng:

- Em thật hay mơ mộng.

Nàng rụt tay lại, nhưng khoé mắt nàng kèm theo cái liếc dài khuyến khích. Trong đầu nàng, những tư tưởng hỗn loạn xoay vòng. Đã đến lúc quyết định, nhưng nàng vẫn còn do dự. Một cô gái đi qua bàn hai người, mùi nước hoa loại mới nồng nồng, và chàng ngước lên, hoàn toàn theo phản xạ. Thôi thì hãy giữ chặt lấy những gì mình có, nàng nghĩ. Nàng cũng sắp qua cái tuổi kén chọn mất rồi.

Nâng ly champagne chúc mừng chàng thêm một tuổi, nàng dấu tiếng thở dài trong ngụm rượu ngọt. Mừng anh, nàng nói, và nghĩ thầm, mừng cho đêm nay, nàng có người đưa về ...

and the moment I can feel that
you feel that way, too is when
I fall in love with you (1)

Căn phòng nhỏ thật ấm với ngọn lửa bập bùng trong lò sưởi. Nàng vòng hai tay qua gối, như để tự ôm lấy mình. Cuối góc phòng bên kia, chàng còn vật lộn với chai champagne. Ngoài cửa sổ, mưa rơi nhè nhẹ. Khung cảnh tuyệt vời trong cái gout lãng mạn rất...Mỹ, nàng nghĩ. Buổi chiều chưa tối, nếu không chắc chàng đã thắp mấy ngọn nến trắng trên mặt lò sưởi. Rồi chàng sẽ nhìn nàng mắt trong mắt, sẽ ca ngợi ánh lửa trong đáy mắt nàng, sẽ hôn nàng, sẽ ... Nàng khẽ nhắm mắt lại. Chút gì, như cái rùng mình chạy suốt sống lưng. Nàng đang mong chờ đấy sao ? Nàng biết nàng đang mong chờ, nhưng không rõ mong chờ cái gì ? Trời

mưa, nàng giam chân trong nhà nhìn mưa đã chán, cần thay đổi không khí. Không phải nàng không biết chàng mời nàng lại apartment của chàng chỉ để tìm cách đẩy mối quan hệ đi xa hơn, ít nhất trong khía cạnh sinh lý. Đã làm quen nhau qua lời nói, ý nghĩ, bây giờ chàng bồn chồn muốn làm quen với đôi tay, đôi môi nàng và thể xác nàng. Lúc chàng gọi, nàng ngồi bên giường, cắn môi suy nghĩ. Nhưng nàng thấy mệt mỏi, và gạt đi cảm giác lấn cấn mơ hồ, nhận lời. Tiếng nói nào từ đâu đó trong tâm linh bật cười khoái trá : hãy để cho tự nhiên điều khiển mọi chuyện.

Chàng giữ trước mặt nàng ly champagne đang sóng sánh sủi bọt. Nàng cám ơn, nhận lấy ly rượu. Chàng sà xuống bên nàng, giọng ngọt như mật :

- Mình chúc mừng cái gì đây ?

Hơi thở chàng rờn rợn trên tóc mai nàng. Nàng muốn đặt tay lên má chàng, muốn thấy những sợi râu cạo không kỹ nhồn nhột những ngón tay, và nụ hôn trong lòng bàn tay. Nàng muốn nhắm mắt, ngã vào vai chàng và thả mình trên sự ham muốn âm ỉ trong mắt chàng. Nhưng nàng tiếp tục cuộc chơi :

- Chúc mừng...mình quen nhau.

Tiếng chạm khẽ của hai chiếc ly, màu champagne vàng óng chao nghiêng, vị rượu ngòn ngọt trên đầu lưỡi tê tê. Hơi thở chàng nóng hổi bên tai nàng :

- Uống thêm chút nữa, cho má em hồng lên.

Và buông thả hơn, nàng nghĩ. Ngước mặt lên, nàng uống cạn ly rượu. Hơi ấm tỏa ra trên mặt nàng, trên phía sau vai nàng chàng vừa vụng trộm đặt môi nào. Nàng quăng ly rượu vào lò sưởi, bật cười. Trong những đoạn văn ái tình, những cuốn phim lãng mạn, mọi chuyện sẽ tiếp tục như thế nào ? Nàng xoay mặt về phía chàng, đôi mắt mơ màng, môi còn ướt champagne. Mắt chàng lóng lánh, sự ham muốn lồ lộ như cô kiểu mẫu thoát y đã hết e thẹn. Khuôn mặt chàng sát gần lại, đôi môi mềm mại trên má nàng, trên khoé môi nàng. Nhắm mắt lại, nàng trôi đi trên dòng nước bồng bềnh nào đó, vẫn còn nghe tiếng mưa rơi lẫn trong nhịp tim dồn dập của chàng. Còn thiếu điều gì nữa, nàng băn khoăn trong ý nghĩ uể oải. Khi nàng mở mắt, nàng đang nằm trên thảm, chàng đang mê mải tìm cách tháo những chiếc khuy bé tí trước ngực nàng. Nàng thì thầm :

- Lan muốn khiêu vũ.

Chàng hơi khựng lại. Nàng biết chàng đang phân vân không biết có nên chiều ý nàng hay không ? Mình vẫn còn là kẻ mạnh, phải không ? nàng tự hỏi. Lát nữa đây, khi ngồi dậy từ chiếc giường chăn gối xô lệch của chàng hay từ góc chiếc thảm này, nàng đã rớt xuống địa vị tình nhân

của chàng, sẽ bắt đầu lo lắng sợ mất chàng, sẽ đau đáu tìm dấu vết đầu tiên của sự chán chường trong mắt chàng. Bây giờ, nàng vẫn còn là nữ thần, là trái cấm khơi dậy sự tò mò lẫn bản năng chiếm hữu của chàng.

Nàng gạt tay chàng chắn ngang người mình, nhẹ nhàng nhưng cương quyết. Ngồi dậy, không buồn vuốt lại mái tóc rối, nàng bước đến giàn máy nhạc. Nàng xoay lại phía chàng vẫn ngồi bàng hoàng trước lò sưởi với nụ cười nửa miệng và ánh mắt mời mọc. Vài chiếc khuy áo mở, vạt tóc rối và đôi môi son đã loang, nàng biết nàng trông quyến rũ như con mồi đã nằm trong nanh vuốt.

- Đến đây lựa nhạc với Lan chứ ?

Chàng bật dậy, mềm mại như con báo trong bóng tối mập mờ vừa lan vào từ cánh cửa sổ ở góc phòng. Nàng mất một nhịp thở khi chàng vòng tay ôm nàng từ phía sau và hôn lên cổ nàng. Giọng cười nàng khao khao, hụt hơi. Chàng nhấn tay vào một chiếc nút nào đó trên chiếc máy. Tiếng nhạc ồn ào làm cả hai giật mình, rồi phá lên cười. Chàng tắt máy. Nàng cúi người mở ngăn kệ bên cạnh nơi chàng để đĩa nhạc. Trên dãy CD xếp thẳng hàng, một cuộn băng cassette nằm trơ trọi. Nàng cầm lên, chỉ định bỏ nó qua một bên, nhưng chàng với tay giằng lấy. Ngạc nhiên, nàng rút tay lại, mặc kệ vẻ nhăn nhó của chàng. Trên mặt cuốn băng, một dòng chữ viết tay rất điệu : When I fall in love... with you. Chàng nhìn nàng, không hẳn bối rối, không hẳn ngượng ngập. Khó chịu thì đúng hơn, như bị ai hỏi lúc đang ăn ngon miệng. Chắc hẳn là cuốn băng cô nào tặng cho chàng, hoặc ngược lại. Chàng cố nắm lấy cuốn băng lần nữa :

- Đưa cho anh nào. Băng này dở lắm.

Nàng bướng bỉnh trả lời, tuy giọng vẫn dịu ngọt :

- Lan muốn nghe thử chút thôi mà.

Tiếng nhạc dìu dặt vang lên trong phòng, bàng bạc trong không gian chập choạng tối. Nàng vòng hai tay qua cổ chàng, thì thầm :

- Mời anh ?

Chàng ôm ngang hông nàng, và nàng áp má vào má chàng, những sợi tóc sau gáy chàng mềm mềm trong lòng bàn tay nàng. Môi nàng mớm nhẹ vào vành tai chàng.

When I fall in love
it will be forever(1)

Chàng bứt rứt cựa quậy trong vòng tay nàng, rồi ngừng lại. Tuy hai cánh tay chàng còn giữ eo nàng, và người chàng vẫn kề sát nàng, nàng biết ngay có chuyện gì đó đã sai. Phải chăng chàng giận nàng không chiều ý chàng ? Hay chàng đã mất hứng thú ? Hay bài nhạc này làm

Vầng trăng giữa sách
NGUYỆT THU

Quá nửa đêm về sáng
Gác chân nằm đọc thơ
Anh là trang sách mở
Em vầng trăng lửng lơ.

Quá khuya còn nói nhảm
Hai tên trộm vườn đào
Tiếng cười em trong vắt
Nụ hôn anh ngọt ngào.

Quá nửa đêm trăng chiếu
Soi bàn tay vỗ về
Giữa lòng sách là ngọc
Chìm vào trăng si mê.

Quá khuya đêm sắp sáng
Nhóm lửa ấm nỗi buồn
Đốt từng cọng tình thơm
Trăng ngà ôm sách biếc.

Quá khuya đêm sắp hết
Thủy triều dâng ngập hồn
Giữa trang sách mở rộng
Trăng cong mình ngủ ngoan.

chàng nhớ đến ai khác ? Nàng đột nhiên muốn bật cười. Sau cùng nàng cũng đã đến chỗ éo le ngược đời của màn yêu đương. Lúc nàng sẵn sàng để sa ngã, chàng không còn sự hăng hái của gã thợ săn nữa.

Nàng thoát ra khỏi tay chàng. Đôi mắt chàng nhìn theo nàng, nửa luyến tiếc nửa bất lực. Nàng mặc áo choàng, vuốt khẽ lên má chàng thay lời chào, bước ra cửa. Ngoài trời, mưa đã tạnh. Hết những bậc thang, nàng nhìn đồng hồ. Hình như tối nay có party ở nhà Quyên thì phải ?❐

(1) *When I fall in love – nhạc : Vitor Young, lời : Edward Heyman*

Nói chuyện với nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn

Nguyễn Phúc

Lời tòa soạn: Thế hệ văn nghệ sĩ Việt Nam bước vào tuổi thanh niên thời kháng chiến chống Pháp nay đã ở vào tuổi "thất thập cổ lai hi". Sự đóng góp và tâm tình của thế hệ đó, cho đến nay, vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Vì thế, *Văn Học* đã nhờ nhà báo Nguyễn Phúc, nguyên là biên tập viên Đài BBC Luân Đôn, thực hiện một loạt những cuộc phỏng vấn các văn nghệ sĩ thế hệ này hiện đang định cư ở hải ngoại. Mở đầu là bài phỏng vấn nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn dưới đây.

Từ trên thềm của ngôi nhà nhỏ cạnh đường San Gabriel, thị trấn Rosemead, người nghệ sĩ ấy, với khuôn mặt chở đầy dấu tích của năm tháng, của phong trần, của phong sương, của chịu đựng, đã đón tôi với một nụ cười thật tươi, thật sáng, với một cái nhìn thật thẳng thắn, thật sắc, thật lâu: có chút gì thật đặc sắc trong cái tương phản giữa nét trẻ trung của nét cười ấy, cái nhìn ấy với những nếp hằn sâu trên trán rộng, những đường nhăn bên hai má. Điếu thuốc lá đang cháy dở trên tay, anh Nguyễn ngoắt:

"Vô, vô."

Cái ngoắt tay ấy của một con người từng trải, lịch duyệt, có vẻ như bất chấp mọi ước lệ trong lối chào hỏi xưa nay của người mình, cái ngoắt tay thân mật ấy coi vậy mà lịch sự ra phết.

Mặt đàn dương cầm cũ cũng chở đầy năm tháng như gương mặt của chủ nhân nó: hai tấm ảnh bán thân đóng khung. Một của J.S.Bach và một của Beethoven. Cái tủ thấp kê gần giàn stereo nhỏ đầy đĩa CD nhạc cổ điển tây phương.

"Âm nhạc và anh tình cờ mà gặp nhau? Hay là anh tìm đến âm nhạc?"

Không một chút lưỡng lự, nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn đáp:

"Tôi tìm đến âm nhạc. Từ nhỏ, mình sống xung quanh âm nhạc rồi.

Mình hát trong nhà thờ từ hồi nhỏ, cũng nhờ vậy mà mình biết là mình thích âm nhạc, yêu âm nhac..."

"Anh sớm khám phá ra là anh có khiếu âm nhạc?"

"Biết mình thích âm nhạc thì biết khá sớm nhưng mà...cho đến bây giờ mình cũng không biết là mình có khiếu hay không?"

"Khiêm nhượng rồi anh nói vậy chứ ai không biết rằng anh là một nhạc sĩ có tài, thành danh đã từ lâu với rất nhiều bài được cả nước yêu chuộng, nổi tiếng nhất là bản Nắng Chiều..."

Anh khua tay ngắt lời tôi:

"Bản Nắng Chiều thật ra chỉ là một trong một số bài của tôi được phổ biến rộng rãi, nhưng mà tôi cũng không thích nó lắm, dù tình cảm tôi gửi vào đó rất mặn nồng."

"Tại sao?"

Anh Nguyễn cười phá lên, rất sảng khoái. Rồi im lặng, trầm ngâm một lúc anh chậm rải đáp:

"Mình cũng không biết vì sao mình không thích bài Nắng Chiều lắm, dù khi viết xong bản đó mình rất khoái, dù bài đó rất chững chạc, chững vô cùng, nó...cân phương đủ mặt...Đây cũng là một loại tâm trạng. Người ta hát nhiều quá, mình đâm ra ghét. Người ta cứ giới thiệu Nắng Chiều, Nắng Chiều mà không biết thằng Nguyễn là ai cả."

"Kể cũng không có chi lạ. Có một bản Sonate của Robert Schumann mà chính nhạc sĩ cũng từng nói là ông không thích chỉ vì bản đó là bản ruột của danh cầm Clara

Schumann. Mà Clara Schumann như anh cũng đã biết rồi, lại chính là vợ của nhạc sĩ. Ông thấy thiên hạ tán thưởng bài đó, tán thưởng nghệ thuật trình tấu của vợ - hình như bài sonate đó khó đánh lắm - mà không biết đến ông nên ông bực...rồi cũng đâm ra ghét bản sonate đó. Nhưng mà, để trở lại với sáng tác của anh, không phải vì có quá nhiều người hát bài Nắng Chiều mà giá trị nội tại của nó bị giảm đi. Anh viết bài Nắng Chiều vào năm nào và viết ở đâu?"

"Tôi viết bản đó ở Huế, thời gian sau khi bỏ vùng kháng chiến về thành...Tâm sự tôi trong bài Nắng Chiều nó như thế này, kể anh nghe cho vui. Sau cuộc đảo chính của Nhật vào đêm 9 tháng 3 năm 45, có một gia đình công chức Nam triều từ Qui Nhơn chạy ra tạm trú ở Hội An, mà tôi cũng ở Hội an lúc đó. Gia đình đó có một người con gái. Tôi yêu người con gái ấy.."

"Khi anh về qua sân nắng chạnh nhớ câu thề *...hẳn không phải là tình câm mà tuyệt vọng?"*

"Lúc bấy giờ tôi còn nhỏ còn trẻ mà, đâu 19, 20 gì đó...platonique (lý tưởng) thôi. Rồi sau đó tản cư, kháng chiến...có cảm tưởng như mình còn thiếu người ấy một món nợ...Vì tôi viết bản Nắng Chiều ở Huế nên có nhiều người lầm tưởng rằng tôi viết cho một người Huế mà tôi đã yêu. Nhưng sự thật thì như tôi vừa kể, không phải như vậy...Viết xong bài Nắng Chiều tôi khoái lắm, biết rằng mình đã trả được món nợ ấy."

"Hỏi cho...đáo kỳ lý luôn? Biết rằng anh viết bản đó ở Huế, nhưng mà tại nơi nào ở Huế?"

" Tại cung An Định."

Cung An Định được cất riêng cho vua Khải Định, không thuộc hệ thống kiến trúc cũ của hoàng thành Huế, nằm bên bờ sông An Cựu . Cùng với nhiều kiến trúc khác ở Huế, cung An Định đã bị Việt Minh đặt chất nổ, phá sập khi họ áp dụng chính sách tiêu thổ kháng chiến.vào đêm 19 tháng 12 năm 1946.

Từ cổng chính nhìn vào, lúc ấy chỉ còn dãy nhà phía bên phải, tuy hư hỏng nhưng vẫn còn ở được.Và đó cũng là nơi mà bà Từ Cung, thân mẫu của Cựu Hoàng Bảo Đại, đã cư ngụ sau khi bà hồi cư từ Mỹ Lợi.

"Ủa, sao mà anh lọt vào cung An Định?"

"Lúc bấy giờ, tôi làm việc ở đài phát thanh Huế, chơi thân với anh Vũ Đức Duy. Anh ta có họ với bà Từ Cung, cũng nhờ quen anh mà anh đưa tôi qua ở bên cung An Định...Thật ra cái ý định viết một bài cho mối tình ở Hội An nó nhen nhúm lên trong lòng tôi đã từ lâu, nhưng phải chờ có một tia lửa thì...cái âm ỉ ấy nó mới bốc lên được..."

"Và cái tia lửa đó là một người thiếu nữ họ Hoàng, một thời hoa khôi

ở đế đô, có họ với bà Từ Cung...Một chiều, ngồi cạnh hồ sen của cung An Định, bóng dáng thướt tha của người thiếu nữ ấy đã gợi cảm cho tôi, đưa tôi về với mối tình cũ... vậy là tôi viết bài Nắng Chiều, đâu có trong vòng nửa tiếng đồng hồ là xong. Thời gian ở Huế là lúc mà tôi biết chắc là tôi quả yêu âm nhạc thiệt sự, trước đó viết vớ vẩn vậy thôi..."

"Anh học nhạc với ai?"

"Tôi tự học trong giai đoạn đầu. Lúc bấy giờ tôi tham gia các phong trào thanh niên đi cắm trại, họp bạn ở tỉnh nhà, tỉnh Quảng Nam. Ca khúc đầu tiên của tôi là bài Ngày mai Trời Lại Sáng, tuổi trẻ mà, luôn lạc quan tin tưởng ở tương lai

Tuy là sáng tác đầu tay nhưng mà bây giờ xem lại, tôi thấy bài đó cũng chỉnh. Sau đó thì đi tản cư. Dạo ấy có cái buồn cười thế này, có một số anh em yêu thích âm nhạc nói tôi thảo một bản nhạc như nhạc ngoại quốc, loại hòa tấu mà không có lời, họ cho vậy là nhạc cổ điên tây phương, tôi cũng chiều anh em mà có viết một bài đặt tên là Adieu Les Soirées Intimes.Cái buồn cười là khi bắt đầu viết nhạc, ưng viết cho khúc mắc, cho khó khăn. Sau này đọc thêm, học thêm, nghe nhiều mới thấy được cái simplicité (giản dị) mà đạt được mới là khó. Cũng nhờ một phần vào sinh hoạt văn nghệ và những cuộc hội thảo về quan niệm sáng tác khi tôi còn phụ trách âm nhạc cho toàn thể Liên Khu Năm, một đơn vị hành chánh trong vùng kháng chiến, gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên...Lúc đó, tôi có viết một bài tên là Binh Nhì Ca, viết cho bộ đội hát chơi mà. Bản này được tuyên dương. Tôi viết theo lối của tôi, khi tập cho anh em bộ đội hát, họ hát không được. Tôi sửa lại cho đúng với cách mà họ thích hát, họ hát được liền. Nhịp điệu của họ giản dị thôi, mà mình ưng viết cho khó thành ra họ hát không được. Có gì đâu."

"Anh tự ý sửa hay là ai bảo anh sửa."

"Tôi tự ý sửa. Vì lúc đó mình nghĩ mình viết cho bộ đội mà, không phải cho riêng mình. Cho nên tự ý sửa, không có đau lòng chi cả. Bộ đội hát được, mình cũng vui vậy."

"Có bao giờ anh phải viết một bài theo chỉ thị của cấp trên không?"

"Tuyệt đối không. Tôi tuyệt đối chống lại cái gọi là nhạc đột kích, nghĩa là loại bài hát mà người ta khuyên anh cứ nên làm sẵn trước, chờ một phong trào, chiến dịch, đại hội nào đó, đúng lúc sẽ tung ra. Tôi chống cái chuyện đó lắm. Tôi làm nhạc là vì tôi thích thôi, trong số những bài tôi viết hồi đó có bản Bài Ca Của Đoàn Văn Nghệ, lời của Tôn Thất Mạnh Hào, anh Mạnh Hào hiện vẫn còn sống ở ngoài Bắc, làm thơ hay lắm, bút hiệu là Hạo Nhiên.Tôi viết là tôi décharger một điều gì đó trong tôi. Tôi không có lý luận gì cả."

Tôi thầm mến cái ngay thẳng thật thà của con người xứ Quảng này. Anh không quên những kẻ đã góp phần vào sự nghiệp của chính mình. Mến là vì, xung quanh mình, không riêng gì trong âm nhạc, mà trong nhiều bộ môn, lĩnh vực khác nữa, số người có khả năng nhận vơ đếm không hết.

"Bạn văn nghệ cũ của anh từ thời kháng chiến gồm những ai, nay còn những ai?"

"Ở Liên Khu Năm, lúc ấy có anh Phan Huỳnh Điểu, tác giả bài Có Một Đàn Chim, anh Văn Đông. Về sau họ ra Bắc cả. Có hai anh em anh Dương Minh Ninh và Dương Minh Hòa. Anh Ninh không biết nhiều về nhạc lý nhưng mà trời phú cho cái khả năng ghi nhận nhạc điệu. Thời đó, đi xem ciné, nghe được một bài nào mà anh thích là anh ghi lại không thiếu một nốt. Anh Ninh có viết bài Trai Đất Việt. Anh lớn hơn tôi chừng bốn năm tuổi, chuyên về cổ nhạc, vọng cổ, hiện còn sống ở Việt Nam. Anh Hòa có lúc phải đi vùng Kinh Tế Mới, bây giờ sống lây lất ở Việt Nam, đi dạy nhạc vớ vẩn, thỉnh thoảng có làm những bài hát thiếu nhi."

"Những người bạn văn nghệ đó, có ai chỉ dẫn thêm gì cho anh về nhạc lý không?"

"Không. Nhưng mà lúc bấy giờ tôi có cái may mắn tìm được một tủ sách, trong đó có sách nhạc lý của một trường công giáo ở Chương Hòa, Tam Quan, Bình Định. Tôi dạy học ở đó. Nhờ vào tủ sách đó mà tôi tự học thêm về harmonie (hòa âm) về contrepoint (đối điểm)...Vì tự học nên tôi học mà không có làm bài tập..."

"Sau contrepoint rồi đến composition (soạn nhạc) phải không anh?"

"Đúng vậy, mãi về sau này, khi vào thành rồi, tôi mới học composition. Nhưng có cái buồn cười là lúc đó, mình chưa học composition mà lại viết nhạc, viết được có lẽ nhờ mình nghe nhiều, sống nhiều với âm nhạc. Cũng như có nhiều người có học luật lệ gì về thi ca đâu nhưng mà vẫn làm thơ, vẫn làm được thơ. Riêng trong âm nhạc, tôi nghĩ muốn viết cho vững, tối thiểu phải học harmonie, nó giúp cho mình chấm câu dứt đoạn. Người sáng tác nhạc ít nhất cũng phải biết hòa âm. Thiếu kỹ thuật đó, nhạc phẩm không có được mạch lạc chặt chẽ.

Các nhạc sư Pháp cho rằng âm nhạc là sự vận chuyển của tâm trạng và tư tưởng. Sự vận chuyển này được tạo ra bởi hai trạng thái động và tĩnh. Có nghĩa là căng thẳng (tension) và buông dãn (détente). Để dễ hiểu, khi nghe một bài vọng cổ, đến đoạn nói lối (có khi kéo dài đến hàng trăm chữ), có lúc tiết điệu và âm điệu đang tạo sự căng thẳng, người nghe nín thở chờ đợi, chờ đợi gì, chờ đợi sự buông dãn của âm Hò chấm câu, là lúc cả rạp vỗ tay. Lúc này là lúc âm nhạc chủ động, lời văn của bài ca là

thứ yếu, chỉ có âm Hò họa điệu (chute) để cho người nghe thở phào. Có tiết điệu trống (rythme masculin), tiết điệu chiều ý người nghe theo nét nhấn (accent) của nhịp ấn định. Và tiết điệu mái (rythme féminin) là tiết điệu đưa lệch nét nhấn mà người nghe chờ đợi. Đấy là một vài chi tiết của composition.

Sau khi vào thành rồi, tôi bắt đầu học thêm khóa hàm thụ với Ecole Universelle ở bên Pháp. Tháng tháng gửi mandat-poste cho họ, theo học cours de composition. Sau khi học xong tôi được chấp nhận là hội viên của SACEM Hội Nhạc sĩ Pháp. Lúc bấy giờ tôi quyết tâm đeo đuổi ngành nhạc."

"Nhưng mà nhạc có nuôi nổi anh không?"

Thoáng một nét cười khá chua chát qua một hơi khói thuốc lá có đầu lọc, hít rất dài, hãm rất kỹ.

"Không. Lúc mới ở kháng chiến về tôi đi dạy vớ vẩn. Lúc bấy giờ ở Đà nẵng, có gia đình ông Huỳnh Sau, con cái đều chơi nhạc giỏi cả, trong nhà có đủ dương cầm vĩ cầm. Giống như gia đình ông Henri Richard ở Huế vậy. Tôi chơi thân với gia đình đó, họ giới thiệu cho tôi dạy vớ vẩn, thỉnh thoảng họ cũng nhờ tôi làm partition. Thỉnh thoảng cũng có tham dự những hoạt động âm nhạc trong thành phố. Dạo ấy tôi có viết bài Vác Đàn Đi Đâu và bài liên khúc nhịp ba (suites des valses) Sóng Đà Giang, Đà Giang đây là sông Thu Bồn ở Quảng Nam. Tôi gửi bài đó cho chương trình của ông Đan Trường bên Pháp và được phổ biến ngay."

Vào những năm đầu thập niên 50, đài Pháp-Á vẫn cho phát thanh lại một chương trình tiếng Việt thu thanh trước ở Paris, của ban Nhạc Đan Trường, nội dung thường xoay quanh sinh hoạt của Việt Kiều ở nước Pháp. Chương trình dài 30 phút được phát thanh lại vào trưa chủ nhật mỗi tuần, một phần nào thỏa mãn được cái tò mò của người trong nước đối với cuộc sống của bạn đồng hương ở Pháp. Ngày nay, hơn bốn mươi năm sau, nhiều nơi trên thế giới đã có tiếng nói vọng về quê hương, nhưng có lẽ không có đài nào có một câu mở đầu bằng một lời rất lãng mạn, rất trữ tình, dài dòng mà dễ thương như chương trình Đan Trường dạo ấy:"Muôn dặm xa xôi, quan san cách trở, tưởng nhớ đến quê hương cho nên anh em chị em chúng tôi mượn nghệ thuật âm thanh để bắc cầu liên lạc với tổ quốc..." Dài dòng thật, chả bù.. nhưng mà thì giờ thời bấy giờ có vẻ như chưa phải là tiền bạc.

"Tại sao anh bỏ kháng chiến?"

"Dạo ấy em gái tôi đau nặng. Đi kháng chiến cực khổ quá, mẹ già xoay ra buôn bán vớ vẩn. Nhà tôi ở Bồng Sơn lúc đó là một cái trạm liên lạc của anh em văn nghệ sĩ, ai đi ngang cũng ghé vào nhà ăn cơm. Sống

cực khổ quá, tôi nghĩ đến chuyện về thành, bán nhà cửa đi học tiếp. Cực khổ quá, mình ở không nổi thì bỏ đi thôi, chứ không có bất mãn chuyện chi cả. Lúc đó bộ mặt cọng sản của Việt Minh chưa lộ hẳn. Phong trào đấu tố lúc đó chỉ mới được phát động đâu ngoài Bắc thôi, chứ ở Liên Khu Năm chưa có. Vào trong này, định đi học lại nhưng hoàn cảnh kinh tế của gia đình lúc đó cũng đã khác, không cho phép mình tiếp tục học nữa."

"Trước 75, dù đã sống với Việt Minh, anh không có kinh nghiệm đau thương với cọng sản, tại sao sau ngày mệnh danh là giải phóng anh lại bỏ đi qua đây?"

"Hồi tháng Tư năm 75 mình không có ý định đi. Lúc bấy giờ thật ra đầu óc mình không có ý thức chính trị gì cả, cứ nghe nói có ba thành phần nọ kia. Mãi cho đến ngày 28, một người bạn Mỹ, làm thuyền trưởng một chiếc tàu của SeaLand gửi cho tôi mấy chữ *tàu đang chờ gia đình anh* mà rồi tôi cũng không đi. Tôi nghĩ đem vợ con qua Mỹ lấy gì mà sống, làm gì mà sống, trong khi đó thì ở Saigon mình có sẵn cơ sở rồi, không giàu có gì nhưng mà sống được. Riêng bản thân mình cũng không có liên hệ với một đảng phái chính trị nào. Tôi nghĩ có thể có được một cuộc sống ...bình thường. Nhưng mà mơ ước tầm thường vậy mà rồi cũng không ở được với Việt Cọng. Mãi tháng 3 năm 83 tôi mới qua đây. ...ít lâu sau ngày Việt Cọng chiếm miền Nam, tôi có gặp lại anh Nguyễn Xuân Khoát ở Saigon. Anh vào Nam, hỏi Phạm Trọng Cầu về tôi, biết tôi còn ở lại Sài gòn, anh tìm đến nhà thăm tôi. Tâm sự hàn huyên xong, anh khuyên tôi nên tìm cách đi. Nguyên văn câu nói anh Khoát như thế này:'Cậu đi đi, không ở được đâu'."

"Anh quen nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát từ hồi nào?"

"Từ hồi tôi còn học ở Hà Nội. Khoảng năm 42 cho đến năm 45."

Cái ngày đầu tiên quen biết nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát có lẽ không quan trọng bằng cả một thời kỳ sống ở Hà Nội trong những năm tháng nhiều biến cố lịch sử khắp nước. Cái đầu đã hói ấy hơi cúi xuống trong một dáng suy nghĩ như đang cố ôn lại những hình ảnh cũ. Im lặng một hồi, anh tiếp:

"Tôi quen anh Khoát từ hồi anh còn đàn ở quán Tân Nghệ Sĩ ở Bờ Hồ. Tối tối, tôi vẫn ra Tân Nghệ Sĩ nghe nhóm nhạc sĩ này đàn. Có cả nhạc sĩ vĩ cầm Nguyễn văn Diệp. Cái quán Tân Nghệ Sĩ nổi tiếng này nằm cạnh hàng kem Zéphyr, tức là hàng kem của cô Cúc."

"Chắc cô Cúc này phải là một trong nhiều thiếu nữ đẹp ở Hà Thành nên đến hơn nửa thế kỷ rồi mà anh còn nhớ tên."

"Thật ra tôi cũng không biết nữa, nhưng tôi nhớ là vì sau này cô lấy ông Phạm Văn Đồng. ...Như tôi vừa nói, hàng kem Zéphyr nằm cạnh

Quán Nghệ Sĩ là nơi tôi gặp và quen anh Nguyễn Xuân Khoát. Anh Khoát cũng có đàn ở Taverne Royale nữa. Hồi đó ngoài Hà Nội còn có một phòng tra nữa tên là Tuyết Sơn, vì hay lui tới phòng trà đó mà tôi biết hai nhạc sĩ vĩ cầm, đó là hai anh Lê Ngọc Châu và Đỗ Thế Phiệt. Các anh Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Nguyễn Thiện Tơ lúc đó tôi cũng đã biết tiếng, nhưng họ ở lớp đàn anh, lớn hơn tôi. Sau này vào Saigon rồi, tôi mới quen anh Dương Thiệu Tước và Thẩm Oánh. Thật ra thì anh Nguyễn Xuân Khoát cũng hơn tôi đến 10 tuổi, nhưng mà tôi biết anh Khoát một phần cũng qua liên hệ công giáo.

Những năm tháng sống ở Hà Nội hẳn đã để lại nhiều kỷ niệm vui trong đời, nên anh Nguyễn thao thao về những mẩu chuyện vụn vặt, hết chuyện này sang chuyện khác. Sống ở Hà Nội mấy năm "học ít chơi nhiều", đổi chỗ ở lung lung, lang thang hết nơi nay đến nơi khác, có lúc vào ở ngay trong đại học xá, tại khu dành cho sinh viên trường Kiến Trúc "dù mình chưa lên đại học". Tại đó anh đã gặp bạn đồng hương là anh Vương Quốc Mỹ, người vẽ kiểu cho lăng "Bác". Nghe anh vui vẻ thú nhận là mình học ít chơi nhiều, tôi hỏi:

"Anh có đóng đô ở Khâm Thiên không?"

"Không, dạo ấy mình còn trẻ quá. Tôi chưa bao giờ nghe hát ả đào, nghe ca trù ở Khâm Thiên cả. Đối với một người Việt Nam làm nhạc, đó là một thiếu sót."

"Chuyện vui buồn của một thời lãng du, một đời lãng tử?"

"Nhiều lắm. Nhưng mà vừa nhắc đến anh Nguyễn Xuân Khoát... có một chuyện mà bây giờ những người liên hệ trong đó đã chết cả rồi tôi mới dám nói. Hồi 45-46, ở Hà Nội có ban nhạc kịch Anh Vũ, có vào Huế và Hội An trình diễn vở Tục Lụy của Khái Hưng, Lưu Hữu Phước viết nhạc. Trưởng đoàn nhạc kịch lúc đó là anh Võ Đức Diên, ngoài ra còn có các anh Thế Lữ, Văn Chung, Bùi Công Kỳ,Nguyễn Xuân Khoát và một số các anh khác nữa, tôi không nhớ hết. Lúc ban kịch Anh Vũ vào đến Quảng Nam thì ở tại Đà Nẵng. Từ Đà Nẵng vào Hội An phải qua một khúc đường 30 cây số mà lúc ấy lại đúng vào mùa lụt lội. Kịch thì dự định diễn ở Hội An , làm thế nào để chở dương cầm từ Đà Nẵng vào Hội An? Vì quen với anh Khoát từ trước ở Hà Nội, anh Khoát nhờ tôi phụ trách việc đó. Kết quả là có đàn cho ban kịch Anh Vũ, nhưng cái khám phá ...bên lề chuyện đó là trong khi tìm cách vận chuyển cây đàn, anh Khoát nói với tôi là ở Hội An có một nhóm Hoa Kiều theo Trùng Khánh, tức là theo phe Tưởng Giới Thạch. Trong số có anh La Hối, tác giả bài Xuân Vàu Tuổi Trẻ, đã bị Quân đội Nhật sát hại cùng với 12 người Hoa Kiều khác. Lúc đó tôi mới biết rằng phần lớn các anh trong ban Anh Vũ nếu không phải là đảng viên

thì cũng có cảm tình với Việt Nam Quốc Dân Đảng.Trong chuyến đi Hội An kỳ đó, hình như họ có nhiệm vụ liên lạc gì đó với Quốc Dân Đảng Trung Hoa là vì Hội An tuy nhỏ nhưng lại có một chi bộ lớn ở hải ngoại của phe Tưởng Giới Thạch. Chính vì cái liên hệ đó mà anh Thế Lữ, khi nghe anh La Hối bị Nhật giết, mới cảm động mà đặt tên và lời ca cho bản nhạc của La Hối, bài Xuân Và Tuổi Trẻ như chúng ta biết ngày nay. Trước đó, nó không có lời Việt Nam. Một người Việt ở tận ngoài Hà Nội, một người Hoa Kiều ở trong Quảng Nam này, hai người đâu có hề quen biết nhau. Chuyện cũng ngoài năm mươi năm nhưng trước đây vì sợ anh Nguyễn Xuân Khoát và Thế Lữ bị cọng sản trù nên tôi không dám nói ra. Bây giờ cả hai anh đều qua đời cả rồi...".

"Bạn thân nhất của anh là ai?"

"Phạm Đình Chương. Chỉ có Phạm Đình Chương thôi. Hoài Bắc là một người có tâm hồn lắm. Một tri kỷ."

"Hai anh có khen nhau không? Có chê nhau không?

"Mỗi đứa sáng tác một đường. Không có phê bình nhau chi cả. Xem nhạc của nhau, đứa nào viết ...sạch sẽ là được rồi."

Nói đến đây,anh khẽ chép miệng.Thoáng một nét buồn. Đôi mắt lơ đãng nhìn theo làn khói thuốc. Phải rồi, khi người ta trót mang trong cái biệt nghiệp của mình chút nợ cầm ca, ai là người không tự thấy rằng mình vay cuộc đời nhiều mà trả không được mấy. Mất đi một người hiểu được tâm hồn mình ở vào cái tuổi bắt đầu vào thu, cái tuổi màu chỗ giao du lác đác như những chiếc lá trong gió lạnh đầu mùa, nói như Tùng Thiện Vương, lòng ai mà lại không se đôi chút.

"Có chuyện này nữa, có liên hệ đến anh Nguyễn Xuân Khoát. Trong thời kỳ chiến tranh, trong số những tài liệu mà quân đội mình bắt được của Việt Cọng, có một tập nghiên cứu nhạc dân gian, nhạc cổ truyền cả ba miền, tác giả là anh Nguyễn Xuân Khoát, phần nghiên cứu về cổ nhạc miền Trung có nhắc đến công trình của anh Nguyễn Hữu Ba. Dạo ấy,ông Lữ Liên có được tài liệu đó trong tay. Đưa cho một sĩ quan trong ngành Tâm Lý Chiến. Ông sĩ quan này đưa tập tài liệu đó cho ai thì tôi không biết, nhưng mà sau này có một người...kể như mạo nhận là của mình, dùng tài liệu đó để viết về dân ca ba miền, nói rằng đó là công sưu tập của mình, mà không nhắc chi đến anh Khoát hay anh Ba cả...chuyện cũng đáng buồn Ông Lữ Liên biết rõ chuyện này lắm. anh muốn biết thêm nữa thì tìm gặp ông Lữ Liên."

"Tội chi mà anh buồn cho nó mệt cái thân, cho nó nhọc cái xác Trong thiên hạ thiếu chi người có trí nhớ phi thường như Trương Tòng, đọc Mạnh Đức Tân Thư của Tào Tháo có một lượt mà thuộc lòng ngay,

vậy mà mà khi dùng đến những điều mình nhớ kỹ thì lại...'quên' ghi xuất xứ. Ngoài anh Nguyễn Xuân Khoát ra, anh có gặp ai ngoài Bắc vào sau 75 không?"

"Anh Văn Cao. Trong một đêm sinh hoạt hết sức thú vị."

"Xin nghe."

"Sau 75 một hôm anh Lê Thương tìm đến nhà tôi nói có anh Văn Cao ở Hà Nội mới vào. Bắc Nam gì không kể, anh Văn Cao là một nhạc sĩ có tiếng, mình cũng nên tính chuyện tiệp rước cho vui vẻ. Lúc bấy giờ tụi này nghèo lắm, may có một người bạn tên là Bá Châu, có nhà in ở đường Lê Lai, thích âm nhạc, nhà lại có đàn dương cầm. Anh bạn này bảo tụi này cứ mời anh Văn Cao còn chuyện ăn uống, nhậu nhẹt anh ta bao hết. Vậy là chúng tôi đón tiếp vợ chồng anh Văn Cao ở đó. Hôm ấy có anh Lê Thương và Phạm Đình Chương, nay chết cả rồi, ngoài ra có chị Thái Thanh, anh Nguyễn Xuân Nghĩa hiện vẫn còn ở tại Mỹ này.Cả anh Nghiêm Phú Phi nữa. Mình kéo anh Nghiêm Phú Phi đến là để đệm cho chị Thái Thanh hát. Đêm hôm ấy, chị Thái Thanh hát toàn nhạc của Văn Cao. Chị Văn Cao chảy nước mắt nói:"Em lấy anh suốt đời, hôm nay mới được nghe nhạc anh như thế này."

"Vậy trước đó, người ta không cho nghe nhạc của Văn Cao ở ngoài Bắc chăng?"

"Có, nhưng mà ý chị Văn Cao muốn nói trong mấy chục năm ở ngoài Bắc, cũng có nghe nhạc của chồng, nhưng không được hay như lần nghe chị Thái Thanh hát hôm ấy. Có rượu vào anh Văn Cao cao hứng ngồi vào dương cầm, ngâm một bài thơ mà tôi không nhớ, chỉ nhớ đại ý nói...không nên bắn tổ chim. Anh Nguyễn Xuân Nghĩa có xin ghi lại, nhưng anh Văn Cao có ý ngại...không cho. Trong không khí thân mật và cởi mở ấy, chị Văn Cao tiết lộ một vài điều cũng...đau lòng. Anh có biết là anh Văn Cao bị Đỗ Nhuận phang không?"

"Nghĩa đen hay nghĩa bóng?"

"Bóng gì. Đỗ Nhuận đánh anh Văn Cao bị thương. "

"Tại sao vậy?"

"Lần đánh Văn Cao thì lý do tôi không nhớ rõ. Nhưng thực sự thì Đỗ Nhuận ganh tỵ với Văn Cao là nguyên nhân sâu kín. Anh Văn Cao là tác giả bài Tiến Quân Ca, được chọn làm quốc ca từ thời Việt Minh. Thật ra nếu không có bài đó thì anh Văn Cao cũng tiêu rồi. Nhờ bài đó, mà sau khi dính vào vụ NhânVăn Giai Phẩm, anh bị đì thì có bị đì mà không đến nỗi thiệt mạng. Hôm ấy, nhắc đến Đỗ Nhuận chị Văn Cao chỉ biết lắc đầu. Sau đó mấy hôm người ta gọi anh Văn Cao ra Bắc vì...liên lạc với văn nghệ sĩ ngụy."

"Bản nào anh ưng ý nhất trong số các tác phẩm của anh?"

"Cũng khó nói. Chỉ kể cho anh nghe hoàn cảnh rất thú vị khi tôi viết bản Sao Đêm. Lâu lắm rồi...tôi viết bản đó bên đèn tiên nâu của thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Hôm ấy tôi đi chơi về khuya, gặp một anh bạn tên Hoàng thổi saxo trong dancing Hòa Bình, gần nhà hàng Thanh Thế. Hoàng rủ tôi đi ăn khuya ở Phan Đình Phùng. Khúc phía dưới, chỗ gần Vườn Chuối có một cái quan mở cửa rất khuya, bọn anh em ca nhạc sĩ "ru đời" xong vẫn kéo nhau đến đấy ăn miến gà, bánh cuốn. Nhưng mà tới nơi thì quán đã chật, mà bạn tôi thì lại đang đến giờ cần cơm đen. Tôi kéo Hoàng vào gõ cửa nhà thi sĩ Vũ hoàng Chương gần đấy. Lúc ấy cũng đã gần hai giờ sáng. Ông Vũ Hoàng Chương hỏi tôi:"Nguyễn, giờ này còn lò mò đi đâu đây?" Tôi đáp:"Bạn tôi cần thuốc phiện." Ông Vũ Hoàng Chương, mặc bộ đồ bà ba, tay ôm con mèo nhỏ, chỉ cài bàn đèn, để cho hai anh em tôi hoàn toàn tự do sử dụng. Ông vào ngủ tiếp. Trong khi bạn tôi hút thì tôi nhìn ngọn đèn dầu lạc mà nẩy ra cái ý sao đêm. Do đó mà có bài Sao Đêm. Mấy chữ "trời sao chín mọng" là những viên thuốc nho nhỏ mà ông Vũ Hoàng Chương để sẵn cho tụi này trên bàn đèn."

"Anh có hút nhiều không?"

"Nhiều lần thì có. Trong bối cảnh cần thiết của bạn bè. Nhưng mà không ghiền."

"Anh sống có phóng đãng lắm không? Trụy lạc không?"

Một chuỗi cười vang lên giữa căn phòng im lặng,có thứ ánh sáng mờ mờ của một buổi sáng nhiều sương.Anh Nguyễn cười rất lớn, rất đã, đến chảy cả nước mắt.

"Phóng đãng có. Trụy lạc có. Nhưng mà...chỉ có hại cho mình thôi. Không làm phiền đến ai cả.Lúc bấy giờ tôi làm ra tiền cũng khá dễ dàng. Đêm nào cũng đi vũ trường...."

"Cái lối sống ấy có giúp ích gì cho sáng tác của anh không?"

"Có chứ. Nó là một phần của cái cachet mà tôi muốn tự tạo cho mình. Và tôi nghĩ rằng tôi đã tạo được cái cachet đó trong nhạc phẩm của tôi."

"Trong những nơi mà anh đã từng sống trong nước, chỗ nào làm cho anh quyến luyến khác thường, nói theo một bài tập đọc trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư?"

"Huế."

"Ủa, không phải Quảng Nam à? Không phải chỗ quê hương đẹp hơn cả à?"

"Tôi không có tinh thần địa phương. Ai nói những chuyện như thằng đó Huế, thằng đó Bắc tôi không thích. Nhạc của tôi cũng vậy. Tôi không

chú ý đến dân tộc tính, tộc tiếc gì cả. Không bao giờ tôi tự đặt cho mình cái mục đích là nên viết cho ra Việt Nam, cho ra Pháp..."

"Xin phép đưa anh về với sông Hương núi Ngự. Tại sao anh thích Huế?"

"Là vì tôi đã ***Sống*** *(anh nhấn mạnh chữ sống)* nhiều, yêu nhiều, khổ nhiều ở đó. Huế cũng là nơi mà tôi có nhiều người bạn rất thương tôi. Tôi yêu phong cảnh ngoài đó lắm. Nhất là sinh hoạt trên giòng sông Hương. Dạo ấy có khi hàng tháng tôi ở lì dưới đò. Sáng, đò cập bến cho mình đi làm ở đài phát thanh, trước Morin, chiều lại xuống đò."

"Bạn anh ngoài Huế"

"Nhiều lắm. Có các anh Tôn Thất Cảnh, anh Vũ Đức Duy. Anh Vũ Đức Duy là người đưa tôi đến trú ngụ ở cung An Định. Trong số các anh em nhạc sĩ ngoài đó, tôi quen các anh Nguyễn Hữu Ba, Lê Quang Nhạc, anh Vang thổi saxo ở đài phát thanh, anh Văn Giảng, anh Vĩnh Phan. Anh Vĩnh Phan có một tâm hồn rất nghệ sĩ, còn ngón đàn tranh của anh thì thôi hết nói,tuyệt. Anh Văn Giảng, tác giả bài Ai về Sông Tương tôi chơi thân lắm. Văn Giảng giỏi lý thuyết âm nhạc. Có một dạo Văn Giảng được học bổng đi học nhạc ở Hawaii. Khóa học hai năm, nhưng mà mới có một năm thì anh về vì...nhớ nhà quá. Văn Giảng có tâm hồn lắm. Con người ấy, gắn bó với quê hương như vậy chắc là không sung sướng trong cuộc sống lưu vong tại bên Úc hiện nay."

"Còn anh?"

Thêm một điếu thuốc nữa.Anh cau mày suy nghĩ lung lắm.

"Từ ngày qua đây tôi cảm thấy mình già, lỗi thời. Cảm thấy mình già rồi, không làm gì được nữa. Cũng có lúc sáng tác. Nhưng nhiều khi lại tự hỏi viết cho ai. Tôi xưa lắm anh ơi. Những cảnh trước mắt làm tôi bực mình. Cuộc sống vật chất ở đây làm mình bỡ ngỡ kinh hoàng. Những giá trị cũ trong nước, qua đây hình như vứt đi cả. Viết cho khuây khỏa, nhưng cũng khuây khỏa một phần nào thôi. Xoay sang đọc sách đủ loại, đặc biệt sách nhạc tôi đọc cũng nhiều. Buồn. Con cái lớn nó dọn đi cả rồi. Bạn bè xung quanh cũng không còn được mấy. Già rồi, dù không đau yếu chi nhưng mà sức khỏe cũng có kém..."

Thoáng trong đầu, hai câu thơ của Nguyễn Du than thở về cái cảnh đường còn dài mà ngày đã tàn, bạn bè mới lại không có mấy, trong khi đó thì chứng bệnh cũ lại tái phát, ngồi một mình trong căn phòng đầy khí lạnh ngày xuân (trường đồ nhật mộ tân du thiểu, nhất thất xuân hàn cựu bệnh đa.). *Con vài chuyện nữa định hỏi, nhưng mà...thôi. khơi thêm một vài mẩu chuyện cũ có thể là vui đấy, nhưng mà cái tâm sự ấy.... Tôi hiểu rồi. Tôi với tay tắt cái máy ghi âm. Uống nốt chén trà đậm đã nguội.*❐

Chuyến xe

Hoàng Ngọc Biên

1. Tôi ngồi trên chiếc ghế băng này, trong cái công viên nhỏ xíu nằm ở cuối con đường lớn nhất của quận Cây Me, con đường chính, đã hai ngày, hay gần như vậy, có thể trên một tí, hay dưới một tí, nhưng hãy cứ bảo là hai ngày. Những người thích chi tiết vụn vặt, thích sự chính xác bệnh hoạn, như những kẻ không thường hay chính xác vẫn nói, hẳn sẽ phản đối chữ ngồi, bởi vì quả thực có những lúc mệt, những lúc đau lưng quá, đau ở phần thấp nhất của cái lưng dài của tôi, chỗ cuối xương sống, nếu tính từ trên xuống dưới, tôi ngả người nằm xuống, ban đầu còn dè dặt chống một tay ở ngang chỗ tai, tôi nhớ là tai bên phải, có lẽ để nằm mà có vẻ như không phải là nằm, rồi sau đó mỏi tay, tôi nằm ngửa người, nằm hẳn hòi, mắt nhìn thẳng lên bầu trời trong xanh trên cao, và mê mẩn nhìn cái khoảng không xanh trong ấy của trời, cái khoảng không bao la không tìm thấy đâu có chung quanh ta, và hình như đã nhiều lần, ít nữa là không phải một lần, tôi đã kêu lên đẹp quá...

Nếu tình cờ có ai đọc được những dòng tôi viết ra đây, mà chắc gì những thứ tôi viết sẽ còn lại cho họ đọc, xin chớ vội tưởng tượng một công viên thơ mộng trong sách vở hay trong phim ảnh, với đủ những cảnh tượng lãng mạn, có bóng mát, có gió heo may, có lá rơi, những bãi cỏ xanh mướt như thảm, và những thân cây to thì đầy những dấu trái tim và những mũi tên đâm xuyên suốt khắc bằng dao nhọn, những cuộc chinh phục ngoạn mục kết thúc bằng âm nhạc réo rắt – hay bằng hơi thở. Công viên của tôi không có những thứ đó. Công viên của tôi, thật tình mà nói, cũng có những

lá khô rải đầy các lối đi và bãi cỏ, nếu ta có thể gọi đó là các lối đi và bãi cỏ, rải rác trên một vài thân cây khẳng khiu tôi cũng thấy những hình thù quái lạ khắc vụng về, có hình rất giống trái tim (nhưng là những hình trái tim trong các sách sinh vật), tuyệt nhiên không có một bóng mát, bởi vì dù sao ta cũng không thể coi dăm ba cái vệt đen nhỏ xíu lấm chấm trên các lối đi và cả trên những bãi cỏ khô trơ một màu đất vàng kia là bóng mát, và cuộc chinh phục của tôi thì quả là không dễ dàng, càng không ngoạn mục tí nào: chuyến xe lẽ ra phải đã vào ga một hai ngày trước đây, đến giờ này tôi vẫn chưa thấy tăm hơi. Miếng bánh mì không của tôi, dài đâu khoảng một phần tư cánh tay, mà tôi chỉ nhấm nháp qua loa mỗi khi lôi ra từ trong cái túi vải đỏ, đến nay vẫn còn gần như y nguyên, bởi vì chuẩn bị cho chuyến đi dài trên xe lửa mà tôi không chắc đã biết sẽ đi đến đâu, tôi dự định không bỏ một chút tiền nhỏ nào trong chỗ dành dụm được (vả chăng chỗ tiền cũng không đáng bao nhiêu, nếu như cái biết của tôi về tiền bạc không quá lạc hậu như những cái biết khác) để mua bất cứ thức ăn nào, dù là cần thiết đến đâu, và như thế, miếng bánh mì không của tôi, tôi ăn như người ta ăn kẹo, lâu lâu tôi đem ra mút mút mấy cái, ngửi thật kỹ cái mùi bột cháy rẻ tiền của địa phương này, rồi lại đút vào túi vải, yên trí là nếu chẳng may nổ ra thêm những cuộc đổi đời khác nữa, tôi vẫn có cái để nhấm nháp qua ngày...

Như vậy, như tôi vừa nói, tôi ngồi trên chiếc ghế băng này đã trên dưới hai ngày. Chuyến xe lửa người ta cho tôi biết sẽ đi qua cái nhà ga xép bên kia hàng rào công viên bất cứ ngày nào, bất cứ giờ nào, bất cứ phút nào, nghĩa là nói chung, bất cứ lúc nào, chuyến xe vì nó tôi đã chuẩn bị mọi thứ, đem cái này cho người nọ, bán cái nọ cho người kia, vân vân, những thứ dù là của tôi hay của ai khác nằm trong nhà tôi, tình cờ, hoặc vì một lý do nào đó tất nhiên tôi không việc gì phải mất công tìm hiểu, tôi cho hết, bán hết, không để lại gì, không đem theo gì (trừ cái túi vải màu đỏ tôi đang đeo trên người đây), người ta không muốn cũng cho, và đã có người thực tình không muốn mà cứ vẫn phải lấy – chuyến xe ấy cho đến nay, ngày thứ ba kể từ khi tôi quyết định vào ngồi chờ trên chiếc ghế băng này, tôi vẫn chưa thấy tăm hơi. Không, tôi không nghĩ người ta đã đánh lừa tôi, và tôi hoàn toàn không nghĩ thời buổi này có thể có ai lại dư thì giờ đi đánh lừa người khác một cách vô vị lợi, trong khi người ta có thể để dành thì giờ, nhiều thì giờ, đi làm hại người khác khi cái hại ấy đem lợi cho mình, và trong khi người ta còn có nhiều, rất nhiều điều kiện để đánh lừa những cú thực sự đáng đồng tiền bát gạo, như người ta vẫn thích nói – chắc chắn là vậy, nếu trên đời này ta còn có thể tìm ra một điều gì chắc chắn.

Bởi thế, bởi vì tôi tin chắc mình không bị lừa, nên từ hai ngày nay tôi

vẫn còn ngồi đây, mỗi giờ khắc trôi qua tôi tiêu khiển bằng cách tự kiểm soát chi tiết hơn từng bộ phận trong thân thể mình, và cũng tình cờ thôi, tôi đem so sánh với vẫn những bộ phận đó vào cái thời tôi cũng làm như thế ở quân trường gần hai mươi năm trước đây, thời tôi dư nhiều thì giờ cho những việc như vậy, và tôi bỗng khám phá ra những điều tôi chưa thấy sách vở nào nói tới. Nhưng thôi, ta hãy trở về với những chuyện khác có ích hơn, hãy trở về với hiện tại, tôi nói, quá khứ là quá khứ, cái gì đã qua cho qua luôn, những chi tiết vụn vặt của từng bộ phận trong thân thể ta có chắc là có cái gì đặc biệt khác những người khác mà phải làm thành đề tài, tôi nói, tất nhiên nó cũng có lịch sử, nhưng bất quá lịch sử của nó cũng như lịch sử mọi nơi, có đem những cái đó ra sửa lui sửa tới, nắn bóp theo hình dạng ta muốn, nói chung, có thi vị hóa, sự thật vẫn là sự thật...

2. Một ngày trước khi đi, tôi đã lục hết những thứ đồ lặt vặt, mà nói cho thật thì trong nhà tôi bấy giờ cũng chỉ có những thứ đồ lặt vặt, đem bày ra hết trên nền nhà, ở gian giữa, chỗ ngày xưa là nơi cha tôi thường tiếp bạn của người, và tôi bắt đầu làm một cuộc duyệt xét có hệ thống, như người ta vẫn nói: báo cũ để bên trái, gần cái cột nhà, hình ảnh gia đình bạn bè người yêu cũ để kế bên, tiếp theo là thư từ, rồi giấy tờ linh tinh, tiếp theo nữa là những hộp giấy đủ màu, trong đó đựng những thứ linh tinh nhỏ hơn, kể cả những cái hộp nhỏ hơn, gọi là hộp con, trong đó đựng những thứ linh tinh nhỏ hơn nữa... Trong số những thứ lặt vặt soạn ra trên nền nhà (soạn không phải để sắp xếp, mà là để xem cái gì nên giữ cái gì nên vứt, nói đúng hơn là xem cái gì nên vứt trước cái gì nên vứt sau, mặc dù thật ra tôi chỉ có một ngày trước mắt) – một bài thơ nhớ cha của cha tôi (hiện đang nằm trong cái túi vải tôi đeo bên mình đây), hơn một nửa lá thư mẹ tôi viết cho cha tôi thời người đi kháng chiến ngoài Bắc trong đó mẹ nhắc cha đạp xe đạp trong rừng vào mùa rét phải luôn nhớ mặc đủ ấm, ba lô không bao giờ nên đeo nặng quá, có thể cụp xương sống (hiện cũng đang nằm trong cái túi vải tôi đeo bên mình, như một thứ giấy khai sinh, lỡ sau này có ai hỏi gốc gác, tôi còn có thể nhớ ít nhất là tên cha mẹ để trả lời: trong thư mẹ gọi cha bằng tên, và tuy xưng tôi với cha, đưới thư mẹ có ký tên mình), một bài báo nói về bệnh gan ai đó trong nhà đã cắt để dành, tôi đọc thử thấy chữ được chữ mất, mấy lá thư linh tinh có cái còn nguyên có cái đã nhàu nát, cũng có cái không biết ai gửi cho ai, dăm ba bì thư cũ có dán tem nhưng chưa gửi, những tấm hình người quen nhiều, người lạ cũng nhiều, hai bên nội ngoại, chú bác cô dì chắc là có đủ, mấy đồng tiền cũ, một khung ảnh

nhỏ tí xíu không biết ai đã lấy hình đi đâu mất, một cái kéo con đã cũ chưa chắc còn dùng được, hai cái lược đồi mồi một cái vừa một cái nhỏ, dăm ba cuốn kinh mỏng bìa vàng, mấy tờ giấy gì đó của tòa án nhưng không phải là giấy khai sinh, một thẻ học sinh có dán hình của chính tôi, một thẻ đi xe buýt tháng (tôi tò mò xem ngày thì thấy đã hết hạn từ hai mươi bốn năm mười tháng mấy ngày!) và không biết bao nhiêu thứ lỉnh kỉnh khác mà tôi nghĩ không nên kể tiếp ra đây, vì ai đọc cũng sẽ thấy chán, trừ khi tôi không kể tiếp nữa mà họ vẫn thấy chán – tôi thú nhất là chiếc tàu thủy bằng giấy báo ngày xưa một chị vú trong nhà đã xếp cho anh em tôi, tờ giấy báo vô tình để ló một phần thân thể của phụ nữ, ngay chỗ giữa hai ống khói tàu, và chị vú vì chỗ sơ xuất ấy đã bị mẹ tôi mắng một trận ra trò. Một ngày trước khi ra khỏi nhà thì cũng chỉ là mấy ngày trước đây thôi, nên tôi còn nhớ rõ tôi đã xúc động như thế nào khi quơ phải tấm hình một người bạn gái thời tiểu học, con bé người Minh hương có đôi mắt đen và sâu, rất có thể là người đầu tiên trong số những người từng thực sự làm tôi biết đau khổ, nếu không tính đến một con bé láng giềng, thời ấy đâu khoảng sáu tuổi, nghĩa là dưới tôi hai, con bé từng đem vứt hết xuống cống những hòn bi tôi gom và đem cho nó gần như mỗi ngày và cười như nắc nẻ khi được nhìn thấy gương mặt đau khổ của tôi. Tôi xúc động nhưng vẫn không nhớ ra bằng cách nào tấm hình với những đường viền răng cưa úa vàng và nước thuốc đã lên màu bạc có thể còn đến bây giờ, nằm yên lành trong số những hình ảnh gia đình tôi, trong khi người bạn cũ, như tôi biết, đã trải qua đủ những trầm luân của một đời người và đã kết thúc cuộc đời trầm luân ấy, nghe đâu là không toàn thân, trên một bãi biển... Nhưng thôi, những kiểu xúc động như thế này, tôi đã quyết định không chấp nhận từ lâu, ta không thể vì dăm ba chi tiết nhỏ trong đời mà quên mất việc lớn, tôi nói, quá khứ là quá khứ, cái gì đã qua cho qua luôn...

3. Hơn hai ngày nay tôi không có dịp nói chuyện, không nói một lời với bất cứ ai. Mà thôi, không nói chuyện với ai chưa hẳn là một bất hạnh, tôi nói với mình, im lặng dù sao vẫn hơn, trong hoàn cảnh hiện nay của ta, tôi nghĩ. Mình, ta... Tôi phải xin lỗi mọi người, từ lâu, tôi không nhớ rõ từ lúc nào (và cũng không biết phải đổ thừa cho ai), tôi mắc bệnh nói năng loạn xạ: ta, mình, họ, chúng nó, vân vân, tôi không phân biệt rõ, hay nói đúng hơn, không còn phân biệt được. Có những lúc tôi nói họ, bỗng có ai đứng gần đấy sửa lại, bảo phải nói mình; những lúc khác tôi nói ta, người ta chỉnh, bảo phải nói họ mới đúng; những lúc khác nữa, tôi vừa định nói

chúng nó, có người nhanh nhảu nói trước chữ ta, nghĩa là suýt nữa tôi nói bậy – cứ thế, ta, mình, chúng nó, họ, tôi va mãi vào sự nhầm lẫn chữ nghĩa, khi vui thì thấy buồn cười, khi không vui bỗng thấy có cái gì bất an, giống như ngày lễ nhà ai cũng treo cờ, nhà mình tìm mãi không thấy cờ treo, cứ liều để trần truồng cái cửa ra vào, và suốt ngày cứ sợ có người đến gõ cửa hỏi lý do... Mấy ngày không nói chuyện với ai, thú thật là tôi rất khỏe: không những khỏi sợ nhầm mấy chữ ta, mình, họ các thứ, mà còn khỏi phải nhọc công tìm cho ra đề tài đúng để nói, khỏi ăn nói trật chìa, như người ta vẫn nói, khỏi phải nhăn mặt nghe những chuyện mình không thích nghe, nói chung, khỏi bị đánh giá. Nhưng không nói chuyện với ai kể cũng gay, đối với một người đang đợi xe như tôi: bao nhiêu nghi ngờ cần được giải tỏa, bao nhiêu câu hỏi lớn nhỏ về chuyện đi, ở, bao nhiêu thắc mắc về giờ giấc... tôi chẳng biết nói với ai. Ngay cả hỏi giờ cũng không phải là chuyện dễ dàng với tôi. Một buổi sáng nọ nhìn ra cổng công viên, tôi thấy một người đàn bà đi tới phía tôi, dáng hiền lành, nhìn qua tôi đã cảm thấy có sự an tâm nên đã định đánh bạo hỏi xem giờ này là mấy giờ. Biết rất có thể cái vẻ bên ngoài của tôi sẽ làm cho người trước mặt e ngại, tôi cố nắn ra một điệu bộ lương thiện cho mình, chuẩn bị một chữ mở đầu vừa lễ phép vừa thân mật, thưa dì... Ai ngờ tôi vừa đứng dậy, chưa kịp mở miệng, bà ta đã vội quẹo sang một bên, và te te đi mất đất! Không, những người tôi có thể hỏi giờ không thiếu gì. Thế nhưng phải nhìn nhận là chính tôi, không biết lấy từ đâu, tôi cũng thường hay có cái lối kỳ thị rất thiếu cơ sở: những người tôi có thể được trả lời một cách nhiệt tình, ít nữa là về giờ giấc, hay cứ hãy nói là chỉ về giờ giấc mà thôi, tôi lại không dám hỏi, bởi lẽ tôi cứ sợ rằng cái ông ấy hay bà ấy trước khi trả lời, có thể lại hỏi ngược tôi một cách trịch thượng xem tôi là ai, ở đâu, có phải là vừa xuất viện, tại sao giờ này lại ở chỗ này, chẳng hạn, và sau đó đòi xem giấy tờ của tôi...

Đêm đầu tiên nằm trong công viên, tôi không ngủ, hay gần như vậy. Buổi chiều trôi qua êm ả, mấy đám mây từ đâu kéo đến, một chút gió lướt qua, hai ba lần tôi có cảm tưởng như nghe tiếng gì như là tiếng sấm bị nghẽn, chỉ cảm tưởng thế thôi, và ngỡ sẽ có mưa trước khi đêm xuống, chậm lắm là cũng trước nửa đêm, nhưng không, mây chỉ kéo đến, nó đến, rồi nó đi, khơi khơi như chỉ muốn cảnh cáo con người, con người dày dạn như tôi chẳng lẽ cũng hoảng hốt sao? Cho đến giờ này tôi vẫn đeo cái túi vải đỏ bên mình, trong đó thật ra cũng chẳng có gì quí lắm, nhưng với tôi, mà chắc chắn là cũng chỉ với tôi thôi, không có gì quí hơn nửa lá thư đã nhàu mẹ viết cho cha tôi thời người đi kháng chiến ngoài Bắc, và bài thơ nhớ cha của cha tôi – cái túi vải không nặng nhưng chỉ mỗi ý nghĩ có thể đánh mất nó và mất luôn lá thư cùng với bài thơ kia đã đủ làm cho tôi lo,

và càng lo, cái túi vải nhẹ cứ thế mà nặng dần lên, và mối lo cứ thế trở thành nỗi ám ảnh mất ngủ của tôi, khi bóng đêm dần dần phủ lên trước tiên là cây cối, các lối đi trong vườn, rồi đến vách tường, các hàng rào, các bãi cỏ, các mái nhà, và cuối cùng là chân trời, cả khoảng không gian quanh tôi nếu không lác đác hiện ra vài ngọn đèn vàng yếu ớt hẳn là chỉ một màu đen ghê rợn... Bảo rằng đêm đầu tiên tôi không ngủ có thể là hơi quá đáng, bởi lẽ phải nhìn nhận là tôi có ngủ, có điều là tôi ngủ mà không biết là mình đã ngủ – nhưng thật ra có ai ngủ mà biết là mình ngủ không? Đầu hôm, ngồi nghĩ mãi không ra việc gì là việc nên làm, trong hoàn cảnh của tôi, tôi nhìn xa ra phía chân trời, bên kia nhà ga, và đằng sau những mái nhà thấp, tôi còn thấy hiện ra cái chấm đỏ hồng gắt gao của mặt trời chiều. Đang ngẩn ngơ trước buổi hoàng hôn buồn bã, tôi chợt giật mình vì tiếng hát đột ngột bật lên từ loa phóng thanh, bài hát là một bài gì đó về việc khắp thế giới vang lên những lời ca không được đụng đến vân vân, chỉ kéo dài đâu được một lúc, vừa đủ để phá tan cái không khí trầm trầm ở một vùng phố quận, như một thủ tục có tính cách trả nợ quỷ thần, rồi im bặt một cách đột ngột, giữa bài thì phải. Sau đó hình như chung quanh tôi dần dà đi vào yên tĩnh, và tôi nhận ra tôi bắt đầu nghe âm ỉ những âm thanh khác nhau trong đêm vắng: tiếng ru em đâu từ rất xa, nhưng tôi vẫn nghe ra được, bởi vì giọng là một giọng ru của người miền quê tôi, cầu mô cao bằng cầu danh vọng, nghĩa mô trọng bằng nghĩa chồng con, ví dù nước chảy; tiếng tụng kinh nam mô nghe tuy gần hơn một chút nhưng tôi vẫn không đoán ra được một chữ (ngoài hai chữ nam mô) không những chỉ vì bài kinh không phải bằng tiếng quốc ngữ, mà còn vì tiếng mõ đều đều đi theo bài tụng, thường khi là nghe to hơn; tiếng chuông nhà thờ phía cuối xóm đổ liên hồi, ban đầu nghe lớn nhưng càng lúc càng nhỏ dần rồi im bặt như bị rơi mất đâu đó giữa không gian...

4. Dù sao cũng phải nhìn nhận là đêm đầu tiên trong công viên, tôi có ngủ, nếu ngủ như tôi đã ngủ vẫn có thể gọi là ngủ. Ngủ như thế nào, tôi không nhớ. Chỉ đến khi tôi mở choàng mắt nhìn lên bầu trời trong trẻo trên cao, một chút trăng treo lơ lửng soi xuống quanh tôi, đủ để tôi nhận ra là mình vẫn ở chỗ cũ, trên chiếc ghế băng đóng bằng gỗ tạp đã ngả qua màu trắng của nắng mưa mà dưới chút trăng kia tôi còn nhìn thấy rõ những đường vân cong uốn lượn, và đêm yên tĩnh hình như có giọt mấy giọt sương (giữa lúc chưa tỉnh hẳn tôi chỉ có thể đoán biết khi thấy có một cái gì ướt ướt ở đầu mấy sợi lông mũi và lông mi của mình, ướt, hay chỉ là cảm

giác lạnh, tôi không phân biệt được) chỉ đến khi đó, nếu không phải bận tâm chuyện giờ giấc, ít nhiều, tôi mới chắc là tôi đã có ngủ, và kiểm soát lại những diễn tiến trong đêm, có thể kết luận là tôi đã ngủ, ngủ quên, khi ngồi chờ mưa, nói đúng, là chờ mãi không thấy mưa. Đêm có đem lại cho tôi một khám phá gì mới về công viên? Không. Cái chút trăng lơ lửng treo trên trời ấy, khi soi xuống cảnh vật trong công viên, một mặt nó không đủ làm sáng rõ mọi thứ quanh tôi để tôi có thể gọi tên chúng như tôi vẫn giải trí gọi tên chúng vào lúc ban ngày: cây cối, lối đi, bãi cỏ, hàng rào, nhà, cửa, hoa, lá, mặt khác nó lại cũng không đủ làm chìm đi những cái nhếch nhác luộm thuộm của ban ngày, thế nên ở đây ngay cả ban đêm lối đi không ra lối đi, bãi cỏ không ra bãi cỏ, hoa không ra hoa, lá cũng không ra lá, nói chung cây cối không ra cây cối, công viên chẳng ra công viên... Chỉ có cái ghế băng tôi ngồi, tuy đóng bằng gỗ tạp, vẫn ra một cái ghế băng hẳn hòi, ban ngày cũng như ban đêm, và từ sáng đến tối tôi đã có thể không những chỉ ngồi thôi mà còn ngả lưng lên đó nhìn bầu trời trong trẻo, và nghĩ đến chuyến xe không biết đến khi nào mới vào ga... Nhưng nói như vậy có công bằng lắm không, về ban đêm và ban ngày? Thật ra, tôi đã bỏ sót một vài chi tiết không hiểu nên nói là nhỏ hay lớn, nhưng dù sao cũng chỉ là những chi tiết, bởi vì đêm thế này ngày thế nọ, từ lâu, với tôi chẳng có ý nghĩa gì. Vậy thì khi tôi mở choàng mắt và đã nhìn no cái khoảng không lấm tấm sao yên tĩnh chia chỗ cho nhau trên kia, tôi bắt đầu ngồi dậy đưa mắt đảo một vòng. Những cửa sổ nhỏ hắt ra bên ngoài những ánh đèn vàng yếu ớt, tù mù, giờ đây làm ấm hẳn một cảnh tượng lạnh lẽo, khô khan lúc ban ngày; những mái nhà tả tơi, những vách tường xơ xác toàn một thứ gỗ ván thùng lấp ló sau những dãy hàng rào trơ cành khẳng khiu dưới ánh mặt trời, giờ đây khoác một màu đậm đồng nhất, kín đáo; và những dáng người tất bật thiểu não dưới nắng, những gương mặt nhọc nhằn qua lại trên đường phố như những bóng ma giữa ban ngày, ban đêm bỗng bốc hơi biến mất, cái vắng lặng của đêm suy ra còn sống hơn cả cái sống của ngày... Giữa đêm, có lần tôi băng qua cái hàng rào thấp kia và đi quanh quẩn trong nhà ga, chủ ý không phải để đón chuyến xe, không, hoàn toàn không phải vậy, những thăng trầm của cuộc đời đã dạy tôi không bao giờ nên lạc quan quá, dù là lạc quan cho vui thôi, quanh quẩn đi trong nhà ga chỉ là để thơ thẩn một hồi, tìm không khí mới, như người ta vẫn nói, hay giãn gân giãn cốt, có phải người ta nói như vậy không? Cái nhà ga xép ban ngày dù vào lúc không có xe đến xe đi cũng có dăm ba người họp chợ, hay chỉ là họp bán buôn nhỏ, được công an địa phương cho phép, cho phép không thôi hay để đánh đổi một cái gì, dưới hình thức nào, ai mà biết, cái nhà ga không ồn ào nhưng cũng lao xao tiếng người nói qua nói lại, và

tiếng chửi nhau, hay chỉ là chửi thề, có lần hình như có một vụ giằng co hay gần như ẩu đả, hay chỉ là một lối đùa nghịch không hay ho gì đó của những người rảnh rỗi, tôi không đoán ra, và có đoán cũng chỉ là đoán bậy thế thôi, không có gì chắc là đúng, cái nhà ga ấy giờ đây im lìm như cảnh chết, không một bóng người, dù là xa hay gần, cửa ngõ đóng kín, bên trong không một bóng đèn, chung quanh không một tiếng động, dù là một tiếng lá rơi. Có thể nói tất cả đều tối mù, chỉ có khoảnh đất gần đường ray, đúng ra là đường ray duy nhất của nhà ga, là sáng dưới trăng, không phải rất sáng, nhưng là sáng hẳn so với những chỗ giờ này đang chìm khuất trong màu đen của đêm, như thể toàn bộ cái sáng có thể có ở đây đều đã được tập trung, dồn hết cho khoảnh đất này, vùng sáng trắng, khá rộng, thật ra chính là màu cỏ khô mọc cao phản chiếu dưới trăng, lấp lánh rung theo từng làn gió nhẹ mà phải chú ý lắm tôi mới nghe được một chút sột soạt bên tai.

Đêm hôm sau, hình như tôi đã chuẩn bị đi ngủ, nghĩa là tôi đã làm một ít việc gì đó, không phải là đánh răng, tất nhiên, với mục đích là xong đâu đó tôi sẽ thảnh thơi ngả lưng xuống trên chiếc ghế băng đến nay đã có thể nói đại là của tôi – chỉ là để dễ hiểu thôi –, ngả hẳn lưng xuống ghế, chứ không phải chỉ nghiêng người dựa đầu áp trên một bàn tay, cùi chỏ chống thẳng, nằm mà có vẻ như không phải là nằm. Tôi đã nhìn kỹ chung quanh mình, yên chí không ai còn có thể thức dậy bách bộ trong cái công viên gần như bỏ hoang này, ngay những viên chức công an địa phương nếu có còn thức thì chắc là chỉ thức để nhậu nhẹt, và như thế anh nào anh nấy hẳn đang bò càng trên ghế, nếu không phải là trên nền nhà, và vào cái giờ khuya khoắt như giờ này, ở một vùng heo hút như vùng này, không ai còn nghĩ ra chuyện đi tìm để chọc phá một người không có gì đặc biệt như tôi. Như một thủ tục không biết đã có từ bao giờ, lấy từ đâu ra, tôi đưa tay phủi phủi mặt chiếc ghế băng trên đó có lẽ sau gần hai ngày tôi lê lết tấm thân đầy bụi của tôi, bụi đã chẳng còn có chỗ để tá túc. Hình như tôi đã không làm gì khác nữa để chuẩn bị ngủ, ngoài việc quyết định sẽ không ăn uống gì, để giữ vệ sinh, và ngoài việc kiểm soát một lần nữa miếng bánh mì không giữ kỹ trong túi vải đỏ, lá thư của mẹ, bài thơ của cha, một cái quần xà lỏn màu cứt ngựa, một áo sơ mi nhà binh đã cũ, và cái áo trắng mới cứng còn nguyên hồ tinh khôi, tất nhiên là chưa giặt lần nào, nhãn hiệu nói là made in usa nhưng ngó vô chỉ có điên mới không biết là có thể đã được may ở đâu đây, không xa chỗ tôi đang ngồi, mà tôi dự định sẽ mặc vào, mặc bên trên chiếc quần duy nhất tôi đang mặc đây, và dĩ nhiên tôi sẽ cho vào quần hẳn hòi, đàng hoàng đâu đó, như học sinh đi thi vấn đáp, khi nào chuyến xe lửa đưa tôi tới nơi, tới chỗ nào thật tình tôi cũng chưa biết, chưa nghĩ đến... Dài dòng là dài dòng cho vui, chứ đêm hôm sau thật ra chẳng

có gì đáng nói, so với đêm đầu tiên ngủ lạ chỗ, như người ta vẫn nói (nếu ngủ như thế cũng là ngủ), cái đêm đầy những khám phá, ít nữa là đối với tôi, nói trước để lỡ có ai không tìm thấy có gì lạ trong cái tôi kể ra đêm đầu khỏi thắc mắc tự hỏi chỉ có thế thôi mà cũng gọi là khám phá sao...

5. Tôi ngồi ở đây có thật đúng là đã hai ngày, như tôi vừa nói, ai mà biết! Trường hợp cái nhớ của tôi không đến nỗi tệ, tôi có thể nói trên chiếc băng này tôi đã thấy hai lần mặt trời mọc, hay một lần rưỡi gì đó, nếu ta có thể nói như thế về lần mặt trời mọc, bởi vì có những lúc mặt trời mọc rất nhanh, thoắt một cái nó đã dứt khỏi chân trời, tựa như nó cố tình làm ta ngạc nhiên chơi, hoặc cố tình làm ta hốt hoảng về cái mà trong văn chương sách vở người ta gọi là đôi cánh của thời gian, nhưng cũng có những lúc mặt trời mọc kéo dài, dài bất tận, đủng đỉnh đến nỗi dù có biết trước là nó cố tình làm ta sốt ruột để coi chơi (hay ít ra là cố tình làm một trò gì đây), ta vẫn sốt ruột như thường – và như thế, mặt trời mọc một lần rưỡi, như tôi viết, dù chỉ là viết thế thôi (mà chắc gì những thứ tôi viết sẽ còn lại cho ai đọc?), có thể lắm chứ!

Bây giờ tôi nghĩ đến người đàn bà là bạn cũ của tôi, hay có thể gọi như vậy, vì ít ra có một lần cô ta đến tìm tôi ở tòa báo, nghĩa là nếu không việc gì tôi phải giấu diếm về việc trước đây tôi đã từng làm báo một thời gian ngắn, ít ra có một lần cô ta đã từng phải ngồi ở phòng khách bên ngoài đợi nhà báo là tôi, để hỏi han gì đó về chuyện mua vé xe lửa, nói rõ hơn là xe lửa ra Bắc, trước khi huỵch toẹt nhờ tôi chạy cho cô, và chạy gấp, một vé bất cứ hạng nào ngày hôm sau, hay chậm lắm là ngày hôm sau nữa, kịp chuyến buôn cuối năm, để còn về với gia đình, nghe đâu là một gia đình họa sĩ. Trước đây cô bạn ấy từng ở trong một đoàn xiếc, cùng với hai hay ba người anh em trai gì đó, đều là diễn viên xiếc, và đều là tây lai – điều này tôi tin chắc, vì gương mặt cô đúng là một gương mặt đầm, chín mươi mấy phần trăm là đầm, nếu không bảo là trăm phần trăm, và nếu ta không để ý đến cái nét bụi đời rớt lại trên cái mũi ấy, đôi mắt ấy, mái tóc ấy, cái cười ấy... Nhưng tại sao tôi lại nghĩ đến người đàn bà chỉ sống với tôi, gộp lại trước sau, không hơn một ngày?

Bây giờ tôi đang ngồi trên chiếc ghế băng đóng bằng gỗ tạp đã ngả qua màu trắng của nắng mưa, mặt trời buổi mai chiếu vào mặt tôi, chiếu thẳng, như cố tình để cho người khác thấy cái mặt ngái ngủ của tôi, cái mặt chưa hề rửa từ năm sáu ngày nay, hay có thể hơn thế nữa... Tôi nhìn qua cái vòi nước duy nhất trong công viên, nhìn một cách máy móc thế thôi, không

mục đích, vì nếu có mục đích thì đó chắc chắn không phải là để tìm chỗ rửa mặt, bởi lẽ trước đây mấy hôm (hai, ba, hay bốn?) tôi đã thử mở cái vòi ấy, và cái tôi thấy rỉ ra chỉ là những giọt nhỏ tí xíu màu gạch đỏ, một giọt, tôi chờ một lát, hai giọt, tôi chờ một lát, ba giọt, tôi chờ một lát, chờ để giết thì giờ, và cứ thế, một giọt, tôi chờ, hai giọt, tôi chờ, giọt này cách giọt kia đến cả thiên thu, và giọt nào cũng bé tí xíu và cũng một màu gạch đỏ với độ đậm như nhau, hay gần như nhau: có khi tôi thấy cái màu gạch đỏ ấy hình như có nhạt hơn, nhưng liền sau đó lại nhận ra là mình đã hoàn toàn nhầm lẫn, đến nỗi hơn một lần tôi nghe tôi càu nhàu trời đất, nước rỉ kiểu này thì ai mà chờ được. Thế nhưng càu nhàu cũng là càu nhàu thế thôi, rửa mặt hay không rửa mặt, đó đâu phải là vấn đề, và có thể nói từ gần cả năm nay, nói thành thật, tôi chỉ rửa mặt khi tự nhiên thấy vui, mà tôi thì ít khi vui, và cũng có thể nói, do đó, là với tôi rửa mặt là một việc làm tuyệt nhiên có tính tâm lý, nó như những hiện tượng ta vẫn gọi là nổi hứng, là động cỡn...

Khi tôi nhận ra tôi đang nhìn về phía vòi nước, lập tức tôi đổi ngay hướng nhìn. Không, tôi tự bảo, ta không còn thì giờ nghĩ đến những chuyện không đâu như thế này, dù chỉ là nghĩ, ta lại càng không thể tự cho phép bất cứ một liên tưởng lãng mạn nào, trong lúc này, như nhìn vào vòi nước chẳng hạn và (dù không phải nghĩ, mà chỉ là) nhớ đến những lần nổi hứng đi rửa mặt trong năm vừa qua: không, không thể để mình buông thả quá mức như thế trong lúc này, trong lúc phải tập trung toàn bộ trái tim và khối óc chuẩn bị đón chuyến xe lửa mà người ta cho biết bất cứ ngày nào, bất cứ giờ nào, bất cứ phút nào, nghĩa là nói chung, bất cứ lúc nào, cũng có thể ghé lại đón khách. Tôi bỗng thấy mình nghiêm chỉnh sửa lại tư thế, y như chuyến xe tôi đang chờ có thể xuất hiện bất cứ giờ nào bất cứ phút nào ngay trước cái nhà ga xép nằm chỉ cách chỗ tôi đúng có mỗi một cái hàng rào đã đổ, thấp lưng chừng, đến độ cỡ người như tôi thôi cũng có thể thoắt một cái nhảy qua mà không sợ phải vướng vào những cành lá khô một màu khó tả, lưa thưa mấy sợi dây gai chằng chịt vừa đủ để ta gọi toàn bộ là hàng rào.

Vậy thì khi quyết định không nhìn vòi nước nữa, để khỏi trôi tuột vào những ý nghĩ vô bổ, ít ra là trong lúc này, tôi đã nhìn vào đâu? Tôi không nhìn vào đâu cả. Hay nói đúng hơn, là tôi nhìn khắp nơi. Hai con mắt giờ đây đã hoàn toàn tự chủ của tôi đảo một vòng, đúng ra là nửa vòng cung phía trước mặt, bởi như thế ta khỏi phải mất công quay cổ, hay quay cả người để rốt cuộc cũng chỉ nhìn thấy những chuyện không đâu vào đâu, và sau nửa vòng cung bâng quơ ấy, như một thủ tục, tôi ghé mắt xuống ngay lòng hai bàn tay tôi, tình cờ lúc bấy giờ đang xòe ra trên đùi tôi, ngay ngắn,

hai ngón út chĩa vào nhau và cùng nằm ngay chỗ tiếp giáp hai đầu gối của tôi, và tôi chợt nhận ra không biết từ bao giờ tôi đã tự tập cho mình thói quen chỉ nhìn phía lòng bàn tay, dứt khoát không bao giờ nhìn phía bên kia (người ta gọi nó là gì, tôi không nhớ, nhưng nếu lưng bàn tay không phải là chữ người ta vẫn gọi thì đúng là tôi đã quên thật) để khỏi nhìn thấy những đường cáu ghét dày cộm màu nâu đen viền đều ở mấy đầu móng tay đã nám vàng vì khói thuốc lá, những móng tay mà tôi chỉ cần quên không đưa lên miệng cắn cho mòn năm ba bữa một lần, vừa để giết thì giờ, vừa để làm công tác vệ sinh phòng bệnh, nó mọc tua tủa như những lưỡi dao con, mà tôi thì không muốn cào xé ai khi đưa tay ra bắt để chào nhau, nếu như tôi có vì lý do gì đó mà bỏ được cái tật lớn không chịu bắt tay ai bao giờ. Nói chuyện bắt tay chào, tôi lại nhớ đến cô bạn đâm lai nói trên. Hôm đến tìm tôi ở tòa soạn, nghĩa là lâu lắm rồi, khi nhác trông thấy cái người đầu tóc bù xù râu ria xồm xoàm là tôi xắn tay áo từ trong phòng làm việc bước ra, miệng còn ngậm nguyên điếu thuốc lá đen Hoa Mai chưa đốt, cô ta đứng bật dậy cười rất tươi, ôi cái cười đâm rõ là khác cái cười của người mình, tôi nghĩ, và nhanh như một lần chớp, như đã định trước từ lâu, bây giờ chỉ việc làm một động tác nhỏ dễ dàng, cô ta đưa tay phải ra bắt, dưa hơi sâu vào người tôi đủ để làm một người dạn dày như tôi phải hết hồn, và hỏi chắc anh là? em là bạn của, nếu như tôi nhớ không lầm... Thời ấy, thật ra phải nói rõ là cả thời bây giờ, gần nửa đời người, tôi ít được ai xưng em, vì cứ nhìn cái tóc cái râu của tôi, chữ em ai dùng cũng thấy ngại, vả lại, chính bản thân tôi, tôi cũng chưa hề phải xưng anh với ai, có thể một là sợ thân mật quá người ta không muốn, hai là về âm thanh mà nói, tôi vẫn thấy chữ anh rõ ràng không phù hợp với thói quen phát âm thô kệch của tôi. Nhưng thôi, không lẽ vì mấy cái đường viền cáu ghét ở đầu móng tay mà thật ra tôi không nhìn thấy, mà tôi có thể dài dòng nói về một chỗ quen biết nay đã hoàn toàn trở thành kỷ niệm, người đàn bà sống với tôi, gộp lại trước sau, không hơn một ngày?

Gần đây trí nhớ của tôi có giảm sút đi nhiều so với những năm trước. Đấy là nghĩ thế thì nói thế, tôi không thấy có gì phải phàn nàn về việc này, sinh lão bệnh tử, sống đã đời rồi thì phải già, già đã đời rồi phải bệnh, bệnh đã đời rồi phải chết, có gì khác thường mà phải thắc mắc? Có điều là giữa bốn giai đoạn ấy của một đời người, ắt có nhiều giai đoạn nhỏ khó định rõ là thuộc giai đoạn nào, tỉ như cái thời tôi chuyên bị cảnh sát và quân cảnh rượt, đúng ra phải nói là thấy chúng đâu tôi chạy đó, ở các khu trung tâm thành phố mấy năm trước, khi tôi chưa phải là đã già nhưng cũng khó nói là còn trẻ (và nếu như chạy chậm, hay chậm chạy mà tôi bị bắt đem về nha, và nếu chỉ vì không thích cái kiểu mặt của tôi thôi, hay không phải

toàn bộ mặt, mà là riêng con mắt, cái mũi, cái miệng, cái chân mày, hay cách ăn nói chẳng hạn, chúng nó lỡ tay đập chết tôi rồi khai là tôi đã có làm cái gì đó có hại đến an ninh quốc gia, hay có hành động chống đối nhân viên công lực, thuộc loại ăn cơm quốc gia thờ ma vân vân, hay đơn giản là tôi đã tự tử, nếu như trường hợp ấy xảy ra, dù vì lý do gì, mà cũng rất có thể là vì một thằng trong bọn đang say rượu chẳng hạn), tôi sẽ xếp nó vào sinh hay tử, hay cả sinh lẫn tử? Bây giờ ngồi đây đợi chuyến xe lửa của tôi, rảnh rang, suốt hơn hai ngày ngồi không không làm gì, thậm chí ăn cũng không uống cũng không (trừ đôi ba lần, ít thôi, không hiểu từ đâu tôi cảm thấy có một tí nước miếng rỉ ra trên lưỡi, tôi thu vào giữa và nuốt gọn), tôi giải trí bằng cách tìm trong sâu thẳm ký ức một vài chuyện cũ, không phải để thưởng thức chính những chuyện ấy, chuyện của tôi thì làm gì có cái hấp dẫn, mà là để kiểm soát xem khi một người xuống dốc về trí nhớ, hắn sẽ quên cái gì trước cái gì sau, và rốt cuộc cái gì còn lại... Vậy thì khi lục soát ký ức, tôi đã tìm ra được những gì có thể đúc kết để đưa tới một kết luận, như người ta vẫn nói? Tôi không thấy có gì rõ ràng. Những ngày sống ở tỉnh, ngôi nhà nằm ngay bờ sông, con bé sáu tuổi chuyên bắt nạt tôi, ngôi trường bà xơ và những bà xơ mặc áo trắng toát; những ngày trong tỉnh tôi người ta đổ xô ra đường reo hò và gia đình tôi sau đó tản cư về một làng quê có con sông nước trong veo ngày đêm rợp bóng cây, tiếng chày đêm giã gạo, mấy chị hàng xóm có đôi chân trắng hồng, quần hình như lúc nào cũng xắn cao quá đầu gối, lính tây trên đồn xế chiều về bố ráp giữa tiếng la ơi ới quanh xóm rồi rút mất trước khi đêm xuống, ông nội tôi với bộ đồ trắng mỏng nằm trên bộ ván dày vắt chân trước bàn đèn, những bữa canh rau khoai nhạt nhẽo, đi ỉa ngoài đồng chỉ cần lấy cục đất tròn chùi đít rồi nhảy xuống sông bơi trên thân cây chuối; những ngày hồi cư và ngôi trường tiểu học nhỏ sau chùa, con bạn Minh hương có đôi mắt sâu thẳm, trận đau thương hàn mười phần coi như chết hết chín... Những chuyện nhớ đến đâu nhắc đến đó, té ra cho thấy là tôi còn khối chuyện chưa quên, nhắc tùm lum như thế thì nghĩ là nhớ, thế nhưng bảo kể lại có đâu có đuôi, tôi chịu. Tỉ như chuyện cục đất tròn, ngày nào cũng xảy ra, có khi hai lần ba lần trong một ngày, có khác chăng là cái cách tự dưng ta vụt một cái chạy ù ra đồng, bảo phải đem kể lại ngọn ngành, đố ai làm ra thành một chuyện kể, và kể có đâu có đuôi. Đó là thời trước khi cha tôi bị tây bắt trở về nhà, và gia đình tôi tiên phong làm một cuộc Nam tiến tới nơi tới chốn, không dùng dằng. Những gì xảy ra sau đó tôi tin chỉ là chuyện bình thường, và mặc dù tôi luôn bị bạn bè chung quanh cho là sống lập dị, không giống ai, tôi vẫn tin quãng thời gian này ai sống cũng như ai, cái vui buồn sướng khổ hẳn là không đồng đều, nhưng có cái gì trên đời

này đông đêu đâu?

Trên đời này có những cái vui thật sự là vui? Tôi lấy làm ngờ lắm. Ngày cha tôi trở về với gia đình chẳng hạn, tôi nói thế cũng là tại có người ưa nói thế, chứ thật tình ai mà biết được người bị tây bắt, hay người tự ý về, hay người tự ý để tây bắt về vân vân, ngày người đã có thể ngồi cùng với vợ con dưới một mái nhà, ăn những bữa ăn ấm cúng không như thời một thân một mình trong vùng kháng chiến, vâng thì ngọn đèn có leo lét đấy, nhưng vẫn là ngọn đèn gia đình, lẽ ra chúng tôi phải đọc được cái vui tột độ nơi người, đằng này không, người ra vào đi đứng thẫn thờ, thẫn thờ cả những lúc ngồi chung với vợ con, như thật ra còn vẫn tiếc rẻ những đêm và ngày mang ba lô đạp xe băng rừng, đường xa nghe đâu có khi đến cả ba bốn trăm cây số hay hơn thế nữa, giữa cái lạnh thấu xương của miền núi, để đi họp bàn về thuế nông nghiệp, tiếc rẻ những khúc sông quá cạn phải vác xe lên vai lội bộ ra thuyền, những ngọn gió mênh mông và những buổi hoàng hôn vùng châu thổ, hay giọng hát của cô văn công gặp trong một quán nước ngã ba đường, ai mà biết... Nhưng rõ ràng người không vui. Cái cuộc sống hẳn là đơn chiếc, thiếu thốn kia, với người, như về sau nhiều lần không cố tình để mọi người biết mà rồi rốt cuộc không ai không biết, vẫn có cái hấp dẫn, sống nó thì vất vả mọi bề, mà không có nó thì rõ ràng ta thấy mất đi một phần đời tự do rất quí... Bây giờ ngồi đây nhớ lại chuyện cũ thật ra không phải là chuyện của mình, tôi có được cái gì không? Có, tôi nhớ được dăm ba chuyện cũ của cha tôi, cũng là một phần gốc gác của tôi đương nhiên, và quên được, dù chỉ là một phần nhỏ, cái nóng đang mỗi lúc một gắt gao trong công viên này, cái nóng ngay trên mặt chiếc ghế băng giờ đây cái quần ướt đẫm của tôi đang để lại hai mảng mồ hôi đen đậm.

6. Có những kỷ niệm và kỷ niệm. Có kỷ niệm đeo đẳng ta suốt cả đời, có khi chỉ cần một cái gì đó dẫn lối, từ cõi xa xăm nào không rõ nó trở về như thác lũ, chiếm hết con người của ta, nó chích ta một cái ngay giữa tim và nheo mắt tinh nghịch nhìn xem khi con người đau khổ, hắn có còn dám mang cái vẻ hung hăng háo thắng không biết người biết ta thường ngày hay không; cũng có những kỷ niệm chỉ có thể gọi là kỷ niệm đơn giản vì không ai muốn mất công đi tìm chữ gọi cho đúng hơn, mà trên đời này đâu phải cái gì cũng phải có riêng một chữ để gọi? Nhưng hãy chớ vội coi thường loại kỷ niệm này. Tuy không có sẵn kim để chích cho ta một cái đau ra hồn như loại kia, nó vẫn có đặc điểm riêng không thấy ở đâu khác, và khi từ đâu xa trở về, nó cũng có cái đem lại cho ta những phút giây hấp dẫn

không kém, cái buồn đã đành (người ta chẳng vẫn diễu cợt sự sắp xếp thông minh của ông trời khi cho rằng chính ổng là người sáng tạo ra tiếng oa oa đó sao?) mà cái vui có khi là cái vui đến chảy nước mắt, cũng có khi là cái vui buồn cười đến đứt cả ruột. Nói tới kỷ niệm thuộc loại buồn cười, hay là tôi cũng nên viết thêm mấy chữ về việc tôi làm báo? Thú thật, tôi không phải dân làm báo chuyên nghiệp, mà có lẽ cả với dân chuyên nghiệp, tôi e ta cũng chẳng có gì phải làm ầm ĩ – phải không? Đời sống đẩy đưa, có lần tôi trôi giạt vào một công ty quảng cáo to bằng cái mũi nằm ở đâu đó trên vòng đai thành phố, như chỗ công viên tôi đang ngồi đợi xe lửa đây, nhưng nằm về hướng nào, tôi nghĩ tôi không còn nhớ, cũng không muốn nhớ. Nghề nghiệp mới (có thể nói hay không, rằng tôi từng có một nghề cũ?) thời ấy đã giúp khám phá ra một chút tài ẩn náu trong tôi, những người chung quanh từng ít nhiều quen biết tôi rất ngạc nhiên đã đành, và họ thường không che giấu sự ngạc nhiên ấy, mà phải nói chính tôi tôi cũng chẳng thể nào ngờ: tôi có hoa tay. Thuở nhỏ tôi có nghe cha tôi khiêm nhường tiết lộ là cha ông mấy đời trước của chúng tôi, trước khi bước vào thời khoa bảng danh vọng, làm quan đến chức gì cao lắm trong triều đình mà đầu óc ngày nay của tôi không còn chỗ để nhớ, có người từng làm nghề thợ mã, nhất nghệ tinh nhất thân vinh, người dạy tôi. Phải nói là đến khi có người khám phá ra hoa tay của tôi, tôi mới chợt nhớ tới cái quá khứ xa xăm của dòng họ tôi, và cái nhất nghệ tinh mà ngày nay hình như chưa chắc đã còn lý lẽ để tồn tại. Cái nhớ qua mau ấy, lạ lùng thay, lại chính là cái một thời đã làm tôi thấy tự tin (là điều cho đến nay coi như mất hẳn), và một buổi sáng đẹp trời nào đó tôi đã quên, khi nghe một bà khách hàng trịnh trọng gọi mình là họa sĩ, lẽ ra phải không đứng vững nổi, thì tôi lại làm một động tác gì rất giống sự uốn ngực, để ló ra mấy sợi lông đen thui dưới cổ chiếc áo rằn ri. Họa sĩ sống qua ngày ở cái công ty heo hút như thế cho đến ngày nghe nói là đổi đời, hoàn cảnh mới trước tiên bắt tôi phải khai báo lý lịch, quá khứ hoạt động gì, ở đâu, ai biết vân vân, và thế là, vâng, phải nhìn nhận cái sự thật dễ làm người khác lấy làm chuyện diễu cợt này, tôi trở thành họa sĩ trăm phần trăm, và do không hề dính dáng đến những người xấu trước đây, hay do nhiều thứ khác gộp lại không chừng, tôi được điều đi làm báo. Nếu không làm mất thì giờ người khác nhiều quá, riêng tôi thì hiện coi như có nhiều thì giờ, tôi sẽ nói là trong tòa soạn tuy tôi thuộc ban họa sĩ, làm công việc nghe rất kêu là nghệ thuật, khó mà xác định được tôi là ai. Công việc trong ban với tôi dù sao cũng không phải là khó, có thể nói tôi đã quen, cái gì tới tay tôi, tôi làm như máy. Nhiều người chắc hẳn là cùng nghề, từ xa đến viếng chỗ tôi, người ta bảo tham quan, nghe đâu là để nắm tình hình, đã tuyên bố tôi tuy

không được học theo trường lớp, không được đào tạo chính quy, họ nói, nhưng làm được những việc rất chính quy và có tay nghề cao, tôi thực tình chẳng hiểu được là khen hay chê, thời buổi này khen đó chê đó, tôi đã hết quan tâm. Nhưng riêng tôi, cho phép tôi tự khen: những lúc có dịp nhìn lại những tấm ảnh tôi tút, vâng, có thể ít ai nghe nói tới nghề tút hình, nhưng tôi có thể bảo đảm tút hình là một nghề, hơn thế, như tôi vẫn nghe chung quanh người ta nói, là một nghệ thuật, vậy thì những lần nhìn lại những hình tôi tút, thêm một tí râu cho vị này, bớt một tí tóc cho vị kia, anh ca sĩ này chưa già, không thuộc diện đủ tiêu chuẩn để râu, tôi tút, anh kia đạp xích lô không thể vì trời nóng mà thoải mái đánh trần ra như thế, nhất là khi trả lời phỏng vấn của nhà báo, tôi tút, ông lớn nọ đôi chân mày đậm, trông dữ quá, thủ trưởng bảo: tôi chịu trách nhiệm, anh tút bớt cho tôi..., tôi không khỏi ngạc nhiên về tài làm đẹp của mình. Tôi nhớ có lần người ta đem đến cho tôi hình một bác sĩ giỏi, cái hình nom trẻ và ngây thơ như một cậu học sinh trung học, và bảo tôi phải tút gấp cái hình (cha gàn này mấy mươi năm lo làm việc, không có dịp chụp hình, giờ lại không chịu để ra mấy phút chụp cái hình mới! họ nói) để kịp ngày hôm sau đưa lên báo, tút cho nhiều vào, sao cho ông bác sĩ già hơn khoảng hai chục tuổi, thế là các người không hiểu từ đâu xúm lại bu quanh tôi, người này một ý kiến, người kia một ý kiến khác, may quá, sau phiên chợ góp ý, tôi đã hoàn thành cái hình lịch sử: vị bác sĩ tại chỗ giờ đây đạo mạo, tuy ít giống mình, nhưng vẫn giống một ai đó quen quen... Mặc áo cho người này, cạo râu cho người kia, bớt tóc cho người nọ, tôi đâm ra trở thành cái mà tôi nghe người ta gọi là chuyên gia!

Tôi có nên trở lại cuộc viếng thăm của người bạn đầm lai ở tòa soạn, cái lần tôi giật mình nghe có một người nữ xưng em với mình, xưng ngọt xớt? Không, con người đã thay đổi của tôi bỗng tỉnh táo bảo tôi, không, quá khứ là quá khứ, chuyện gì đã qua cho qua luôn...

7. Buổi chiều đầu tiên tôi đến công viên này chờ chuyến xe lửa đi qua, cảnh vật đang sáng rỡ, đàng sau những mái nhà thấp chân trời còn ửng một chấm đỏ hồng, nhìn từ xa trông như một vết bỏng mới toanh, mọi thứ đều vàng óng một màu nắng tươi, cây lá, bãi cỏ, vách tường, mái nhà, cột đèn, xe cộ và người qua lại ngoài kia, vân vân, tất cả đều rung theo hơi nóng cuối ngày ở một vùng đất có thể kể là xa thành thị, đột nhiên trời như sụp xuống trên đầu, trong chớp mắt chung quanh tôi cả khoảng không gian bỗng tối sầm, rồi rất nhanh, giữa lúc chẳng ai có thể suy đoán, một cơn gió

mạnh từ hướng sông thổi vào, hất tung những đám lá khô trong công viên, những đám lá nâu đậm hẳn là đã nằm rạp dưới đất từ mấy ngày nay, hay hơn thế nữa, bây giờ cuộn tròn trên không trung lẫn vào đám lá vàng trên cây bay tơi tả, lá cũ và lá mới lao xao, lấm tấm hai sắc vàng và nâu phủ kín cả trời đất, và chính trong khi tôi ngẩn ngơ trước cái chuyển động bất ngờ của âm thanh và màu sắc ấy thì bỗng từ đâu không rõ tạt vào ngay mặt tôi, như một cái tát, cái tát từ phía bên trái có lẽ, nếu tôi không nhầm, một cái gì có thể gọi là nặng mà cũng có thể gọi là nhẹ, chỉ vừa nghe rát ở một bên má và ngửi thấy mùi ẩm của giấy tái sinh, tôi đoán ngay là một tờ báo cũ. Một tờ báo cũ với tôi trong lúc này không phải là một tờ báo cũ với tôi bất cứ lúc nào: vừa đoán đây là một tờ báo, không để cho một phần giây trôi qua, tôi vội đưa tay, cả hai tay, chụp vào mặt, giữ không để cho nó cuốn theo gió. Mùi ẩm của mấy trang giấy cũ lẫn với mùi mực in hẳn phải thuộc loại rẻ tiền ngửi thấy rõ ràng là nặng hơn, vì toàn bộ cái tát ấy bây giờ nằm ngay mũi tôi, nhưng tôi vẫn đột nhiên cảm thấy khoái cái khoái của sự nhanh tay, đã đành, mà còn nghĩ ôi chao, lâu quá không biết tin tức thời sự, không biết ai còn ai mất, ai chết ai sống, ai bị xe cán phải vào nhà thương, ai đi xe cán chết người phải vào khám, ai đi xem đá bóng bị say nắng bất tỉnh, ai đá bóng bị treo giò nửa năm vì thiếu tinh thần thể thao xã hội chủ nghĩa, đã đốn cầu thủ đội bạn tê bất hợp lệ còn lén cấn vào chân họ, vân vân. Nghĩ là nghĩ thế, nhưng khi mở tờ báo giấy đã ngả vàng, mà thật ra nó cũng đã tự mở trước khi tạt vào mặt tôi, không phải vậy sao, tôi chỉ còn thấy một khoảng đen nhạt không đều hình chữ nhật nằm hơi chếch một bên trang, bên phải thì phải, chung quanh là phần chữ đã gần như bạc trắng, hoàn toàn không đọc được, trừ một vài đốm đen mà cố gắng lắm tôi mới có thể đoán một vài (không phải là nhiều) chữ cái không sao lắp vào được với nhau. Ngay khoảng đen nhạt không đều nhau, mà ta có thể đoán không có gì khó là một cái ảnh chân dung của ai đấy, tôi thấy lấp ló một con mắt thật dữ tợn, thoạt đầu mất bình tĩnh tôi tưởng đâu con mắt đang kiếm chuyện với tôi, hay đang thắc mắc về sự hiện diện của tôi ở chỗ đất này của quận, như sắp hạch hỏi và đòi xem chứng minh thư, giấy đăng ký lao động xã hội chủ nghĩa hay giấy đi đường có dán hình của tôi, hay đơn giản là hỏi tôi công tác ở đâu, vân vân, nhưng không lâu sau đó, bao lâu tôi không nhớ rõ, ba giây, bốn năm giây hay lâu hơn chút xíu, tôi tỉnh trí, và nhớ ra đây là tờ báo cũ, và con mắt kia, hay là cái mặt người tôi không nhìn thấy toàn hình kia, chỉ là tờ giấy, và là tờ giấy cũ mềm đã ngả vàng một cách thảm hại: nếu cần, tôi có thể vò nát nó và liệng xuống đất rồi đưa chân dí dí hai ba chục cái cho nó đi đời... Nhưng không, tôi đã không làm như thế. Tôi gấp tờ báo làm tư, theo đường gấp có sẵn, và khi nhìn thấy

con mắt dữ tợn nhìn tôi, bấy giờ không còn hoảng hốt như trước, tôi định vị trí của cả mặt người trên trang báo, kịp nhận ra là con mắt kia, con mắt còn lại, nằm ngay ở đường gấp thẳng đứng, nhòa theo vết trầy của đường gấp, và tôi nghĩ: a thì ra con mắt trông dữ tợn chỉ là vì cả khuôn mặt bị tước mất con mắt kia, và thế là tôi để mình bị cuốn hút vào những suy nghĩ triết lý trên trời dưới đất, cho đến khi chính cái người tưởng mình đang khám phá ra một quy luật nào đó của cuộc đời khám phá là mình không đang khởi sự khám phá ra gì hết... Và tôi chạy đi tìm một cục đá to cẩn thận chặn lên tờ báo gấp tư, ngay dưới chân mình, để biết đâu có khi cần dùng tới, tôi tự nói, và tự cười, cười mỉm thôi, vì thích thú nghĩ tới cơn gió đột ngột đến một cách vô duyên thế mà vẫn có khả năng sẽ có dịp giúp ta khi ta cần. Khi cái vui bắt đầu dẫn tôi đến chỗ triết lý lung tung về con người luôn cần tới một người nhỏ hơn mình vân vân, dù đây không phải là con người mà chỉ là tờ báo cũ giấy đã bị ngả vàng một cách thảm hại, tôi tốp ngay, tự kiểm điểm và ra lệnh cho chính mình: không lan man vào chỗ lãng mạn không tưởng, không phiêu lưu vào chỗ trừu tượng tiểu tư sản, đả đảo chủ nghĩa hiện đại, và nếu không lầm, tôi còn nghe chính mình gằn giọng, phải sống thực tiễn! mặc dù tôi không hiểu sống thực tiễn là gì.

8. Không, tôi thức dậy không phải vì tiếng còi xe. Giờ này của đêm, tôi nghĩ khuya đã qua từ lâu, một người ít văn minh nhất, hoặc ưa gây gổ, ưa làm khổ người khác nhất, hoặc chỉ đơn giản là tinh nghịch nhất, mà những loại người này thì ta gặp lan tràn chung quanh ta – trong nhà, ngoài phố, trong các cơ quan nhà nước, ở các trung tâm văn hóa, các giảng đường đại học, các tổ chức xã hội, các hiệp hội, đảng phái, thậm chí ở những tụ điểm giải trí – cũng không thể làm cái công việc vô bổ là bóp còi xe trong đêm, mà có phải ai cũng có thể có cái xe để mà bóp còi đâu! Vậy thì có thể một con muỗi đã bay qua, tôi vội vàng kết luận cho đỡ mất thì giờ, mặc dù thì giờ tôi có nhiều, một con muỗi thường thôi, không hẳn phải là muỗi sốt xuất huyết, như nhiều người vẫn gọi, đã tình cờ bay qua, tiện thể gặp một con người to kếch xù, nghĩa là to so với nó thôi, bèn nhận định tình hình lương thực thực phẩm chung quanh, tôi muốn nói trong công viên, tất nhiên nó tham quan khắp thân thể tôi để nắm, để tìm cho ra một ưu điểm, xét trên cơ sở gì đó, và bằng cách nào đó chính nó cũng kết luận rất mau, rằng đây là con mồi thiếu máu, không đáng phải dừng lại lâu. Hay là ta chích một cái chơi? Nó tự hỏi, và tiện thể nó chích một cái thật, chỉ là chích chơi thôi, rồi nghiêng đầu nhìn cái giật mình của tôi và thích thú

cười, nhưng tôi không nghe tiếng cười của nó, vì có ai trên đời này đã từng nghe tiếng muỗi cười? Thật ra, không nói thì ai cũng đã biết, đây chỉ là sản phẩm của tưởng tượng, hoàn toàn tưởng tượng, nếu có sự trùng hợp với một hoàn cảnh nào đó của ai đó, xin hiểu là ngoài ý muốn của tôi. Có nghĩa sự việc có thể gần như chắc là không diễn ra như tôi đã viết, vì ngoài cái giật mình qua rất mau, mau hơn cả một làn chớp, nếu tôi tính không sai, và không để lại một dấu vết nào cho thấy tôi vừa bị chọc phá một cách cố tình, không có bằng chứng cho thấy đã có tiếng còi, cũng không hề có con muỗi nào... Có thể tôi đã nương vào giờ khắc mà không nghĩ ra vẫn còn có một khả năng khác, một con ruồi chẳng hạn, bất chấp bóng đêm, một cách bất thường, hoặc đơn giản là nó tình cờ không ngủ được, đã bay đến đậu ngay trên mặt tôi, con người sẵn ngủ không ra ngủ, thức chẳng ra thức, khều nhẹ vào cái lỗ mũi tôi, chắc chắn tôi không thể nào đoán được lỗ bên trái hay lỗ bên phải, và chính mấy sợi lông mũi dài một cách bất thường của tôi bị xáo trộn đã đâm túi bụi vào thành bên trong lỗ mũi, và thế là tôi giật mình thức dậy. Việc trước tiên khi mở choàng mắt, là tôi nghĩ đến tiếng còi xe, có thể là không đúng, tiếp đó là con muỗi, có thể cũng trật luôn, và như thế chỉ còn con ruồi, mà nghĩ đến khả năng gần hơn hết với diễn tiến thật sự, tôi vẫn nhìn thấy một khả năng rất mong manh...

Đúng là tôi ngủ không ra ngủ, thức chẳng ra thức. Có thể nói tôi ngủ liên miên, ngủ tối ngày, mà vẫn không ngủ gì cả, bởi lẽ tôi không thấy có gì khác giữa thức và ngủ, không thấy có gì khác giữa mở mắt và nhắm mắt: có người mắt vẫn nhắm mà kỳ thực gần như không có một cái gì có thể xảy ra chung quanh (có khi xa tít mãi đâu ngoài biển, trên rừng, bên Tây bên Tàu, bên Mỹ bên Nga) mà họ không biết không thấy; cũng có người mắt ráo hoảnh, mở tối ngày, mở to đến độ như là trừng vào mặt người khác, như muốn ăn tươi nuốt sống người trước mặt mình, như muốn dò tìm xem người ấy nhà cửa có cái gì còn trưng dụng thêm được không, chẳng hạn, vẫn coi như không thấy không biết, không hiểu gì cả. Để nhắc lại con ruồi của tôi, có thể nói, nhưng không bắt buộc phải hợp lý, là có những người ngủ mà một con ruồi bay qua cũng biết. Ngược lại, mà thôi, những người loại kia nói làm gì nữa, quên họ đi cho khỏe, khỏe người khỏe ta, một sự nhịn chín sự lành, người ăn thì còn con ăn thì hết, chén rượu lạt để bên chồng chén rượu nồng để bên..., mà thôi, đã đành con người ta có óc để suy nghĩ, nhưng tôi sẽ không suy nghĩ làm gì cho mệt óc! Vậy thì dù sao, vẫn có thể coi như tôi ngủ tối ngày. Những lần tôi thức giấc, mà những lần tôi thức giấc giữa công viên này thì đố ai mà đếm được, tôi nhìn cảnh vật chung quanh một lượt, như để biết chắc là tôi còn ở nguyên chỗ cũ, trong công viên, cách nhà ga một cái hàng rào thấp, tôi vừa nhận định vừa nói

cho chắc, yên trí không bị đưa đi đâu khác vì sự an toàn của tôi hay của ai đó, kiểm soát xem cái túi vải đỏ có còn bên mình hay không (chỉ là kiểm soát bên ngoài thôi, vì nếu có ai để ý và cuỗm nó đi thì cũng chỉ là vì cái bên ngoài, bên trong thật ra có gì đáng giá với họ đâu?) và trở lại công việc của mình: đợi chuyến xe lửa mà dù sao tôi vẫn tin là sẽ tới, sớm muộn gì cũng sẽ tới, hôm nay, hay ngày mai...

Tôi sẽ còn chờ đến bao lâu, tôi không biết. Buổi trưa nắng như thiêu đốt, mồ hôi tôi ra như tắm, áo quần dính chặt vào da (nhìn qua áo tôi thấy rõ cả cái sẹo bự màu nâu kéo dài từ giữa ngực xuống lưng chừng bụng, mấy sợi lông chằng chịt quanh đầu vú, và cái lỗ rốn đen thui to bằng năm xu cũ), tôi vẫn ngồi, đúng ra là nửa ngồi nửa nằm, trên chiếc ghế băng và làm công việc duy nhất quan trọng của mình là chờ đợi. Bảo rằng nắng như thiêu đốt có lẽ cũng hơi cường điệu, tôi không phải là không biết thỉnh thoảng, năm thì mười họa, có một cơn gió thoảng qua, gió nóng thôi, nhưng vẫn là gió, nếu nó không làm cho ta bớt thấy bức, cái bức của nó cũng thuộc loại bức khác, và ít ra trong đầu ta cũng còn giữ lại được một cái gió đây quyến rũ, cái gió tâm lý, có thể nói vậy chứ, cái gió năm thì mười họa dù sao cũng dư sức giúp tôi càng lúc càng dễ ngủ hơn, và trước khi lấy tay rứt ra khỏi da những chỗ áo quần mồ hôi đính nhờn nhợt, tôi còn kịp nghĩ thôi ta ngủ đây, ngủ một tí thôi, để lấy lại sức...

Có phải tôi đã nghe mấy tiếng chim hót, mấy tiếng còi của công an, hay những tiếng gì tương tự, những tiếng sáo, nói chung là những âm thanh mơ hồ kéo dài và dứt ngay ở chỗ bất ngờ nhất, với tôi không có gì quan trọng, không có gì đặc biệt, đến nỗi hình như tôi đã trở người một nửa vòng, đã định ngủ thêm một tí nữa, để lấy lại sức? Tôi không nhớ. Bây giờ, có thể nói là tôi không muốn nhớ gì cả. Nhưng không muốn nhớ là một chuyện, nhớ lại là một chuyện khác: tôi vừa trở người một nửa vòng, xoay qua hướng ít bị nắng chói hơn, định lần này sẽ cố ngủ một giấc dài ra trò để tối nay, vâng, rất có khả năng là tối nay, khi bước lên xe lửa, tôi có thể thấy thoải mái dễ chịu đi vào cuộc sống mới của mình, cuộc sống mơ ước, thì đột nhiên như có một cái gì thúc tôi đứng dậy, đứng dậy chứ không phải chỉ ngồi dậy đâu nhé, một cái gì bảo tôi khỏi phải nhìn qua nhà ga, rõ ràng có một cái gì cho tôi biết là đã qua rồi những lúc tôi phải giương hai con mắt ngái ngủ nhìn qua nhà ga chờ đợi, nhà ga bây giờ đã lùi về phía sau, đã thuộc về quá khứ, và tôi thì chỉ trong vài cái chớp mắt đã bước qua một bước khác trong cuộc hành trình kéo dài vô tận nhưng đến nay vẫn chưa bắt đầu ...

... Khi tôi ngẩn ngơ nhìn theo cái chấm đen nhỏ xíu với một chút vệt xám tro nhạt rung rinh trong nắng, nhỏ dần và mất hẳn sau một khúc quanh, chỗ ló ra một rặng cây màu xanh, hay một màu tương tự, tất cả không lớn hơn một đầu ngón tay của tôi khi tôi xòe nguyên bàn tay ra trước mặt, tôi hiểu là như thế tôi phải bắt đầu tất cả lại từ đầu, và ngay cái giây phút tuyệt vọng đó, ngay cái giây phút người ta có thể đập đầu vô đá đó, tôi nghe có ai nói với tôi, hoặc chính tôi nghĩ, hoặc chính tôi nói không chừng, một nội dung thật là vô nghĩa, vang lên như một lời hăm dọa diễu cợt: cũng tốt thôi!

Mỗi ba tháng tìm Đọc

tạp chí

Thơ

Chủ trương:

Lê Bi Trang Châu Nguyễn Thị Thanh Bình Phạm Việt Cường Triều Hoa Đại Phan Tấn Hải Khế Iêm Đỗ Kh. Trầm Phục Khắc Nguyễn Hoàng Nam N.P. Chân Phương Thường Quán Trần Sa Vũ Tiến Thủy Huỳnh Mạnh Tiên Trịnh Y Thư Nguyễn Tiến Nguyễn Tiến Văn Lê Thị Thấm Vân Ngu Yên.

Liên lạc bài vở, thư từ

THƠ

P.O. Box 1745, Garden Grove, CA 92643

Tạp ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● *Việc phải đến đã đến*

Hơn hai năm tranh chấp nhau để giành cho được sự công nhận của Văn Bút Quốc Tế (VBQT), hai phe của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (VBVNHN) đã nhờ Đại Hội đồng Đại biểu Văn Bút Quốc Tế phân xử trong phiên họp ngày 11 tháng 8 năm 1997 tại Edingburgh Tô Cách Lan. Năm đại biểu đã được mời lên phát biểu trước Đại Hội đồng, gồm: ông Alexandre Bloch Tổng Thư ký VBQT, ông Trần Thanh Hiệp người được VBQT ủy nhiệm đứng ra hòa giải giữa hai phe và thất bại, ông Sơn Tùng người được bầu làm chủ tịch VBVNHN tại Houston, ông Viên Linh cựu chủ tịch VBVNHN người không công nhận tư cách chủ tịch của ông Sơn Tùng và đứng ra triệu tập một đại hội khác tại Santa Ana tìm người kế vị mình, bà Trương Anh Thụy phó chủ tịch của VBVNHN đắc cử trong đại hội ở Santa Ana.

Với một đa số tuyệt đối, Đại Hội đồng Đại biểu VBQT đã quyết định: Do hai phe của VBVNHN chưa giải quyết xong chuyện tranh chấp nội bộ, VBQT xem VBVNHN như tạm thời ngưng hoạt động (nguyên văn nghị quyết dùng chữ *dormant*), từ nay cho đến khi hai phe giải quyết xong mọi tranh chấp để hợp thành một tổ chức thống nhất, VBVNHN không được liên lạc với VBQT, mà cũng không được quyền tham dự vào các sinh hoạt của VBQT.

Nhiều người bi quan cho nghị quyết trên là một hình phạt khai trừ được diễn tả một cách văn hoa. Những người lạc quan lại bảo Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại không hề bị khai tử, vì theo Ông Tổng thư ký Alexandre Bloch giải thích chữ *dormant* (khi một nhà văn Nam Phi chất vấn), thì từ ngữ quan trọng này có nghĩa như VBVNHN vẫn còn đó, nhưng

đang ngủ, khi nào phục hồi được sinh lực và uy tín sau cuộc tranh chấp nội bộ thì VBVNHN lại thức dậy, sinh hoạt với VBQT y như một hội viên bình thường.

Vấn đề còn lại là liệu hai phe có thể giải quyết các bất đồng để phục hồi sinh hoạt và danh dự cho VBVNHN hay không?

Chắc chắn trong những tháng sắp tới, mức độ chửi bới, chụp mũ, mạ lỵ nhau của hai phe sẽ ác liệt hơn, bên này đổ lỗi cho bên kia là kẻ chịu trách nhiệm tạo ra hình phạt nghiêm khắc của VBQT. *Văn bút* đã thành *văng bút*, và không bao lâu nữa, thành *văng mạng*. Nếu những tiên liệu này đúng, thì thôi, nên cho Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại ngủ luôn giấc ngủ ngàn năm.

Việc phải đến đã đến! Những người cầm bút thực sự lắc đầu thở dài, nhưng biết làm gì hơn. Nhìn vào các trung tâm Văn bút mọc như nấm khắp nơi, thử tìm cho ra vài người cầm bút thực sự có uy tín để được các bạn văn trên thế giới kiêng nể quý trọng? Khi đất không lành thì chim không đậu và trở thành chỗ trú cho những kẻ ưa chuyện náo hoạt sính dùng văn. Vì sao đất không lành? Xin dành câu trả lời cho các bạn văn xa gần. (VH)

● *Nữ văn sĩ Sue Sumii (1902-1997)*

Nỗi thống khổ, cơ cực, tủi nhục của một gia đình làm nghề đóng giày. Cái đắng cay của người cầm đồng tiền đi mua thức ăn mà người bán hàng không thèm đụng đến đồng tiền đó chỉ vì mình thuộc một giai cấp bị cả nước khinh rẻ, giai cấp *burakumin* bên Nhật.

Và nữ văn sĩ Sue Sumii đã dành hơn 40 mươi năm trong cuộc đời bầu để viết về giai cấp *burakumin* trong một bộ trường thiên tiểu thuyết, đã xuất bản được 7 tập. Bà tạ thế vào tháng 6 năm nay, thọ 95 tuổi. Ngay trước khi qua đời, bà đang viết dở tập thứ 8 cho bộ trường thiên "Giòng Sông Không Có Cầu", đã bán được 8 triệu cuốn; ngoài ra còn có hai bộ phim cũng đã được thực hiện, dựa vào bộ tiểu thuyết này.

Toàn bộ nói về đời sống của giai cấp *burakumin*, bị xem là hạ tiện bên Nhật, tương tự như hạng người *harijan* ở Ấn Độ và *paekchong* bên Triều Tiên.Người Nhật thường tránh không muốn nhắc đến giai cấp *burakumin* này, nhưng sự việc sờ sờ ra đó: giai cấp này vốn có từ thế kỷ thứ 13. Thời đó, hạng người này bị gọi là *eta*, có nghĩa là bẩn thỉu, dơ dáy. Vào thời kỳ phong kiến bên Nhật hạng eta này bị cấm giao thiệp với các giai cấp khác bên Nhật, có khi còn bị buộc phải đeo một miếng da trên

ống tay áo để cho mọi người có thể nhận ra họ là hàng người "bẩn thỉu" mà...tránh. Vào năm 1859, có một người *eta* bị giết trong một vụ đánh lộn. Tòa tha bổng thủ phạm viện lý rằng phải để cho thủ phạm giết thêm sáu người *eta* nữa lúc ấy mới có tội, vì "tính ra" thì phải đến 7 người *eta* mới "bằng" một người Nhật "thường".

Tuy đã có luật chính thức cấm phân biệt giai cấp từ năm 1871, nhưng trên thực tế thì nạn kỳ thị vẫn tồn tại. Hiện nay nay có khoảng hơn 1 triệu người *burakumin*, sống tụ tập trong vùng Osaka. Muốn nhận ra họ chỉ có cách là tìm đến nơi họ đang sinh sống. Cho đến nay các công ty bên Nhật vẫn tìm mua danh sách địa chỉ - một loại ấn phẩm bất hợp pháp - của người *burakumin*, cốt là để tránh không thuê họ làm việc. Hiện vẫn có một số gia đình Nhật Bản trước khi dựng vợ gả chồng cho con cái vẫn thuê thám tử riêng đi dò tông tích của những gia đình sau này có thể là thông gia với mình. Nếu là gốc *burakumin*, thì họ kiếm cách thoái thác. Hiện nay, lương trung bình của một người *burakumin* vào khoảng 60 phần trăm của các người Nhật khác.

Văn sĩ Sue Sumii không phải người *burakumin*, nhưng bà sống gần khu của giai cấp này. Bà quan sát, ghi chép sinh hoạt của họ và mãi đến khi đã ngoài 50 bà mới bắt đầuviết. Cả nước Nhật, nếu muốn tìm hiểu về giai cấp này, kể như chỉ có bộ "Giòng Sông Không Có Cầu" của bà. Báo chí và truyền hình Nhật thì không bao giờ đả động đến giai cấp *burakumin*, còn nếu có những đoạn nào nhắc đến người *burakumin* trong sách vở ngoại quôác thì khi dịch lại tiếng Nhật, người Nhật bỏ những đoạn đó đi.

Nói cho ngay, trong hai mươi năm qua, cuộc sống của người *burakumin* đã được cải thiện nhiều. Đã có những ngân khoản đặc biệt giúp chỉnh trang khu bùn lầy nước đọng của người *burakumin*. Có đến 3 phần tư người *burakumin* nay đã lập gia đình với người ở giai cấp khác. Có người kín đáo đổi tên đổi họ, đổi chỗ ở để lập gia đình. Nhưng cũng có những đám cưới "hỗn hợp" được ăn mừng công khai và điều này chứng tỏ rằng thành kiến từ thời trung cổ nay cũng đã giảm bớt.

Được như vậy hẳn là công của văn sĩ Sue Sumii chứ không có ai vào đấy nữa. Văn chương kể cũng có ích đấy chứ!

N.P. (ghi theo báo chí ngoại quốc)

● *Albert Einstein: Những bức thư tình*

Những thiên tài của thế kỷ 20 đều là những con người hết sức cô đơn. Bertrand Russell: Tinh thần của sự Cô Đơn. Nỗi Cô Đơn vô phương cứu chữa. Andrei Sakharov chẳng những cô đơn, mà còn "yếu xìu". Cậu bé

Sakharov, qua "Hồi ký" chỉ mê tiểu thuyết khoa học giả tưởng, Túp Lều của chú Tom, Mark Twain, và như đa số những nhà bác học, càng "công thành" bao nhiêu, càng "tư khổ" bấy nhiêu: "Trong cuộc sống riêng tư (trong mối quan hệ với bà vợ đầu Klava, và sau khi bà vợ chết, với mấy người con), mỗi lần gặp khó khăn là tôi chạy trốn... Rồi tôi đau khổ, cảm thấy mình tội lỗi, và tiếp tục lầm lỗi thêm, lần này là do mặc cảm phạm tội: nó đúng là một người cố vấn tồi." Hãy thử tưởng tượng một con người yếu đuối như thế, sống tại một xã hội sắt thép như Liên Xô. Cho dù ông có là nhà bác học nổi tiếng, cha đẻ bom nguyên tử của Liên xô, KGB cũng bứt ông ra khỏi cuộc đời, ném vào sọt rác của lịch sử, hay rõ hơn, một xó xỉnh thật xa xôi hẻo lánh, khi ông lên tiếng chỉ trích Liên xô xâm lăng Afghanistan. Nhưng chính sự yếu đuối thể chất lại trở thành sức mạnh, một khi con người có thiện chí và can đảm tinh thần. Cùng với sự sụp đổ của đế quốc Xô-viết, những tư tưởng và nguyên tắc suốt đời ông theo đuổi hiện đang thay đổi bộ mặt Âu châu, sự chịu đựng bền bỉ, và quyết tâm không để chế độ CS đánh gục đã đem lại cho bản tự thuật của ông một sắc thái đặc biệt, một cuộc đời gương mẫu: chiến thắng của tinh thần nhân loại, trước bạo lực, và thù nghịch.

Cậu bé Einstein, cho tới bẩy, tám tuổi, mỗi khi bị hỏi, thường "chậm chạp tự kiếm riêng cho mình một câu trả lời, và sau cùng lập lại cho người đối diện", như thể cậu bắt buộc phải nói hai lần bất cứ một điều gì. Cha mẹ cuối cùng phải đem đi bác sĩ, còn người giữ việc kết luận, thằng bé "ngu" (stupid). Việc lập lại một câu trả lời, một cho mình, một cho người khác, có thể là dấu hiệu cho thấy, ngay từ nhỏ, ông đã có một thế giới riêng tư, sâu thẳm: cực kỳ thông minh, hết sức tự tin, thành thật một cách tàn nhẫn, bướng bỉnh... nhưng trên tất cả, A. Einstein là một con người hết sức cô đơn. Trong một bài tiểu luận, năm 1931, khi 52 tuổi, ông viết: lòng đam mê công lý xã hội, cảm nhận trách nhiệm đối với nó thật hết sức tương phản với sự thiếu hụt mọi khả năng tiếp xúc với tha nhân, với cộng đồng: Tôi thực sự là một kẻ lữ hành đơn độc và chẳng bao giờ thuộc về quê hương, gia đình, bạn bè, "với tất cả trái tim của mình": Trước những thân quen rằng buộc này, tôi vẫn cần một khoảng cách. Có thể đây là một sự cô đơn cần thiết, đối với bất cứ một thiên tài nào, nhưng A. Einstein luôn cảm thấy không hợp với cuộc đời này, còn một cõi kia, cõi khác, và quá hơn, đây là một sự vong thân.

Cô đơn càng nghiệt ngã, do những bất như ý trong khoảng đầu đời của ông: Những ông thầy nghiêm khắc, hách dịch, phải từ bỏ quốc tịch do phản đối chế độ quân dịch Đức, khi ông 16 tuổi, và nhất là thái độ của cha mẹ đối với người yêu, người vợ đầu của ông: Mileva Maric. Trong số

những tài liệu mới mẻ nhất về ông là 52 lá thư tình trao đổi giữa hai người, từ năm 1897 tới 1902. Nhà bác học mất vào năm 1955, di chúc trao tất cả những giấy tờ, thư từ cho Hebrew University of Jerusalem. Những lá thư chỉ được trao lại cho họ vào năm 1986, sau khi con trai của ông mất. Thư khố Einstein hiện có chừng 45 ngàn trang tài liệu, dự định in ra trên 25 tập, dưới sự bảo trợ của Hebrew và Princeton University Press.

Mileva Maric sanh năm 1875, lớn hơn ông 3 tuổi, thuộc một gia đình Serbia sinh sống tại Hungary. Giỏi vật lý và toán ngay từ khi còn nhỏ. Khi bắt đầu trao đổi thư từ, tháng 10, 1897, hai người cùng học năm thứ nhì tại Polytechnic Zurich - Switzerland là xứ sở nói tiếng Đức độc nhất cho phép đàn bà theo bậc cao học. Qua những lá thư người ta được biết, ông đã khổ tâm vô cùng vì thái độ của cha mẹ: "Cha mẹ anh rất phiền muộn về chuyện chúng mình thương nhau. Mama khóc lóc, cay đắng hoài. Chẳng lúc nào anh được một chút yên ổn. Họ cầu nguyện cho anh, như thể anh đã chết". Hình như mấy bà mẹ chồng đều giống nhau: "Nó là một cuốn sách đối với con, trong khi con cần một người vợ... Khi con 30, nó là một bà già". Vào năm 1901, Maric rớt kỳ kiểm tra tại Polytechnic và phải trở về sống với cha mẹ, trong khi mang bầu. Bé gái tên Lieserl. Người ta chỉ biết có vậy về cô bé. Trong khi đó, ông sống cực khổ, và không làm sao kiếm nổi một việc làm. Ông viết thư cho người yêu: "Anh quyết định như thế này về tương lai: Kiếm cho ra một việc làm, dù nhỏ nhoi khiêm tốn cỡ nào... Có được việc rồi, anh sẽ lấy em và mang em đi, chẳng cho ai hay, tới khi mọi chuyện đã ổn định." Tháng Chạp 1901, khi biết sẽ kiếm được chân thư ký tại Sở Môn Bài (Patent Office) ở Bern, ông viết: "Chúng ta sẽ lại là sinh viên, chừng nào mà chúng ta còn sống, và chẳng thèm để ý đến thế giới làm gì". Hai tuần sau, ông viết: "Ngoài em ra, tất cả mọi người đều xa lạ (alien) đối với anh, như thể giữa họ và anh có một bức tường vô hình".

Ngày 6 tháng Giêng, 1903, hai người làm lễ kết hôn tại tòa thị chính Bern. Không có khách dự tiệc cưới, không thân nhân họ hàng, ngoài hai người bạn của chú rể đóng vai người chứng. Tháng 11, hai vợ chồng chuyển tới căn hộ số 49, Kramgasse, trong phu phố cổ Bern. Chính tại đây, chỉ trong một năm 1905, một mình cặm cụi làm việc, nhà vật lý 26 tuổi đã "sản xuất" được 4 công trình nghiên cứu làm thay đổi hoàn toàn môn vật lý học. Một trong bốn nghiên cứu đó đem lại cho ông giải Nobel. và công trình nghiên cứu thứ tư chính là thuyết Tương Đối.

Nhân loại không chỉ biết Eisntein như một thiên tài vật lý của thế kỷ 20, mà còn như một nhà trí thức, một nhà nhân bản. Năm 1928, ông lên tiếng chỉ trích Hội Quốc Liên: "Chiến tranh không phải là trò chơi và

không thể được dẫn dắt theo những luật lệ của trò chơi. Phải chống đối nó, giản dị có vậy. Và điều này chỉ có thể làm được nhờ đám đông, qua sự từ chối hoàn toàn mọi chế độ quân dịch áp dụng vào người dân, ngay cả trong thời bình." Hai năm sau trên con tầu tới Mỹ, ông đưa ra lời tuyên bố "Hai Phần Trăm": "Chỉ cần hai phần trăm con số những người bị gọi nhập ngũ từ chối vào lính, đồng thời yêu cầu mọi xung đột thế giới phải được giải quyết theo đường lối hòa bình, là mọi chính quyền sẽ không còn quyền lực". Tại Đức, ông bị tố cáo không phải vì chủ nghĩa hòa bình ở ông mà còn vì tôn giáo. Khi tới Berlin, lần đầu tiên ông cảm nhận được "định mệnh Do thái", một cộng đồng đồng nhất do bách bại, do nỗi lo sợ bị huỷ diệt, và đây là "lịch sử chung" của họ. Đối với ông, nó còn gắn liền với những kinh nghiệm riêng tư: Ngay từ lúc mới 6 tuổi, là học sinh Do thái độc nhất trong một lớp học ở Munich, một bữa, người thầy dậy môn tôn giáo mang vào lớp mấy cây đinh, và nói, người Do thái đã đóng đinh Chúa với những cây đinh như vậy.

● *Công dân Kay*

Báo Mỹ, tờ *Washington Post*, chắc nhiều người biết, nhưng bà chủ báo là ai, ít ai để ý. Ngay giới ký giả Mỹ cũng chỉ biết một phần về Katharine Graham. Người đã từng được gọi là nữ hoàng Katharine the Great, The Queen Mother, thực dụng hơn, "người đàn bà ký những tấm cheque của chúng ta." Đã từng làm Nixon và bộ sậu của ông ăn không ngon ngủ không yên. Đã quyết định những việc rủi ro nhất, không chỉ riêng đối với số phận tờ báo, mà còn của bao nhiêu con người: quan điểm của tờ báo đối với chiến tranh Việt Nam, Hồ sơ Ngũ Giác Đài, Watergate. Qua tự thuật của bà, *Personal History*, chúng ta được biết về một con chim hồng tước cất cánh bay, và rồi dù không muốn, đã phải điều hành một tờ báo, kéo nó ra khỏi chợ lá cải, biến thành một trong những tờ báo lớn, địch thủ của *New York Times*.

Trên tờ điểm sách của *NY Times*, Nora Ephron, khi đọc *Personal History*, đã nghĩ đến *Washington Square* của Henry James, hay đúng hơn, vở kịch phỏng theo tác phẩm này, Người Nữ Thừa Kế, nhất là lúc Catherine Sloper được bà cô yêu cầu hãy kể lại câu chuyện cô vừa kể, thật sinh động, và thật lôi cuốn, cho cha cô nghe: Đứng trước người cha chẳng lúc nào hài lòng về cô, cô thấy như bị tê liệt, và câu chuyện trở nên nhạt nhẽo, buồn tẻ. (*Washington Square* là câu chuyện về một cô gái nhà giầu, cha rất nghiêm khắc, và chẳng bao giờ nghĩ, có một người đàn ông thương con mình. Nếu có, thì vì tiền. Cô gái sau có người yêu, và tưởng rằng

người đó yêu thương cô. Trong đêm cô tính từ giã gia đình, ông bố khắc nghiệt và của cải của ông, trốn đi với người yêu, anh này lặn luôn. Bạn muốn biết hồi kết cục, khi người bố đã chết, cô trở thành người thừa kế, và người yêu cũ quay lại, xin mời đọc một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của một bậc thầy tiểu thuyết cổ điển.

Ký giả David Remnick kể lại trên tờ *The New Yorker*, năm 1988, ông là một thông tín viên non trẻ của tờ *Post* ở Moscow, khi mà chỉ một tiếng ho ở điện Cẩm linh cũng có thể tạo thành tin trang nhất, ông nhận được tin, *Post* và đứa em của nó, *Newsweek*, được "đặc ân" của điện Cẩm linh, và người nữ thừa kế, tổng thư ký Công ty Post và đoàn tùy tùng sẽ tới Moscow dể phỏng vấn Tổng Bí Thư đảng CS Liên Xô. Đặc ân, nhưng đối với ông, có thể là một rủi ro lớn. Đã có nhiều truyền thuyết về nữ chủ, Mrs Graham. Một tay phóng viên Mỹ châu La tinh đã từng "lang thang" suốt đại lục hàng tuần lễ để lo chuyện khách sạn, tuyển chọn thợ làm tóc, sắp xếp những lần gặp gỡ của "nữ hoàng" với những nguyên thủ quốc gia từ Caracas tới Tierra del Fuego. Anh ta đã thành công lớn. Nhưng một tay khác thuộc vùng Phi châu, lại được bà Graham nhắc nhở: "Anh nên biết là tôi không cực khổ lặn lội tới tận đây để làm một thứ du khách dâu ngh!" Chuyến viếng thăm Moscow may cho David Remnick, thành công, ông cũng xoay ra nổi một người làm tóc cho nữ hoàng, và trong cuộc phỏng vấn, ngài Tổng Bí Thư còn "bật mí" cho biết, sẽ có những chương trình hợp tác giữa Liên Xô và Hoa Kỳ về những chuyến bay thám hiểm sao Hỏa, nhưng nữ hoàng bị một mẻ sợ, xém chết, khi đi thăm đoàn xiếc.

Đối với đám phóng viên *Post*, bà chủ đã làm đúng điều phải làm, vào những thời điểm nóng bỏng nhất. Bà đã bật đèn xanh trong việc công bố Hồ sơ Ngũ Giác Đài, đã hỗ trợ hết mình với chủ bút, phóng viên trong vụ Watergate, khi sự sống còn của tờ *Post* đang bị đe dọa nặng nề. Làm thế nào mà một người đàn bà dám lấy những quyết định rủi ro lớn lao như vậy? Vào năm 1979, khi cuốn sách viết về bà, *Katharine the Great* của Deborah Davis xuất hiện, Mrs Graham quyết liệt phản đối nội dung cuốn sách, và William Jovanovich phải cho thu hồi toàn bộ những ấn bản đã phát hành, sau đó còn phải trả cho Davis một số tiền bồi thường 100 ngàn. Cuốn sách thực tình dở, nhưng người ta tự hỏi, nếu không phải là Mrs Graham, liệu ông chủ nhà xuất bản Harcourt Brace có chơi đẹp như thế không?

Không như nhân vật của Henry James, có một ông bố nghiêm khắc, ở đây là một bà mẹ không muốn các con làm phiền mình. Thân phụ của Mrs Graham là một thương gia trẻ, thành công. Ông gặp Agnes Ernst, và bị cú sét, tại một phòng tranh ở New York. Ông chồng lùn và giầu, bà vợ

đẹp nhưng nghèo. Cô gái đã phải làm việc ngày 12 tiếng vào mùa hè, khi bất thình lình bị cúp học bổng. Cô trở lại trường, "trở nên vị kỷ khủng khiếp, và nhiều năm sau đó, chỉ còn biết yêu, chủ yếu là chính mình, gây đau khổ cho nhiều người khác, cho đến khi cuộc đời chữa lành tôi". Nhưng cô con gái, Mrs Graham, cay đắng thêm vô: Coi bộ cuộc đời cũng chật vật dữ, trong việc "giải độc" này!

Tuy là "chuyện cá nhân" -lịch sử một gia đình, có một ông bố Do thái và cuộc chiến đấu của ông để trở thành chủ nhân cơ sở Post; có một bà mẹ ít dành thời giờ cho các con nhưng rất mê giao thiệp, quen biết những nhân vật nổi tiếng, đã từng viết sách về Tolstoi, Dostoevsky, Thomas Mann, đọc diễn văn tại những hội phụ nữ- nhưng đây còn là lịch sử của tờ *Post*, và cùng với nó, lịch sử Hoa kỳ, với vị tổng thống độc nhất, Nixon Đại Đế, phải từ nhiệm ngay khi còn tại chức.

Kay Meyer làm ký giả, cho tờ *The San Francisco News*, sau đó, tờ *Post*, và trở thành cô con gái đầy tham vọng "của ông bố", nhưng cô viết về mình: "Tôi rất thực tế về "vốn liếng" của tôi... Tôi không đẹp, người cao ngòng, và không được tự tin... Tôi không chắc có "quyến rũ" nổi một người đàn ông nào hay không, một người mà tôi yêu, và người đó không bị đánh giá, theo "cái kiểu" của cha mẹ, gia đình tôi".

Philip Graham "đi vô" đời Kay năm 1939. Ông là một chàng trai nghèo từ Frodida, tốt nghiệp Luật Harvard, làm việc tại Tòa Tối Cao. "Anh ấy nói thương tôi, và nếu chúng tôi lấy nhau, nếu tôi có thể sống với hai chiếc áo dài thay đổi, chúng tôi sẽ đi Florida, bởi vì tôi phải hiểu rằng anh ấy sẽ không bao giờ lấy bất cứ một thứ gì từ bố tôi"... " Trời ơi! Làm sao tôi tin nổi, người đàn ông thông minh, quyến rũ, khả ái như thế... yêu tôi!" Khi đã trưởng thành, thành công trên đường đời, Kay vẫn tự hỏi, không biết bà mẹ có thương yêu mình hay không, và chỉ cảm thấy tình người từ người vú. Cô lấy một người chồng nghèo, đẹp trai, quyến rũ vô cùng, và càng ngày càng mất tự tin, nghĩ rằng mình chỉ là một phó thường dân, trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Ông bố vợ, khi mua tờ Post, đã giao cho con rể làm chủ nhiệm, chia phần hùn gấp ba con gái. "Dad giải thích, trên đời này, không một người đàn ông "nên" lâm vào tình trạng phải làm công cho vợ". Kỳ cục thay, tôi cũng đồng ý với cha tôi. Ông chồng làm chủ tờ Post, mở rộng vương quốc, bao gồm những đài truyền hình, tờ Newsweek, và cuối cùng có... bồ. Kay bằng lòng ly dị nhưng không chịu để chồng đẩy ra khỏi công ty. Một bữa, trong lúc đi dạo với vợ một ký giả, bàn chuyện làm sao giữ nổi tờ báo cho đến khi đứa con trai trưởng thành; "... tôi nghe Luvie nói một cách chắc nịch: "Bạn làm được chuyện đó". "Tôi hả, làm sao nổi" "Được mà, bạn để cho ông chồng đẩy

xuống thấp quá đến quên luôn bạn có thể làm được những điều gì".

Vào năm 1967, Kay viết cho tổng thống Johnson, "tôi là một trong số những người tin tưởng ở tổng thống và ở sau lưng tổng thống với niềm tin và sự hết lòng". Trong khi tờ *Times* và hai hãng tin AP và UPI đã làm cho Bạch ốc phát khùng vì những bài báo, tin tức cho thấy sự tương phản giữa những thông báo chính thức của mấy ông tướng, và sự thực xẩy ra ở chiến trường, tờ Post đã không theo kịp đà này. Nixon, lúc đầu cũng được đối xử như Johnson. Khi bùng nổ phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam, tờ Post cố đứng ngoài. "Nếu có một hãng tin, hoặc tờ báo nào đủ khôn ngoan, họ nên dành bản quyền tựa đề "Đánh gục một Tổng thống". Bởi vì vẫn những người đã đánh gục Johnson, năm 1968, bây giờ đang toan tính đánh gục Nixon vào năm 1969". Khi tờ Times, nhờ Neil Sheehan và nguồn tin của ông, Daniel Ellsberg, bắt đầu đăng Hồ sơ Ngũ Giác Đài, June 13, 71, Ben Bradlee, sếp tờ *Post* đau quá, cố kiếm được một copy, vào ngày June 17. Nhưng Graham có đủ lý lẽ để ngăn chặn việc loan tin. Tờ Times ngay lập tức gặp rắc rối với Bạch ốc, và với tòa án. *Post* trở thành công ty có cổ phần bán cho công chúng chỉ hai ngày sau khi có copy hồ sơ. Việc phổ biến chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phần. Và luật sư của Graham đã "ép" Kay trì hoãn, tốt nhất, đừng công bố tài liệu. Nhưng Kay, sau cùng đã đưa ra quyết định, qua điện thoại, giữa bữa tiếp tân tại nhà, trong khi một bên tai còn văng vẳng lời "cảnh tỉnh" của luật sư: "Hãy in đi!". Bà đã mở đường cho tờ báo tiến tới Watergate, (được Pulitzer vì vụ này), và biến tờ báo thành địch thủ của *Times*.

Kay năm nay 79, và tờ báo hiện ở trong tay Donald, 51, con trai của bà. Phil Graham tự sát vào năm 1963.

● *Ngụy Kinh Sinh: Ngục Trung Thư*

Ở trong tù, Ngụy Kinh Sinh viết cho Đặng Tiểu Bình; thư không hề được gửi đi, nay có trong *Can Đảm Đứng Một Mình: Thư Trong Tù và Những Bài Viết Khác*, (nhà xb Viking, 283 trang, 1997): "Tôi được như bây giờ là nhờ ở ông... Ông muốn hiểu sao thì hiểu". Như Akhmatova "giải thích" phiên tòa và án lưu đầy của J. Brodsky, "nhà thơ đã mướn họ viết tiểu sử"; Ngụy đành phí phạm đời mình trong tù, vì nhà độc tài, nhưng "danh vọng" mà ông có được, đó là do họ Đặng ban cho.

Trong một xứ sở mà mạng người quá rẻ mạt, chẳng ai ngạc nhiên khi một thanh niên 29 tuổi bị ném vào tù với bản án 15 năm, và khi được thả, lại bị tống vào tù, cõng thêm bản án 14 năm. Đâu đến nỗi quá tệ, những

người Trung Hoa sẽ nói vậy, ông ta vẫn còn sống, có sao đâu, sau tất cả những chuyện đó. Khi xảy ra vụ Thiên An Môn, những sinh viên biểu tình cũng chỉ "biết lơ mơ" về Wei, có người còn nói "theo như" nhà cầm quyền, đây là một kẻ phạm tội hình sự. Wei bị tù lần đầu là vào năm 1979, khi xảy ra vụ "Bức Tường Dân Chủ", "Mùa Xuân Bắc Kinh" (1978-79); trước đó hai năm, 55 người bị xử tử, vì "tội" chỉ trích Mao, mặc dù Mao đã chết, và Tứ Nhân Bang đã bị bắt, nhưng nhà "lãnh đạo khôn ngoan" Hua Guofeng vẫn thấy cần phải cho 55 thanh niên thiếu nữ, mỗi đứa một viên đạn vào đầu, vì cái tội dám đòi hỏi "tự do tư tưởng".

Đặng đã không ra lệnh cho cảnh sát cản trở mười mấy cô cậu, khi họ dán lên tường Bắc Kinh những lời kêu gọi dân chủ, bởi vì khi đó ông cần sự hỗ trợ của dư luận quần chúng, để loại bỏ những địch thủ chính của ông là những người theo Mao. Nhưng khi đã yên vị, Đặng ra lệnh đàn áp phong trào "Bức Tường Dân Chủ": việc bỏ đi một vài chủ trương của Mao không có nghĩa là "ai điếu cho một hệ thống tập trung quyền lực". Wei kêu gọi dân chủ, thay thế độc tài: đừng mơ tưởng chuyện đó.

1979, Wei không những đi tù, mà còn đi vào niềm quên lãng. Tên ông là một cấm kỵ. Tuy không có "văn bản", nhưng báo chí, đài phát thanh, truyền hình đều hiểu ngầm, chớ làm cho "Người" mất vui. Mùa hè 1988, một phái đoàn đông đảo nhà văn Trung Hoa, viếng thăm Paris, đã "chết sững" khi một phụ nữ Pháp trong đám thính giả tụ tập trước phái đoàn, đưa ra đề nghị, mọi người hãy im lặng một phút, để bầy tỏ lòng kính trọng tới Wei. Tất cả đám nhà văn, trong có những "đầu óc sáng sủa nhất", đã "bối rối" trong vài giây, cuối cùng chỉ có một, đã từng sống ở Mỹ vài năm, "khôn khéo" đưa ra đề nghị, mọi người hãy bầy tỏ lòng kính trọng tới "tất cả những con người, trong mọi xứ sở, đã chiến đấu cho tư tưởng."

Giờ này đây, đối với người nước ngoài, họ biết về Wei có lẽ còn nhiều hơn là về Trung Hoa lục địa. Sau khi bị bắt lần thứ nhất, ông bị giam ở 4 trại tù khác nhau, quá nửa quãng đời tù đầy (1979-1993), là trong tình trạng biệt giam. Ông bị cấm mọi liên hệ không chỉ với người, mà với mọi sự vật, thí dụ như ánh nắng, chút khí trời bên ngoài phòng giam. Không được nhận bất cứ một tin tức. Mỗi "vài năm", gia đình được viếng thăm một lần, cấm nói chuyện xã hội hay chính trị. Cấm mọi thứ sách vở, ngoại trừ tờ Nhân Dân. Ông có thể viết thư, nhưng không thể gửi. Những thư từ ông viết cho các nhà lãnh đạo, cơ quan luật pháp, cho gia đình nay được gom thành "Thư Trong Tù", (năm 1993, Wei đã từ chối rời nhà tù, nếu không được mang theo với ông những thư từ, bài viết đó). Theo luật, mỗi tháng ông được phép viết cho gia đình một lá thư, nhưng

năm tháng cứ qua đi, vậy thôi. Khi ra tù, ông cho biết, "sự cô đơn, và ý nghĩ chẳng ai còn quan tâm tới mình nữa, đã đè nặng lên tôi một cách khủng khiếp. Vào năm 1984, thật khó khăn vô cùng mỗi khi tôi mở miệng nói. Mấy sợi dây thanh quản đã mất thói quen hoạt động." Khi vào tù, ông khỏe mạnh, nhưng chỉ trong vòng ba năm, sức khoẻ tệ dần, (ói mửa, tiêu chảy, chẳng còn biết đói, thèm ăn là gì, răng lỏng ra, đau ngực, thở không được...) nhưng mùa hè năm 1989, nhà chức trách nhận định, sức khỏe của ông có "cải thiện", và chuyển ông tới một nhà tù khác, điều kiện thuốc men, chữa trị khá hơn. Ba tháng sau, ông viết: "... Nhà tù trước coi vậy mà khá hơn. Ở đó dưỡng khí cũng không nhiều gì, nhưng ít ra còn một chút tình người... Có lẽ vì vậy nó không được coi là "tiến bộ", so với nhà tù này..." ("Thư gửi Đặng, Nov 3, 1989").

Những lá thư cho thấy, ông rất cần giấc ngủ, nhưng luôn bị những tiếng động hành hạ. Đây là một trong những kỹ thuật tra tấn mượn từ nhà tù Stalin. Họ Ngụy viết, kỹ năng của đám "quản giáo" cho thấy, họ đều đã trải qua những lớp huấn luyện để trở thành chuyên viên chiến tranh tâm lý. Vào năm 1980, chia đều ra, mỗi người dân chỉ được hưởng một giờ rưỡi ánh sáng một ngọn đèn 60 watt; Ngụy có riêng một ngọn đèn, công suất tối đa, ngày cũng như đêm; và ông đi đến kết luận, nhà nước có kế hoạch để ông được "chết tự nhiên".

Ngụy trải qua những ngày tù bằng cách cố bấu víu vào cuộc sống của người dân Trung Hoa ở bên ngoài. Ông nhớ lại những ngày là Vệ Binh Đỏ, tại một làng nghèo khổ, thiếu nước, điện, và sau đó, ông đã mơ tưởng thiết kế một hệ thống máy điện chạy bằng sức nóng mặt trời. Tại sao không trải qua những ngày tù bằng một việc làm có ích như thế? Ông viết thư cho gia đình kêu gửi cho ông một mớ dụng cụ. Gửi, nhưng quản giáo tịch thu. Sau đó, ông được phép nuôi thỏ, nhưng chính ông thiếu ăn như vậy, sao nuôi nổi thỏ?

Những bức thư cho thấy, đây là một con người dịu dàng, đầy thiện tâm, đối với đời, với người, kết hợp với một ý thức tuyệt hảo về công lý, một "cõi lòng" dành riêng cho những người yếu đuối, trần trụi, bị tước đoạt. Liu Qing, bạn của ông, cũng đi tù 10 năm về vụ "Bức Tường", trong lời tựa, viết: "Sự giầu sang về thiện tâm, lòng nhân ái... là một nguồn khác của sự can đảm của ông." Có lần, ông viết thư cho chủ tịch Lí Tiên Niệm, "tôi đã gạt mọi trò lớp lang, dựng đứng, bất hợp pháp trong vụ án của tôi ra khỏi đầu, nếu không, thật hết đường "lạc quan"; nhưng khi biết vụ tàn sát Thiên An Môn, ông viết cho Đặng: "Ông sa đọa, còn hơn cả Tứ Nhân Bang. Tôi biết từ lâu, ông đúng là thứ ngu xuẩn, để làm một việc ngu xuẩn như vậy, cũng như ông đã biết từ lâu, tôi là thứ ngu xuẩn, gàn bướng cho

tới cùng, cho đến khi bị bắn bể óc ra..."

Vào năm 1986, ông viết thư cho cô em họa sĩ, đại khái: (Đối với nghệ sĩ), hứng khởi không phải là người đầy tớ, khi nào cần, "búng tay một cái là có, rồi khi hết cần, thôi đi chỗ khác chơi cho được việc." Em phải trả giá cho nó. Kẻ nào không chịu trả giá, sẽ "bắt gặp" sự tầm thường vô vị, ở "cuối đường hầm". Cũng trong năm 1986, khi viết về tình trạng sa đọa tinh thần, đạo đức công cộng, đưa đến thái độ "vô liêm sỉ", vị kỷ ở từng cá nhân, ông đã cảm nhận hiểm họa: "Ai sẽ là những con người vượt lên khỏi, để tái xây dựng, ổn định đất nước, ở ngưỡng cửa thế kỷ? Chỉ còn một cách là để cho những năm tháng tận cùng này thối rữa ra, rồi biến thành mầu mỡ cho thế kỷ tới."

Về những cuộc biểu tình và Thiên An Môn: Nhìn toàn cảnh Trung Hoa, đây chỉ là những "mụn ghẻ", trận động đất chính chưa xẩy ra đâu. Tương lai còn nhiều vấn đề lớn lao hơn. Người ta có thể tự hỏi, cô đơn trong chuồng giam, ông làm sao có được nhận định như vậy. Tờ *Nhân Dân* cho biết rất ít về sự thực, và chẳng hề đả động tới tình trạng bất ổn. Ông đã phải tự mình rút ra những kết luận, một cách gián tiếp, từ những bài xã luận, từ tiếng nói của những vị lãnh đạo. Bởi vậy, khi phong trào dân chủ bùng nổ ở Bắc Kinh, 1989, và sau đó lan ra những đô thị lớn, nhiều nhà trí thức Trung Hoa đã ngỡ ngàng; Ngụy, lúc đầu mừng rỡ, hy vọng, và sau đó, tức giận, phẫn nộ, vì những cuộc đàn áp, nhưng ông không tỏ ra ngạc nhiên. Có những lúc ông đã thất vọng, và tự "vui đùa", với ý nghĩ, hay là mình thôi, đừng quan tâm đến cõi đời làm gì: Tôi đã vỡ mộng với thế giới "nói chung" (in general). Tuy nhiên tôi không nghĩ đến chuyện trở nên một ông thầy tu. Có lẽ giản dị, là một công dân bình thường, làm một "hiền giả hũ nút, tự hài lòng về mình". Nhưng cuối cùng, ông nhận thấy không thể nào đầu hàng: ngay cả khi bạn chỉ còn một tí ti ý thức về công lý, khi mà bạn cảm thấy nhất quyết không thể bỏ qua, vậy là bạn phải dính vào. Không làm vậy là vô trách nhiệm, với bản thân, và xã hội.

"Chống đối là điều khó nghe, và đôi lúc, có lầm lạc. Nhưng đây là quyền tối thượng của mỗi con người. Thực ra, khi một chính quyền ung thối, hoặc hết còn chịu nổi, chỉ trích nó là bổn phận, nếu không muốn tự coi mình là hèn nhát" (Wei Jingsheng); đây là câu trích dẫn, mở đầu lá thư ngỏ, trên *The NY Review of Books*, Feb 15, 96 của PEN, liên quan tới vụ án ngày Dec 13, 95, và sau đó là án tù 14 năm dành cho Ngụy. Thư gửi tới những nhà lãnh đạo một số quốc gia, và được ký tên bởi những nhà văn, trí thức hàng đầu trên thế giới. Kèm theo thư ngỏ, còn bài viết "On Wei Jingsheng", tác giả Susan Sontag (Mỹ), bài này đã được Robert Stone

(Mỹ), đọc nhân cuộc họp báo của PEN trong tháng Chạp, 95. Lá thư ngỏ và bài viết đều nhắc tới vụ sát nhân của nhà cầm quyền Nigeria, khi dựa vào hồ sơ ngụy tạo để xử tử nhà văn Ken Saro-Wiwa.

Trong bài viết, Susan Sontag kể lại lần thứ nhì bà viếng thăm Trung Hoa, vào đầu thập niên 80. Trước khi đi, bà đã được nghe về Ngụy, và tự nhủ, sẽ nhắc đến ông, với bất kỳ một viên chức, chính thức hay không chính thức, mà bà gặp, kể cả vị Chủ tịch PEN Trung Hoa. Bà chỉ được nghe một câu trả lời: "Tôi không biết người mà bà đang nói tới kà ai." Bà nhắc lại tên ông, rồi viết ra, trên giấy: "Chắc tôi không đọc đúng...", nhưng vẫn là những câu chối từ: "Tôi rất tiếc, bà đã được thông báo sai lầm. Tôi khẳng định một điều, chưa hề nghe nói đến người có tên đó". Đây là chiến thuật của nhà cầm quyền, làm nản lòng mọi người. Bà thở than, khi còn chiến tranh lạnh, mọi chuyện dễ dàng hơn. Hết còn thế đối đầu, "chúng ta", đối với "họ". Bà cũng chỉ ra, phong trào đòi hỏi dân chủ, nhân quyền đang trải qua một bước ngoặt. Từ lâu, những nhà nghiên cứu Trung Hoa, bắt đầu bằng một khẳng định: xã hội "thiết yếu tập thể" của những nước như Trung Hoa chẳng biết gì, và cũng chẳng cần đến, cái gọi là tự do cá nhân, nhân quyền, theo như Tây Phương hiểu. Cho nên, đừng trông mong vào một phong trào đòi tự do dân chủ, nhân quyền đích thực, một trận "động đất lịch sử" đưa đến sự sụp đổ chính quyền ở những nước đó. Kiểu suy nghĩ "hai mặt" này, theo bà, là do tình trạng suy đồi của những chuẩn mẫu phổ cập, về đạo đức cũng như chính trị, (những giá trị của thời kỳ Ánh Sáng), trong thế hệ đã qua. "Người ta" ngày càng ngần ngại, khi áp dụng chuẩn mẫu "đơn", về công lý chính trị, tự do, quyền cá nhân, dân chủ. Như thể "chúng ta", những dân tộc Âu châu, và không-Âu châu thì cần đến chúng, còn Trung Hoa và những dân tộc Phi châu không cần, bởi vì đó là thuộc địa, và "thoái hóa". Sunsan Sontag cho thấy, tự do cá nhân, nhân quyền đã có những cội nguồn Trung Hoa, chắc chắn là lâu đời hơn chủ nghĩa Mác-Lê. Chúng không phải là "hàng ngoại".

Lần bị bắt đầu tiên, Ngụy được tạm tha, phần lớn là do sự can thiệp của Hoa Kỳ và một số quốc gia Tây Phương. Ngoài ra, còn do việc Trung Hoa hy vọng là nước tổ chức thế vận hội Olympic 2000. Lần này, hỗ trợ quốc tế yếu hơn nhiều. Sau vụ thảm sát Thiên An Môn, Đặng bảo đảm với thuộc hạ: Đừng lo ngại gì hết. Trung Hoa là một miếng thịt béo bở; họ sẽ trở lại thôi.

Trên số báo *The NY Review of Books*, March 27, 97, có đăng kháng thư của một số nhà toán học, thuộc các đại học lớn ở Mỹ, gửi Thủ Tướng Lí Bằng, phản đối việc lại bắt bỏ tù Vương Đan, với bản án 11 năm, qua một phiên tòa bí mật, với tội trạng âm mưu lật đổ nhà nước. Theo họ, ông

chẳng phạm một tội ác nào, và nhà nước Trung Hoa làm vậy, chỉ để cảnh cáo các phần tử đối lập. Họ cũng cho biết, nhà nước Trung Hoa có "thói quen" bỏ tù những phần tử ưu tú nhất của họ, theo "ý thức hệ nhất thời", chỉ để sau này ngợi ca những đóng góp của họ, và thường là khi họ đã chết rục trong tù từ lâu. Wang Dan là một trong những người lãnh đạo đầy đủ khả năng nhất mà Trung Hoa đã có được, và đã từng từ chối rời khỏi Trung Hoa, mặc dù có điều kiện. "Một chính quyền nếu còn một chút quan tâm thực sự tới tương lai đất nước đúng ra là phải trọng dụng ông, thay vì bắt bỏ tù."

Trường hợp Ngụy, phản ứng quốc tế yếu hơn lần đầu, nhưng sự tức giận ở một số nhà văn, coi bộ dữ dằn hơn. Trên tờ *The New Yorker*, là một bài thật "cay độc", "Người nghệ sĩ khỏa thân ở trong chuồng", tác giả Don DeLillo. Bài đã được đọc tại thư viện New York, nhân ngày "Stand in for Wei Jingsheng" (May 13, 1997). Sau đây là bản dịch:

1.

Tháng rồi, có một người đàn ông ở trong một cái chuồng tại Soho (London). Một nghệ sĩ Nga đóng giả làm chó, Ông bò bằng tay, chân, thân hình trần trụi, ngoại trừ một chiếc vòng cổ dây. Ông lâu lâu cũng gầm gừ, uống nước từ một cái chén, và ngửi ngửi miếng xương cừu bằng cao su... Có thể chẳng bao giờ bạn nghĩ về những con chó, cho tới khi bạn nhìn thấy một người "nghiêm trọng" dấn mình, tin tưởng rằng, người đó là chó. Chuồng có một rãnh nhỏ, du khách có thể theo đó, "bò" xuống tận chuồng. Vài người đã có ý làm như vậy, để nói chuyện với "chó", hay để "rên rỉ"; như một số người đã làm, hay để đưa ra hình chụp những con chó của họ. Họ nói với ông ta một cách chậm chạp, rõ ràng, bởi vì hoặc ông ta là một người nước ngoài, hoặc là một con chó.

2.

Trong chuyện của Kafka, "Người Nghệ Sĩ Đói", một người đàn ông sống trong một cái chuồng nhỏ 40 ngày đêm, không ăn. Người ta phải trả tiền để vào coi anh nhịn đói, để trố mắt nhìn bàn tay gầy, những chiếc xương sườn trần trụi của anh. Anh có một ông bầu. Ông này hạn định cuộc trình diễn tối đa là 40 ngày đêm, không phải vì anh ta có thể chết, nếu nhịn quá mức đó, mà bởi vì ông ta tính toán ra được rằng, con số này là giới hạn chót, nếu nói về sự quan tâm, vốn có tính thất thường, của đám đông.

3.

Ở Trung Hoa, một nơi nào đó, một nhà văn sống trong một nơi chốn nhỏ hẹp - một căn phòng có chấn song, có thể như vậy, hay là một lỗ đen với một rãnh nhỏ để đưa đồ ăn. Chúng ta có thể tưởng tượng, nhà văn đã

tạo nên cái nghiệp của riêng ông. Ông có một cái tên, Wei Jingsheng, và một câu chuyện, ngoài những lời buộc tội và những hồ sơ được nhà nước "thu gom", và có thể, ngoài những giới hạn chật hẹp của ngôn từ, ông còn có một nghệ thuật. Theo nghĩa này, bệnh cao áp, sưng khớp, suy thoái, phát âm ngọng ngịu, nướu răng hư ruỗng có thể được xem như những triệu chứng, xuất phát từ một ý trí mạnh mẽ nhằm nói lên cố gắng bền bỉ của người nghệ sĩ, để thực hiện vai trò của ông - một nhà văn chống lại một nhà nước.

4.

Trong một văn hóa, cái của chúng ta, do ý thức tiêu dùng, vốn cố nuốt rồi vô hiệu hóa, mọi đe dọa, cảnh tượng một người đàn ông sống như một con chó đã cho chúng ta một ý nghĩa chân thực nhất về tự do diễn đạt, tạo một cú sốc giữa những nhà hàng, tiệm ăn khu phố Soho. Nhưng nó cũng đề nghị một ý nghĩa thê lương: người nghệ sĩ trình diễn, được giải thoát khỏi sự kiểm soát của Xô-viết, tóc cắt trụi, an toàn với chiếc vòng chó, có thể mang theo một mong ước mang tính lại giống (atavistic), của văn hóa riêng của ông, về trật tự và đàn áp.

5.

Nghệ thuật của nhà văn Trung Hoa là bất động - không phải im lặng mà là bất động. Nghệ thuật cổ điển của nhà văn, một mình trong một căn phòng, đã được nâng cấp một cách hết sức ác độc ở đây. Ngụy là một khuôn mặt bất động, cố làm cho xong số phần của ông tại một không gian tù tội, ông từ chối ăn nhiều lần, sống những thời kỳ dài chỉ bằng một muỗng đường mỗi ngày, người cứ quắt đi. Và quay cuồng chung quanh sự bất động này, có một điều chi đó, liên tục, nặng nề, rộng lớn - cơn điên khùng hoài huỷ của nhà nước.

6.

Một con chó đi vào khu trình diễn, và nhà nghệ sĩ trình diễn bắt đầu sủa. Ông "phát huy" một tiếng sủa mạnh, nhọn hoắt, tận cùng bằng tiếng gầm gừ. Khi một nhà phê bình nghệ thuật vào trong chuồng, tại Thụy Điển, nhà nghệ sĩ trình diễn đã cắn ông ta.

7.

Cả nhà nước muốn vắt ra mọi tự thú, từ nhà văn. Nó muốn nuốt nhà văn chống đối. Tại Tây Phương, mọi nhà văn đều bị nuốt, biến thành bữa ăn sáng hay tiếng cười đóng hộp. Nhưng nhà nước càng toàn thể bao nhiêu, nghệ sĩ chống đối càng sống động bấy nhiêu. Nghệ sĩ thật sống động, thật cá biệt, thật khó mà đồng hoá vào bột máy nhà nước, cho nên nhà nước phải kiếm cho ra một cách thức để làm ông biến mất.

8.

Sự thực, người nghệ sĩ đói trong Kafka tin tưởng anh có thể kéo dài hơn 40 ngày. Anh đã đẩy nghệ thuật của anh tới những giới hạn cùng kiệt. Thảm kịch của anh, đó là anh không được phép nhịn đói hoài, anh bị ép buộc phải ra ngoài chuồng, và ăn, trong một cuộc lễ công cộng, với ban nhạc và những y sĩ tham dự.

9.

Nhà văn Trung Hoa được chữa trị bởi những bác sĩ công an. Phòng giam của ông quá lạnh đến nỗi đóng băng ở cửa. Ông đau ngực và không thể ngủ được. Những vị bác sĩ đã định bệnh theo truyền thống, nghĩa là quyết định, chỉ là bệnh dởm. Nhà văn lại ngưng ăn. Tuyệt thực là một hành động tự do, không được nhà nước quy định, Và Nguy tuyệt thực để phản đối những điều kiện địa phương, lẽ dĩ nhiên, và để trở nên ngày càng bất động thêm - sự bất động, trung tâm chắc nịch của cơn cuồng điên đó.

Họ càng giấu ông ta sâu thẳm cỡ nào - chuồng giam dù xa tít ở đâu, dù nhỏ hẹp cỡ nào, những bức tường nhà giam có lạnh hơn, có cứng hơn - nhà văn càng sống động, càng rạng rỡ thêm bấy nhiêu.

(Về "Thư Trong Tù", theo bài viết của Liu Binyan, Perry Link dịch ra Anh ngữ, *The NYRB* July 17, 97)

Đã phát hành khắp thế giới

TẠP CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

NHỮNG BÀI HỌC DÃ SỬ VIỆT

THANH VĂN *xuất bản*
Dày trên 400 trang. Giá 18MK

Mua sách qua bưu điện, liên lạc với tổng phát hành:
nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301 Westminster, CA 92883. USA
(714) 527-5761

Giới thiệu sách mới
Văn Học

🕮 *Việt Nam và Trật tự Trung Hoa*

Khảo cứu về kinh tế chính trị của Nguyễn Xuân Nghĩa, Đại Nam xuất bản, sách dày 324 trang, giá 15 MK.

Tác giả là một nhà bình luận chính trị và kinh tế, đồng thời là một cây bút nhận định phê bình văn học sắc sảo cộng tác thường xuyên với Văn Học trong nhiều năm qua, tác giả (cùng với Tạ Chí Đại Trường) của tập khảo luận "Việt Nam, nhìn từ bên trong và bên ngoài" do Thanh Văn xuất bản năm 1994. Đây là một lượng định sơ khởi về triển vọng siêu cường của Trung Quốc và vài suy luận về hoàn cảnh Việt Nam, như tóm lược chính xác của nhà xuất bản về cuốn sách giá trị này.

Cũng chính tác giả tâm sự về động cơ thúc đẩy ông viết tác phẩm này như sau: "Ở mấy năm cuối của thế kỷ, tình hình Việt Nam cho ta cảm tưởng đất nước là một phi cơ đang vụt bay vào thế kỷ 21 trên cao độ mười ngàn thước. Mở phòng lái ra, ta không thấy một ai: phi hành đoàn đang dồn về phía sau, bận tranh ghế với hành khách. Cảm giác bất an đó đã phần nào là lý do hình thành tập sách nhỏ này".

Giữa lúc tin tức từ Việt Nam đầy những chuyện không vui, nào các ngân hàng phá sản, nào tham nhũng buôn lậu, nào xã hội bất ổn... những lời cảnh báo của Nguyễn Xuân Nghĩa về tương lai đất nước thật đáng quí, nhất là đối với những người còn quan tâm tới vận nước.

Sách có ba ưu điểm: bàn về một vấn đề cấp thiết liên quan tới nhiều người, chứng liệu cụ thể lập luận sâu sắc, và trình bày vấn đề phức tạp chuyên môn một cách mạch lạc rõ ràng.

🕮 *Bốn mươi năm văn học chiến tranh (1957-1997)*

Nhận định văn học của Nguyễn Vy Khanh, Đại Nam xuất bản, sách dày 160 trang, giá 13 MK.

Một phần của tập sách này đã được Văn Học trích đăng trên các số 133 và 134. Nhờ làm quản thủ thư viện Quốc Hội Québec và Chính phủ Québec, tác giả có điều kiện đọc được rất nhiều sách báo liên quan tới chủ đề, nhất là sách báo xuất bản tại Việt Nam. Sách gồm bốn phần: văn học chiến tranh giai đoạn 1957-1975, văn học chiến tranh trong nước sau 1975, văn học chiến tranh sau 1975: văn học VN hải ngoại, và phần tổng kết với câu hỏi: Cuộc chiến tàn chưa?

Do đề tài Nguyễn Vy Khanh chọn quá rộng, nên nhiều lúc người đọc có cảm tưởng tác giả chú ý tới việc liệt kê sơ lược các tác giả tác phẩm hơn là đi sâu vào nhận định. Cuốn sách cũng chưa đưa ra được một cách nhìn tổng hợp về văn học chiến tranh. Tuy nhiên, trong đống tài liệu bề bộn về chủ đề này, cuốn sách là một kim chỉ nam hữu ích cho những người muốn tìm hiểu sâu xa hơn về văn học Việt Nam hiện đại, trong nước cũng như ngoài nước.

🕮 *Dưới ánh mặt trời*

Tuyển tập 69 ca khúc về đất nước, tuổi trẻ và tình yêu của nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, Đồng Vọng xuất bản, sách khổ lớn in đẹp dày 130 trang, giá tại USA là 25 MK, ngoài USA 28 MK.

Tuyển tập này tuyển chọn những ca khúc nổi tiếng của Nguyễn Đức Quang, trích từ các tập: Trầm ca, Những bài ca khai phá, Ruồi và Kên kên, Chuyện chúng mình, Cần nhau, Khúc nhạc thanh xuân, Lời nguyện cầu hạnh phúc. Ca khúc của Nguyễn Đức Quang viết từ phong trào du ca của những năm 60, 70, giữa lúc đất nước đang trải qua một cuộc chiến tranh tàn khốc, đô thị thì xáo trộn liên miên, nông thôn bị chiến tranh tàn phá điêu tàn.

Những ca khúc của Nguyễn Đức Quang mang tới cho thế hệ thanh niên thời đó một thức tỉnh, và niềm hy vọng. Âm nhạc phát xuất từ thời sự, nhưng lạ lùng thay, cho tới nay hơn hai mươi năm sau, những ca khúc đó khi hát lại vẫn còn giữ nguyên giá trị thức tỉnh, cảnh báo. Ví dụ những lời ca sau đây:

Một lời phỉ báng đốt cháy cuộc đời như là cây đuốc
Một lời đàm tiếu cũng khiến họ hàng xa gần nhơ nhuốc
Vậy mà một nước có mỗi ngày hàng trăm tờ tin tức
toàn lời nhục nhã mắng nhiếc phẩm bình chê hoài không dứt
Đó anh!
Xem đây quê hương tôi một thùng rác lớn
Đó anh!
Nơi đây đang vây quanh một đàn ruồi xanh
Đàn ruồi xanh
ruồi xanh...

Sách do Nhà Văn Nghệ phát hành.

🕮 *Tuyển tập Bình luận Chính trị, tập II (1995-1996)*

của Trần Bình Nam, nhà văn Mai Kim Ngọc giới thiệu, Mõ Làng xuất bản, sách dày 516 trang, giá 18 MK.

Là một cây bút chuyên viết bình luận chính trị cho nhiều báo hải ngoại, tác giả giúp bạn đọc nắm vững những vấn đề chính trị, kinh tế và chiến lược của Việt Nam, thế giới và Hoa Kỳ từ đầu năm 1995 đến đầu năm 1997.

Nhà văn Mai Kim Ngọc nhận xét rất đúng về lối viết bình luận chính trị của Trần Bình Nam: "...Tôi nghĩ nét nhất quán xuyên qua suốt tác phẩm là cái thứ tự của Trần Bình Nam trong nhận định vị trí bản thân ông. Mặc dù đã sống nhiều tại hải ngoại, ông viết với cái nhìn trước hết là của một người Việt Nam. Tiếp theo là người Á châu, sau hết mới là người Mỹ gốc Á, chấp nhận những bổn phận và hưởng thụ những quyền lợi của xã hội xung quanh trong một hợp đồng sòng phẳng lưỡng lợi và công bình. Trái tim không nằm trong hợp đồng ấy. Trái tim ông dành cho đất nước. Và mặc dù ông phân tích hay tổng hợp những dữ kiện xảy ra xung quanh với tất cả chính xác và minh mẫn, phản ứng cuối cùng của ông, cốt lõi phủ tạng vẫn là Việt Nam"

Muốn mua sách xin liên lạc: Nhà xuất bản Mõ Làng, 774 Geary

Street, San Francisco CA 94109. Phone (415) 673-6836, Hoặc gửi thư và ngân phiếu (20 MK kể cả cước phí nếu ở USA, ngoài USA 25 MK kể cả bưu phí hàng không) cho Son Van Tran, 1026 S. 8th St., Philadelphia, PA 19147

🕮 *Đêm hè*

Tập truyện ngắn của Hà Thúc Sinh, Văn Mới xuất bản, sách dày 130 trang, giá 7 MK.

Tác phẩm gồm 8 truyện ngắn mới viết của Hà Thúc Sinh, phụ lục 10 bài thơ của tác giả. Khung cảnh, nhân vật, đề tài của các truyện đều lấy từ cuộc sống người Việt hiện nay ở hải ngoại, nhưng khác với khuynh hướng văn chương thời thế ở những tác phẩm khác, trong tuyển tập này, Hà Thúc Sinh đi sâu vào đời sống nội tâm chi li phức tạp của nhân vật, như không khí các truyện trong hai tập Dưa Cà Mắm Muối và Về đã xuất bản. Những bạn đọc quen với một Hà Thúc Sinh sôi nổi thời ban đầu có thể ngỡ ngàng với Hà Thúc Sinh trong khuynh hướng mới này, một Hà Thúc Sinh trầm lặng và tế vi.

Đây là cuốn sách thứ ba của Hà Thúc Sinh do Văn Mới xuất bản, trong vòng hai năm gần đây.

Sách do nhà Văn Nghệ tổng phát hành.

🕮 *Con rồng Á châu, Cuộc cách mạng kinh tế Đại Hàn*

của Việt Dương, Nhân Bản xuất bản, dày 300 trang, giá 15 MK tại Hoa Kỳ và 17 Mỹ kim ngoài Hoa Kỳ.

Cuộc cách mạng kinh tế tại Đại Hàn đã được nghiên cứu và tổng hợp từ nhiều tài liệu để trả lời cho câu hỏi: Làm cách nào chỉ sau ba thập niên thực hiện cách mạng kinh tế, Đại Hàn đã từ một trong những nước nghèo nhất thế giới trở thành một cường quốc kinh tế đứng hàng thứ mười một trên thế giới, với lợi tức đầu người tăng từ 90 Mỹ kim/năm 1960 lên 10.000 Mỹ kim/năm 1995?

Với tài liệu phong phú và chính xác, tác giả đã trả lời câu hỏi trên đây

một cách rõ ràng, hợp lý. Trông người mà nghĩ đến ta. Đọc tác phẩm mới của Nguyễn Xuân Nghĩa rồi đọc tác phẩm của Việt Dương, bạn sẽ nhận thức chính xác hơn về hoàn cảnh và triển vọng của đất nước VN.

Muốn có cuốn sách hữu ích này xin liên lạc: Hoàng văn Giang
5737 N. Kenmore # 360, Chicago, IL 60660
Điện thoại: (773) 769-1981.

🕮 *Người đạp xe vào thành phố buổi sáng*

truyện ngắn của Hoàng Ngọc Biên, Trình Bày xuất bản, ảnh bìa của Cao Thanh Tùng, chân dung tác giả do Bùi Xuân Phái vẽ

Sách trình bày đơn giản mà trang nhã. Sách in để phổ biến hạn chế trong vòng thân hữu nên không đề giá bán. Hình như đó cũng là chủ trương của nhà xuất bản Trình Bày hiện nay do Diễm Châu (ở Bỉ) và Hoàng Ngọc Biên (ở Mỹ) phục hồi.

Tác phẩm in lại hai truyện ngắn của Hoàng Ngọc Biên đã đăng trên tạp chí Trình Bày (Sài Gòn) năm 1971. Tác giả chịu phần nào ảnh hưởng của trường phái tiểu-thuyết-mới ở Pháp, trình bày một thế giới sự vật có vẻ vô ngã, lãnh cảm, rời rạc, đìu hiu (giống như truyện ngắn Chuyến xe của Hoàng Ngọc Biên đăng trên số Văn Học này). Đời sống qua cái nhìn đó là đời sống thực hay là đời sống dị dạng biến thể? Cho đến nay, vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng.

🕮 *Vietnamologica*

Tập san phát huy Việt Nam học, số II, do Trung tâm Việt Nam học Canada xuất bản.

Tập san nghiên cứu do G.s. Lê Hữu Mục làm Chủ nhiệm, Chủ bút: Thái Công Tụng, Ngô văn Hoa, Khiếu Đức Long; Tổng thư ký: Nguyễn Vy Khanh; Trị sự: Vũ Tiến Phúc.

Vietnamologica số II gồm hai phần: phần đầu gồm những bài chuyên đề viết bằng ngoại ngữ và Việt ngữ bao gồm nhiều đề tài khác nhau từ cổ đến kim; phần sau là phần chuyên mục, ghi nhận những tin tức sinh hoạt về Việt Nam học khắp nơi trên thế giới cũng như điểm sách, và hoạt động của Trung tâm Việt Nam học Canada. Số II có bài của các học giả uy tín như Nguyễn Thế Anh, Louis-Jacques Dorais, Thái Công Tụng, Nguyễn Duy Sản, Đỗ Quang Vinh, Tôn Thất Trình, Vũ Thế Trụ, Nguyễn Đăng Trúc, Trần Văn Đoàn, Lê Hữu Mục, Ngô văn Hoa, Nguyễn Đình Hoà.

So với số I, phần trình bày và ấn loát có tiến bộ hơn nhiều. Nội dung bài vở cũng giống như tình trạng tất cả các tập san nghiên cứu Việt học khác ở hải ngoại, nghĩa là tản mác không tập trung quanh một chủ điểm

nghiên cứu, do thiếu tài liệu tham khảo thực địa, do người viết sống rải rác khắp thế giới lại ít có cơ hội gặp gỡ trao đổi ý kiến với nhau. Khi cần bài vở đóng góp, mỗi vị lấy một phần sở trường nghiên cứu sẵn có của mình ra gửi đi, có những bài chưa kịp cập nhật hóa tài liệu mới nhất hoặc bổ sung bằng nghiên cứu tại chỗ. Khó khăn chung này, *Vietnamologica* cũng không vượt qua được.

Tủ sách gia đình của bạn đã có
những tác phẩm sau đây
của nhà xuất bản THANH VĂN chưa?

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT
thiền sư Tây Tạng SOGYAL RINPOCHE
Bản dịch Việt ngữ của Trí Hải
Sách dày 436 trang. Giá 18 Mỹ kim

MARIE SẾN
truyện dài của PHẠM THỊ HOÀI
160 trang. Giá 10 Mỹ kim

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT
Biên khảo của TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG
430 trang. Giá 18 Mỹ kim.

TRỐN VÀO GIẤC MƠ EM
Thi tập của NGUYỄN THỊ THANH BÌNH
140 trang. Giá 10 Mỹ kim

CĂN PHÒNG THAO THỨC
Tập truyện của TRẦN DOÃN NHO
180 trang. Giá 10 Mỹ kim.

Liên lạc nhà Phát hành
VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

hộp thư

● Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Lu Thanh Dat (Cabramatta Australia), Trang Chau (St-Laurent Canada), Nga van Nguyen (Fort Worth TX), Phạm văn Thức (Kanata, Ont Canada), Đinh Hoàng Phạm (Grand Prairie, TX), Dr. Bùi Xuân Nhiếp (Toronto, Canada), Nguyễn Chí Thanh (St.Paul MN), Tieu Vu (Santa Ana CA), Lan H. Nguyen (Seattle WA, tiền báo ba tháng 4, 5, 6/97), Nhan H. Tran (San Jose CA), Globe Subscription Agency Australia, Nguyễn Ngọc Chi (Tustin CA), Tôn Thất Chiểu (Langley Park MD), Hải Dương (Calgary Canada), Nguyễn Đỗ Mai (San Jose CA), Hùng Thế Nguyễn (Boston MA), Khổng Tước Trần (San Diego CA, đổi địa chỉ), Hoàng Quốc Bảo (Walnut CA), Trần Hữu Hoàng (Moreno Valley CA), Trần Hoài Thư (Somerset NJ), Chinh Nguyen (Santa Clara, CA), Vũ Công Định (Bellevue, WA), Jim Jean Che Co. (Paramount, CA), Tạ Xuân Tắc (Eden Prairie, MN, đổi địa chỉ), Việt Mỹ Bookstore (Portland OR), Đinh Hoàng Phạm (Grand Prairie, TX, thư gia hạn báo thất lạc, vừa do bưu điện chuyển lại), Saigon Times (Rosemead CA), Nguyễn Hữu Trí (Fairfax VA), Nguyễn Văn Hai (Louisville KY), Lê Anh (Fairview Hgts IL), Đỗ Cẩm Vy (Anaheim CA), Dr. Minh N Ho (San Diego CA), Nguyễn Tường Giang (Falls Church VA), Vinh Truong (Devon PA), Hoa Nguyen (Newton KS), Trần văn Sơn (Philadelphia PA), Đàm Quang Lâm (Philadelphia PA), Nguyễn văn Dũng (Lethbridge Alberta Canada), Nguyễn Nga Mỹ (Gahanna OH, gia hạn đổi địa chỉ), Thanh Nguyễn (Eagan MN, đổi địa chỉ), Trần Hùng Lân (St. Paul MN, đổi địa chỉ)

● Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Đọc thơ" gửi từ Horn-Bad Meinberg Germany, "Không phải là tình yêu" gửi từ Moreno Valley CA, Thư Ô. Đỗ Cường Houston TX, Bản tin Sàigòn Radio Seattle WA, "Nương, ngày gặp lại" gửi từ Worcester MA, "Hoa cúc ngày xưa, Giả sử, Mơ một ngày về" gửi từ Roslindale MA, "Dù trong dù đục" gửi từ Anaheim CA, "Khoảng cách" gửi từ Worcester MA, Bản tin Saigon Radio gửi từ Seattle WA, "Hương, Nghệ thuật, Chiến gtranh và Hoà bình" gửi từ Boca Raton FL, "Góp ý với Nguyễn Thạch Giang về Niên phổ Nguyễn Du" gửi từ Redmond WA, "Đính chính Giao Khúc I" gửi từ Renton WA, "Ngọn đồi quạnh hiu" gửi từ Paris France, "Chiêm bao, Tuổi nhỏ Phố nhỏ

Hôm qua, Không tiếc" gửi từ Fountain Valley CA), "Cóc lại nhảy ra" gửi từ Saint Mesmin France, "Món quà của người da đỏ" gửi từ Rosslyn Park Australia, "Lược khảo về tập san Dô Thành Hiếu Cổ Xã" gửi từ Long Beach CA, "Mười ngón tay em, Cảm tác Kiều" gửi từ Huntsville AL, "Thơ, ngày hạn; Mình như; Cây kiểng" gửi từ Québec Canada, "Thu sầu, Chiều viễn xứ, Hoa và Em" gửi từ Blue Bell PA, "Phượng tím, Bâng khuâng" gửi từ Paris France

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau mã số độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **10/1/97** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 10 năm 1997**.

Tìm đọc:

Việt Nam, Ngày Tôi Trở Về

Lê Thị Thấm Vân

Tiểu luận - Anh Thu xuất bản

- Nhận xét nhạy bén, sắc sảo, và ngay thẳng.
*Nhà phê bình văn học **Đặng Tiến**, Pháp*

- Tác phẩm đã tạo ấn tượng mạnh nơi người đọc bởi sự thẳng thắn, lòng thiết tha với lối viết trẻ trung, giản dị và qua đó, người ta nhận ra được một điều: có một thế hệ đang trưởng thành, có một mầm sống đang vươn lên. Đó là niềm hãnh diện và hy vọng. *Tạp chí **Thơ**, Hoa Kỳ*

- Ngoài những nhận định về thực trạng Việt Nam, tác giả đề nghị nhìn về với một tâm thức mới, một quan niệm thích hợp để xây dựng một quốc gia Việt Nam dân chủ và phú cường thực sự. *Tạp chí **Làng văn**, Canada*

- Hình thức rất nhã và mới. Đấu tranh cho nữ quyền. Đánh giá lại những giá trị trong nhiều lãnh vực. Những ưu tư liên quan đến đất nước được thể hiện qua một văn phong vừa xúc cảm vừa thuyết phục.
*Tạp chí **Hợp Lưu**, Hoa Kỳ*

- ... mới mẻ, mạnh, vững vàng, trí tuệ và nhân bản.
*Tạp chí **Văn**, Hoa Kỳ.*

- Đặt lại nhiều vấn đề, những gì được coi là truyền thống, tập quán, xã hội, lịch sử, văn học từ ngàn xưa đến thời cận đại Việt Nam.
... là một tiểu luận đáng đọc, nó gợi ý rất táo bạo, rất tự nhiên, rất nhiệt tình, không thành kiến. *Tạp chí **Dân Chủ & Phát Triển**, Đức.*

- ***Việt Nam, Ngày Tôi Trở Về*** là khối trĩu nặng tiêu biểu nhất được in ra ở hải ngoại từ trước tới nay. Khi đọc nó, người Việt ở hải ngoại dễ có cảm tưởng như đang soi vào gương. ***Minh Nguyệt**, Đài phát thanh Việt Ngữ, Úc*

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Trần Mạnh
P.O. Box 360923, Milpitas, CA 95035
Giá $8.00 mỹ kim

BAN MÊ THUỘT NGÀY ĐẦU NGÀY CUỐI

Tập truyện của Trần Hoài Thư

- Dù cách xa hơn hai thập niên, không khí truyện, sức mạnh lôi cuốn của nhịp truyện, cũng như nhiệt tâm của Trần Hoài Thư không hề đổi khác, giống như thời anh cho in "Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang" trước 1975

Văn Học, tháng 8, 1997

- Bạn bè lính tráng, kẻ còn người mất, chuyện quân ngũ, kẻ nhắc người quên, anh em tâm huyết thì quay cuồng với cuộc sống...cho nên đọc được những trang sách của anh thì chẳng khác gì tâm tình với người bạn đơn vi cũ.

ĐMH, San Jose, thư độc giả ngày 7/31/97

-Cuộc chiến đau thương đã hy sinh nhiều thế hệ thanh niên và trong đó đã để lại thiếu úy trinh sát viễn thám Nguyễn Quang Tân, cụt chân đứng hát dạo bài: "Trưa Qua Đèo Mang Giang" ở vỉa hè Sài Gòn. Bài Tạp ghi cảm động nhất của năm 1997.

Yên Mô tức nhà văn Giao Chỉ, Nhật báo Thời Báo, San Jose

- Ban Mê Thuột, Ngày Đầu Ngày cuối là một tác phẩm có giá trị. Trước hết, Trần Hoài Thư là nhà văn tên tuổi trong quân đội. Thứ hai, tài liệu sống...

Việt Báo, San Jose

- Từng mảng sống ngổn ngộn, từng suy nghĩ trung thực, từng cảnh tượng se thắt lòng người hiển hiện trong tâm trí làm người đọc phải ngậm ngùi và ngạc nhiên.

Lê Nhật Thăng, giới thiệu sách mới

-... ở đó là một tấm lòng, một tài hoa của chữ nghĩa. Cám ơn Trần Hoài Thư luôn giữ vững sự quí hiếm của văn chương.

Hoạ sĩ ĐC

- Người lính ở đây rất thật. Và Trần hoài Thư đã can đảm để viết về cái thật ấy. Cũng như ông đã cố trả lại sự thật cho những đứa con trinh sát trong trận đánh mà từ trước đến nay chưa có một tập hồi ký, sách báo nào nhắc nhở đến sau hơn hai mươi hai năm...

Phan thảo Trang, giới thiệu sách mới

Xin hỏi tiệm sách trong vùng hay có thể liên lạc về
Trần quí Sách 719 Coolidge st, Plainfield, NJ 07062
Điện thoại: (908) 769-8459. Giá $12. (kể luôn cước phí)

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang_____ Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm,
từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT

SOGYAL RINPOCHE

TRÍ HẢI dịch

Tạng Thư Sống-Chết không những là một tuyệt tác về tâm linh mà còn là một sách dẫn, một cẩm nang, sách tham khảo, và một nguồn cảm hứng thiêng liêng. "Trong một thời đại cực kỳ nguy hiểm như ngày nay, khi nhiều người trong chúng ta đang tìm kiếm sự hướng đạo minh triết và những giải đáp soi sáng cho ta về cách sống cuộc đời mình và cách đối mặt với cái chết, thì tác phẩm này đang cống hiến một sự hướng đạo như thế, một vài giải đáp như thế. Nó đã được viết ra để gợi cảm hứng cho người đọc khởi sự cuộc hành trình tiến về giác ngộ, để thành những "sứ giả hòa bình" theo như tác giả gọi, những người làm việc với trí tuệ và tình yêu thương, để trực tiếp góp phần vào sự cứu vãn tương lai nhân loại.

Sách có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI 1996

• **Viết Cho Mẹ và Quốc Hội** (tái bản)	hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn*	**20 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta I** (tái bản)	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước**	*Bùi Vĩnh Phúc*	**27 MK**
• **Cấu Trúc Thơ**	*Thụy Khuê*	**13 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta II**	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Thơ v.v... và v.v...**	*Nguyễn Hưng Quốc*	**14 MK**
• **Tử Tù Tự Xử Lý Nội Bộ**	hồi ký *Trần Thư*	**15 MK**
• **Về Vùng Chiến Tuyến**	hồi ký *Lê Xuân Nhuận*	**15 MK**
• **Mặt Trận Ở Sài Gòn**	truyện ngắn *Ngô Thế Vinh*	**12 MK**

SÁCH PHÁT HÀNH

• **Tạng Thư Sống Chết**	*Sogyal Rinpoche*, Trí Hải dịch	**18 MK**
• **Marie Sến**	truyện *Phạm Thị Hoài*	**10 MK**
• **Hồi Ký Ngoài Văn Chương**	hồi ký *Thế Phong*	**13 MK**
• **Nguyễn Du: Đại Thi Hào Dân Tộc**	*Phạm Công Thiện*	**18 MK**
• **Em Ơi Biết Đâu Tìm**	truyện *Kiệt Tấn*	**12 MK**
• **Một Bông Hồng Cho Cha**	truyện *Võ Hồng*	**7 MK**
• **Hoa Trôi Trên Sóng Nước**	*Nguyên Phong*	**13 MK**

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.

* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

Giá:$4.00